

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
Phần I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC	10
1. Khái quát về Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.....	10
1.1. Khái quát về lịch sử, tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường.....	10
1.1.1 Khái quát lịch sử hình thành và phát triển	10
1.1.2. Tuyên bố về sứ mạng của Trường.....	10
1.1.3. Tầm nhìn của Trường đến năm 2030	10
1.1.4. Giá trị cốt lõi.....	11
1.1.5. Triết lý giáo dục	11
1.1.6. Mục tiêu chiến lược về đảm bảo chất lượng	11
1.1.7. Chính sách đảm bảo chất lượng	11
1.1.8. Tóm tắt thành tích nổi bật của Trường giai đoạn 2017 – 2021	12
1.2. Cơ cấu tổ chức của Trường	13
1.3. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường.....	13
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.....	13
2.1. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của HUFI và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường.....	13
2.2. Mô tả những thách thức chính mà HUFI gặp phải và kế hoạch của Trường để khắc phục những thách thức đó	14
2.3. Mô tả các điểm mạnh và cơ hội của HUFI và cách mà Trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó	15
2.3.1. Điểm mạnh	15
2.3.2. Điểm yếu	16
2.3.3. Cơ hội	16
2.3.4. Thách thức	16
2.3.5. Các giải pháp xử lý rủi ro và cơ hội phát sinh từ bối cảnh	16
3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục	17
Phần II TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC	18
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	18
Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	18
Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.	19

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.....	20
Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	20
Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	21
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:	22
Tiêu chuẩn 2. Quản trị	26
Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.	26
Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.	28
Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên.	30
Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.	32
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:	33
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý.....	35
Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	35
Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	37
Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên.	38
Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn.	39
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:	40
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	44
Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	44
Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.	46

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD.	47
Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD.....	52
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:	52
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	55
Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	55
Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.	58
Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.	59
Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.....	60
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:	61
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực.....	64
Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.....	64
Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.....	67
Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau.	68
Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.	70
Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.....	71
Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.	71
Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	72
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:	73
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất.....	78
Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các	

mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.....	78
Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.....	80
Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	82
Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.....	86
Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.....	89
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:	91
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	98
Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	98
Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.	99
Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.	101
Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	101
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:	102
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.....	105
Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.....	105
Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	107
Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.	108
Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai.	109
Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD.....	110

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phần đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	111
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:	112
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài.....	115
Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.	115
Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.....	117
Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.	119
Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.	120
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:	123
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	125
Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập.....	125
Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.....	127
Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin. .	128
Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.....	128
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:	131
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	133
Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.....	134
Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.....	137
Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.	138
Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.	139

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	140
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:	141
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	145
Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD.....	145
Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn NH có chất lượng cho mỗi CTĐT.....	146
Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.....	147
Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.....	148
Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.	149
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:	150
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học.....	153
Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.	153
Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.	154
Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên CDR.....	156
Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.	157
Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.....	158
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:	160
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	163
Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CDR.....	163
Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.	165
Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CDR.	167
Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.....	168

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.	169
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:	170
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học.....	174
Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá NH phù hợp trong quá trình học tập.	174
Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá NH được thiết kế phù hợp với việc đạt được CĐR.	175
Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá NH được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CĐR.	176
Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá NH được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR.	177
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:	178
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	182
Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH.....	182
Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.	183
Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được rà soát.....	184
Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. ..	187
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:	188
Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học	190
Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.	190
Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.....	193
Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.	195
Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.....	196
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:	198
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ.....	201
Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.....	201

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.	202
Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.	203
Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.	203
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:	205
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học.....	207
Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.	207
Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.	210
Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.....	213
Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.	215
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:	216
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	218
Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.....	218
Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.	221
Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.	222
Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.....	223
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:	224
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	228
Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	228
Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	229
Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	230
Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	231
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:	231
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	233

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	233
Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	234
Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	236
Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	237
Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	238
Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	240
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:	241
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	243
Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	243
Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	244
Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	244
Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	249
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:	250
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	253
Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	253
Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	255
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25:	256

Phần I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Khái quát về Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

1.1. Khái quát về lịch sử, tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường

1.1.1 Khái quát lịch sử hình thành và phát triển

1982: Sau ngày thống nhất đất nước, nhu cầu cán bộ công nhân viên chức các ngành, các địa phương ở miền Nam rất lớn. Ngày 09/09/1982 Bộ Công nghiệp Thực phẩm ban hành quyết định 986/CNTP về việc thành lập trường Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh nhằm bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ kinh tế kỹ thuật cho ngành công nghiệp thực phẩm tại phía Nam.

1986: Đại hội lần thứ VI của Đảng xác định đất nước tiến hành đổi mới, nền kinh tế khởi sắc kéo theo nhu cầu lao động là rất lớn. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Thực phẩm (tiền thân của Bộ Công nghiệp) đã ký quyết định số 25/CNTP-TCCB, nâng cấp thành Trường Trung học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh nhằm đáp ứng việc đào tạo nhân lực kỹ thuật lành nghề về Công nghiệp Thực phẩm.

2001: Với quyết tâm của các thế hệ công chức viên chức là đưa nhà trường phát triển lên tầm cao mới, kết quả phấn đấu không ngừng nghỉ đã được đền đáp là Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký quyết định số 18/QĐ-BGD&ĐT-TCCB, nâng cấp thành Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh.

2010: Xu thế hội nhập và kết quả phát triển không ngừng của nhà trường, từ ngày 23/02/2010 trường chính thức trở thành Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh theo quyết định số 284/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM. Trường đang thực hiện theo cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm của Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 901/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2015.

1.1.2. Tuyên bố về sứ mạng của Trường

Sứ mạng của Trường là đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức, tri thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu của xã hội; NCKH, chuyển giao công nghệ và phát triển dịch vụ đa ngành, đa lĩnh vực; thực hiện trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế; góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

1.1.3. Tầm nhìn của Trường đến năm 2030

Tầm nhìn đến năm 2030 là phát triển Trường trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hàng đầu của quốc gia, có vị thế trong khu vực và quốc tế, luôn tiên phong trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực phẩm.

1.1.4. Giá trị cốt lõi

Nhân văn – Đoàn kết – Tiên phong – Đổi mới.

1.1.5. Triết lý giáo dục

Học tập chủ động, làm việc sáng tạo, sống có trách nhiệm.

1.1.6. Mục tiêu chiến lược về đảm bảo chất lượng

Mục tiêu chung: Chuẩn hoá, qui trình hoá, tin học hoá hoạt động của hệ thống quản lý các cấp, có hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong trường đại học hoạt động hiệu quả.

Mục tiêu cụ thể:

Có phần mềm tích hợp cơ sở dữ liệu về đảm bảo chất lượng hiệu quả, phục vụ cho công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài và ra quyết định cải tiến theo các bộ tiêu chuẩn KĐCL.

Được đánh giá ngoài chính thức cấp trường theo Bộ tiêu chuẩn KĐCL của Bộ GD&ĐT (Thông tư 12).

Tất cả các CTĐT đều được đánh giá ngoài theo Bộ tiêu chuẩn MOET. Phần đầu có 5 chương trình đạt chuẩn khu vực AUN-QA.

Văn hóa chất lượng được phát triển đồng bộ ở tất cả các đơn vị.

1.1.7. Chính sách đảm bảo chất lượng

- Phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp, người học là trung tâm và luôn được đảm bảo quyền lợi tốt nhất trong học tập, nghiên cứu khoa học, cơ hội việc làm và các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường.
- Xây dựng ý thức kỷ luật, tinh thần tập thể, phát huy tiềm năng và sự cống hiến của mọi cá nhân, quan hệ mật thiết với các bên liên quan nhằm đáp ứng ngày càng cao yêu cầu nguồn nhân lực của xã hội.
- Thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, dạy học, nghiên cứu khoa học để thích ứng với sự thay đổi của xã hội và sự phát triển của khoa học – công nghệ.

- Áp dụng chu trình PDCA (Lập kế hoạch – Thực hiện – Kiểm tra – Cải tiến) trong thực hiện chức năng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Trường.
- Các hoạt động của Trường luôn được khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan để có cơ sở thực hiện cải tiến chất lượng.
- Chính sách đảm bảo chất lượng của Trường giai đoạn 2021 – 2025 bảo đảm tất cả các đơn vị, cá nhân thuộc Trường có nhận thức đúng và góp phần thực hiện việc đảm bảo chất lượng cho các hoạt động của Trường, đồng thời xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp; được thực hiện, duy trì và cải tiến để đạt được hiệu quả cao nhất.

1.1.8. Tóm tắt thành tích nổi bật của Trường giai đoạn 2017 – 2021

Tính đến ngày 31/8/2021, Trường có 740 người cơ hữu, trong đó có 655 GV, 197 chuyên viên và nhân viên phục vụ; đội ngũ GV của Trường có 20 GS và PGS (tỉ lệ 3,05%); 98 Tiến sĩ (tỷ lệ: 14,96%), 432 Thạc sĩ (tỷ lệ: 65,95%) đang giảng dạy 10 CTĐT trình độ ThS, 34 CTĐT trình độ ĐH, với số lượng 13.614 SV chính quy, 228 học viên cao học. Trường hiện có 06 phòng ban chức năng, 16 khoa chuyên môn và 11 trung tâm và 02 viện và 03 công ty phục vụ trực tiếp cho hoạt động đào tạo, NCKH, CGCN và các hoạt động hỗ trợ khác.

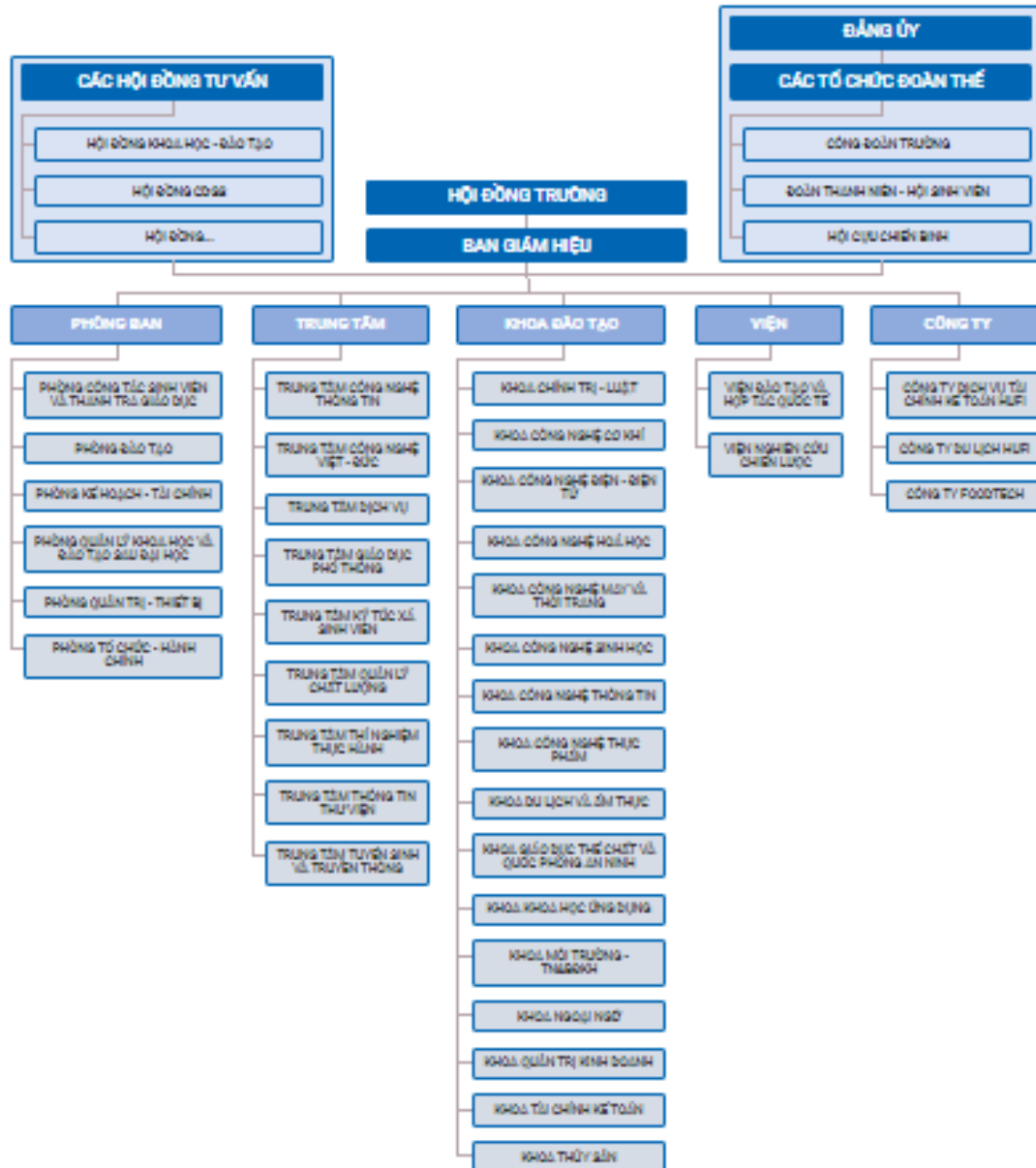
Trường có tổng diện tích đất 191.344 m² được xây dựng với kết cấu hạ tầng khang trang, hiện đại đã được đưa vào sử dụng, trong đó gồm: 120 phòng học (trong đó có 01 giảng đường); 103 phòng thí nghiệm, thực hành; 21 phòng tin học với 1.245 máy vi tính; 01 nhà tập đa năng; 01 Thư viện hiện đại với nhiều nguồn học liệu phong phú; khu Ký túc xá có 96 phòng với gần 100 chỗ nội trú cho SV.

Hoạt động NCKH của Trường thời gian gần đây đã đi vào chiều sâu và mang tính học thuật cao, góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách phục vụ việc dạy và học đạt chuẩn đầu ra. Trong giai đoạn 2017 – 2021, Trường đã công bố khoảng 750 bài báo khoa học quốc tế thuộc hạng ISI, Scopus, SCI và SCIE. Hoạt động NCKH của NH cũng được đẩy mạnh. NH của Trường đạt nhiều giải thưởng cao trong các cuộc thi NCKH dành cho NH.

Để đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng và nhu cầu xã hội, Trường đã liên tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung và phát triển CTĐT theo chuẩn đầu ra, phù hợp với Khung trình độ quốc gia và đạt các tiêu chuẩn quốc gia và khu vực. Hàng năm qua các đợt khảo sát, số lượng NH tốt nghiệp ra trường có việc làm đạt tỉ lệ

gần 90%, trong đó nhiều SV được làm việc tại các doanh nghiệp theo đúng ngành nghề đào tạo, được đơn vị sử dụng đánh giá cao hơn so với các CSGD đại học khác.

1.2. Cơ cấu tổ chức của Trường



1.3. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường

Hiện chưa thành lập Hội đồng Trường.

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của HUFPI và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường

HUFPI được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm

2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM. HUFI được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Trường Đại học và Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 901/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2015.

Trường ĐH CNTP TP.HCM là đơn vị sự nghiệp giáo dục, trực thuộc Bộ Công Thương, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực Công Thương ở trình độ ĐH và sau đại học về các ngành được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép, NCKH trong lĩnh vực Khoa học kỹ thuật và công nghệ, Khoa học nông nghiệp, Khoa học Tự nhiên và Xã hội nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển sự nghiệp Công Thương.

HUFI luôn xác định chất lượng là một trong những tiêu chí sống còn của nhà trường. Năm 2005, Ban ISO được thành lập để xây dựng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và được chứng nhận bởi NQA của Anh vào năm 2006. Tiếp tục duy trì và cải tiến chất lượng, đến năm 2009 hệ thống QLCL của Trường đã chuyển đổi thành công sang phiên bản ISO 9001:2008 và tiếp tục được chứng nhận chu kỳ 2 và 3 cho giai đoạn 2009 – 2015. Trong giai đoạn này, tại Hội nghị Chất lượng Châu Á thường niên 2014 tổ chức tại Singapore, HUFI vinh dự nhận Giải thưởng Thực hành Chất lượng Xuất sắc Châu Á 2014 (ARE – QP Award) do Hội đồng Chất lượng Châu Á (Asia Network For Quality – ANQ) xét chọn, trao tặng.

Năm 2016, HUFI tiến hành quá trình kiểm định Trường theo tiêu chuẩn MOET và đã chính thức đón nhận Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn do Trung tâm KĐCL giáo dục – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 5 năm 2017. Năm 2018, HUFI trở thành thành viên liên kết của tổ chức AUN-QA thuộc mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN). Giai đoạn 2019 – 2021, HUFI tập trung quá trình kiểm định CTĐT theo tiêu chuẩn MOET và AUN-QA. Đến nay, HUFI có 7 CTĐT đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn MOET và 2 CTĐT đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn AUN-QA. Ngoài ra, HUFI còn có 3 CTĐT trình độ thạc sĩ và 3 CTĐT trình độ đại học đang thực hiện quá trình đánh giá ngoài.

2.2. Mô tả những thách thức chính mà HUFI gặp phải và kế hoạch của Trường để khắc phục những thách thức đó

Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng GDDH: GV; SV; Chương trình, giáo trình giảng dạy; Tính thực hành, thực tế và định hướng nghề nghiệp; Phương pháp giảng dạy và hệ thống đánh giá học tập; CSVC; Đội ngũ những người làm công tác quản lý và công tác hỗ trợ tại các đơn vị. NCKH và chuyển giao công nghệ; PVCD, đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan...

Tất cả các yếu tố này đều được HUFİ kiểm soát bằng các qui trình nghiệp vụ tương ứng, các kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng lĩnh vực, được kiểm tra đánh giá và rà soát thường xuyên để khắc phục những khó khăn, cải tiến chất lượng hoạt động.

Các yếu tố cạnh tranh thị trường: là những thách thức mà HUFİ phải vượt qua, đó là: (i) Sự cạnh tranh giữa các trường đại học quốc tế và trong nước; (ii) Việc làm cho SV tốt nghiệp ngay sau khi ra trường; (iii) Đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

HUFİ phải vượt qua những thách thức này bằng chính chất lượng của Nhà trường, chất lượng là hàng đầu, là yếu tố giúp HUFİ cạnh tranh lành mạnh trong thị trường giáo dục. Chất lượng trở thành “*văn hóa*” trong mọi hoạt động của HUFİ, được vận hành, rà soát, đánh giá và cải tiến liên tục.

Các yếu tố văn hóa – xã hội – kinh tế: (i) Giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế; (ii) Tự chủ đại học; (iii) Nhu cầu của xã hội về học tập; (iv) Nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp đối với SV tốt nghiệp; (v) Tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và thế giới có liên quan đến mục đích và định hướng phát triển của Nhà trường, ảnh hưởng đến khả năng đạt được kết quả dự kiến của Hệ thống Quản lý Chất lượng của HUFİ.

HUFİ quan tâm đến sự phản hồi của các bên liên quan, đến giáo dục trong thời kỳ hội nhập, xu thế phát triển của xã hội và nhu cầu nguồn nhân lực trong thời kỳ mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang bùng phát, đến tình hình phát triển kinh tế xã hội... để điều chỉnh sứ mạng, điều chỉnh KHCL phát triển Nhà trường cho đúng hướng, tránh lệch lạc.

2.3. Mô tả các điểm mạnh và cơ hội của HUFİ và cách mà Trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

Qua một chặng đường gần 40 năm hình thành và phát triển, HUFİ đã gặp không ít rủi ro, thách thức và cơ hội. Nhà trường đã nhìn nhận được những điểm mạnh cũng như những điểm tồn tại của mình từ đó phân tích SWOT để có biện pháp biến rủi ro, thách thức thành cơ hội, xây dựng KHCL phát triển Nhà trường.

2.3.1. Điểm mạnh

Mô hình quản trị, phát triển Nhà trường theo hướng đại học ứng dụng phù hợp với định hướng phát triển của GDDH. Nhà trường thực hiện thành công Chiến lược phát triển giai đoạn 2015 – 2020, tạo đà cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ chiến lược

giai đoạn 2021 – 2025. Nhà trường là nơi hội tụ các nhà khoa học, quan tâm thúc đẩy chất lượng NCKH và công bố khoa học, đang hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh. Nhà trường có quan hệ đối ngoại tốt với các cơ quan, trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế về giáo dục. Hệ thống CSVC được hiện đại hoá từng bước, ngày càng được mở rộng, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Việc KĐCL cấp CSGD và cấp CTĐT được thực hiện nghiêm túc, có mục tiêu, chính sách và lộ trình rõ ràng. Uy tín về đào tạo, NCKH, HTQT được nâng cao là một lợi thế cạnh tranh rất quan trọng của Nhà trường. Trường nằm trong một vị trí địa – kinh tế phát triển năng động nhất của đất nước cũng là một lợi thế tuyệt đối của Trường.

2.3.2. Điểm yếu

Chưa phát huy tốt các yêu cầu về liên thông, liên kết giữa các trường đại học trong nước và nước ngoài. Công nghệ mới trong giảng dạy chưa đồng bộ. Chất lượng đội ngũ NCKH chưa đồng đều, lực lượng chuyên gia còn mỏng. Các nguồn lực phục vụ đào tạo chưa đồng đều, chất lượng dịch vụ chưa cao. Hệ thống dữ liệu chưa phục vụ tốt cho việc ra quyết định. Chất lượng đào tạo chưa thật đồng đều, chưa gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp.

2.3.3. Cơ hội

Xu thế toàn cầu hóa, hội nhập khu vực và thế giới, nhất là sự vận hành của Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) đã tạo điều kiện đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế, huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển giáo dục. Nhu cầu xã hội về phát triển các ứng dụng CNTT, đặc biệt là hình thức giảng dạy, hội nghị, hội thảo trực tuyến trong bối cảnh Covid-19 vẫn đang lây lan trên thế giới và tại Việt Nam. Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, đặc biệt là ở vùng kinh tế phía Nam.

2.3.4. Thách thức

Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi chương trình và chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phải thích ứng với sự chuyển biến nhanh của xã hội. Nguồn nhân lực của hệ thống giáo dục Việt Nam còn nhiều hạn chế về số lượng, năng lực, chuyên môn và ngoại ngữ. Cạnh tranh của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước ngày càng gay gắt về nhân lực, chất lượng đào tạo, dịch vụ, hạ tầng, nhiều cơ sở giáo dục tham gia vào các lĩnh vực đào tạo tương tự HUFI. Những thay đổi trong chính sách của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh hàng năm, Nhà trường phải định hướng và có biện pháp thích hợp đảm bảo tuyển sinh đạt mục tiêu đề ra.

2.3.5. Các giải pháp xử lý rủi ro và cơ hội phát sinh từ bối cảnh

Về công tác tuyển sinh: Đổi mới công tác tuyển sinh hướng đến đảm bảo số lượng và nâng cao chất lượng đầu vào.

Về phát triển chương trình đào tạo: Tiếp tục phát triển CTĐT theo định hướng ứng dụng đáp ứng CĐR, chú trọng thực hành và trang bị kỹ năng (mềm và ngành nghề) cho NH có thể làm việc ngay khi ra trường.

Về tổ chức và quản lý đào tạo: Hoàn thiện hệ thống quản lý đào tạo với sự hỗ trợ của CNTT. Đào tạo, huấn luyện và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo.

Về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá: Trao đổi GV với các trường có cùng ngành đào tạo trong nước và quốc tế để học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR. Xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn đội ngũ GV về phương pháp dạy và học chủ động, tiến tới tổ chức thực hiện việc đánh giá KQHT theo CĐR.

Về điều kiện phục vụ dạy và học: Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng tài liệu phục vụ dạy và học, biên soạn các giáo trình hoặc sử dụng các giáo trình của các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế. Tiếp tục xây dựng cơ sở học liệu đa dạng với nhiều hình thức: sách điện tử, bản in và tài liệu học tập.

Về nguồn lực phục vụ đào tạo: Tạo môi trường tốt nhất cho các nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu, GV trong trường, tiếp tục chính sách thu hút nhân tài; tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng dạy và cán bộ hỗ trợ đảm bảo tính kế thừa, duy trì và phát triển chất lượng. Xây dựng chính sách làm tăng các nguồn thu, tài trợ, xã hội hóa phục vụ đào tạo. Sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học công nghệ.

Về đảm bảo chất lượng: Tiếp tục kiểm định chất lượng cấp trường và cấp CTĐT. Duy trì và phát triển hệ thống ĐBCL bên trong, hệ thống lấy ý kiến phản hồi của các BLQ để xác định các vấn đề cần duy trì và cải tiến nâng cao chất lượng.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

Xem phụ lục 8 (Trang ...).

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Xác định tầm nhìn, sứ mạng là định hướng chiến lược mà Nhà trường cần phải xây dựng nhằm đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Ngay sau khi công bố Trường đạt kiểm định chất lượng (05/2017), trên cơ sở rà soát, điều chỉnh, cập nhật và bổ sung tầm nhìn, sứ mạng năm 2015, Trường đã có tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng vào ngày 09/01/2018 [H1.01.01.01].

Trong quá trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng, Trường đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan bao gồm CBVC, GV, NH, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Việc khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan được tiến hành 02 lần, cụ thể: Lần lấy ý kiến thứ nhất với 141 phiếu phản hồi từ Đảng ủy, BGH, các tổ chức đoàn thể, cán bộ chủ chốt, chi bộ... ; Lần lấy ý kiến thứ hai được tổ chức dưới hình thức hội thảo trực tiếp với sự tham gia của Đảng ủy, BGH, đại diện lãnh đạo các đơn vị và các chuyên gia trong và ngoài trường. Các bên đã tham gia phản biện để phân tích, làm rõ sự phù hợp của các phương án với nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H1.01.01.02].

Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường đã được ban hành năm 2018 có nội dung:

“Tầm nhìn: Đến năm 2030, phát triển Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh theo định hướng ứng dụng hàng đầu của quốc gia, có vị thế trong khu vực và quốc tế, luôn tiên phong trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực phẩm

Sứ mạng: Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh là cơ sở giáo dục, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa cấp độ và có thế mạnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực phẩm:

- Đào tạo nhân lực có đạo đức, tri thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu của xã hội;
- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phát triển dịch vụ;
- Thực hiện trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế.”

Trong quá trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng, Trường luôn bám sát các quy

định của Chính phủ, Bộ Công Thương và chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của địa phương [H1.01.01.03]. Với nội dung tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng như trên, có thể thấy rằng tầm nhìn, sứ mạng của Trường được xây dựng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường cũng như phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của ngành và của địa phương.

Ngay sau khi tầm nhìn, sứ mạng được tuyên bố, Nhà trường đã ban hành kế hoạch, hướng dẫn để các đơn vị thuộc Trường xây dựng và triển khai các hoạt động theo tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định như ban hành kế hoạch công tác năm học [H1.01.01.04], kế hoạch công tác tháng [H1.01.01.05], hướng dẫn tổng kế năm học [H1.01.01.06]. Nhà trường cũng đã tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành những văn bản mới để điều hành các hoạt động của Trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng đã được công bố như ban hành quy chế tổ chức và hoạt động [H1.01.01.07], ban hành quy định về tiêu chuẩn và chế độ làm việc, [H1.01.01.08], ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng [H1.01.01.09], quy chế thi đua – khen thưởng [H1.01.01.10] và nhiều văn bản khác nhằm thực hiện tốt tầm nhìn, sứ mạng đã được Nhà trường ban hành.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Cùng với việc công bố tầm nhìn, sứ mạng, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh đã xác định giá trị cốt lõi của mình, đây được xem là kim chỉ nam cho các hoạt động của Nhà trường. Giá trị cốt lõi của Trường hướng tới là: “Nhân văn – Đoàn kết – Tiên phong – Đổi mới” [H1.01.02.01].

Giá trị cốt lõi “Nhân văn – Đoàn kết – Tiên phong – Đổi mới” trong Chiến lược phát triển của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở khoa học, có sự kế thừa, giữ gìn bản sắc giá trị truyền thống và hiện tại, hướng đến mục tiêu chiến lược của Trường, có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên có liên quan [H1.01.02.02].

Giá trị cốt lõi của Trường được xác định từ các giá trị truyền thống trong suốt quá hình thành, phát triển của Nhà trường, việc xây dựng có sự thống nhất cao giữa Đảng ủy, chính quyền, đoàn thể và được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.02.03]. Đây là điều kiện tiên quyết để thực hiện các mục tiêu đề ra.

Giá trị cốt lõi được Nhà trường phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong các đơn vị, tổ chức, CBVC, GV, NH thông qua công các phương tiện truyền thông

như trang thông tin điện tử của HUFI, in ấn các tờ rơi, các băng rôn, biểu ngữ tuyên truyền, các tài liệu giới thiệu về Trường [H1.01.02.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.

Ngay sau khi tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được Nhà trường ban hành [H1.01.03.01]. Nhà trường đã phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng đến các bên liên quan, cụ thể:

Đối với CBVC, GV, việc phổ biến được thông qua nhiều hình thức, biện pháp khác nhau như: thông qua những hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, khai giảng năm học, hội nghị viên chức người lao động, các cuộc họp giao ban hàng tháng, các hội nghị sơ kết, tổng kết...và đã được thể chế hóa thông qua các quy định, quy chế của Nhà trường như Quy chế tổ chức và hoạt động [H1.01.03.02], quy định về tiêu chuẩn và chế độ làm việc [H1.01.03.03], quy chế đào tạo, bồi dưỡng [H1.01.03.04], quy chế thi đua – khen thưởng [H1.01.03.05].

Đối với NH, tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường cũng được quán triệt và giải thích rõ ràng thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, sinh hoạt giữa khóa, trong cuốn sổ tay sinh viên, ngoài ra còn được đăng tải rộng rãi trên Website của Trường [H1.01.03.06].

Đối với các tổ chức, nhà tuyển dụng, các cơ sở liên kết đào tạo với Nhà trường, tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được truyền tải thông qua website; các hình ảnh, video giới thiệu Trường và các đơn vị thuộc Trường; tờ rơi tuyển sinh [H1.01.03.06].

Ngoài ra, để quảng bá và truyền thông các hoạt động của Trường, Trung tâm tuyển sinh và Truyền thông đã được thành lập [H1.01.03.07]. Trung tâm là đơn vị đầu mối truyền thông các hoạt động của Nhà trường, trong đó có nhiệm vụ đưa các thông tin, hình ảnh về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa đến các bên liên quan để thực hiện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Để rà soát tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan, năm 2017, Trường đã ban hành quyết định thành lập

Tổ soạn thảo tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của HUFI [H1.01.04.01]. Theo đó, Tổ soạn thảo gồm 7 thành viên đến từ 7 đơn vị chức năng, đoàn thể do Bí thư Đảng ủy làm tổ trưởng và có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, quy trình triển khai thực hiện việc soạn thảo dự thảo tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của HUFI, trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành.

Ngay buổi họp đầu tiên, Tổ soạn thảo tập trung thảo luận và thông qua kế hoạch và qui trình triển khai rà soát, điều chỉnh, cập nhật và bổ sung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường [H1.01.04.02]. Thời gian triển khai thực hiện kế hoạch là 3 tháng với qui trình thực hiện theo PDCA, trong đó việc tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan được chú trọng.

Lần lấy ý kiến thứ nhất với 141 phiếu phản hồi từ Đảng ủy, BGH, các tổ chức đoàn thể, cán bộ chủ chốt, chi bộ... Tổ soạn thảo đã phân tích, tiếp thu, kết hợp với việc thực hiện khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài (2016) và xác định 3 phương án về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường được quan tâm nhất [H1.01.04.03]. Lần lấy ý kiến thứ hai là tổ chức hội thảo trực tiếp với sự tham gia của Đảng ủy, BGH, Tổ soạn thảo, đại diện lãnh đạo các đơn vị và các chuyên gia tham gia phản biện trong và ngoài trường để phân tích, làm rõ sự phù hợp của các phương án với nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H1.01.04.04].

Sau hai lần tổ chức lấy ý kiến nêu trên, Tổ soạn thảo đã thống nhất báo cáo kết quả rà soát về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường và có tờ trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành [H1.01.04.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Để đảm bảo việc phát triển sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa phù hợp với từng giai đoạn đổi mới, năm 2018, Hiệu trưởng Nhà trường đã có quyết định giao cho Viện Nghiên cứu và Quản trị Doanh nghiệp chủ trì xây dựng Kế hoạch Chiến lược của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh, giai đoạn 2018 – 2023, tầm nhìn 2030 [H1.01.05.01]. Theo đó, Viện Nghiên cứu và Quản trị Doanh nghiệp có trách nhiệm lập kế hoạch, tiến độ thực hiện và tiến hành xây dựng Kế hoạch Chiến lược của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh, giai đoạn 2018 – 2022, tầm nhìn 2030; báo cáo kết quả xây dựng Kế hoạch

Chiến lược cho Lãnh đạo Nhà trường. Trên cơ sở đó, Viện Nghiên cứu và Quản trị Doanh nghiệp đã tiến hành xây dựng kế hoạch chiến lược theo hướng cải tiến và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa đảm bảo phù hợp với điều kiện tình hình thực tế nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Việc điều chỉnh tầm nhìn sứ mạng và giá trị cốt lõi được tiến hành sát với thực tiễn của Nhà trường, xu thế tự chủ của các trường đại học và trong bối cảnh sụt giảm về nguồn tuyển sinh cũng như gắn chặt chẽ với định hướng ứng dụng của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Việc xây dựng tầm nhìn, sứ mạng được lãnh đạo Trường rất quan tâm, chú trọng và được CBVC, GV, NH nhiệt tình hưởng ứng. Tầm nhìn, sứ mạng được xây dựng trên cơ sở khoa học, đảm bảo tính dân chủ, khách quan, phát huy được trí tuệ tập thể, đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

2. Việc xây dựng giá trị cốt lõi là nhiệm vụ trọng tâm, được lãnh đạo Trường rất quan tâm, chú trọng, được CBVC, GV, NH nhiệt tình hưởng ứng. Giá trị cốt lõi được xây dựng trên cơ sở khoa học, đảm bảo tính dân chủ, khách quan, có sự kết hợp giữa giá trị truyền thống và hiện tại, đảm bảo phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và định hướng phát triển của Nhà trường.

3. Công tác phổ biến, quán triệt và giải thích về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được Nhà trường triển khai đồng bộ, phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức và việc tuyên truyền được tiến hành thường xuyên, liên tục tạo nên sức lan tỏa đến các bên liên quan, qua đó, các bên liên quan nhận thức rõ và thực hiện tốt các hoạt động của mình.

4. Trong 5 năm của chu kỳ đánh giá 2017 – 2021, Trường đã tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan trong và ngoài trường với nhiều hình thức khác nhau để điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

5. Quá trình xây dựng và phát triển tầm nhìn sứ mạng được Lãnh đạo Trường rất quan tâm và chú trọng, Nhà trường đã giao cho một đơn vị chịu trách nhiệm trong việc rà soát và cải tiến kế hoạch chiến lược trong đó có cải tiến về tầm nhìn sứ mạng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Mặc dù đã được lãnh đạo Trường quan tâm chú trọng, được lấy ý kiến rộng rãi từ các bên có liên quan nhưng việc khảo sát, lấy ý kiến còn hạn chế về thành phần và số lượng, đặc biệt là những bên liên quan ngoài trường. Bên cạnh đó, một bộ phận nhỏ CBVC, GV, NH chưa nhận thức được tầm quan trọng của tầm nhìn, sứ mạng nên còn thờ ơ, chưa tích cực tham gia đóng góp ý kiến.

2. Công tác tuyên truyền phổ biến về giá trị cốt lõi của Trường vẫn còn hạn chế, một số đơn vị thuộc Trường vẫn chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của giá trị cốt lõi đã xác định.

3. Một số đơn vị thuộc Trường chưa xây dựng được hệ thống website nên công tác phổ biến, quán triệt và giải thích về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường còn hạn chế. Ngoài ra, một số đơn vị vẫn chưa thực sự quan tâm đến việc phổ biến, quán triệt và giải thích về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường.

4. Theo chức năng nhiệm vụ hiện tại, Trường chưa có quyết định phân công đơn vị hoặc bộ phận chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục.

5. Tiến độ thực hiện việc rà soát xây dựng tầm nhìn sứ mạng còn chậm.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường sự tham gia của các bên liên quan trong việc xây dựng tầm nhìn, sứ mạng, đặc biệt chú trọng các bên liên quan ngoài Trường cả về thành phần và số lượng.	BGH, Đơn vị được phân công	Trước khi có quyết định rà soát và điều chỉnh lần tiếp theo	
2		Tăng cường công tác tuyên truyền để CBVC, GV, NH nhận thức được đầy đủ tầm quan trọng của việc tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng.	BGH, Đơn vị được phân công	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
3	Khắc phục tồn tại 2	Công tác tuyên truyền giá trị cốt lõi cần phải được cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của các đơn vị, từ đó quán triệt sâu sắc đến toàn thể CBVC, GV, NH nhằm đạt được hiệu quả cao hơn nữa trong các hoạt động của Trường.	BGH, Đơn vị, cá nhân có liên quan	Thường xuyên	
4	Khắc phục tồn tại 3	Các đơn vị cần xây dựng hệ thống website của đơn vị để có thể truyền thông các hoạt động chung của đơn vị cũng như phổ biến, quán triệt và giải thích về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường	Đơn vị, cá nhân có liên quan	Bắt tay vào xây dựng ngay sau khi có kiến nghị	
5		Cần nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, trong đó chú trọng đến việc phổ biến, quán triệt và giải thích về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường	Trưởng các đơn vị	Thực hiện ngay sau khi có kiến nghị	
6	Khắc phục tồn tại 4	Cần tăng cường sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt chú trọng các bên liên quan bên ngoài Trường cả về thành phần và số lượng trong việc rà soát, đánh giá tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường.	BGH, Đơn vị được phân công	Trước khi có quyết định rà soát và điều chỉnh lần tiếp theo	
7		Ban hành quyết định phân công đơn vị hoặc bộ phận chịu trách	BGH, P.TCHC	Năm học 2021 – 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		nhiệm triển khai thực hiện việc rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục.			
8	Khắc phục tồn tại 5	Trong thời gian tới, cần tăng cường đẩy nhanh hơn nữa tiến độ xây dựng và cải tiến tầm nhìn sứ mạng.	BGH, Đơn vị được phân công	Theo kế hoạch được phân công	
9	Phát huy điểm mạnh 4	Trường tiếp tục tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan trong và ngoài Trường với nhiều hình thức khác nhau để điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu, sự hài lòng của các bên liên quan và thích nghi với bối cảnh đang có nhiều thay đổi.	BGH, Đơn vị được phân công	Trước khi có quyết định rà soát và điều chỉnh lần tiếp theo	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	5.00
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	5
Tiêu chí 1.5	5

Tiêu chuẩn 2. Quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.

Hệ thống quản trị của HUFI thành lập theo đúng các quy định của pháp luật và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và được thể chế hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H2.02.01.01]. Hệ thống quản trị của HUFI bao gồm: Hội đồng trường, Đảng bộ, chính quyền Trường và các tổ chức chính trị - xã hội. Ngoài ra Trường còn có các Hội đồng tư vấn như Hội đồng khoa học và Đào tạo, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Hội đồng xét nâng lương, ...

Hội đồng trường là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan. Hội đồng trường có nhiệm vụ quyết nghị chủ trương, chiến lược, kế hoạch phát triển của Trường; quyết nghị phương hướng về các lĩnh vực công tác của Trường. Hiện nay, HUFI đã hoàn thiện các quy trình, thủ tục về Hội đồng trường và đang chờ Bộ Công Thương quyết định theo thẩm quyền.

Đảng bộ Trường được tổ chức và hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; là hạt nhân chính trị, lãnh đạo Trường thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo công tác chính trị - tư tưởng, công tác tổ chức nhân sự, công tác bảo vệ chính trị nội bộ; lãnh đạo chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội trong Trường thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của viên chức, người lao động và người học thuộc Trường. Đảng bộ của HUFI là tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng ủy khối cơ sở Bộ Công Thương tại TP. Hồ Chí Minh, Đảng ủy gồm 07 thành viên [H2.02.02.02]. Đảng ủy chịu trách nhiệm trước Đảng bộ trong việc tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của trung ương, của Đảng ủy khối các cơ quan trung ương, Đảng ủy khối cơ sở Bộ Công Thương tại TP. Hồ Chí Minh; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác của Nhà trường; hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của viên chức, người lao động, đảng viên và quần chúng. ĐU đã ban hành Quy chế làm việc để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng

cấp trên và các định hướng lớn của Nhà trường [H2.02.01.03]. Đảng ủy chỉ đạo thông qua Nghị quyết Đại hội Đảng bộ [H2.02.01.04], ban hành Chương trình làm việc của Đảng bộ [H2.02.01.05], bầu ra Đảng ủy và phân công nhiệm vụ cho các Đảng ủy viên [H2.02.02.06], Hàng năm, ĐU điều xây dựng và triển khai kế hoạch công tác năm [H2.02.01.07].

BGH gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng là người đứng đầu, đại diện theo pháp luật của Trường, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của Trường theo các quy định của pháp luật và các quy định của Trường. Hiệu trưởng là chủ tài khoản, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý tài chính và tài sản của Trường; thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm công khai, minh bạch về tài chính theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về kế toán và kiểm toán. Hiệu trưởng do Hội đồng trường quyết định và được cơ quan quản lý có thẩm quyền công nhận Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Trường. Phó Hiệu trưởng do Hội đồng trường quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng và có ý kiến của Bộ Công Thương. Nếu được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ Phó Hiệu trưởng thì phải có ý kiến của Hội đồng trường và của Hiệu trưởng. Sau khi được bổ nhiệm. Quy trình và thủ tục bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành. BGH của Trường gồm 1 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng quản lý chung và trực tiếp phụ trách quy hoạch, kế hoạch phát triển Trường, công tác tổ chức cán bộ, tài chính, hợp tác quốc tế; 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo sau đại học và NCKH; 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo đại học, công tác giảng dạy và thư viện [H2.02.01.08].

Công đoàn trường là tổ chức Công đoàn cơ sở, chịu sự chỉ đạo của Công đoàn khối Doanh nghiệp Thương mại Trung ương tại TP. Hồ Chí Minh và Công đoàn Công Thương Việt Nam. Công đoàn trường hoạt động theo Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Ban Chấp hành Công đoàn, ủy Ban kiểm tra, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn nhiệm kỳ 2017-2021 do Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định công nhận [H2.02.01.09]. BCH Công đoàn đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế chi tiêu nội của công đoàn theo đúng các quy định hiện hành và hướng dẫn của công đoàn cấp trên. BCH Công đoàn đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên để phụ trách các hoạt động theo các ban công tác [H2.02.01.10]. Trong quá trình hoạt động, BCH Công đoàn có sự phối hợp chặt chẽ với BGH theo quy chế phối hợp giữa BGH và Công đoàn Trường [H2.02.01.11].

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trường là tổ chức cơ sở và chịu sự chỉ đạo của Đoàn Khối cơ sở Bộ Công Thương tại TP. Hồ Chí Minh. Đoàn Thanh niên Trường hoạt động theo Điều lệ Đoàn và các văn bản hướng dẫn của Đoàn khối. Ban Chấp hành Đoàn, ủy Ban kiểm tra, Bí thư, Phó bí thư đoàn do Đoàn khối ra quyết định chuẩn y [H2.02.01.12]. Đoàn thanh niên đã ban hành Quy chế làm việc theo đúng các quy định hiện hành và hướng dẫn của đoàn khối. Đoàn thanh niên đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên để phụ trách các mặt công tác. Trong quá trình hoạt động, Đoàn thanh niên thường xuyên báo cáo kết quả hoạt động đối với Đoàn khối và BGH [H2.02.01.13].

Hội Sinh viên trường là tổ chức cơ sở và chịu sự chỉ đạo của Hội Sinh viên Việt Nam TP. Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hội Sinh viên trường báo cáo, phản ánh với Ban chấp hành Thành Hội về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Hội Sinh viên Trường và những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Thành Hội; đề xuất các quan điểm, biện pháp giải quyết và tổ chức thực hiện khi được giao [H2.02.01.14].

Hội Cựu chiến binh trường là tổ chức cơ sở và chịu sự chỉ đạo của Hội Cựu chiến binh quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh trường báo cáo, phản ánh với Ban chấp hành Quận hội về tình hình thực hiện nhiệm vụ của hội và những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Quận hội; đề xuất các quan điểm, biện pháp giải quyết và tổ chức thực hiện khi được giao [H2.02.01.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Hệ thống quản trị của Nhà trường luôn kịp thời đưa ra các chủ trương, định hướng phát triển và được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện, cụ thể:

Ban chấp hành Đảng bộ (Đảng ủy) Trường là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo thực hiện toàn diện và có hiệu quả các mặt công tác chính trị tư tưởng, chuyên môn, tổ chức - cán bộ, an ninh - quốc phòng; xây dựng Đảng và các tổ chức đoàn thể quần chúng trong toàn trường. Đảng ủy làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong trường, lãnh đạo thực hiện công tác chuyên môn có hiệu quả, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công chức, viên chức và người lao động. Đảng ủy mỗi tháng họp một lần vào tuần cuối cùng của tháng (nếu trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì họp vào ngày kế tiếp), họp Đảng ủy mở rộng vào tuần

cuối quý và họp bất thường khi cần thiết. [H2.02.02.01]. Đảng ủy đã đưa ra các chủ trương lớn, định hướng chiến lược cho các hoạt động của Nhà trường. Các chủ trương này được BGH triển khai thực hiện và cụ thể hóa trong từng lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao như công tác tổ chức bộ máy, công tác đào tạo, công tác nghiên cứu khoa học, công tác phục vụ cộng đồng, cụ thể:

Về cơ cấu tổ chức bộ máy: trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm học 2021, trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh đã ban hành các văn bản liên quan đến công tác tổ chức bộ máy như Quy chế tổ chức và hoạt động, quy định thành lập và giải thể các đơn vị, quyết định phê duyệt cơ cấu tổ chức, bộ máy của Nhà trường, tiến hành xây dựng đề án vị trí việc làm [H2.02.02.02]. Trên cơ sở đó Nhà trường đã tiến hành sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự theo hướng tinh gọn, giảm các đầu mối, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hiện nay Trường có 33 đơn vị trực thuộc, bao gồm: 01 viện, 16 khoa đào tạo, 6 phòng, 10 trung tâm. Tổng số CBVC toàn trường là 740 người trong đó đội ngũ giảng viên là 504 người (trong đó có: 2 giáo sư, 18 phó giáo sư, 98 tiến sĩ, 369 thạc sĩ), đội ngũ viên chức, người lao động hành chính là 236 người (trong đó có: 63 thạc sĩ, 97 đại học, 76 người có trình độ từ cao đẳng trở xuống).

Về công tác đào tạo: từ năm 2017 đến năm 2021, Trường đã tiến hành xây dựng, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học, mở thêm các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục cũng được Nhà trường quan tâm, chú trọng, đến thời điểm hiện tại, Trường có 9 chương trình đào tạo đại học đạt chuẩn kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và bộ tiêu chuẩn của AUN-QA [H2.02.02.03].

Về công tác NCKH: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, trong đó nghiên cứu khoa học là một trong những chiến lược được ưu tiên hàng đầu và có lộ trình triển khai thực hiện. Nhà Trường đã ban hành Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ áp dụng thống nhất trong toàn Trường nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý - triển khai các hoạt động khoa học. Quy chế hoạt động Khoa học công nghệ luôn được điều chỉnh, bổ sung và cập nhật mới kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của Trường [H2.02.02.04].

Về công tác phục vụ cộng đồng: Nhà trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động trong các hoạt động phát triển đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội, như: Tham gia đào tạo, hoàn thiện chương trình đào tạo, chuẩn đầu

ra, thăm dò chất lượng đào tạo, khảo sát nhu cầu đào tạo, đào tạo theo địa chỉ, thiết lập cơ sở thực hành, thực tập, rèn nghe...; các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phát triển cơ sở hạ tầng và các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, việc làm, hỗ trợ người học và các hoạt động thiện nguyện.

Để thực thi chỉ đạo của ĐU, BGH đã ban hành các văn bản quản lý trong từng lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể: Trong công tác tổ chức bộ máy có Quy chế tổ chức và hoạt động [H2.02.02.05], Quyết định phê duyệt cơ cấu tổ chức [H2.02.02.06], Quy định về thành lập, giải thể các đơn vị [H2.02.02.07], Quy chế tuyển dụng [H2.02.02.08], Quy chế đánh giá, phân loại đơn vị, viên chức, người lao động; trong công tác đào tạo có quy chế về công tác đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sỹ [H2.02.02.09], Quy chế đào tạo, bồi dưỡng [H2.02.02.10], Quy định chế độ làm việc của giảng viên [H2.02.02.11]; trong công tác NCKH có Quy chế hoạt động khoa học, công nghệ; trong công tác tài chính có quy chế chi tiêu nội bộ. Tất cả các quy chế này được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện tình hình thực tiễn. Các quy chế này đều được triển khai thực hiện đến tất cả các đơn vị thuộc Trường thông qua hệ thống Egov và được đăng tải trên website để các đơn vị thuộc Trường, Trưởng các đơn vị và toàn thể viên chức, người lao động biết để thực hiện.

Các hội đồng tư vấn: Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng đánh giá, phân loại thi đua hàng tháng họp định kỳ và họp thường xuyên khi có nhu cầu. Các cuộc họp đều được ghi biên bản, ra các kết luận và các kết luận được kiến nghị lên Hiệu trưởng xem xét chỉ đạo triển khai thực hiện [H2.02.02.12].

Các hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên đều được triển khai đến các tổ công đoàn, các liên chi đoàn để thực hiện. Hình thức triển khai rất phong phú và đa dạng như ban hành kế hoạch công tác hàng năm, kế hoạch công tác tháng, thông qua các cuộc họp, thông qua hoạt động sơ kết, tổng kết [H2.02.02.13].

Tóm lại, các quyết định của các cơ quan quản trị đã được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách và văn bản hướng dẫn đảm bảo cho các hoạt động quản trị của Trường được duy trì và phát triển.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên.

Nhà trường đã tiến hành rà soát thường xuyên các hoạt động của hệ thống quản trị. Việc rà soát được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ

quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể:

Định kỳ hàng năm, ĐU Trường đã thực hiện các hoạt động sơ kết, tổng kết, tiến hành đánh giá đối với tập thể và các đảng ủy viên. Tiêu chí đánh giá được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của đảng ủy cấp trên [H2.02.03.01]. Công tác quy hoạch cán bộ cũng được ĐU tiến hành rà soát thường xuyên nhằm tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Trường một cách chủ động, có tầm nhìn chiến lược trong công tác cán bộ; khắc phục tình trạng hẫng hụt trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, bảo đảm tính kế thừa, phát triển và sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ; giữ vững ổn định, đoàn kết nội bộ. Trong quá trình rà soát, quy hoạch cán bộ ĐU đã đánh giá từng trường hợp cụ thể để đưa vào quy hoạch những người có triển vọng phát triển và đưa ra khỏi quy hoạch những người không còn đủ điều kiện, tiêu chuẩn [H2.02.03.02].

Hàng năm, BGH Nhà trường đều triển khai hoạt động tổng kết trong năm học [H2.02.03.03], việc tổng kết được thực hiện trên tất cả các mảng công tác của Nhà trường như: công tác chính trị tư tưởng, truyền thông và cải cách hành chính; công tác tổ chức – nhân sự; công tác tuyển sinh – đào tạo; công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; công tác đảm bảo chất lượng và khảo thí; công tác cơ sở vật chất, thiết bị, kế hoạch - tài chính; công tác học sinh, sinh viên, công tác thanh tra - pháp chế; công đoàn, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên, hội sinh viên,... Đối với những nhiệm vụ chưa hoàn thành hoặc còn những tồn tại, hạn chế được phân tích nguyên nhân, làm rõ trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, từ đó BGH có chỉ đạo để các đơn vị triển khai thực hiện đạt kết quả tốt hơn.

Để công tác quản lý, điều hành của hệ thống quản trị đi vào nề nếp và có hiệu quả, Nhà trường đã tiến hành rà soát hệ thống các quy định, quy chế của Nhà trường, trên cơ sở đó Nhà trường đã tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, quy chế đảm bảo phù hợp với điều kiện tình hình thực tiễn và các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong giai đoạn từ 2017 đến năm 2021, Nhà trường đã tiến hành sửa đổi, bổ sung và ban hành mới nhiều quy chế như Quy chế tổ chức và hoạt động [H2.02.03.04], quy chế về tiêu chuẩn và chế độ làm việc [H2.02.03.05], quy chế hoạt động khoa học và công nghệ [H2.02.03.06], quy chế chi tiêu nội bộ [H2.02.03.07], quy chế thi đua – khen thưởng [H2.02.03.08].

Hội đồng khoa học và đào tạo họp định kỳ 2 lần/năm và đột xuất khi có yêu cầu, Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về các lĩnh vực đào tạo, định hướng phát triển nghiên cứu khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế [H2.02.03.09]. Các hội đồng tư vấn khác như Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng

[H2.02.03.10],... thường xuyên được rà soát, kiện toàn nhằm đáp ứng tốt yêu cầu tư vấn cho Hiệu trưởng trong các mảng công tác của Trường.

Công tác giao ban tháng được thực hiện 01 tháng/lần nhằm tổng kết đánh giá hoạt động của Nhà trường và các đơn vị chức năng, từ đó đề ra nhiệm vụ kế hoạch tháng tiếp theo. Công tác đánh giá phân loại viên chức, người lao động được thực hiện theo tháng làm căn cứ: phân phối thu nhập tăng thêm, đánh giá xếp loại hàng năm, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học cũng như thực hiện các chế độ khác [H2.02.03.11].

Tóm lại, hệ thống quản trị của Nhà trường đã được tiến hành rà soát thường xuyên một cách có hệ thống, đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường qua từng giai đoạn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.

Hệ thống quản trị của HUFU sau khi rà soát đã được xem xét và cải tiến đảm bảo phù hợp với điều kiện tình hình thực tiễn và các quy định hiện hành, cụ thể:

Về cơ cấu tổ chức: thông qua kết quả các cuộc họp rà soát về định hướng phát triển, về mục tiêu và kế hoạch chiến lược, thông qua các kết quả tổng kết công tác và định hướng phát triển, Nhà trường đã ban hành quyết định phê duyệt cơ cấu tổ chức cho phù hợp với điều kiện tình hình thực tế của Nhà trường [H2.02.04.01], trên cơ sở đó Nhà trường đã tiến hành tổ chức lại một số đơn vị thuộc Trường thông qua việc thành lập đơn vị mới hoặc chia, tách, sáp nhập, đổi tên một số đơn vị như Thành lập khoa Dinh dưỡng và Ẩm thực [H2.02.04.02], tách Trung tâm Tuyển sinh và Dịch vụ đào tạo thành Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông; Trung tâm Dịch vụ đào tạo và Hỗ trợ sinh viên [H2.02.04.03], tách khoa Công nghệ Sinh học và Kỹ thuật môi trường thành khoa Công nghệ Sinh học và khoa Môi trường – Tài nguyên và Biến đổi khí hậu [H2.02.04.04], Đổi tên Trung tâm Thư viện thành Trung tâm Thông tin Thư viện [H2.02.04.05], Sáp nhập phòng Thanh tra Giáo dục vào phòng Công tác Chính trị và Học sinh sinh viên và đổi tên phòng Công tác Chính trị và Học sinh sinh viên thành phòng Công tác Sinh viên và Thanh tra giáo dục [H2.02.04.06], Sáp nhập khoa Du lịch vào khoa Dinh dưỡng và Ẩm thực và đổi tên thành khoa Du lịch và Ẩm thực [H2.02.04.07]. Cùng với sự điều chỉnh, thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy, đội ngũ CBQL cũng được rà soát và bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, luân chuyển hoặc phân công trách nhiệm lại cho hợp lý nhằm tăng hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị Nhà trường [H2.02.04.08]. Nhân sự phụ trách

các khoa, bộ môn, trung tâm được sáp nhập hoặc thành lập mới đều đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành về công tác cán bộ. Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh quản lý, theo vị trí việc làm đối với đội ngũ viên chức của Trường và cử họ theo học các lớp nâng cao trình độ (thạc sĩ, tiến sĩ), các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là các chương trình tập huấn, bồi dưỡng nhân sự cho hệ thống quản trị. [H2.02.04.09].

Hệ thống văn bản quản lý do được Nhà trường rà soát thường xuyên và đã có những điều chỉnh cải tiến kịp thời đảm bảo phù hợp với điều kiện tình hình thực tế và các quy định hiện hành. Trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021, Nhà trường đã tiến hành rà soát, ban hành mới cũng như điều chỉnh, bổ sung nhiều văn bản phục vụ cho công tác lãnh đạo quản lý như ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động năm 2020 được ban hành để thay thế cho quy chế tổ chức hoạt động năm 2017 [H2.02.04.10], Quy định về tiêu chuẩn, chế độ làm việc năm 2020 được ban hành để thay thế cho quy định về tiêu chuẩn, chế độ làm việc năm 2017 [H2.02.04.11], Quy định về đánh giá, xếp loại thi đua hàng tháng năm 2021 được ban hành để thay thế cho Quy định về đánh giá, xếp loại thi đua hàng tháng năm 2016 [H2.02.04.12], Quy chế Thi đua, Khen thưởng năm 2020 được ban hành để thay thế cho Quy chế Thi đua, Khen thưởng năm 2019. Quy chế chi tiêu nội bộ đã được Nhà trường tiến hành rà soát và điều chỉnh hàng năm [H2.02.04.13]. Ngoài các quy định trên, Nhà trường còn tiến hành điều chỉnh, bổ sung và ban hành nhiều văn bản khác phục vụ cho công tác quản lý, điều hành các hoạt động của Nhà trường như Quy định về công tác tuyển dụng, quy định về công tác bổ nhiệm, quy định về công tác nghiên cứu khoa học, quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy định về công tác giáo vụ khoa,... [H2.02.04.14].

Các hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng như Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng cũng được rà soát, bổ sung, thay thế về chức năng, nhiệm vụ khi có các văn bản mới quy định của nhà nước và thay thế khi có nhân sự chuyển công tác hoặc nghỉ hưu nhằm đáp ứng tốt yêu cầu tư vấn cho Hiệu trưởng trong các mảng công tác của Trường [H1.02.04.15].

Tóm lại, hệ thống quản trị của Nhà trường đã thường xuyên rà soát và cải tiến, điều đó đã giúp tăng hiệu quả hoạt động của Nhà trường đồng thời quản lý tốt các rủi ro tiềm tàng có thể phát sinh trong các hoạt động của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Hệ thống quản trị của Trường đều được thành lập theo đúng các quy định của pháp luật và phù hợp với bối cảnh cụ thể của Nhà trường. Cơ chế hoạt động và mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị được quy định rõ ràng trong việc thực hiện công tác quản trị, quản lý và lãnh đạo, đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Trường. Trong giai đoạn 2017 – 2022, các tổ chức trong hệ thống chính trị của Trường đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, được các cấp, các ngành ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý [H2.02.02.17].

2. Hệ thống quản trị của Nhà trường luôn bám sát vào tình hình thực tiễn và các quy định hiện hành để kịp thời đưa ra kế hoạch chiến lược, định hướng phát triển Nhà trường, đã được thể chế hóa thông qua việc xây dựng và ban hành các văn bản phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường. Công tác chỉ đạo được thực hiện đồng bộ, thống nhất từ trên xuống dưới và được phổ biến rộng rãi đến toàn thể các tổ chức, đơn vị và cá nhân thuộc Trường biết để thực hiện.

3. Hệ thống quản trị của Trường đã thường xuyên được rà soát và hoàn thiện, điều đó đã phát huy được vai trò, trách nhiệm của hệ thống quản trị trong triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động của Nhà trường, qua đó đã kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế giúp cho công tác quản trị của Nhà trường ngày càng hoàn thiện và phát triển.

4. Hệ thống quản trị của Trường đã thường xuyên được rà soát và cải tiến, điều đó đã phát huy được vai trò, trách nhiệm của hệ thống quản trị trong triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động của Nhà trường, đồng thời Nhà trường cũng quản lý tốt các rủi ro tiềm tàng có thể phát sinh trong các hoạt động, giúp cho công tác quản trị của Nhà trường ngày càng hoàn thiện và phát triển.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Việc giám sát các hoạt động của hệ thống quản trị còn hạn chế vì vậy một số hoạt động của hệ thống quản trị chưa phát huy hết được sức mạnh của hệ thống quản trị của Trường.

2. Hệ thống quản trị của Nhà trường đã được rà soát thường xuyên, tuy nhiên, việc rà soát hệ thống quản trị của các đơn vị thuộc Trường diễn ra còn chậm, nhất là trong việc tổ chức và thực hiện các văn bản chỉ đạo của Nhà trường.

3. Hệ thống quản trị của Nhà trường đã được rà soát thường xuyên và cải tiến

tuy nhiên trong giai đoạn tới cơ cấu hệ thống quản trị tiếp tục phải được rà soát và cải tiến theo hướng tiếp tục kiện toàn lại cơ cấu tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị thuộc Trường cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế, các văn bản phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý cần tiếp tục điều chỉnh, cải tiến để phù hợp với tình hình phát triển của Trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Cần tăng cường công tác giám sát lẫn nhau trong hoạt động của hệ thống chính trị	BGH, Đơn vị, cá nhân có liên quan	Thường xuyên	
2	Khắc phục tồn tại 2				
3	Khắc phục tồn tại 3				

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	5.00
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	5

Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh đã xây dựng được cơ cấu quản lý rõ ràng và có những điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với điều kiện tình hình thực tiễn [H3.03.01.01]. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc Trường được thực hiện theo quy định hiện hành [H3.03.01.02]. Hiện nay,

Trường có BCH, 33 đơn vị trực thuộc, bao gồm: 01 viện, 16 khoa đào tạo, 6 phòng, 10 trung tâm. Ngoài ra Trường còn có các Trung tâm, các công ty hoạt động theo cơ chế tự chủ.

BGH gồm 03 người (01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng) quản lý các mặt hoạt động của Nhà trường. Vai trò, trách nhiệm và quan hệ công tác giữa Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động, được cụ thể hóa trong quyết định phân công nhiệm vụ của BGH [H3.03.01.03]. Trong phân công nhiệm vụ BGH, Hiệu trưởng phân công công tác các Phó Hiệu trưởng để giúp Hiệu trưởng theo dõi, chỉ đạo, xử lý các công việc thường xuyên thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng trong từng lĩnh vực công tác của Trường. Hiệu trưởng quản lý chung và trực tiếp phụ trách công tác xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ và nhân sự; 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo sau đại học và NCKH; 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo, bồi dưỡng, công tác giảng dạy và công tác tuyển sinh - truyền thông. Chế độ làm việc tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H3.03.01.04].

Nhằm làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường, tránh tình trạng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị bị chồng chéo, Hiệu trưởng đã ký ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường [H3.03.01.05], đây là văn bản quan trọng để các đơn vị triển khai thực hiện các hoạt động của đơn vị. Nhân sự tham gia cơ cấu quản lý cũng được Nhà trường phân định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định và đã được thể chế hóa trong các văn bản quản lý của Nhà trường như: quy chế tổ chức và hoạt động, quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, quy định chế độ làm việc và nghỉ ngơi đối với giảng viên, viên chức hành chính và người lao động [H3.03.01.06]. Công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý được thực hiện theo đúng quy định về tiêu chuẩn và quy trình về công tác cán bộ do Trường ban hành [H3.03.01.07]. Các trường hợp được bổ nhiệm đều là người có trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm, có sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ và đều nằm trong danh sách quy hoạch đã được phê duyệt [H3.03.01.08].

Chế độ thông tin báo cáo được quy định cụ thể trong Điều 65 Quy chế tổ chức và hoạt động [H3.03.01.09]. Theo đó trước ngày 25 hàng tháng, Trưởng đơn vị, người đứng đầu tổ chức phải báo cáo với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách về tình hình công tác của đơn vị, tổ chức trong tháng và kế hoạch công tác tháng tiếp theo. Báo cáo phải làm bằng văn bản, gửi thông qua phòng Tổ chức Hành chính. Trong trường hợp cần thiết, các Trưởng đơn vị phải báo cáo đột xuất về

những vấn đề theo yêu cầu của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách đơn vị.

Tóm lại, để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của HUFI, lãnh đạo Trường đã thiết lập cơ cấu quản lý cụ thể, rõ ràng, trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo đến từng tổ chức và cá nhân có liên quan trong hệ thống quản trị của HUFI.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Ngay sau khi tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được Nhà trường ban hành [H3.03.02.01]. Lãnh đạo Nhà trường đã tích cực, chủ động trong việc kết nối, tuyên truyền, định hướng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của HUFI, cụ thể:

Hiệu trưởng Nhà trường đã gửi thông điệp về tầm nhìn, sứ mạng và định hướng chiến lược của HUFI đến các bên có liên quan thông qua việc đăng tải trên Website của Trường [H3.03.02.02]. Trong các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, khai giảng năm học, hội nghị viên chức người lao động, các cuộc họp giao ban hàng tháng, các hội nghị sơ kết, tổng kết lãnh đạo Trường đều tham dự và phát biểu, trao đổi, thảo luận. Qua các bài phát biểu, trao đổi, thảo luận, lãnh đạo Nhà trường đã tích cực tuyên truyền về vai trò, sứ mạng của Trường qua đó giúp các bên liên quan nhận thức rõ ràng và đầy đủ hơn về định hướng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của HUFI.

Các hoạt động của lãnh đạo Nhà trường về việc tuyên truyền sứ mạng tầm nhìn và văn hóa của Nhà trường đều đã được cụ thể hóa trong kế hoạch năm học hàng năm [H3.03.02.03]. Kế hoạch này được chi tiết hóa trong kế hoạch công tác tháng và được phổ biến đến các đơn vị thuộc Trường biết để triển khai thực hiện. Hàng tháng, Nhà trường đều tiến hành họp giao ban để tổng kết kết quả hoạt động trong tháng và triển khai kế hoạch công tác tháng tiếp theo [H3.03.02.04]. Trong báo cáo tổng kết và kế hoạch thực hiện đã nêu rõ được những nội dung đã làm được, những hạn chế và nguyên nhân của tồn tại hạn chế. Từ đó lãnh đạo Nhà trường sẽ có chỉ đạo kịp thời nhằm thực hiện tốt mục tiêu về sứ mạng, tầm nhìn của Trường.

Lãnh đạo Nhà trường chỉ đạo xây dựng các kênh tuyên truyền, giới thiệu về Nhà trường như: thành lập Trung tâm tuyển sinh và Truyền thông [H3.03.02.05],

Trung tâm là đơn vị đầu mối Truyền thông các hoạt động của Nhà trường trong đó có nhiệm vụ đưa các thông tin, hình ảnh về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa đến các bên liên quan để thực hiện; chỉ đạo xây dựng và vận hành website Trường, in tờ rơi, pano, áp phích, bảng tin, tuần sinh hoạt công dân đầu năm học [H3.03.02.06].

Lãnh đạo Nhà trường đã chỉ đạo tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo để tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về Nhà trường như: hội thảo "tự chủ đại học, hiện trạng, kết quả, bất cập" năm 2019 [H3.03.02.07], tổ chức ký kết các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các địa phương, đơn vị [H3.03.02.08], tổ chức gặp gỡ hàng năm và duy trì hoạt động kết nối với các cán bộ, giảng viên của Nhà trường đã nghỉ hưu vào các ngày lễ lớn hoặc nhân dịp cuối năm [H3.03.02.09]

Các hoạt động nêu trên của lãnh đạo Nhà trường không chỉ góp phần kết nối CBVC, NH của Trường về định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của HUFI mà còn lan tỏa đối với CBVC, NH, kết nối các cựu sinh viên, các đối tác, cơ quan, đơn vị có liên quan bên ngoài Trường

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên.

HUFI luôn quan tâm tới việc rà soát và hoàn thiện cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và các quy định hiện hành. Nhà trường xác định rõ công tác rà soát và kiện toàn tổ chức bộ máy là công tác có ý nghĩa quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển. Trong kế hoạch công tác hàng năm, nhiệm vụ rà soát về cơ cấu lãnh đạo và quản lý luôn được lãnh đạo Trường quan tâm chú trọng và đưa vào kế hoạch để triển khai thực hiện [H3.03.03.01].

Trên cơ sở kế hoạch công tác hàng năm, Nhà trường đã xây dựng và ban hành công tác kế hoạch hàng tháng [H3.03.03.02], theo đó nội dung rà soát và hoàn thiện cơ cấu lãnh đạo và quản lý là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch. Vào đầu mỗi tháng, Nhà trường tiến hành họp giao ban giữa lãnh đạo Trường với lãnh đạo các đơn vị để sơ kết các công việc hoàn thành trong tháng; chỉ ra các tồn tại, hạn chế, đưa ra kế hoạch cụ thể của Trường và từng đơn vị để triển khai thực hiện trong tháng kế tiếp. Thông qua các cuộc họp, công tác quản lý cũng đã được rà soát nhằm kịp thời nhận ra những hạn chế trong cơ cấu lãnh đạo để có điều chỉnh cho phù hợp.

Để cụ thể hóa các quy định của Nhà nước về tổ chức bộ máy, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản liên quan đến hoàn thiện hệ thống cơ cấu lãnh đạo quản lý như Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường [H3.03.03.03], quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc Trường [H3.03.03.04], quy định về tiêu chuẩn và quy trình công tác cán bộ [H3.03.03.05], Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường [H3.03.03.06]. Đây là những văn bản quan trọng để Nhà trường tiến hành rà soát và hoàn thiện hệ thống cơ cấu lãnh đạo quản lý cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn.

Nhân sự tham gia vào cơ cấu lãnh đạo và quản lý được Nhà trường đánh giá định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc đánh giá đối với cán bộ quản lý được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước [H3.03.03.07] và được Nhà trường thể chế hóa trong quy định về đánh giá đơn vị, viên chức và người lao động của Nhà trường [H3.03.03.08]. Kết quả đánh giá là cơ sở quan trọng để Nhà trường bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác [H3.03.03.09].

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Công Thương [H3.03.03.10], năm 2018, Nhà trường tổ chức Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm đối với các thành viên trong Ban Giám hiệu và đã báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm với Bộ Công Thương [H3.03.03.11].

Công tác quy hoạch là một trong những nội dung quan trọng được Nhà trường tiến hành thường xuyên nhằm chuẩn bị từ xa, tạo nguồn cán bộ dồi dào làm căn cứ để đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ đảm nhận các chức danh lãnh đạo, quản lý vững vàng về chính trị, trong sáng về đạo đức, thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ, có trình độ và năng lực, nhất là năng lực trí tuệ và thực tiễn tốt, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới [H3.03.03.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn.

Trên cơ sở rà soát và hoàn thiện cơ cấu lãnh đạo và quản lý, Nhà trường đã tiến hành cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, giúp Nhà trường đạt được các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Để cơ cấu lãnh đạo và quản lý phù hợp với quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H3.03.04.01], cũng như phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện tình

hình thực tiễn, Nhà trường đã tiến hành thành lập, sáp nhập, đổi tên một số các đơn vị thuộc Trường [H3.03.04.02]. Song song với việc hành thành lập, sáp nhập, đổi tên, Nhà trường đã tiến hành kiện toàn lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý thông qua việc bổ nhiệm, luân chuyển hoặc thay đổi chức danh lãnh đạo quản lý cho phù hợp với cơ cấu tổ chức đã được cải tiến như: cùng với quyết định thành lập Trung tâm dịch vụ là quyết định bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm dịch vụ [H3.03.04.03], cùng với quyết định Sáp nhập Trung tâm Dịch vụ đào tạo và Hỗ trợ sinh viên vào Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông là quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc Trung tâm tuyển sinh và Truyền thông [H3.03.04.04], cùng với quyết định đổi tên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là quyết định thay đổi chức danh lãnh đạo của Trung tâm Quản lý chất lượng [H3.03.04.05].

Nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc của các đơn vị, Nhà trường đã tiến hành rà soát và cải tiến chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường cho phù hợp với điều kiện tình hình thực tiễn như quyết định bổ sung thêm chức năng cho Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông [H3.03.04.06], quyết định giao thêm nhiệm vụ cho Trung tâm Quản lý chất lượng [H3.03.04.07], quyết định chuyển một phần chức năng, nhiệm vụ từ phòng Tổ chức Hành chính sang Trung tâm Dịch vụ [H3.03.04.08].

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý của Nhà trường được thực hiện theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền [H3.03.04.09] và được thể chế hóa trong quy định về công tác cán bộ của Nhà trường [H3.03.04.10]. Năm 2019, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Công Thương, Trường triển khai quy trình đề nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng đối với PGS. TS Nguyễn Xuân Hoàn [H3.03.04.11]. Năm 2020, Trường triển khai quy trình đề nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng đối với 02 đồng chí Thái Doãn Thanh và Lê Thị Hồng Ánh [H3.03.04.12]. Trong giai đoạn 2017 đến năm 2021, Nhà trường đã tiến hành bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Trường như bổ nhiệm Trưởng khoa Công nghệ Thực phẩm [H3.03.04.13], bổ nhiệm Phó trưởng phòng Đào tạo [H3.03.04.14], bổ nhiệm lại Giám đốc Trung tâm Thư viện [H3.03.04.15], điều động và bổ nhiệm Trưởng khoa Công nghệ Hóa học sang giữ chức vụ Trưởng khoa Công nghệ Cơ khí [H3.03.04.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. HUFİ đã thiết lập cơ cấu quản lý rõ ràng, việc phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo được thể chế hóa trong các văn bản quản lý, đây là cơ sở quan trọng để Nhà trường đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

2. Lãnh đạo Nhà trường đã nhận thức sâu sắc về việc quảng bá tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của Nhà trường nên đã chủ động, tích cực tham gia vào việc thông tin, kết nối đối với các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

3. Nhà trường luôn quan tâm tới việc rà soát và hoàn thiện cơ cấu lãnh đạo và quản lý, đây là một trong những nội dung quan trọng để Nhà trường có thể khắc phục những tồn tại, hạn chế giúp cho cơ cấu quản lý của HUFİ ngày càng hoàn thiện và phát triển.

4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của HUFİ được lãnh đạo Nhà trường rất quan tâm chú trọng cho nên được rà soát và cải tiến thường xuyên nên hiệu quả quản lý đã được nâng lên một bước, Nhà trường đã cơ bản đạt được các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Mặc dù lãnh đạo HUFİ đã thiết lập cơ cấu quản lý rõ ràng, việc phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo tuy nhiên một số đơn vị còn chưa nhận thức rõ về vai trò, trách nhiệm cũng như thực hiện chế độ thông tin báo cáo chưa kịp thời, làm ảnh hưởng đến một số hoạt động chung của Nhà trường.

2. Việc kết nối và quảng bá tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Trường chưa được sâu rộng nhất là đối với các cơ quan, tổ chức bên ngoài trong đó có các cơ quan, đơn vị trong phạm vi cả nước, khu vực và thế giới.

3. Việc rà soát về cấu trúc lãnh đạo và quản lý chưa được tiến hành một cách triệt để, các quy định mới của Nhà nước liên quan đến cơ cấu lãnh đạo, quản lý còn chậm được thể chế thành các quy định của Nhà trường.

4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của HUFİ mặc dù đã được lãnh đạo Nhà trường quan tâm chú trọng nhưng kết quả đạt được vẫn chưa được như mong muốn, một số lãnh đạo các đơn vị vẫn còn chưa nhận thức được rõ vai trò, trách nhiệm nên việc triển khai các mục tiêu, kế hoạch của Nhà trường vẫn còn chậm.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Trưởng các đơn vị cần nêu cao tinh thần, trách nhiệm hơn nữa trong công tác quản lý, điều hành nhất là phải nêu cao nhận thức trong vấn đề ra quyết định, thông tin và báo cáo một cách kịp thời để không ảnh hưởng đến các hoạt động của đơn vị và Nhà trường	BGH, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan	Thường xuyên	
2	Khắc phục tồn tại 2	Cần tuyên truyền và quảng bá sâu, rộng hơn nữa về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên có liên quan nhất là đối với cơ quan, tổ chức bên ngoài Trường; cần chú trọng đến quảng bá các giá trị của HUFI đến cá nhân, tổ chức trong khu vực và thế giới.	BGH, Đơn vị, cá nhân có liên quan	Thường xuyên	
3	Khắc phục tồn tại 3	Cần tiến hành rà soát về cấu trúc lãnh đạo và quản lý một cách triệt để, trong đó chú trọng đến việc cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các quy định mới của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thành các văn bản quản lý của Nhà trường	BGH, Đơn vị, cá nhân có liên quan	Định kỳ hoặc thường xuyên	
4	Khắc phục tồn tại 4	Lãnh đạo Trường cần tăng cường công tác giám sát đối với lãnh đạo quản lý các đơn vị. Phòng Tổ chức Hành chính cần tham mưu cho lãnh đạo Trường các giải pháp thiết thực nhằm cải tiến hơn nữa hệ thống lãnh đạo quản	BGH, Phòng TCHC, Trưởng các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		lý của HUFİ.			
5	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát các nội dung liên quan đến vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo, qua đó có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời với điều kiện và tình hình thực tiễn.	BGH, phòng TCHC, các cá nhân có liên quan	Thường xuyên	
6	Phát huy điểm mạnh 2	Lãnh đạo Nhà trường tiếp tục thông tin, kết nối đến các bên liên quan về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của HUFİ thông qua các hoạt động của Nhà trường và quảng bá trên các phương tiện truyền thông đến các bên có liên quan.	BGH, Các đơn vị, cá nhân có liên quan	Thường xuyên	
7	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục coi việc rà soát cơ cấu lãnh đạo và quản lý của HUFİ là một trong những nội dung trọng tâm, trọng điểm để có những chỉ đạo sát sao và kịp thời, từng bước cải thiện hiệu quả công tác quản lý để Nhà trường đã đạt được các mục tiêu, kế hoạch đề ra.	BGH, phòng TCHC, các cá nhân có liên quan	Thường xuyên	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	5.00
Tiêu chí 3.1	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	5

Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường được hành [H4.01.01.01], tại Quyết định này cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng chiến lược cũng như tầm quan trọng chức năng của đơn vị được giao nhiệm vụ.

Để hoàn thiện được Kế hoạch chiến lược cho từng giai đoạn và kiểm soát quá trình thực hiện việc này, Quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược được ban hành. Dựa vào những quy định tại Quy trình này, Trường đã xây dựng “Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển Trường giai đoạn 2018 - 2022 tầm nhìn 2025”. Đầu năm 2021, để chuẩn bị cho việc xây dựng chiến lược giai đoạn tiếp theo, Trường đã tiến hành rà soát lại và ban hành Quy trình xây dựng “Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030” [H4.01.01.02]. Kế hoạch và quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược gồm các bước như sau:

Bước 1: Đánh giá thực trạng hoạt động và các nguồn lực của Trường

Bước 2: Lập kế hoạch

– Thành lập tổ soạn thảo, thống nhất nguyên tắc và nội dung trọng tâm cần thực hiện.

– Tổ soạn thảo lập kế hoạch tiến độ, quy trình triển khai và phân công công việc. Thành viên tổ soạn thảo bắt đầu tìm kiếm thông tin, tài liệu liên quan, chia sẻ.....

Bước 3: Thực hiện

– Xây dựng các biểu mẫu thu thập thông tin. Tiến hành tổng hợp số liệu đối với từng lĩnh vực hoạt động: đào tạo, nghiên cứu khoa học, nguồn nhân lực.

– Sau khi tổng hợp thông tin, thì bắt đầu đánh giá ngoài cấp trường và đối sánh với 116 trường đã đạt chuẩn.

– Tiến hành kiểm tra số liệu thật; Tính các chỉ số cơ bản về kết quả ĐT, NCKH và nguồn nhân lực; Phân tích và đánh giá xu hướng số liệu, đối sánh.

– Seminar về xu hướng giáo dục đại học trước những thách thức của cuộc CMCN4.0; seminar về xây dựng trường đại học theo hướng ứng dụng.

– Phân tích điểm mạnh/yếu, cơ hội/thách thức, đề xuất giải pháp cho từng lĩnh vực của Nhà trường.

– Đề xuất mô hình quản trị đại học của HUFI.

– Tiến hành lấy kiến chuyên gia và các bên liên quan.

– Dự thảo kế hoạch chiến lược phát triển đào tạo, NCKH và nguồn nhân lực

Bước 4: Phổ biến rộng rãi tới toàn thể VC-NLĐ đang công tác tại Trường

Bước 5: Hoàn thiện kế hoạch chiến lược của Trường.

Để xây dựng được kế hoạch và chiến lược phát triển, Trường đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của các bên có liên quan, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và toàn thể VC-NLĐ đang làm việc tại Trường. Việc tiến hành khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan được tiến hành thông qua các buổi Seminar, hoặc bằng văn bản góp ý hoặc qua email [H4.01.01.03].

Từ năm 2015 Trường đã tiến hành xây dựng và ban hành kế hoạch cho từng giai đoạn phát triển của Nhà trường [H4.01.01.04]: Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn 2030; Quyết định ban hành Kế hoạch chiến lược của Trường 2018-2022 tầm nhìn 2026; Quyết định ban hành Kế hoạch chiến lược của Trường 2021-2025 tầm nhìn 2030

Việc lập kế hoạch cụ thể từng giai đoạn như trên nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hoá cũng như các mục tiêu chiến lược trong ĐT, NCKH và PVCĐ. Trong kế hoạch chiến lược mỗi giai đoạn, đã nhấn mạnh mục tiêu phát triển Trường nhằm đảm bảo đào tạo các nhà kỹ thuật, nhà quản lý để cung cấp nguồn nhân lực phù hợp cho công cuộc CNH, HĐH đất nước; tăng cường hợp tác ĐT, NCKH và chuyển giao công nghệ với các Trường đại học, Viện nghiên cứu trên thế giới, thỏa mãn ngày càng cao các yêu cầu của thị trường lao động về cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý trong khối ASEAN và các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược chung của Trường, các đơn vị liên quan đã xây dựng kế hoạch chiến lược cụ thể cho đơn vị mình trình Ban Giám hiệu phê

duyet [H4.01.01.05]. Kế hoạch của các đơn vị đều hướng vào việc thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và giá trị văn hoá cốt lõi của nhà Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Kế hoạch chiến lược của Trường giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn 2030, Kế hoạch chiến lược của Trường giai đoạn 2018-2022 tầm nhìn 2025, Kế hoạch chiến lược của Trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2035 [H4.04.02.01] đã được Ban giám hiệu quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn trong từng năm. Nhà Trường đã ban hành kế hoạch cho từng năm học [H4.04.02.02] và trên cơ sở đó sẽ có kế hoạch hoạt động của Trường trong năm học đó [H4.04.02.03]. Dựa trên kế hoạch hàng năm của Nhà trường, các đơn vị sẽ xây dựng kế hoạch hành động, cụ thể:

- **Về Đào tạo**, chất lượng đào tạo được Trường là mục tiêu quan trọng hàng đầu, nó thể hiện rõ giá trị của Trường. Sau mỗi năm học kết thúc, Trường tiến hành đánh giá tổng kết đánh giá kết quả đào tạo, rút kinh nghiệm cho năm sau đồng thời lập kế hoạch chi tiết cho từng nội dung cho năm học kế tiếp như: rà soát lại CTĐT, các hướng dẫn xây dựng CTĐT, hướng dẫn thẩm định CTĐT, các quy định về chuẩn đầu ra CTĐT, đề cương chi tiết học phần [H4.04.02.04].

- **Về NCKH**, từ kế hoạch chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược nói trên, Trường đã ban hành Quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, kế hoạch NCKH giai đoạn 2017-2022 và kế hoạch triển khai công tác NCKH và Công nghệ từng năm học [H4.04.02.05].

- **Về Đảm bảo chất lượng**, để kiểm soát chất lượng giáo dục và đáp ứng được chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo theo quy định, Trường đã ban hành kế hoạch ĐBCLGD giai đoạn 2017 – 2022 [H4.04.02.06], đồng thời hàng năm đều có kế hoạch triển khai công tác ĐBCL nhằm thường xuyên cập nhập, bổ sung, nâng cấp chất lượng đào tạo trong Nhà trường [H4.04.02.07].

- **Về Tuyển sinh**, Tuyển sinh là một trong những khâu đầu tiên trong quá trình thực hiện tổ chức đào tạo. Trường xác định tuyển sinh là khâu quan trọng trong quá trình đào tạo. Hàng năm, Trường luôn xây dựng đề án tuyển sinh một cách rõ ràng để thực hiện, bao gồm các nội dung quan trọng như: phương thức tuyển sinh, ngành nghề, mã ngành, số lượng chỉ tiêu tuyển sinh [H4.04.02.8].

Kế hoạch chiến lược, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn theo từng lĩnh vực đều

được Nhà trường phổ biến rộng rãi tại cuộc họp giao ban công bố kế hoạch trọng tâm trong một năm học [H4.04.02.9]. Và toàn bộ các kế hoạch này được công bố rộng rãi trên cổng thông tin của Nhà trường [H4.04.02.10]

Cuối mỗi năm học, Trường đều có thông báo tới các đơn vị tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm mà đơn vị mình được giao [H4.04.02.11], dựa trên kết quả báo cáo của mỗi đơn vị, Trường tiến hành tổng kết, đưa ra những điểm mạnh điểm yếu và qua đó có kế hoạch điều chỉnh cho những năm tiếp theo của Nhà trường sao cho phù hợp với thực tế.

Để thực hiện được các mục tiêu tại Kế hoạch chiến lược của Trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2035, Trường đã có thông báo giao nhiệm vụ cho các đơn vị [H4.04.02.12]. Nhằm kiểm soát việc thực hiện này, Trường có Quy trình hướng dẫn việc xây dựng, triển khai và theo dõi việc thực hiện kế hoạch, trong đó hướng dẫn xác định mục tiêu chiến lược, xác định các chỉ tiêu, chỉ số cần thực để đạt tầm nhìn và sứ mạng trong mọi hoạt động của Trường. Và cách thức tổ chức thực hiện, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan [H4.04.02.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Dựa trên Kế hoạch chiến lược của Trường 2018-2022 tầm nhìn 2025, Kế hoạch chiến lược của Trường 2021-2025 tầm nhìn 2030 [H4.03.01]. Hàng năm, kế hoạch thực hiện các hoạt động của Trường như: TS, ĐT, KHCN, ĐBCL, công tác sinh viên.... được nêu rõ ràng trong Kế hoạch năm học, các mục tiêu này được cụ thể hoá nhằm đảm bảo rõ ràng, có tính khả thi phù hợp với nguồn lực của Nhà trường [H4.04.03.02]. Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể được đề ra như sau:

Chỉ tiêu thực hiện	Mục tiêu đề ra cho năm học			
	2020 – 2021	2019 – 2020	2018 – 2019	2017 – 2018
1. Tuyển sinh				
Thạc sĩ	150	120	100	152
Đại học chính quy chương trình đại trà	3750	3500	3500	3500
Đại học liên kết quốc tế	60	30	100	
Liên thông đại học chính quy và văn bằng 2	300	400	400	350
Đại học VLVH	1050	950	950	
Trung học phổ thông	500	500	500	300

Chỉ tiêu thực hiện	Mục tiêu đề ra cho năm học			
	2020 – 2021	2019 – 2020	2018 – 2019	2017 – 2018
Đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn	10000	3000	5000	
2. Đào tạo				
Mở ngành trình độ tiến sĩ	tối thiểu 1 ngành			
Mở ngành trình độ thạc sĩ	tối thiểu 1 ngành	tối thiểu 1 ngành	tối thiểu 3 ngành	tối thiểu 2 ngành
Mở ngành trình độ đại học	tối thiểu 2 ngành	tối thiểu 1 ngành	tối thiểu 3 ngành	tối thiểu 5 ngành
Xây dựng CTĐT theo tín chỉ				ĐH: 120 tín chỉ
CTĐT liên kết quốc tế				tối thiểu 3 ngành
Xây dựng chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao.	tối thiểu 01 chương trình			
Giảng viên thực hiện hoạt động đổi mới dạy học	100% giảng viên	100% giảng viên	100% giảng viên	
Sinh viên hài lòng với các học phần do khoa giảng dạy.	Khoảng 85% sinh viên	Khoảng 80% sinh viên	Khoảng 80% sinh viên	
Sinh viên đại học có kết quả điểm trung bình học kỳ từ 2.0 trở lên	Khoảng 70% sinh viên	Khoảng 70% sinh viên	Khoảng 70% sinh viên	
Sinh viên có việc làm sau 06 tháng tốt nghiệp.	Khoảng 90%	Khoảng 90%	Khoảng 90%	
Triển khai dự án trong dạy học	Dự án E-learning			
Giảng dạy các học phần đại học, thạc sĩ bằng hình thức trực tuyến.	Khoảng 10-20% học phần			
Tổ chức đào tạo văn bằng 2 ngành	QTKD, CNTT			
3. Khảo thí và đảm bảo chất lượng				
Học phần trình độ đại học có ngân hàng đề thi	Khoảng 95% các học phần	Khoảng 80% các học phần	Khoảng 80% các học phần	
Ngân hàng đề thi được cập nhật	Khoảng 25% ngân hàng đề thi	Khoảng 25% ngân hàng đề thi	Khoảng 25% ngân hàng đề thi	

Chỉ tiêu thực hiện	Mục tiêu đề ra cho năm học			
	2020 – 2021	2019 – 2020	2018 – 2019	2017 – 2018
Triển khai tự đánh giá kiểm định trường (chu kỳ 2)	25 tiêu chuẩn với 111 tiêu chí			
Kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn MOET.	04 CTĐH; 03 CTTS		12 CTĐT	
Xây dựng hệ thống website Trường chuẩn bị tham gia xếp hạng Webometrics	đến tháng 7/2021 Trường xếp hạng Top 100, đến 2025 Trường xếp hạng Top 50			
4. Phát triển nguồn nhân lực				
Số lượng giảng viên cơ hữu	502	500	485	482
Số lượng VC cử đi đào tạo tiến sĩ	10	10	16	24
Số lượng VC cử đi đào tạo thạc sĩ				5
Số lượt VC được cử đi bồi dưỡng nghiệp vụ	300 lượt	300 lượt	300 lượt	500 lượt
Số VC được cử đi bồi dưỡng lý luận chính trị	50 người	50 người	5 người	5 người
Số VC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý	60 người	60 người	60 người	
5. Khoa học và công nghệ				
Số bài báo đăng trên tạp chí ISI, Scopus	Tối thiểu 100 bài			
Tổ chức hội thảo khoa học cấp Tỉnh/Thành phố, quốc gia	Tối thiểu 02 HT	Tối thiểu 01 HT	Tối thiểu 01 HT	
Số đề tài cấp Bộ/Tỉnh/Thành phố	Tối thiểu 05 đề tài			
Số giải thưởng khoa học sinh viên	03 giải thưởng			

Chỉ tiêu thực hiện	Mục tiêu đề ra cho năm học			
	2020 – 2021	2019 – 2020	2018 – 2019	2017 – 2018
Số đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệp			Tăng 25% so với năm trước	Tăng 20% so với năm trước
6. Công tác sinh viên				
Tổ chức giao ban công tác sinh viên	01 quý 01 lần	01 quý 01 lần		
Các khoa tổ chức đối thoại sinh viên	02 lần/ 1 năm học	02 lần/ 1 năm học	02 lần/ 1 năm học	
Tổ chức Hội thảo về công tác cố vấn học tập trong năm học.	1 lần/ năm học	1 lần/ năm học	1 lần/ năm học	
Triển khai giải quyết một số nội dung học vụ, chế độ sinh viên qua cổng thông tin sinh viên.	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	
Sinh viên hài lòng với công tác phục vụ của Nhà trường	77%	80%		
Tổ chức sinh viên giao lưu với doanh nghiệp, cựu sinh viên.	8000 lượt sinh viên	10000 lượt sinh viên	10000 lượt sinh viên	
Tổ chức chương trình hỗ trợ thực tập việc làm, phỏng vấn.	02 tháng/ 01 lần	02 tháng/ 01 lần	02 tháng/ 01 lần	
Phối hợp với các khoa tổ chức, hội thảo rèn luyện kỹ năng cho sinh viên trong năm học.	02 cuộc thi/ 1 năm	02 cuộc thi/ 1 năm	12 cuộc thi / 1 năm	
7. Đối ngoại				
Mời giáo sư tại các trường đại học nước ngoài giảng dạy và báo cáo chuyên đề tại trường	Tối thiểu 15 lượt	Tối thiểu 15 lượt	Tối thiểu 12 lượt	Tối thiểu 10 lượt
Giới thiệu và tiến cử giảng viên tham quan và học tập kinh nghiệm tại các trường đại học các nước tiên tiến	Tối thiểu 30 lượt	Tối thiểu 30 lượt	Tối thiểu 32 lượt	Tối thiểu 30 lượt
Mời giảng viên người nước ngoài đến giảng dạy ngôn ngữ tại trường (Anh, Hoa, Hàn...)	Tối thiểu 30 lượt	Tối thiểu 30 lượt	Tối thiểu 30 lượt	Tối thiểu 10 giảng viên
Thực hiện hoạt động (sự kiện) phục vụ cộng đồng.	Tối thiểu 20 hoạt	Tối thiểu 20 hoạt	Tối thiểu 20 hoạt	

Chỉ tiêu thực hiện	Mục tiêu đề ra cho năm học			
	2020 – 2021	2019 – 2020	2018 – 2019	2017 – 2018
	động	động	động	
8. Tài chính				
Nguồn thu trong năm học	Đạt tối thiểu 100% theo kế hoạch	Đạt tối thiểu 100% theo kế hoạch	Tăng 5% so với năm trước	Tăng 6% so với năm trước
Quỹ đầu tư phát triển	đạt 30%	đạt 30%	đạt 30%	
Quỹ hỗ trợ cho người học lên	Tăng 10% so với năm học trước	Tăng 10% so với năm học trước	Tăng 5% so với năm học trước	Tăng 39% so với năm học trước
Kinh phí chi cho đề tài nghiên cứu khoa học và hỗ trợ công bố khoa học cho người học và giảng viên của Trường:	5 tỉ đồng.	4 tỉ đồng	3 tỉ đồng	Tăng tối thiểu 70% so với năm học trước
Thu nhập bình quân đầu người	tăng 3% - 5% so với năm học trước, mục tiêu 20.000.000 đồng/người /tháng	tăng 5% - 7% so với năm học trước	tăng 3% - 5% so với năm học trước	tăng 3% so với năm học trước

Để thực hiện được các mục tiêu năm học đề ra, hàng tháng Trường có kế hoạch công việc cụ thể cho từng nhiệm vụ [H4.04.03.03], tại bản kế hoạch này chỉ rõ chi tiết nhiệm vụ phải làm trong công tác ĐT, NCKH, ĐBCL.... Vào cuối mỗi tháng, các đơn vị thuộc Trường tiến hành tổng kết, báo cáo những công việc, nhiệm vụ đã hoàn thành [H4.04.03.04] và kết quả này là cơ sở để phân bổ phần lương tăng thêm hàng tháng, là tiền đề bổ nhiệm, khen thưởng hoặc kỷ luật VC-NLĐ [H4.04.03.05].

Cuối mỗi năm học, Nhà trường tiến hành đánh giá, so sánh và đối chiếu các mục tiêu đã được đề ra, đồng thời tổng kết lại để điều chỉnh kế hoạch sao cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Nhà trường, đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu này thông qua kế hoạch hành động hàng năm của Trường [H4.04.03.06]. Căn cứ vào kết quả thực hiện công việc trong một năm, Nhà trường thực hiện khen thưởng cho những cá nhân, đơn vị có thành tích xuất sắc

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Nhằm hướng tới mục tiêu đến năm 2030, phát triển Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh theo định hướng ứng dụng hàng đầu của quốc gia, có vị thế trong khu vực và quốc tế, luôn tiên phong trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực phẩm. Vì vậy, định kỳ sau mỗi năm học, mỗi giai đoạn phát triển của Nhà trường, Trường đều có thông báo cho các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công việc của đơn vị mình và dựa vào kết quả báo cáo này Trường tổ chức tiến hành rà soát đánh giá chung những nhiệm vụ đã đạt được, những nhiệm vụ còn chưa hoàn thành hay chưa thực hiện được [H4.04.04.01]. Từ đó lập kế hoạch và quy trình xây dựng kế hoạch phát triển Trường giai đoạn tiếp theo sao cho phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội và tại Kế hoạch này cũng sẽ cải tiến những nhiệm vụ, hoạt động không còn phù hợp với sự phát triển của Nhà trường [H4.04.04.02].

Trong quá trình thực hiện xây dựng kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo, Trường thực hiện báo cáo đối sánh để đánh giá giữa các giai đoạn để xác định những chỉ tiêu, nhiệm vụ nào đã hoàn thành, và những nhiệm vụ nào cần cải tiến [H4.04.04.03].

Với phương châm người học luôn chủ động trong quá trình học tập, phương pháp chủ đạo là tự học và lấy người học là trung tâm; người học với tư duy sáng tạo, luôn phải thích ứng với sự thay đổi của xã hội trên nền tảng kiến thức và kỹ năng được đào tạo, được rèn luyện và phát triển mức tự chủ và trách nhiệm để hòa nhập nhanh với cộng đồng. Do vậy, để phù hợp với triết lý giáo dục, phù hợp với mục tiêu của phát triển dài hạn của Trường, sau khi thực hiện báo cáo đối sánh các kế hoạch của các giai đoạn, xây dựng mục tiêu kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo, Trường ban hành Quyết định kế hoạch chiến lược giai đoạn tiếp theo của Nhà trường [H4.04.04.04]. Kế hoạch này được thông qua tại cuộc họp, nghị quyết của Đảng uỷ [H4.04.04.05], và phổ biến rộng rãi cho toàn thể VC-NLĐ tại hội nghị VC-NLĐ hàng năm [H4.04.04.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Trường ĐH CNTP TP. HCM là cơ sở giáo dục đại học công lập tiên phong trong quản trị đại học, xây dựng Trường đại học hiện đại dựa trên nền tảng đổi mới tư duy quản trị là tự chủ đại học, nhờ có chiến lược đúng từ những ngày đầu có kế hoạch tự chủ và chiến lược được rà soát điều chỉnh theo từng giai đoạn nên trường đã phát triển nhanh, đến nay cơ sở vật chất được thiết kế theo phương thức hiện đại, khang trang, đẹp, thanh lịch và tiện nghi với đầy đủ trang thiết bị hiện đại đáp ứng xu hướng phát triển theo thời đại, mặt khác cũng là điều kiện cần để thực hiện tốt các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Trường.

2. Phát huy được tinh thần tự chủ trong công tác quản lý và đổi mới trong công tác giáo dục, tạo được môi trường làm việc, học tập thoải mái cho VC-NLĐ, HSSV phát huy khả năng sáng tạo, phát triển trong mọi lĩnh vực.

3. Hàng tháng, hàng năm luôn có kế hoạch cụ thể cho từng hoạt động của Nhà trường, quan đó sẽ kịp thời khắc phục những vấn đề còn tồn tại để hoàn thành mục tiêu theo kế hoạch năm học và nâng cao chất lượng của Nhà trường.

4. Hàng năm Trường đều có kế hoạch cụ thể cho từng hoạt động của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Song song với các kế hoạch chiến lược quan trọng của Trường thì kế hoạch phát triển đội ngũ nhân lực khối hành chính cần được chú trọng và cụ hơn để nâng cao năng lực của Trường cũng như nâng cao chất lượng của Trường.

2. Ngoài các chiến lược dài hạn cho các hoạt động, công tác sinh viên cần được nâng cao.

3. Trường chưa có hệ thống đánh giá năng lực thực hiện KPIs toàn diện.

4. Hiện nay Trường chưa có kế hoạch chiến lược hoàn chỉnh, tất cả đều là bản dự thảo nên chưa thể thực hiện bản so sánh đối sánh kế hoạch chiến lược các giai đoạn.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng quy trình thực hiện nhiệm vụ cho mỗi vị trí của VC hành chính	Phòng TCHC và các đơn vị	Năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
2		Có cơ chế khuyến khích đối với VC hành chính	Phòng TCHC và các đơn vị	Năm 2022	
3	Khắc phục tồn tại 2	Tạo sân chơi, không gian cho sinh viên sáng tạo và học tập		Thường xuyên	
4		Tìm kiếm các nguồn học bổng và giới thiệu cho sinh viên		Thường xuyên	
5	Khắc phục tồn tại 3	Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực thực hiện KPIs	Phòng TCHC và các đơn vị	Năm 2022	
6		Áp dụng hệ thống KPIs vào các hoạt động của nhà Trường	Phòng TCHC và các đơn vị	Năm 2022	
7	Khắc phục tồn tại 4	Xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn phát triển theo từng nhiệm vụ		Năm 2022	
8		Ban hành Quy trình xây dựng chiến lược		Năm 2022	
9	Phát huy điểm mạnh 1	Khai thác tính tự chủ trong công tác hoạt động của Nhà trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của Trường	Các đơn vị	Thường xuyên	
10	Phát huy điểm mạnh 2	Xây dựng chương trình đào tạo phù hợp và đáp ứng được với nhu cầu xã hội, doanh nghiệp		Thường xuyên	
11	Phát huy điểm mạnh 3	Phát triển bộ đánh giá công việc hàng năm thành hệ thống chỉ tiêu KPIs cho các hoạt động, cho từng vị trí việc làm cụ thể	Phòng TCHC và các đơn vị	Năm 2022	
12	Phát huy điểm	Dựa kế hoạch năm để xây dựng thành Kế hoạch chiến lược phát		Trước kỳ đánh giá tiếp	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	mạnh 4	triển theo từng giai đoạn		theo	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	5.00
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	5
Tiêu chí 4.4	5

Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

HUFI xác định các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ là những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường. Vì vậy, quy trình triển khai xây dựng chính sách về các hoạt động này luôn được Nhà trường quan tâm. Trên cơ sở thực hiện tuân thủ theo hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước, Bộ Công Thương, Bộ GD&ĐT cùng như tham chiếu, bám sát tầm nhìn sứ mạng của Trường thì HUFI đã xây dựng hệ thống các văn bản quy chế, quy định nội bộ phục vụ cho các hoạt động này để từng bước chuẩn hóa hoạt động quản lý của Nhà trường.

Nhà trường thành lập và phân công các đơn vị, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Các đơn vị trực tiếp chịu trách nhiệm xây dựng dự thảo các quy chế, quy định theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Cụ thể đối với các phòng chức năng: phòng Đào tạo phụ trách dự thảo toàn bộ quy định quản lý hoạt động đào tạo đại học; phòng QLKH và ĐTSĐH phụ trách dự thảo toàn bộ quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo trình độ thạc sĩ; phòng Tổ chức hành chính phụ trách các quy định về

công tác tổ chức nhân sự, chế độ, chính sách đối với cán bộ, viên chức và giảng viên về giảng dạy và NCKH; phòng CTSV và TTGD phụ trách các quy định quản lý hoạt động và các chế độ chính sách đối với sinh viên, thanh kiểm tra các hoạt động nội bộ của Nhà trường; phòng Kế hoạch tài chính phụ trách về các chính sách, quy trình, lộ trình thu – chi tài chính cho viên chức, giảng viên và sinh viên; trung tâm Quản lý chất lượng dự thảo toàn bộ quy định về quản lý hoạt động đánh giá, thi học phần và quy định về đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường [H0.05.01.01] [H5.05.01.02]; đồng thời hằng năm trong báo cáo tổng kết năm học và kế hoạch năm học mới thì các đơn vị có lên kế hoạch đăng ký xây dựng quy chế, quy định, chỉnh sửa, đổi mới cơ chế chính sách và trình Hiệu trưởng phê duyệt trong kế hoạch công tác năm của Nhà trường [H5.05.01.03].

Nhà trường có các văn bản hướng dẫn xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD. Đối với lĩnh vực đào tạo và NCKH đó là Kế hoạch triển khai chiến lược nhà trường giai đoạn 2015-2020, văn bản nêu rõ về phân công nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch phát triển công tác đào tạo và kế hoạch phát triển khoa học công nghệ [H5.05.01.04]. Đối với lĩnh vực phục vụ cộng đồng có văn bản Quy định về công tác PVCD của HUFI, trong đó quy định rõ các hoạt động phục vụ cộng đồng, quy trình thực hiện hoạt động phục vụ cộng đồng được phổ biến thông qua kế hoạch sinh hoạt tuần công dân đầu năm học được đăng tải trên website trường [H5.05.01.05].

Chính sách về đào tạo, NCKH được thể hiện trong các quy chế, quy định về đào tạo, quy định chế độ làm việc của giảng viên, các quy định về công tác đào tạo, các quy định đối với sinh viên; quy định về hoạt động khoa học, công nghệ, sở hữu trí tuệ. Các chính sách tập trung vào việc đa dạng hóa các loại hình NCKH phục vụ nhu cầu thực tiễn công tác giảng dạy, huấn luyện, các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế và trong nước, kỷ yếu Hội thảo khoa học chuyên ngành, chuyển giao công nghệ, gắn chặt các hoạt động NCKH.

Các chính sách về công tác PVCD: các hoạt động mang tính từ thiện, tổ chức các hoạt động gây quỹ ủng hộ người nghèo, hoạt động mùa hè xanh tình nguyện, hiến máu nhân đạo...hoạt động hỗ trợ SV tìm việc làm, tư vấn tư vấn hướng nghiệp. Các hoạt động mang tính chuyên môn là các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo địa chỉ, chuyển giao công nghệ.

Nội dung các chính sách đào tạo, NCKH và PVCD được ban hành phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước, theo Luật GDĐH, Điều lệ trường đại học, quy chế, quy định, thông tư của Bộ GD&ĐT; phù hợp với tầm nhìn,

sứ mang, giá trị cốt lõi, Chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2015-2020 [05.05.01.06] [H5.05.01.07]. Các văn bản này thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế của Nhà trường cũng như các quy chế, quy định được ban hành bởi cơ quan chủ quản và cơ quan Nhà nước. Nội dung cụ thể về chính sách trong đào tạo, NCKH và PVCD được quy định như sau:

– **Đối với chế độ chính sách đào tạo:** Nhà trường giao cho các đơn vị chức năng chủ trì triển khai xây dựng hệ thống các văn bản quản lý về đào tạo, cụ thể: phòng Đào tạo xây dựng quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, quy chế đào tạo văn bằng 2, liên thông vừa học vừa làm, quy định cố vấn học tập, quy định xây dựng chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học [H5.05.01.08]; phòng QLKH và ĐTSĐH xây dựng các quy chế, quy định về quản lý khoa học và công nghệ, quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ [H5.05.01.09], [H5.05.01.10]; Trung tâm QLCL có quy định về kiểm tra đánh giá, quy định xây dựng ngân hàng câu hỏi thi [H5.05.01.11], phòng CTSV và TTGD có quy định về thực hiện chế độ chính sách, miễn giảm học phí, học bổng, khen thưởng, kỷ luật sinh viên [H5.05.01.12], [H5.05.01.13]; chính sách trong công tác tuyển sinh [H5.05.01.14]; Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên [H5.05.01.15].

– **Đối với chính sách về nghiên cứu khoa học:** Trường đã ban hành các văn bản quy định về quản lý hoạt động khoa học, công nghệ, trong đó thể hiện rõ: mục tiêu, nội dung, phân cấp hoạt động khoa học công nghệ; chính sách về quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ; hợp tác quốc tế về KHCN; Công tác sở hữu trí tuệ; các định mức khoa học công nghệ; quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên [H5.05.01.16]; các quy định biên soạn, thẩm định, phát hành giáo trình, xuất bản tạp chí KHCN [H5.05.01.17]. các chính sách khen thưởng cho sinh viên đạt thành tích xuất sắc tại các hội nghị NCKH [H5.05.01.18].

– **Đối với chính sách phục vụ cộng đồng:** Các chính sách về phục vụ cộng đồng mang tính chuyên môn được thể hiện trong kế hoạch công tác năm học hàng năm của Nhà trường [H5.05.01.19].

Các hoạt động phục vụ cộng đồng mang tính xã hội, thiện nguyện khác được Nhà trường Hỗ trợ tài chính và các điều kiện để các tổ chức đoàn thể như Công Đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên thực hiện các hoạt động công ích phục vụ cộng đồng. Công đoàn Trường hàng năm đã tổ chức quyên góp ủng hộ đồng bào vùng ảnh hưởng của bão, lụt; hoàn cảnh, điều kiện khó khăn; Đoàn TN Trường có kế hoạch hàng năm về hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo [H5.05.01.20].

Đối với các chính sách thuộc các lĩnh vực trên, các đơn vị được giao thẩm

quyền xây dựng có nhiệm vụ triển khai lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan. Cụ thể như, đơn vị xây dựng quy chế, chính sách về đào tạo đại học, sau đại học; quy trình xây dựng và ban hành quy chế, quy định về quản lý hoạt động đào tạo đại học, đào tạo trình độ thạc sỹ được triển khai đúng quy trình: Dự thảo các quy chế, quy định và ra thông báo lấy ý kiến góp ý của các đơn vị thuộc Trường, sau đó tổng hợp và tổ chức họp lấy ý kiến của Hội đồng trước khi trình Hiệu trưởng ký duyệt và ban hành. [H5.05.01.21] [H5.05.01.22] [H5.05.01.23].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.

Theo quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, các đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách trực tiếp theo dõi giám sát sự tuân thủ các chính sách [H5.05.02.01]. Đồng thời theo quy định chức năng nhiệm vụ của phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (nay là Trung tâm Quản lý chất lượng) [H5.05.02.02]; và phòng Thanh tra giáo dục (nay là phòng CTSV và TTGD) chịu trách nhiệm phối hợp, theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ, trong đó quy định rõ chức năng nhiệm vụ của công tác thanh tra và quy định tổ chức và hoạt động thanh tra của Trường [H5.05.02.03], ngoài ra Ban Thanh tra nhân dân cũng tham gia giám sát việc thực hiện các chính sách [H5.05.02.04]. Nhà trường đã ban hành sổ tay Đảm bảo chất lượng, trong đó quy định quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ [H5.05.02.05].

Nhà trường mới chỉ ban hành một số văn bản quy định quy trình thực hiện chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ và hiện cũng chưa có văn bản quy định cụ thể về quy trình giám sát về các chính sách này [H5.05.02.06].

Các quy định về theo dõi, giám sát chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được phổ biến đến cán bộ, giảng viên, nhân viên và SV thông qua các đợt sinh hoạt đầu khóa [H5.05.02.07]; kế hoạch công tác năm học [H5.05.02.08]; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm học [H5.05.02.09]; Kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm [H5.05.02.10]; kế hoạch thanh tra hàng năm [H5.05.02.11]. Trong các buổi họp giao ban tháng, lãnh đạo Nhà trường đã phổ biến việc thực hiện, theo dõi, giám sát các chính sách này đến Trưởng các đơn vị trong Trường để triển khai thực hiện bằng thông qua kế hoạch công tác hàng tháng được đăng lên website nội bộ của Trường [H5.05.02.12].

Tổ thanh tra thực hiện giám sát các chính sách, quy định về đào tạo, NCKH và PVCĐ và báo cáo Lãnh đạo Nhà trường trong các cuộc họp giao ban tổng kết công

tác năm. Hàng năm, các phòng ban chức năng có báo cáo tổng kết việc triển khai thực hiện các chính sách đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng thông qua báo cáo tổng kết công tác năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới [H5.05.02.13]; báo cáo hoạt động của ban thanh tra nhân dân hàng năm và phương hướng hoạt động năm học mới [H5.05.02.14].

Đặc biệt, hàng năm Nhà trường đều tổ chức các buổi “Đối thoại sinh viên” lắng nghe những phản hồi từ phía người học về toàn bộ các chương trình học, cơ chế chính sách dành cho người học, để kịp thời điều chỉnh và bổ sung; phòng CTSV và TTGD là đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch và có sự tham gia của các đơn vị phòng ban, chức năng, trung tâm, viện và các khoa đào tạo [H5.05.02.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.

Hệ thống chính sách của HUFI được Nhà trường phân công và triển khai xây dựng đảm bảo đúng quy trình, bên cạnh đó Nhà trường có quy định về rà soát chính sách định kỳ hàng năm, trên cơ sở đó các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức rà soát, cập nhật các văn bản, quy chế, quy định do các quy định của Nhà nước thay đổi và nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD được rà soát theo định kỳ hàng năm, theo kết luận tại các cuộc họp giao ban hàng tháng và giao ban tổng kết năm học của Nhà trường. Các đơn vị theo quy định về chức năng nhiệm vụ tiến hành rà soát, cụ thể: phòng Đào tạo có trách nhiệm tổ chức rà soát các quy định liên quan đến đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, hệ vừa làm vừa học, đại học liên thông, song bằng, văn bằng hai; như cụ thể hóa các nội dung trong quy chế đào tạo, định kỳ sau mỗi khóa học có sự điều chỉnh, cập nhật, bổ sung và hoàn thiện chương trình đào tạo, bổ sung quy định chuẩn đầu ra. Phòng QLKH và ĐTSĐH chịu trách nhiệm tổ chức rà soát các quy định liên quan đến chính sách về đào tạo trình độ thạc sĩ, quản lý các hoạt động về khoa học và công nghệ; Công đoàn, Đoàn thanh niên và các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ phụ trách chịu trách nhiệm rà soát việc thực hiện các chính sách về PVCD.

Kế hoạch rà soát và nội dung rà soát các chính sách được thể hiện trong kế hoạch triển khai chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2015-2020 [H5.05.03.01], kế hoạch công tác năm học [H5.05.03.02]. Nội dung rà soát các quy định, quy chế, rà soát chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra, rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng nghề nghiệp đề phù hợp với nhu cầu xã hội. Rà

soát hệ thống các văn bản quy định về quản lý KHCN, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, các chính sách về phục vụ cộng đồng, các chế độ chính sách đối với giảng viên, sinh viên được triển khai thực hiện như sau:

Định kỳ Nhà trường đều tiến hành rà soát thực hiện các chính sách, xem xét việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy chế và các thủ tục, quy trình hiện hành của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ và của Trường. Việc rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được thông qua các cuộc họp và được thể hiện bằng các biên bản rà soát, điều chỉnh: Hợp ban xây dựng đề án tuyển sinh, hợp Hội đồng tuyển sinh hàng năm [H5.05.03.03]; Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo [H5.05.03.04]; Quy định hoạt động khoa học công nghệ [H5.05.03.05], biên bản cuộc họp đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Nhà trường [H5.05.03.06].

Từ kết quả rà soát các chính sách, Nhà trường đã ban hành những quy định mới để triển khai thực hiện như: chuẩn đầu ra [H5.05.03.07], chương trình đào tạo [H5.05.03.08], các văn bản Quy định về quản lý hoạt động KH&CN [H5.05.03.9], Quy định về đào tạo, bồi dưỡng viên chức [H5.05.03.10]; Quy định chế độ làm việc của viên chức và NLĐ [H5.05.03.11], Quy định về chế độ, chính sách của viên chức [H5.05.03.12]; Quy định chế độ, chính sách đối với sinh viên [H5.05.03.13], Quy định về công tác phục vụ cộng đồng [H5.05.03.14].

Hàng năm về việc thực hiện các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ được đánh giá thông qua báo cáo tổng kết năm học [H5.05.03.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Thông qua việc rà soát thường xuyên các chính sách, kết quả khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ như ý kiến phản hồi của CB, GV, NV thông qua hội nghị VC và NLĐ hàng năm, báo cáo tổng kết năm học. Nhà trường đã cải tiến, điều chỉnh và ban hành các văn bản quy định về chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ làm tăng hiệu quả hoạt động của Nhà trường.

Về chính sách đào tạo: Nhà trường có những rà soát, cải tiến nhằm bổ sung, điều chỉnh các chính sách như: chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh nhằm đảm bảo tiêu chí tuyển sinh của Nhà trường và tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh [H5.05.04.01]; chương trình đào tạo [H5.05.04.02], quy định về thẩm định CTĐT

[H5.05.04.03]; rà soát và cập nhật bài giảng, giáo trình [H5.05.04.04]; xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển đội ngũ giảng viên [H5.05.04.05];

Chính sách đào tạo của Nhà trường là mở rộng đào tạo theo định hướng ứng dụng, cho nên Trường đã ký kết hợp tác với một số cơ quan, doanh nghiệp trong nước [H5.05.04.06];

Về NCKH: Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh, xây dựng mới các văn bản về NCKH ngày càng chặt chẽ hơn, chi tiết hơn và bám sát hơn tình hình thực tiễn của nhà trường, gồm các nội dung: về Sở hữu trí tuệ; hướng dẫn thực thi đạo đức trong NCKH; hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, định mức khối lượng NCKH, Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên, Quy định về việc đăng ký, biên soạn, thẩm định và phát hành giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo [H5.05.04.07]. Quy định về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học cấp Trường, cấp đơn vị [H5.05.04.08]. Các chính sách này đã tập trung vào việc đa dạng hóa các loại hình NCKH phục vụ công tác giảng dạy, huấn luyện, các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế và trong nước, khuyến khích đầu tư xây dựng những đề tài NCKH chất lượng cao, tăng cường kinh phí cho nghiên cứu khoa học, động viên khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học nâng cao chất lượng đào tạo trong Nhà trường.

Về phục vụ cộng đồng: Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về công tác phục vụ cộng đồng trong đó quy định rõ các hoạt động phục vụ cộng đồng gồm: các hoạt động mang tính chuyên môn, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo địa chỉ, chuyển giao công nghệ, các hoạt động thiện nguyện mang tính từ thiện nguyện [H5.05.04.09]. Nhà trường còn giao cho Trung tâm Quản lý chất lượng có trách nhiệm rà soát, khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp, khảo sát sự hài lòng của viên chức về các chính sách [H5.05.04.10]; tổ chức các cuộc thi với ý tưởng khởi nghiệp, ngày hội việc làm [H5.05.04.11].

Các chính sách sau khi rà soát, cải tiến đã được Nhà trường lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng của các bên liên quan thông qua các báo cáo tổng kết, báo cáo khảo sát mức độ hài lòng về các chính sách [H5.05.04.12]. Kết quả thực hiện các chính sách được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học tại hội nghị viên chức và người lao động hàng năm [H5.05.04.13]; Báo cáo tổng kết hoạt động công đoàn, Đoàn Thanh niên hàng năm [H5.05.04.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Nhà trường đã ban hành các quy định, văn bản, chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ phù hợp với các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược phát triển của HUFI.

2. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được lấy ý kiến của các đơn vị liên quan trong Trường, được cụ thể hóa bằng các văn bản được lãnh đạo Nhà trường phê duyệt và triển khai thực hiện.

3. Nhà trường có phân công các bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được rà soát thường xuyên nhằm phù hợp với các quy định của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

5. Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được Nhà trường rà soát và cải tiến thường xuyên nên chất lượng giáo dục không ngừng được nâng cao và thu hút nhiều sinh viên hơn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn trong việc xây dựng chính sách nhưng công tác tập huấn chưa thực hiện tốt.

2. Nhà trường chưa có văn bản quy định cụ thể về quy trình giám sát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3. Việc rà soát các hoạt động phục vụ cộng đồng chưa được chú trọng từ việc ra các quyết định rà soát đến việc thực hiện rà soát.

4. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về đánh giá các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ chưa được đầy đủ và kịp thời.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm tập huấn về quy trình xây dựng, rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH	P.ĐT, P.QLKH &ĐTSDH, P.CTSV&	Từ năm học 2021-2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		và PVCĐ vào đầu năm học	TTGD và các đơn vị liên quan		
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng văn bản quy định cụ thể về quy trình giám sát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ	P.ĐT, P.QLKH & ĐTSĐH, P.CTSV & TTGD	Năm học 2021-2022	
3	Khắc phục tồn tại 3	Cần bổ sung thêm quy định về quy trình rà soát các chính sách phục vụ cộng đồng và đẩy mạnh việc rà soát các hoạt động này để các chính sách phục vụ cộng đồng ngày càng được hoàn thiện hơn.	Các đơn vị phòng ban chức năng	Từ năm học 2021-2022	
4	Khắc phục tồn tại 4	Thực hiện định kỳ về việc lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình xây dựng chính sách, trong quá trình thực hiện và sự hài lòng của các bên về các chính sách	TT.QLCL và các đơn vị chủ trì xây dựng chính sách	Từ năm học 2021-2022	
5	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng để đáp ứng sự phát triển của Nhà trường và nhu cầu các bên liên quan	ĐU/BGH và các đơn vị liên quan	Năm 2021 và các năm tiếp theo	
6	Phát huy điểm mạnh 2				
	Phát huy điểm mạnh 3	Các đơn vị được phân công tiếp tục theo dõi, giám sát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ	Các đơn vị phòng ban chức năng	Năm 2021 và các năm tiếp theo	
	Phát huy	Tiếp tục rà soát các chính sách	Các phòng	Năm học	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 4	về đào tạo và PVCĐ, đổi mới chính sách phát triển NCKH nhằm đẩy mạnh hoạt động KH&CN của Nhà trường	ban chức năng, các khoa đào tạo và đội ngũ GV	2021-2022	
	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục duy trì và thường xuyên cải tiến chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ để đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và thu hút sinh viên ngày càng đông hơn.	P.ĐT, P. QLKH&Đ TSDH và các đơn vị liên quan	Từ năm học 2021-2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	4.75
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	4
Tiêu chí 5.3	5
Tiêu chí 5.4	5

Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nguồn nhân lực là tiền đề cho việc nâng cao chất lượng trong các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Nhà trường. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, mục tiêu chất lượng nguồn nhân lực đã được Nhà trường nêu rõ và cụ thể trong mỗi một giai đoạn phát triển của Nhà trường. Mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chỉ rõ những nội dung cần phải thực hiện như: cơ cấu tổ chức, phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu đạt trình độ 100% từ thạc sỹ trở lên, chính sách và thu hút nguồn

nhân lực chất lượng cao. Căn cứ theo kế hoạch phát triển Trường qua từng thời kỳ, Trường đã có chiến lược phát triển đội ngũ nhân lực thông qua Đề án vị trí việc làm [H6.06.01.01]. Tại Đề án vị trí việc làm đã chỉ rõ nhu cầu về số lượng và chất lượng nhân lực cần đáp ứng với từng vị trí chức danh, từng vị trí việc làm.

Đồng thời, Trường đã ban hành các văn bản hành lang pháp lý quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo các cấp thuộc Trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Trung tâm, Viện, Bộ môn thuộc Khoa và tương đương thuộc Trường [H6.06.01.02]. Theo đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng nguồn nhân lực của Trường đều được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Mỗi giai đoạn Trường đều thực hiện rà soát, bổ sung nhân sự. Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng dựa trên kết quả rà soát tình hình nhân sự và nhu cầu của các đơn vị. Việc tuyển dụng này được thực hiện theo quy trình tuyển dụng VC-NLĐ, có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch [H6.06.01.03].

Hàng năm, để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ VC-NLĐ, Trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng bổ sung nhân lực cho vị trí còn thiếu nhằm củng cố thêm cho các hoạt động của Nhà trường [H6.06.01.04].

Trong quá trình phát triển của Nhà trường về ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên có năng lực trình độ chuyên môn cao, Trường luôn có chính sách thu hút và đãi ngộ để tuyển dụng được VCGV có trình độ tiến sĩ, chức danh PGS, GS về công tác tại Trường [H6.06.01.05].

Với từng giai đoạn phát triển của Nhà trường, công tác phát triển đội ngũ nhân lực được Trường đặt là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, giai đoạn 2015-2020 Trường nhấn mạnh: *“thu hút người tài, các chuyên gia đầu ngành kể cả người nước ngoài, kết hợp gửi giảng viên đi đào tạo tiến sĩ trong nước và nước ngoài để đạt tỷ lệ 90% giảng viên đạt trình độ thạc sĩ và 25% đạt trình độ từ tiến sĩ trở lên. Trường khoa và Tổ trưởng bộ môn phải đạt trình độ từ tiến sĩ trở lên”*. Đặc biệt, Trường cũng nhấn mạnh *“Ưu tiên tuyển dụng người có học vị tiến sĩ, thạc sĩ loại xuất sắc hoặc giỏi từ nhiều nguồn để bổ sung và đa dạng hóa cán bộ và giảng viên; đội ngũ giảng viên đạt 600 người để bảo đảm tỷ lệ sinh viên/giảng viên không quá 25”*. Trong xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn 2035, Trường tiếp tục nhấn mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực: *“Xây dựng đội ngũ VC-NLĐ có đủ phẩm chất, năng lực, số lượng và cơ cấu hợp lý, bảo đảm sự chuyển tiếp vững vàng, liên tục giữa các thế hệ cán bộ quản lý và GV, với bốn mục tiêu cụ thể: Đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ VC-NLĐ đáp ứng quy mô đào tạo của nhà trường; Bố trí*

nhân sự hợp lý đảm bảo thực hiện có chất lượng và hiệu quả theo vị trí công việc; Đảm bảo các chính sách thu nhập, đãi ngộ phù hợp; Tạo được môi trường giáo dục đại học năng động, sáng tạo thu hút được nhân tài [H6.06.01.06].

Vào cuối mỗi năm học, Trường thực hiện tổng kết báo cáo đánh giá về các hoạt động của Trường. Trong đó đã tiến hành báo cáo đánh giá về nguồn nhân lực hiện tại và nhu cầu nguồn nhân lực để đáp ứng nhiệm vụ ĐT, NCKH và PVCĐ. Kế hoạch nhu cầu về nguồn nhân lực được lồng ghép vào Báo cáo tổng kết mỗi năm học của Nhà trường, kế hoạch cũng chỉ rõ nhu cầu về số lượng, chất lượng nhân lực cần bổ sung ứng với mỗi vị trí công việc cần thực hiện nhiệm vụ cho năm học tới của Trường [H6.06.01.07].

Kết quả việc thực hiện Kế hoạch và chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Trường đã hình thành nên một đội ngũ VC-NLĐ có chất lượng phù hợp với từng nhiệm vụ cụ thể của Nhà trường. Tính đến ngày 31/7/2021, Trường có 737 VC-NLĐ, trong đó VC-NLĐ là giảng viên giáo viên có 501 người, VC-NLĐ là nhân viên hành chính có 236 người, được thể hiện qua bảng cơ sở dữ liệu như sau:

Bảng 6.1A. Số lượng VC-NLĐ phân theo học hàm học vị

Học hàm, học vị	Số lượng	Tỷ lệ %
Giáo sư	2	0.27%
Phó Giáo sư	18	2.44%
Tiến sỹ (không bao gồm GS, PGS)	94	12.75%
Thạc sỹ	429	58.21%
Đại học	114	15.47%
Khác	80	10.73%
Tổng cộng	737	100%

Bảng 6.1B. Số lượng VC-NLĐ là giảng viên giáo viên phân theo học hàm học vị

Học hàm, học vị	Số lượng	Tỷ lệ %
Giáo sư	2	0.40%
Phó giáo sư	18	3.59%
Tiến sỹ	94	18.76%

Thạc sĩ	370	73.85%
Cử nhân	17	3.39%
Tổng cộng	501	100%

Bảng 6.1C. Số lượng VC-NLĐ là giảng viên giáo viên phân mã ngạch

Mã ngạch	Số lượng	Tỷ lệ %
Giảng viên cao cấp (hạng I)	9	1.80%
Giảng viên chính (hạng II)	17	3.39%
Giảng viên (hạng III)	451	90.02%
Giáo viên THPT (hạng III)	6	1.20%
Giảng viên hợp đồng	18	3.59%
Tổng cộng	501	100%

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.

Nguồn nhân lực là vấn đề cốt lõi của mỗi đơn vị, muốn đơn vị phát triển thì chất lượng NNL phải được đặt lên hàng đầu trong khâu tuyển dụng. Tại Quy chế về tổ chức và hoạt động của Nhà trường đã quy định rõ và cụ thể về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của một số chức danh đứng đầu Nhà trường [H6.06.02.01]. Đối với chức danh Hiệu trưởng được quy định tiêu chuẩn như sau: *Hiệu trưởng phải có trình độ từ tiến sĩ trở lên, có trình độ lý luận cao cấp, có uy tín khoa học, có kinh nghiệm nhiều năm trong quản lý giáo dục*; Chức danh Phó hiệu trưởng: *có trình độ từ thạc sĩ trở lên, đối với PHT phụ trách hoạt động ĐT và QLKHNCN có trình độ từ tiến sĩ, có trình độ lý luận trung cấp, uy tín và có năng lực trong quản lý*; Quy định về Hội đồng khoa học và Đào tạo của Trường gồm từ 11 đến 25 thành viên, bao gồm: *Hiệu trưởng, một số phó hiệu trưởng; trưởng của một số khoa, viện, phòng chức năng trong trường; đại diện giảng viên, nghiên cứu viên của nhà trường có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc trình độ tiến sĩ; một số đại diện các nhà khoa học có liên quan hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường.....*

Để Trường phát triển như hiện tại bây giờ là nhờ có một đội ngũ nhân lực vững mạnh có năng lực. Quy trình tuyển dụng VC-NLĐ ảnh hưởng rất lớn đến chất

lượng NNL của Nhà trường, do vậy Trường đã xác định rõ các tiêu chuẩn, tiêu chí để tuyển dụng được một VC-NLĐ có trình độ chuyên môn và phù hợp với vị trí việc làm. Những điều này được nêu rõ Quy chế tuyển dụng và sử dụng VC-NLĐ đang làm việc tại Trường [H6.06.02.02].

Căn cứ theo chiến lược phát triển từng giai đoạn của Trường và thực hiện công tác quy hoạch, Trường đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo các cấp thuộc Trường. Theo đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng VC quản lý của Trường đều được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường và đáp ứng nhu cầu hoạt động của Nhà trường. Mỗi giai đoạn Trường đều thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch [H6.06.02.03]. Việc bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý đối với VC dựa trên cơ sở trình độ chuyên môn, năng lực và thành tích NCKH của VC nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo của Trường. Quy trình bổ nhiệm VC quản lý được thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Trường. Trường đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý. Quy định này được thực hiện thống nhất trong Trường [H6.06.02.04]

Các văn bản quy định về các tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau thông qua Egov, Website của Trường [H6.06.02.05]

Đồng thời, để đánh giá chất lượng của VC-NLĐ hàng tháng, hàng năm, Trường đã ban hành một hệ thống các văn bản quy định về công tác đánh giá, xếp loại thi đua đối với VC-NLĐ đang công tác tại Trường. Việc thực hiện đánh giá VC-NLĐ sẽ là cơ sở để mỗi cá nhân tự xem xét, đánh giá lại kết quả mà mình đã thực hiện được trong một năm, những hạn chế còn tồn tại từ đó sẽ đưa phương hướng để hoàn thiện bản thân. Những văn bản này đã quy định rõ về nội dung, trình tự, thẩm quyền đánh giá, hướng dẫn thực hiện đánh giá và xếp loại VC-NLĐ thông qua bộ tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện công việc [H6.06.02.06], [H6.06.02.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau.

Đội ngũ VCQL của Trường có năng lực chuyên môn cao, phẩm chất đạo đức tốt, được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ và theo đúng các tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với từng chức danh. Ngoài các tiêu chuẩn chung theo quy định của pháp luật, VCQL phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên ngành và các điều kiện tiêu chuẩn riêng của

mỗi chức danh lãnh đạo. Trong Quy chế về tổ chức và hoạt động Trường, quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ phải làm và quyền hạn của VC giữ chức vụ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, Trưởng bộ môn, Phó trưởng bộ môn, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng được nêu cụ thể và chi tiết. [H6.06.03.01].

Trên cơ sở Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Trường cụ thể hoá các tiêu chuẩn năng lực, kỹ năng lãnh đạo của đội ngũ VC-NLĐ trong Bản mô tả vị trí việc làm [H6.06.03.02]. Tại bản mô tả vị trí việc làm này, yêu cầu VC-NLĐ phải có đủ các tiêu chuẩn tiêu chí cho công việc mà còn mô tả chi tiết nhiệm vụ những công việc phải thực hiện.

Các quy định về tiêu chuẩn tiêu chí tuyển dụng của Trường được quy định đầy đủ, chi tiết trong Quy chế tuyển dụng và sử dụng VC-NLĐ đang làm việc tại Trường [H6.06.03.03]. Tại Quy chế này, đã nêu rõ những nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, hồ sơ và quy trình tuyển dụng.

Đồng thời, dựa trên bản mô tả vị trí việc làm của từng nhân sự Trường cũng có kế hoạch xây dựng Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2021-2025 [H6.06.03.04] làm cơ sở cho các kế hoạch về tuyển dụng VC-NLĐ, bổ nhiệm các chức danh quản lý và kế hoạch phát triển, đào tạo đội ngũ nhân lực của Trường. Tại bản Đề án vị trí việc làm này nêu rõ vị trí các việc làm, kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch quy hoạch VCQL, số liệu thống kê về VC-NLĐ theo nhu cầu của từng đơn vị trong Trường; cụ thể các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, độ tuổi, giới tính, kinh nghiệm cho mỗi vị trí việc làm; ngoài ra cũng mô tả chi tiết công việc phải thực hiện, điều kiện làm việc và những yêu cầu cần có cho vị trí công việc này. Đề án được lấy ý kiến rộng rãi trong toàn Trường và các bên liên quan. Được ban hành và được công khai trên Egov, Website của Trường.

Đội ngũ VCQL của Trường là những người có trình độ chuyên môn cao, năng lực quản lý tốt. Tính đến ngày 31/7/ 2021, Nhà trường có tổng số 64 CBQL từ cấp phó trưởng đơn vị đến các thành viên trong Ban Giám hiệu, trong đó có 7 PGS.TS, 15 tiến sĩ (không bao gồm PGS), 38 thạc sĩ, 4 đại học [H6.06.03.06].

Hàng năm, việc đánh giá về năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ VCQL được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức, trong đó có Kết quả đánh giá thi đua hàng năm. Thông qua hình thức này, Trường đã đánh giá đúng VCQL về năng lực chuyên môn, trách nhiệm, thực hiện nhiệm vụ theo đúng các quy trình và chính sách của Nhà trường trong điều hành công việc. [H6.06.03.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

Xác định nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên là yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo, NCKH và khẳng định uy tín, vị thế, thương hiệu của Nhà trường. Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã cụ thể hóa mục tiêu chiến lược về đội ngũ CB, GV, NV và xác định cho từng lộ trình cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ thông qua kế hoạch các năm học [H6.06.04.01]. Năm 2017 Nhà trường xây dựng đề án vị trí việc làm [H6.06.04.02] đánh giá và xác định cụ thể công tác phát triển đội ngũ CB, GV, NV. Cuối năm 2017, Nhà trường được Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 4982 phê duyệt Đề án việc làm, Danh mục vị trí việc làm và Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh [H6.06.04.03].

Để quản lý và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC, căn cứ vào các văn bản quy định của Nhà nước, Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CCVC thuộc Bộ Công Thương [H6.06.04.04], Trường đã ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CCVC và NLĐ của HUFV [H6.06.04.05]. Hàng năm giao cho phòng Tổ chức hành chính rà soát và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.04.06].

Căn cứ nhu cầu thực tế qua từng giai đoạn, Nhà trường triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng dựa trên nhu cầu thực tế của Nhà trường và CB, GV, NV [H6.06.04.07].

Để triển khai các hoạt động phát triển đội ngũ CB, GV, NV được tốt hơn, hàng năm Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng và điều chỉnh để xây dựng kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo nhằm nâng cao công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực đạt được hiệu quả tốt hơn [H6.06.04.08].

Bên cạnh đó, Nhà trường luôn coi trọng ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có phản hồi của đội ngũ CB, GV, NV về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn để kịp thời rút kinh nghiệm trong công tác xây dựng kế hoạch hàng năm. Các thông tin phản hồi và góp ý được tổng hợp và lập thành báo cáo tổng kết tổng kết năm học hàng năm [H6.06.04.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ là một quá trình gồm các bước từ xác định nội dung, mục tiêu công việc đến theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện công việc giữa cán bộ quản lý và giảng viên, nhân viên nhằm đảm bảo các nhiệm vụ và mục tiêu công việc được thành công, góp phần vào mục tiêu chung của Nhà trường.

Nhà trường đã xây dựng quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV thông qua quy định về đánh giá phân loại đơn vị, công chức, viên chức và người lao động [H6.06.05.01]. Việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có sự tham gia đóng góp ý kiến của các đơn vị [H6.06.05.02]. Hàng năm, P. TCHC làm đầu mối xây dựng kế hoạch, hướng dẫn tổ chức triển khai, đánh giá phân loại viên chức và người lao động đến các đơn vị trong Trường [H6.06.05.03]. Các đơn vị tổ chức đánh giá viên chức, người lao động theo quy trình, trên cơ sở đó Nhà trường họp xét và ban hành Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động hàng năm [H6.06.05.04].

Nhà trường ban hành quy chế về công tác thi đua khen thưởng [H6.06.05.05]. Lấy ý kiến góp ý dự thảo về quy chế nâng bậc lương hàng năm [H6.06.05.06] và các nội dung quy định về việc nâng lương được thể hiện trong Kế hoạch nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét nâng bậc lương trước thời hạn cho viên chức và người lao động [H6.06.05.07]. Các quy định được phổ biến, công khai trên bảng tin, trang điện tử của Nhà trường [H6.06.05.08].

Căn cứ vào kết quả phân loại viên chức và quy định về công tác thi đua khen thưởng, hội đồng thi đua khen thưởng tiến hành bình xét và đề nghị Nhà trường công nhận danh hiệu thi đua năm học [H6.06.05.09].

Kết quả đánh giá phân loại viên chức là căn cứ quan trọng để bố trí, sử dụng đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phân bổ kinh phí hàng năm [H6.06.05.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

Việc thực hiện các chế độ, chính sách cho VC, NLĐ luôn được đảm bảo thực

hiện theo đúng các quy định, kịp thời; có đơn vị chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo về chế độ, chính sách nên việc triển khai có nhiều thuận lợi, có khả năng thu hút được nhiều nhân lực có chất lượng cao.

Hàng năm, P.TCHC là đơn vị thường trực, tham mưu, triển khai rà soát và báo cáo việc thực hiện các chế độ, chính sách [H6.06.06.01], quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực [H6.06.06.02]. Kết quả thực hiện rà soát các chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực còn được tổng hợp trong báo cáo tổng kết hàng năm của trường [H6.06.06.03].

Quá trình rà soát, đánh giá về chế độ, chính sách, quy chế, quy định và quy hoạch về nguồn nhân lực được tổ chức thực hiện căn cứ trên các ý kiến góp ý của toàn thể viên chức Nhà trường tại Hội nghị VC và NLĐ hàng năm [H6.06.06.04]. Trong quá trình rà soát, Nhà trường đã ban hành mới hoặc điều chỉnh, bổ sung một số quy định, quy chế phù hợp với tình hình thực tế của Trường: Quy chế Tổ chức và hoạt động [H6.06.06.05]; Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.06.06]; Quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc và nghỉ ngơi đối với VC, NLĐ; [H6.06.06.07]; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.06.08]; Quy chế hoạt động KH&CN [H6.06.06.09]; Quy chế thi đua khen thưởng [H6.06.06.10].

Từ việc thực hiện rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực Nhà trường có kế hoạch phát triển nguồn lực [H6.06.06.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Dựa trên kết quả rà soát về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực, HUFI phân tích tình hình nhân sự cụ thể để cải tiến nhằm hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Để có được đội ngũ viên chức ngày càng phát triển, hoạt động hiệu quả như hiện nay do Nhà trường thường xuyên điều chỉnh, bổ sung, cải tiến các chế độ, chính sách về nguồn nhân lực như chế độ lương, thưởng, phúc lợi, các chính sách về NCKH, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cụ thể như sau:

Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung theo năm học [H6.06.07.01]. Chế độ, chính sách đối với các giảng viên có chức danh GS, PGS và trình độ TS được kéo dài thời gian làm công tác chuyên môn đã và đang được Nhà trường áp dụng theo đúng quy định [H6.06.07.02].

Quy định về đánh giá, phân loại đơn vị, CCVC và NLĐ được Nhà trường ban

hành tạm thời năm 2018, được thay thế năm 2019 [H6.06.07.03]; việc sửa đổi theo hướng chấm điểm và đánh giá theo chức vụ, mỗi đối tượng có tiêu chí đánh giá riêng, các biểu mẫu đều đã được mã hóa [H6.06.07.04]. Bên cạnh đó việc đánh giá xếp loại thi đua tháng cũng sẽ đánh giá kịp thời, khắc phục ngay những hạn chế thường gặp trong quá trình công tác của viên chức, tạo động lực, khuyến khích được VC và NLĐ phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ [H6.06.07.05], phục vụ tốt cộng đồng.

Quy chế thi đua, khen thưởng được ban hành năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung năm 2020 [H6.06.07.06]. Quy chế được bổ sung cập nhật theo hướng cụ thể và thực tế hóa các tiêu chuẩn, tiêu chí xét cho phù hợp với điều kiện và đặc thù công tác của Trường; lấy kết quả đánh giá CCVC làm cơ sở xét thi đua. Qua đó, việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng mang tính thiết thực, khuyến khích cá nhân và đơn vị phát huy năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Quy chế tổ chức và hoạt động của HUFİ được ban hành năm 2017 và được sửa đổi, bổ sung năm 2020 [H6.06.07.07]. Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ được ban hành năm 2017, được sửa đổi, bổ sung và ban hành thay thế vào năm 2019; tiếp tục được điều chỉnh, bổ sung và ban hành thay thế vào cuối năm 2020 [H6.06.07.08]. Quy chế quy định nhiều nội dung, trong đó có nội dung về khen thưởng trong lĩnh vực NCKH, khuyến khích CCVC tham gia viết đề tài khoa học, biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ việc giảng dạy và học tập.

Năm 2017, Nhà trường ban hành Quy định đào tạo, bồi dưỡng CCVC và NLĐ, Quy định này được sửa đổi, bổ sung thành quy chế và ban hành thay thế năm 2020 [H6.06.07.09]. Quy chế nêu rõ quy định về thủ tục báo cáo và cập nhật chi tiết về cách tính chi phí đền bù, chi phí chế độ đối với các trường hợp tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Qua đó đánh giá được trách nhiệm của các đơn vị quản lý và của người học trong công tác này.

Đối với công tác quy hoạch và rà soát quy hoạch nhân sự, Nhà trường đã rà soát điều chỉnh quy hoạch nguồn nhân lực đến năm 2026 theo hướng dịch chuyển cơ cấu chuyên môn sang các lĩnh vực có nhu cầu nhân lực cao, tuyển sinh tốt, đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức để tăng hiệu quả hoạt động của các đơn vị [H6.06.07.10]. Việc quy hoạch nguồn nhân lực cũng được Nhà trường rà soát trong Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường [H6.06.07.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Trường ĐH CNTP TP. HCM là cơ sở giáo dục đại học công lập tiên phong trong quản trị đại học, xây dựng Trường đại học hiện đại dựa trên nền tảng đổi mới tư duy quản trị là tự chủ đại học. Nhờ có chiến lược đúng, từ những ngày đầu Trường đã có kế hoạch tự chủ và chiến lược được rà soát điều chỉnh theo từng giai đoạn nên Trường đã hoàn toàn tự chủ trong việc được tuyển dụng nhân sự theo đúng yêu cầu để đáp ứng được vị trí công việc.

2. Các tiêu chí tuyển dụng đã được xác định một cách rõ ràng và được phổ biến công khai. Các VCQL được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Trường.

3. Trong mỗi một giai đoạn phát triển của Trường, Trường luôn khẳng định quan điểm về vấn đề phát triển nguồn nhân lực là cốt lõi cho sự phát triển của Nhà trường. Nhờ vậy, Trường đã xây dựng được đội ngũ VC-NLĐ trẻ, đam mê và nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và tăng lợi thế cạnh tranh cho Nhà trường.

4. Đề án vị trí việc làm quy định rõ những năng lực và kinh nghiệm cho từng vị trí lãnh đạo, CBQL và các vị trí của GV và NV của Nhà trường. Những tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm cho từng vị trí là cơ sở để Nhà trường thực hiện quy hoạch đội ngũ CB, GV, NV của Trường. Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, Nhà trường đã tạo điều kiện cho CB, GV, NV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn.

5. Nhà trường đã ban hành Quy định đánh giá CCVC và Quy chế thi đua khen thưởng, xây dựng tiêu chí và quy trình rõ ràng. Chế độ khen thưởng và ghi nhận thành tích thi đua trong năm học được thực hiện kịp thời, khách quan đã tạo động lực làm việc cho CCVC và NLĐ, góp phần tạo tính hấp dẫn cho môi trường làm việc để thu hút các giảng viên có trình độ cao và năng lực tốt từ các cơ quan, đơn vị khác.

6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát, kiểm tra và báo cáo thường xuyên, đảm bảo thực hiện đúng quy định và kịp thời, tạo được niềm tin cho VC và NLĐ.

7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên và tích cực cải tiến. Vì vậy số lượng và chất lượng đội ngũ CCVC Nhà trường ngày càng phát triển, đáp ứng tốt công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Hàng năm chưa có báo cáo đánh chất lượng nguồn nhân lực từ các đơn vị thuộc Trường, vì vậy cũng còn rất nhiều vị trí việc làm thuộc tình trạng: thừa việc mà thiếu người hoặc thừa người nhưng không có việc làm.

2. Mặc dù, các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển ở các đợt tuyển dụng của Trường vẫn còn hạn chế. Tiêu chí tuyển dụng cao và chưa cụ thể đối với từng chuyên ngành, do đó việc tuyển dụng người đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo thường gặp khó khăn.

3. Cải cách chế độ chính sách cho VC-NLĐ để phát huy được tối đa lợi thế và nâng cao năng lực cạnh tranh của Trường hơn.

4. Chưa có kế hoạch cụ thể riêng về bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ để họ có thể nhanh chóng thay thế đội ngũ GS, PGS đã lớn tuổi.

5. Mặc dù Nhà trường đã ban hành nhiều quy định, quy chế về công tác cán bộ nhưng Trường cũng chưa xây dựng được một văn bản riêng quy định tiêu chuẩn năng lực đối với chức danh lãnh đạo, quản lý.

6. Chế độ tiền lương hiện nay của Nhà trường còn ở mức trung bình, chưa thực sự khuyến khích được các cá nhân có năng lực và cống hiến tốt.

7. Quy chế tuyển dụng, quy chế nâng bậc lương đã được góp ý dự thảo nhưng đến nay vẫn chưa được ban hành.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Cần sớm triển khai đề án trả lương theo vị trí việc làm, trả lương theo công việc, nhiệm vụ được giao nhằm khuyến khích được VC-NLĐ phát huy tối đa tinh thần làm việc, học tập và tự chủ sáng tạo.	Phòng TCHC chủ trì và các đơn vị thuộc Trường	Năm học 2021-2022	
2	Khắc	Tiếp tục rà soát, đổi mới các	Phòng	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	phục tồn tại 2	phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Mặt khác, sẽ cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.	TCHC	(theo năm học)	
3		Yêu cầu các Khoa, đơn vị tích cực chủ động tìm kiếm GV có trình độ cao và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị mình.	Phòng TCHC và Các đơn vị	Hàng năm (theo năm học)	
4	Khắc phục tồn tại 3	Trong những năm tới, Nhà trường sẽ tiếp tục đánh giá về hiệu quả công tác của VCQL để giám sát, tăng cường năng lực quản lý, phẩm chất đạo đức và mức độ hoàn thành công việc và có kế hoạch cải thiện chất lượng, hiệu quả công tác của đội ngũ quản lý thuộc Trường.	Các đơn vị	Thường xuyên	
5		Xây dựng bản mô tả vị trí việc làm cho giai đoạn 2021-2025	Các đơn vị	Năm 2022	
6	Khắc phục tồn tại 4	Lập kế hoạch bồi dưỡng hàng năm cho đội ngũ giảng viên trẻ nhắm vào những vị trí cần bổ sung hoặc thay thế cụ thể và các kế hoạch bồi dưỡng dài hạn cho từng giai đoạn	Phòng TCHC	Năm học 2021-2022	
7	Khắc phục tồn tại 5	Xây dựng văn bản quy định cụ thể hóa các tiêu chuẩn năng lực đối với chức danh lãnh đạo, quản	Phòng TCHC	Năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		lý			
8	Khắc phục tồn tại 6	Xây dựng bổ sung chính sách phụ cấp thu hút.	Phòng TCHC, KHTC	Năm 2022	
9	Khắc phục tồn tại 7	Cần sớm ban hành Quy chế tuyển dụng, quy chế nâng bậc lương	P.TCHC	Năm học 2021-2022	
10	Phát huy điểm mạnh 1	Phát huy tính tự chủ được quyền quyết định trong việc tuyển dụng lựa chọn người đáp ứng được công việc theo vị trí việc làm.	Phòng TCHC	Theo kế hoạch của Trường đề ra trong mỗi năm học	
11	Phát huy điểm mạnh 2	Dựa trên các quy định, tiêu chí đưa ra để tự chủ trong việc tuyển dụng theo nhu cầu, vị trí việc làm của Trường.	Phòng TCHC	Hàng năm (theo năm học)	
12	Phát huy điểm mạnh 3	Bồi dưỡng và phát huy nguồn nhân lực trẻ của Nhà trường	Các đơn vị	Thường xuyên	
13	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định, quy trình, kế hoạch quản lý và phát triển nguồn nhân lực	Phòng TCHC và các đơn vị	Hàng năm	
14	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục duy trì chế độ khen thưởng và ghi nhận thành tích thi đua để tạo động lực làm việc cho VC và NLĐ	BGH, Phòng TCHC và Phòng KHTC	Năm 2021 và các năm tiếp theo	
15	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực	BGH/P. TCHC/ P.KHTC	Năm 2021 và các năm tiếp theo	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
16	Phát huy điểm mạnh 7				

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	4.57
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	5
Tiêu chí 6.5	4
Tiêu chí 6.6	4
Tiêu chí 6.7	4

Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM (HUFI) là trường Đại học được Thủ tướng Chính phủ giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, giai đoạn 2015-2017 [H7.07.01.01] và Quyết định phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM [H7.07.01.02]

Căn cứ vào cơ cấu tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM [H7.07.01.03], quyết định thành lập phòng Kế hoạch Tài chính, chức năng nhiệm vụ của phòng Kế hoạch Tài chính [H7.07.01.04], Nhà

trường đã xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn về công tác tài chính phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.01.05] Cụ thể: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển tài chính giai đoạn 2017-2021, trong đó đã xác định quy mô sinh viên hàng năm khoảng trên 3.500 và nguồn thu ổn định từ học phí, trường xây dựng định mức thu học phí hằng năm [H7.07.01.06]. Trên cơ sở chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM đến năm 2025, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.03], kế hoạch nguồn thu, chi từ hoạt động đào tạo, chi cho nhân sự [H7.07.01.05], báo cáo tổng kết các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng của năm trước [H7.07.01.07], Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển tài chính giai đoạn 2017 - 2025 trong đó xác định rõ những giải pháp để tạo ra các nguồn thu hợp pháp đảm bảo việc thực hiện Sứ mạng, Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược trong hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.01.8].

Căn cứ vào kế hoạch phát triển tài chính dài hạn thông qua báo cáo tình hình hoạt động thực tế năm học hiện tại của các đơn vị trong Trường [H7.07.01.09], phòng Kế hoạch Tài chính thống kê các nguồn kinh phí thu – chi cho các hoạt động [H7.07.01.10] báo cáo Ban giám Hiệu nhà Trường từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm, kế hoạch phát triển nguồn thu với những chỉ số tài chính cụ thể [H7.07.01.05]. Nhằm đảm bảo việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm có hiệu quả, Nhà trường đã ban hành các quy chế, quy định và hướng dẫn trong quá trình thực hiện các hoạt động đầu tư cho đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và các hoạt động khác của Nhà trường cụ thể: ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.01.11], Quy định chế độ làm việc với cán bộ, giảng viên [H7.07.01.12], Quy chế tài chính trong đó hướng dẫn quy trình thanh toán, quy trình tạm ứng, quy trình hoàn ứng, quy trình mua sắm sửa chữa tài sản [H7.07.01.13], Quy chế quản lý tài sản công [H7.07.01.14]... Kế hoạch phát triển về tài chính để tăng các nguồn thu hợp pháp cũng như công tác quản lý tài chính của Nhà trường khi xây dựng và triển khai thực hiện đều tuân thủ theo đúng quy định của Quy chế hoạt động của Nhà trường [H7.07.01.03], Quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.01.11] và theo Luật Kế toán, Luật Đấu thầu, các quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán [H7.07.01.15].

Hằng năm căn cứ vào kế hoạch tài chính đã được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt [H7.07.01.05], Nhà trường triển khai đảm bảo đúng chế độ, chính sách, quy định và quy chế hiện hành và kết quả triển khai được thể hiện thông qua các Báo cáo quyết toán năm [H7.07.01.16]. Công tác kiểm tra kiểm toán về công tác tài chính được thực hiện theo quy định kiểm toán nhà nước thông qua báo cáo Kiểm toán nhà nước [H7.07.01.17], Kiểm toán độc lập các dự án xây dựng [H7.07.01.18].

Trường thực hiện đăng ký mã số thuế [H7.07.01.19], lập báo cáo thuế hàng tháng và quyết toán thuế đúng quy định [H7.07.01.20].

Vào đầu mỗi năm học, căn cứ vào kế hoạch và báo cáo tài chính của năm trước, BGH và Kế hoạch Tài chính rà soát và đánh giá hoạt động và hiệu quả thu, chi của năm trước [H7.07.01.21], từ kết quả rà soát, đánh giá đó Nhà trường kịp thời cập nhật cơ cấu nguồn thu để đảm bảo kế hoạch tài chính cho năm học hiện tại [H7.07.01.05]. Bên cạnh nguồn thu học phí đào tạo trường phát triển tăng nguồn thu từ các hoạt động KHCN từ các đề tài cấp bộ, cấp nhà nước [H7.07.01.22], các hợp đồng chuyển giao công nghệ [H7.07.01.23], hợp đồng liên kết đào tạo ngắn hạn [H7.07.01.24]. Song song với việc cơ cấu lại nguồn thu, Nhà trường cũng rà soát và cơ cấu lại định mức chi để đảm bảo phù hợp với các kế hoạch thu. Cụ thể: Nhà trường đầu tư xây dựng nâng cấp hạ tầng phục vụ cho hoạt động đào tạo như xây dựng Trung tâm Thư Viện hiện đại trên 20 tỷ đồng với trang thiết bị hiện đại và trên 10.000 đầu sách được mua mới và cập nhật thường xuyên, Xây dựng TT Thí nghiệm thực hành giai đoạn 1 và giai đoạn 2 [H7.07.01.25]. Mua sắm trang thiết bị Thí nghiệm thực hành tiên tiến và hệ thống CNTT hiện đại [H7.07.01.26]. Từ năm 2019 nhà Trường đầu tư tất cả các phòng học đều được trang bị máy lạnh với hệ thống máy lạnh trung tâm, bên cạnh đó Trường còn đầu tư hệ thống điểm danh hiện đại cho cả Giảng viên và sinh viên [H7.07.01.27].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Căn cứ vào Quyết định số 2636/QĐ-BCT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phân cấp thẩm quyền quyết định việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Công Thương [H7.07.02.01], Phòng Quản trị Thiết bị là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.02.02]; Song song với việc bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất tại các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH do Trung tâm Thí nghiệm thực hành chịu trách nhiệm [H7.07.02.03].

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, Phòng Quản trị Thiết bị xây dựng kế

hoạch năm học [H7.07.02.04], và kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn và dài hạn về cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng [H7.07.02.05],

Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu sử dụng và cân đối nguồn kinh phí Nhà trường phê duyệt danh mục dự toán mua sắm để đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng trang thiết bị theo kế hoạch. [H7.07.02.06],

Đối với từng khoản kinh phí đầu tư cho nâng cấp cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị đầu tư luôn thực hiện sau khi kế hoạch được duyệt. [H7.07.02.07],

Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 – 2017 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 901/QĐ-TTg ngày 23/06/2015 [H7.07.02.08]: Trong đó, Trường đã chủ động huy động cân đối nguồn thu và huy động các nguồn hợp pháp khác; quyết định các dự án đầu tư, mua sắm, sửa chữa để phát triển tổng thể cơ sở vật chất của Trường theo mô hình Trường đại học hiện đại trên thế giới.

Ngoài ra, Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2025 được ban hành giúp Trường có kế hoạch từng bước phát triển các nguồn lực đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng trong tương lai [H7.07.02.09].

Việc rà soát và đánh giá hiệu quả đầu tư CSVC và cơ sở hạ tầng được thực hiện thông qua: Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng hoạt động, nhiệm vụ của Nhà trường, trong đó có nhiệm vụ về đầu tư CSVC và CSHT phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng [H7.07.02.10]; Báo cáo tháng và kế hoạch triển khai công tác tháng của các đơn vị [H7.07.02.11].

Phòng Công tác HSSV và Thanh tra Giáo dục là đơn vị có trách nhiệm ghi nhận phản ánh thông tin về CSVC và CSHT của công chức, viên chức và sinh viên thông qua các phản ánh trực tiếp tại Hội nghị tổng kết công tác năm [H7.07.02.10].

Việc chú trọng và thực hiện kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bảo trì cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị cho nên cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị được cải thiện, mở rộng không ngừng: Tại cơ sở chính 140 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, cơ sở hạ tầng được sửa chữa thường xuyên hàng năm và mua sắm mới nhằm tạo điều kiện tốt hơn như: Lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ cho giảng đường, lắp đặt thang máy phục vụ sinh viên [H7.07.02.07], và hoàn thành công tác đầu tư xây dựng Trung tâm thí nghiệm thực hành (giai đoạn 2)

đã làm cho nhiều chỉ tiêu quan trọng về CSVC và CSHT tăng lên đáng kể [H7.07.02.12].

Để đảm bảo cho việc bảo trì cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị tại các cơ sở của Trường được đáp ứng nhu cầu dạy và học tập, hàng năm Trung tâm Thí nghiệm Thực hành lên kế hoạch sửa chữa trang thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành tại Trung tâm [H7.07.02.13]. Phòng Quản trị Thiết bị lên kế hoạch sửa chữa hệ phục vụ phòng học, phòng làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H7.07.02.14].

Mặt khác, Cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị được thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản hàng năm [H7.07.02.15]. Số liệu theo dõi, dựa trên sổ tài sản kiểm kê định kỳ hằng năm [H7.07.02.16].

Tuy nhiên, Phòng Quản trị Thiết bị báo cáo công tác sửa chữa hệ năm [H7.07.02.17], Trung tâm thí nghiệm thực hành đã lập biên bản bảo trì, sửa chữa trang thiết bị tại phòng thí nghiệm và thực hành [H7.07.02.18]. Do đó, toàn bộ hệ thống phòng học, phòng thực hành, phòng làm việc và các thiết bị của Nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Theo kết quả khảo sát, lấy ý kiến đo lường sự hài lòng của sinh viên đối với cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng của Trường đạt trung bình hàng năm 78% [H7.07.02.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng trong trường đại học đóng vai trò rất quan trọng đến việc cung cấp các dịch vụ, phục vụ nhu cầu đào tạo, nghiên cứu NCKH và PVCD.

Hiện nay, trường ĐH CNTP TP.HCM giao nhiệm vụ cho Trung tâm Công nghệ Thông Tin (TT.CNTT) là đơn vị quản trị các thiết bị CNTT, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng nội bộ, hệ thống dự phòng, bảo mật, quyền truy cập và các phương tiện có liên quan đến hệ thống máy tính của Trường để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý của Nhà trường [H7.07.03.01].

TT.CNTT chịu trách nhiệm quản lý, sửa chữa, bảo trì hệ thống cơ sở hạ tầng

CNTT, hệ thống mạng, lập kế hoạch bảo trì, nâng cấp thường xuyên và liên tục [H7.07.03.02].

Hàng năm, TT.CNTT phối hợp cùng phòng QTTB và phòng KHTC tham mưu cho BGH trong việc xây dựng kế hoạch đầu tư về CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập trên phạm vi toàn trường. Căn cứ quyền tự chủ về tài chính đầu tư về CNTT và cơ sở hạ tầng báo cáo kết quả kiểm toán cuối năm và kế hoạch hàng năm Nhà trường bố trí nguồn kinh phí đầu tư cung cấp cơ sở hạ tầng bao gồm hệ thống mạng, các phòng thực hành máy tính, phòng thí nghiệm, các phòng học. Nhờ vậy hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng của Trường được thường xuyên đầu tư nâng cấp đáp ứng cho các nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý của Nhà trường [H7.07.03.03].

Trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021, trên cơ sở kế hoạch hàng năm đã được BGH phê duyệt, TT.CNTT triển khai thực hiện đầu tư về thiết bị công nghệ thông tin, chi cải tạo sửa chữa, chi ứng dụng CNTT và cơ sở hạ tầng [H7.07.03.04]. Nhờ vậy, hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được thường xuyên đầu tư cung cấp đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu của công chức, viên chức và sinh viên nhà Trường [H7.07.03.05].

Bảng 7.3A. Thống kê hệ thống CNTT của Trường ĐHCNTP TP.HCM

STT	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung
1	Phòng máy chủ	– Có 9 máy chủ, tủ rack, Switch, Router, hệ thống lưu trữ dữ liệu tập trung, hệ thống điều hòa không khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy.
2	Phòng thực hành máy tính, phòng LAB	– 19 phòng thực hành máy tính cho SV chuyên ngành và đào tạo tin học đại cương – 2 phòng máy tính đào tạo tin học cho SV chuyên ngành CNTT – 1 phòng máy tính đào tạo tin học cho SV chuyên ngành TCNH
3	Hạ tầng mạng	– Trang bị tại tất cả các tòa nhà hành chính, giảng đường, ký túc xá được kết nối bằng sợi dây cáp quang thông qua các thiết bị Core Switch và Access Switch. – Đường truyền internet: 10 đường truyền internet với tốc độ cao.
4	Hệ thống bảo	Sử dụng firewall cứng và phần mềm diệt virus

STT	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung
	mật	
5	Quyền truy cập	– Tài khoản email đối với đơn vị tên miền info@hufi.edu.vn. – Tài khoản email đối với CB, GV tên miền Tên + họ + đệm@hufi.edu.vn. – Tài khoản của SV truy cập vào phần mềm quản trị trường học của Nhà trường là Mã sinh viên. – Tài khoản học tập trực tuyến Microsoft Team của SV là mã số sinh viên@hufi.edu.vn.
6	Các phần mềm quản lý	– Cổng thông tin Trường – Cổng thông tin đào tạo – Cổng thông tin việc làm – Phần mềm Quản lý nhân sự – Phần mềm Quản lý văn bản – Phần mềm Thi trắc nghiệm – Phần mềm Kế toán – Phần mềm Quản lý sinh viên – Phần mềm Thư viện

Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập đối với từng loại hình đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý của Nhà trường được thực hiện theo quy chế, báo cáo đánh giá hàng năm của TT. CNTT về hiệu quả sử dụng của trang thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng [H7.07.03.06]. Ngoài ra thông tin còn được lưu lại tại nhật ký phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm [H7.07.03.07].

Nhà trường còn có bộ phận tiếp nhận ý kiến phản hồi từ giảng viên, sinh viên và các đơn vị trong trường về sự cố trang thiết bị, hệ thống CNTT của Nhà trường bên cạnh đó Nhà trường tiến hành khảo sát xin ý kiến CBNV, giảng viên và người học về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT, việc sử dụng hệ thống máy tính và trang thiết bị chất lượng cao được đầu tư phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý của Nhà trường kết quả khảo sát cho thấy trên% cán bộ, giảng viên và% sinh viên đánh giá hài lòng về trang thiết bị được đầu tư. [H7.07.03.08].

Công tác rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập dựa trên các kế hoạch đã được BGH phê duyệt và thống kê nhu cầu đầu tư về các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng được triển khai hàng năm.

Theo đó hàng năm, TT.CNTT phối hợp với các đơn vị sử dụng tài sản, cơ sở vật chất trong Trường tiến hành kiểm kê, đánh giá hiệu quả của đầu tư các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng dựa trên việc đối chiếu các kết quả rà soát thực tế với kế hoạch đầu tư đề ra. Trên cơ sở đó đề xuất nâng cấp, cải tiến thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập đáp ứng được nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý của Nhà trường [H7.07.03.09].

Bảng 7.3B. Thống kê kết quả cải tiến hạ tầng và dịch vụ CNTT

STT	Năm	Hiện trạng	Cải tiến hạ tầng CNTT	Cải tiến dịch vụ CNTT
1	2017	- Hệ thống wifi chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của sinh viên - Hệ thống lưu trữ quá tải	Tăng cường 05 switch HP, 4 thiết bị WIFI	- Cải thiện dịch vụ lưu trữ và quản lý dữ liệu website - Nâng cấp hệ thống WIFI của trường
2	2018	- Máy Server không đủ dung lượng - Các cơ sở bên ngoài chưa có mạng WIFI	- Tăng cường thêm 7 ổ cứng - Lắp đặt mới và di dời 12 Access Point WIFI - Bảo trì, sửa chữa phòng máy	- Cải thiện dịch vụ lưu trữ - Lắp đặt wifi tạm thời cho các cơ sở Tân kỳ Tân quý và Chế Lan Viên
3	2019	- Mạng internet còn yếu và chưa ổn định - Chưa có phần mềm để thực hiện các công tác quản lý tại Trường	- Lắp đặt mạng mới trên hội trường C - Nâng cấp hệ thống quản lý thi trắc nghiệm, nâng cấp hệ thống cổng sinh viên, cổng hành chính điện tử	- Triển khai lắp đặt hệ thống mạng tốc độ cao. - Đầu tư thêm các phần mềm Quản lý phục vụ cho công tác đào tạo

STT	Năm	Hiện trạng	Cải tiến hạ tầng CNTT	Cải tiến dịch vụ CNTT
			– Mua mới hệ thống quản lý ký túc xá, hệ thống đào tạo trực tuyến, hệ thống quản lý nghiên cứu khoa học, hệ thống quản lý tài sản, thiết bị,... một số phân hệ và chức năng khác	
4	2020	– Phòng máy xuống cấp – Chưa áp dụng CNTT vào công việc quản lý tại Trường – Camera phòng học bị tín hiệu kém	– Trang bị thêm 110 máy tính mới để đáp ứng nhu cầu giảng dạy – Nâng cấp hệ thống quản lý thi trắc nghiệm, nâng cấp hệ thống cổng sinh viên, cổng hành chính điện tử – Thay mới	– Xây dựng Hệ thống thông tin xử lý một cửa ngành Quản lý nhà nước phục vụ thực hành giảng dạy – Triển khai phần mềm Quản lý văn bản, Quản lý tài liệu lưu trữ – Tăng cường mạng Internet công cộng khu vực Trường – Tăng cường giám sát an ninh
5	2021	– Chưa có thiết bị đọc vân tay – Máy Server không đủ dung lượng – Thư viện trường chưa có hệ thống mạng LAN, camera, WIFI	– Lắp đặt thiết bị đọc vân tay – Mua mới thiết bị lưu trữ, ổ cứng lưu trữ – lắp đặt hệ thống mạng LAN, hệ thống camera, hệ thống WIFI	– Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị CNTT, hệ thống mạng định kỳ – lắp đặt hệ thống mạng LAN, hệ thống camera, hệ thống wifi cho thư viện

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy,

CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Với mục tiêu cung cấp môi trường học thuật chất lượng, là nơi giảng viên, sinh viên có thể tìm thấy được mọi sự hỗ trợ liên quan đến học tập, giảng dạy và nghiên cứu thông qua các nguồn tài nguyên thông tin, dịch vụ, cán bộ hỗ trợ, không gian và tiện ích tại Thư viện trường [H7.07.04.01]. Trong những năm qua, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh đã rất chú trọng phát triển hệ thống thư viện trên nhiều phương diện cơ sở vật chất, công nghệ, dữ liệu, con người. Chính vì thế, bên cạnh việc xây dựng đội ngũ nhà giáo, đội ngũ cán bộ quản lý, Nhà trường đã và đang quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thư viện đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để cùng đồng hành với Nhà trường hoàn thành mục tiêu đề ra [H7.07.04.02]; đồng thời tiến hành đầu tư, nâng cấp và đưa thư viện mới vào hoạt động với tổng diện tích sử dụng trên 1.700m² [H7.07.04.03]. Thư viện gồm 4 tầng được thiết kế theo mô hình không gian học tập chung tiện nghi và thân thiện, đáp ứng được môi trường học tập, nghiên cứu chuyên nghiệp dành cho cán bộ viên chức, giảng viên, học viên, sinh viên trong trường và có thể phục vụ 600 người sử dụng cùng lúc tại các khu chức năng: *Không gian học tập chung* gồm 01 phòng thuyết trình, 01 phòng nghiên cứu, 04 phòng thảo luận nhóm, khu vực hội thảo,...; *Không gian cho các dịch vụ thông tin* gồm các quầy thông tin, khu vực trưng bày tài liệu mới, khu vực sử dụng máy tính, các điểm truy cập nhanh, các trạm in ấn đa chức năng, trạm mượn trả sách tự động,...; *Không gian giao lưu học tập* gồm các điểm gặp gỡ, khu vực đọc giải trí, sảnh triển lãm,... *Không gian cho các dịch vụ, sản phẩm đặc biệt* gồm khu vực trưng bày các sản phẩm,.. với đầy đủ các trang thiết bị công nghệ thông tin và dịch vụ hỗ trợ.

Bên cạnh đó, với giải pháp quản lý theo công nghệ RFID thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý đồng bộ, hệ thống các trang thiết bị hiện đại: Trạm mượn trả sách tự động; cổng an ninh thư viện; máy in đa chức năng, chip RFID cho tài liệu,... [H7.07.04.04] không chỉ hỗ trợ đắc lực trong quá trình kiểm soát lưu thông, mượn/trả tài liệu, sách báo mà còn nâng cao tính tự phục vụ, tạo sự riêng tư và chủ động của người sử dụng trong việc thực hiện các thủ tục mượn/ trả sách.

Nguồn tài nguyên thông tin tại thư viện cũng được trang bị phong phú, đa dạng. Hàng năm thư viện đánh giá hiệu quả phục vụ và có kế hoạch phát triển nguồn lực thông tin đúng, đủ theo nhu cầu của người sử dụng [H7.07.04.05]. Ngoài kho tài liệu môn học được cập nhật theo từng đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo gồm giáo trình chuyên ngành, tài liệu tham khảo chính và tài liệu tham khảo mở rộng phục vụ cho từng môn học cụ thể [H7.07.04.06] và được rà

soát định kỳ để đề xuất bổ sung kịp thời [H7.07.04.07]; Thư viện còn xây dựng thư viện số Tailieu.HUFI với trên 3.500 tài liệu và các cơ sở dữ liệu mua quyền sử dụng như: CSDL tạp chí chuyên ngành KH&CN trong nước; Cơ sở dữ liệu Pháp luật Việt Nam; CSDL tài liệu điện tử của các NXB nổi tiếng trên thế giới như Springer Nature, Proquest Central, Science@Direct, IEEE Xplore Digital Library, ACS, Scopus, Bộ sưu tập sách điện tử IG Publishing,... thông qua Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia; hợp tác xây dựng, phát triển và vận hành thư viện số (Tailieu.VN) với tên miền <http://thuvienso.cntp.edu.vn/> có hơn 1.700.000 tài liệu [H7.07.04.08]. Song song đó, Thư viện trường còn cung cấp kết nối đến các nguồn học liệu miễn phí như CSDL Khoa học và Công nghệ STINET (Mạng liên kết nguồn lực thông tin KH&CN) [H7.07.04.09].

Để không ngừng cải tiến chất lượng phục vụ từ đó có kế hoạch cải tiến tốt hơn, hiệu quả hơn giúp thư viện ngày một phát triển, hỗ trợ đắc lực cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong toàn trường. Thư viện thường xuyên thực hiện việc công tác bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị [H7.07.04.10], tổng kết đánh giá hiệu quả hoạt động của Thư viện [H7.07.04.11] và thống kê tình hình phục vụ người sử dụng hàng tháng [H7.07.04.12]; đồng thời, định kỳ tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người sử dụng thư viện thông qua hình thức trực tuyến [H7.07.04.13]. Từ kết quả khảo sát, đánh giá, cho thấy đa số người dùng mong muốn Thư viện đáp ứng ngày càng tốt hơn nữa về nguồn lực thông tin và phát triển thêm nhiều tiện ích, dịch vụ hỗ trợ dành cho người học.

Từ yêu cầu của các ngành học, đề xuất của người sử dụng,... các tài liệu bản in, tạp chí luôn luôn được đầu tư mua mới [H7.07.04.14]; tài liệu số cũng được tăng cường phát triển [H7.07.04.15] và đẩy mạnh hợp tác chia sẻ quyền truy cập các cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ dạy và học online [H7.07.04.16]. Ngoài ra, Thư viện còn tiếp nhận tài liệu do cá nhân, các tổ chức, các nhà xuất bản, các Bộ, ngành Trung ương cung cấp hoặc trao tặng cho Thư viện. Điều này đảm bảo nguồn tài nguyên thông tin của thư viện luôn luôn được cập nhật, đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập nghiên cứu của giảng viên và sinh viên [H7.07.04.17].

Như vậy với thiết kế theo mô hình không gian học tập chung phù hợp nhiều nhu cầu khác nhau từ đọc sách, học tập, làm việc nhóm, trải nghiệm văn hóa...; nguồn tài nguyên thông tin đa dạng, hạ tầng thiết bị hiện đại, chất lượng dịch vụ tốt, tính mở cao, thân thiện với người sử dụng,... Cùng với Nhà trường, Thư viện cam kết không ngừng sáng tạo, đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ học tập, nghiên cứu để trở thành nơi lưu truyền tri thức và nơi nguồn cảm hứng nghiên cứu, học tập góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới, thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển của trường

Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

Đối với các yêu cầu về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM đã có sự phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị thuộc Trường. Cụ thể, Phòng Tổ chức Hành chính là đơn vị chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn sức khỏe cho cán bộ viên chức và người lao động [H7.07.05.01], Phòng Công tác Học sinh sinh viên & Thanh tra Giáo dục là đơn vị chịu trách nhiệm về công tác y tế và an toàn sức khỏe cho sinh viên của Nhà trường [H7.07.05.02], Trung tâm dịch vụ là đơn vị chịu trách nhiệm về đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và công tác phòng cháy chữa cháy [H7.07.05.03].

Như vậy, Nhà trường đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng đơn vị bộ phận có liên quan trong công tác y tế, đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy cho người lao động và sinh viên của Nhà trường; Đã thành lập Ban Chỉ đạo công tác y tế trường học để đảm bảo công tác y tế học đường được thực hiện đầy đủ theo các quy định của Điều lệ trường đại học. Mặt khác, năm 2018 Nhà trường đã thi công xây dựng hạng mục làm lối đi dành cho người khuyết tật có khả năng tiếp cận đặc biệt [H7.07.05.04].

Hàng năm, Nhà trường ban hành Kế hoạch tập huấn về ATLĐ, PCCC, ANQP cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động [H7.07.05.05], Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động [H7.07.05.06], Kế hoạch khám sức khỏe đầu khóa và định kỳ cho HSSV hệ chính quy [H7.07.05.07], để đảm bảo tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên trong toàn Trường, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm, giảm thiểu tối đa tác hại khi dịch bệnh xảy ra.

Căn cứ vào các Kế hoạch triển khai hằng năm và các hoạt động thường xuyên của Nhà trường, Hiệu trưởng phê duyệt kinh phí chi cho các hoạt động về môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự, an toàn phòng cháy chữa cháy giai đoạn 2017 - 2022 [H7.07.05.08].

Như vậy, Nhà trường luôn chú trọng bố trí kinh phí chi cho các hoạt động về

môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự, an toàn phòng cháy chữa cháy giai đoạn 2017 -2022.

Về công tác sức khỏe, y tế cộng đồng: Trường có cơ sở khám chữa bệnh tiêu chuẩn theo Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT về tổ chức và hoạt động của Trạm Y Tế trong trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các văn bản liên quan. Nhà trường đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người học. 100% công chức, viên chức, người lao động và HS sinh viên năm đầu đều được Nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế. Bộ phận Y tế của trường hoạt động từ 07h30 đến 16h30 mỗi ngày để tổ chức sơ cấp cứu, điều trị ban đầu cho viên chức, người lao động và HS sinh viên trong suốt quá trình học tập và làm việc tại Trường. Đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 xuất hiện và bùng phát tới nay, Nhà trường đã chủ động ban hành nhiều văn bản, kế hoạch, thông báo triển khai các biện pháp chủ động phòng ngừa sự lây lan của dịch bệnh, qua đó góp phần nâng cao ý thức cảnh giác và đảm bảo sức khỏe cho cán bộ, viên chức, sinh viên và học viên [H7.07.05.09],

Dựa trên kế hoạch triển khai, Phòng Tổ chức Hành chính báo cáo danh sách cán bộ CCVC, người lao động [H7.07.05.10], Phòng Công tác Học sinh sinh viên & Thanh tra Giáo dục báo cáo danh sách HSSV khám sức khỏe định kỳ hàng năm [H7.07.05.11]

Về môi trường sinh thái và môi trường học tập: Nhằm tạo môi trường làm việc và học tập thoải mái cho công chức, viên chức, người lao động và học sinh sinh viên nhất là trong mùa nắng nóng như hiện nay, Nhà trường đầu tư hệ thống máy lạnh phủ toàn bộ khu học tập và khu hành chính . Ngoài ra, Trung tâm dịch vụ là đơn vị thực hiện công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên trường, tạo môi trường làm việc và học tập thoải mái cho công chức, viên chức, người lao động và học sinh sinh viên Nhà trường [H7.07.12].

Về công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy: Trường có tường rào bao bọc, cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh. Có Đội bảo vệ trực tại Trường 24/24h với chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể [H7.07.05.03]. Tại mỗi vị trí cầu thang có những bảng nội quy trường và thông báo nghiêm cấm hút thuốc lá trong toàn khuôn viên Nhà trường và được treo ở các vị trí dễ nhìn để mọi người xem và thực hiện. Tuy nhiên, công tác an toàn, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy được chú trọng cả hai khía cạnh là nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao trình độ nhận thức của công chức, viên chức, người lao động và học sinh sinh viên thông qua các đợt tập huấn về phòng cháy chữa cháy, phòng chống cháy nổ [H7.07.05.13], kiểm tra, bảo dưỡng và

bổ sung trang thiết bị phòng cháy chữa cháy [H7.07.05.14].

Về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm: Hiện nay, trong khuôn viên Trường có hệ thống căn tin bán hàng phục vụ học sinh sinh viên, 01 nhà ăn dành cho các bộ công chức, viên chức và người lao động của Trường, 01 nhà ăn tại ký túc xá sinh viên, 01 nhà ăn tại Trung tâm thí nghiệm thực hành. Tất cả các nơi này đều thực hiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Cục vệ sinh an toàn thực phẩm. Phòng TCHC thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại căn tin trong khuôn viên Trường, căn tin ký túc xá sinh viên, căn tin Trung tâm thí nghiệm thực hành [H7.07.05.15].

Các dữ liệu theo dõi, đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự, an toàn phòng cháy chữa cháy của Nhà trường hằng năm được tổng hợp, đánh giá trong Báo cáo tổng kết công tác năm của Trường [H7.07.05.16] và Báo cáo tổng kết hoạt động phong trào, kết hoạch triển khai hoạt động phục vụ cộng đồng của Công đoàn trường [H7.07.05.17].

Hàng năm, Nhà trường lấy ý kiến, phiếu khảo sát cho học sinh sinh viên về mức độ hài lòng về công tác phục vụ cơ sở vật chất, công tác y tế học đường, công tác thư viện, hoạt động Đoàn thể, dịch vụ căn tin và nhà để xe của Nhà trường. Theo đó, kết quả mức hài lòng trung bình hàng năm là 75% [H7.07.05.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Phòng Kế hoạch - Tài chính của Trường đã thực hiện tốt chức năng xây dựng kế hoạch, theo dõi và giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2. Các kế hoạch tăng cường nguồn lực tài chính được xây dựng sát với thực tiễn và có tính khả thi, thường xuyên được rà soát nhằm đánh giá sát đúng tình hình thực hiện kế hoạch của Nhà trường để kịp thời có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn; Các văn bản quản lý tài chính của Nhà trường đều được xây dựng căn cứ theo các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước đồng thời gắn với hoạt động thực tiễn của Nhà trường.

3. Việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được quan tâm thực hiện hằng năm trên cơ sở dự toán được giao, kế hoạch triển khai cụ thể và được đánh giá, rà soát hằng năm.

4. Hằng năm, các trang thiết bị, máy móc hiện đại phục vụ cho GV, SV học tập và nghiên cứu khoa học luôn được Nhà trường ưu tiên đầu tư, trang bị; Cơ sở Trung tâm Thí nghiệm Thực hành được đầu tư cơ sở vật chất khang trang, hiện đại đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV, GV;

5. Bộ phận bảo trì có trình độ chuyên môn, đoàn kết chủ động trong việc thực hiện các công việc được giao, các công cụ vật tư dùng để bảo trì, sửa chữa thiết bị được Nhà trường cung cấp đầy đủ.

6. Hệ thống thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, ngày càng phát triển và luôn được rà soát, cải tiến để đáp ứng phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

7. Trung tâm Thông tin - Thư viện có cơ sở vật chất khang trang có sức chứa gần 600 chỗ ngồi học là trung tâm văn hóa, tri thức của Nhà trường. Thư viện có không gian học tập năng động với kiến trúc, nội thất, trang thiết bị công nghệ hiện đại; phục vụ bạn đọc theo phương thức mở, quản lý bằng công nghệ RFID. Nguồn tài nguyên học liệu tử của thư viện phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường, việc tiếp cận, sử dụng các nguồn tài liệu tham khảo là không giới hạn về thời gian, không gian. Thư viện số phục vụ online 24/7, việc tiếp cận tài liệu nhanh chóng, dễ dàng, hiệu quả. Có phần mềm quản trị thư viện; trang thiết bị công nghệ thông tin tương đối tốt; kết nối internet mạnh là điểm nổi rất quan trọng trong việc đưa nguồn tài nguyên thông tin số của Thư viện đến với người dùng tin. Bên cạnh đó, Thư viện luôn chú trọng đến việc khảo sát thu thập ý kiến đóng góp của người sử dụng về nhu cầu sách, báo, tài liệu và các dịch vụ hỗ trợ để không ngừng cải tiến chất lượng phục vụ của Thư viện

8. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập, không gian sinh thái, các tiện ích phục vụ cộng đồng và hệ thống phòng cháy chữa cháy được Nhà trường quan tâm đầu tư đồng bộ, tạo nên một môi trường xanh, sạch, đẹp và an toàn.

9. Công tác y tế học đường, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ viên chức, người lao động và người học được chú trọng và tổ chức thường xuyên, bài bản.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Chưa chú trọng xây dựng kế hoạch trung hạn về phát triển các nguồn lực tài chính hợp pháp nhằm hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2. Chưa xây dựng kế hoạch kiểm toán độc lập báo cáo tài chính và ban kiểm

soát tài chính.

3. Chưa có phần mềm để quản lý việc bảo trì, sửa chữa, ghi nhận số giờ sử dụng thiết bị một cách hệ thống; chưa có sự kết nối đồng bộ và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung các thiết bị khối Hoá để nâng cao hiệu quả công việc, tạo điều kiện cho công tác tham mưu và ra các quyết định kịp thời đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

4. Một số thiết bị mà linh kiện phải nhập từ nước ngoài nên khi bị hư hỏng phải đặt hàng và chờ đợi ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của GV, SV khi sử dụng thiết bị để NCKH. Ngoài ra, các thiết bị sau khi qua model thay đổi kiểu dáng, linh kiện nếu có hư hỏng phải chờ nghiên cứu, chế tạo, thử nghiệm...gây khó khăn cho bảo trì, sửa chữa.

5. Quy hoạch về phát triển Cơ sở vật chất trong đó có kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng nên được thể hiện rõ trong kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn của Trường để triển khai thực hiện đồng bộ với các chiến lược khác, thuận lợi cho quá trình giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng.

6. Các hoạt động đánh giá hiệu quả hoạt động của trang thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng cần được chú trọng hơn.

7. Một số phần mềm quản trị của Trường chưa có sự kết nối đồng bộ và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung để nâng cao hiệu quả công việc, tạo điều kiện cho công tác tham mưu và ra các quyết định kịp thời đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

8. Nguồn tài liệu hiện có tại thư viện chưa đáp ứng đầy đủ theo đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo; Giáo trình, tài liệu học tập do cán bộ, giảng viên biên soạn chưa được chuyển giao về thư viện phục vụ người học.

9. Không gian tổ chức hội thảo, sự kiện,.. nằm trong khuôn viên phòng đọc nên ảnh hưởng đến hoạt động học tập, nghiên cứu của người sử dụng thư viện. Thư viện hiện có gần 600 chỗ ngồi học và 04 phòng thảo luận nhóm, tuy nhiên vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu của người sử dụng đặc biệt là vào thời điểm diễn ra các đợt thi giữa kỳ, cuối kỳ.

10. Chưa thể triển khai xây dựng được cơ sở dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân dành cho cán bộ viên chức và người học.

11. Các CSVC, dụng cụ, trang thiết bị hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho người khuyết tật tuy đã được chú ý đầu tư nhưng chưa đồng bộ và thiếu tính hệ thống vì

vậy chưa thể đáp ứng được tối đa yêu cầu của người khuyết tật trong việc đi lại, học tập và công tác tại Trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tiến hành xây dựng kế hoạch trung hạn phát triển các nguồn lực tài chính của Nhà trường định kỳ 3 năm/lần	P. KHTC và P.TCHC	2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tiến hành kế hoạch kiểm toán độc lập báo cáo tài chính và ban kiểm soát tài chính	P.KHTC	2022	
3	Khắc phục tồn tại 3	Đề xuất các bộ phận có trình độ chuyên môn về CNTT xây dựng các phần mềm quản lý thiết bị, hoá chất, vật tư để các PTN tại cơ sở TNTH ngày càng hiện đại phục vụ cho cơ sở dữ liệu chung cho công tác quản lý	BGH, TT.TNTH TT.CNTT , P.QTTB, P.KHTC	2022-2025	
4	Khắc phục tồn tại 4	Cần đề xuất các phương án, tình huống có thể xảy ra đối với các thiết bị có linh kiện thay thế đặc biệt, theo hãng sản xuất để có phương án dự phòng tối ưu	BGH, TT.TNTH P.QTTB, P.KHTC	2022-2023	
5	Khắc phục tồn tại 5	Quy hoạch về phát triển cơ sở vật chất trong đó có kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng nên được thể hiện rõ trong kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn của Trường để triển khai thực hiện đồng bộ với các chiến lược khác, thuận lợi cho quá trình giám sát, đánh giá	BGH, TT.CNTT , P.QTTB, P.KHTC	2022-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		hiệu quả sử dụng.			
6	Khắc phục tồn tại 6	Các hoạt động đánh giá hiệu quả hoạt động của trang thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng cần được chú trọng hơn.	BGH, TT.CNTT , TT.QLCL	2021-2022	
	Khắc phục tồn tại 7	Một số phần mềm quản trị của Trường chưa có sự kết nối đồng bộ và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung để nâng cao hiệu quả công việc, tạo điều kiện cho công tác tham mưu và ra các quyết định kịp thời đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan	BGH, TT.CNTT	2022-2024	
	Khắc phục tồn tại 8	Định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung tài liệu giấy, tài liệu điện tử (tiếng Việt và tiếng Anh) theo chương trình đào tạo của từng ngành học; Trình Ban Giám hiệu danh mục mua sách tham khảo, giáo trình mới để tăng cường tài nguyên thông tin và tính cập nhật cho người sử dụng.	BGH Các đơn vị đào tạo TT.TTTV P.QTTB	Rà soát, cập nhật tài liệu theo đề cương chi tiết học phần: 1 lần/năm Cập nhật tài liệu theo nhu cầu người sử dụng: Thường xuyên.	
	Khắc phục tồn tại 9	Quy hoạch về phát triển cơ sở vật chất. Mở rộng quy mô, tăng thêm diện tích, bố trí mặt bằng thuận lợi nhằm thực hiện mục tiêu đến năm 2025 Thư viện có	BGH Các đơn vị đào tạo TT.TTTV P.QTTB	2022 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		không gian hội thảo riêng biệt, có 07 phòng học nhóm, có 700 chỗ ngồi, có quầy phát hành giáo trình, tài liệu học tập đáp ứng tốt nhu cầu của người sử dụng.			
		Có kế hoạch triển khai xây dựng được cơ sở dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân dành cho cán bộ viên chức và người học	BGH; P.CTSV& TTGD	2021-2023	
		Tăng cường đầu tư đồng bộ và có hệ thống các dụng cụ, trang thiết bị và tiện ích CSVC phục vụ cho người khuyết tật, đáp ứng tối đa yêu cầu của người khuyết tật trong việc đi lại, học tập và công tác tại Trường.	BGH; P.QTTB	2021-2022	
	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục phát huy vai trò của Phòng Kế hoạch - Tài chính trong việc thực hiện chức năng xây dựng kế hoạch, theo dõi và giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	P. KHTC	2022	
	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục cập nhật, xây dựng các văn bản quy định về quản lý tài chính	P. KHTC	2022	
	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trên cơ sở nguồn lực tài chính được phân	P. KHTC	2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		bổ hằng năm, thực hiện theo kế hoạch và có giám sát, đánh giá kết quả thực hiện			
	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, máy móc thiết bị để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của SV, GV phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý của Nhà trường	BGH, TT. TNTH	Thường xuyên	
	Phát huy điểm mạnh 6	Không ngừng xây dựng hệ thống thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng để đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý của Nhà trường	BGH, TTCNTT	Thường xuyên	
	Phát huy điểm mạnh 7	Bảo trì, bảo dưỡng và khai thác tối đa trang thiết bị, không gian học tập, tiện ích hiện có tại thư viện theo hướng hiện đại, hữu dụng, thân thiện, thông thoáng, sạch sẽ... với mục tiêu hướng đến làm cho người sử dụng thích đến thư viện học tập, nghiên cứu.	TT.TTTV P. QTTB	Thường xuyên	
		Duy trì công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người sử dụng để không ngừng cải tiến chất lượng phục vụ của Thư viện	TT.TTTV	1 lần/ năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	4.20
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	4
Tiêu chí 7.3	4
Tiêu chí 7.4	4
Tiêu chí 7.5	4

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Trong xu thế hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh luôn xem việc mở rộng hợp tác quốc tế (HTQT) là một bước quan trọng trong chiến lược phát triển, được khẳng định trong tầm nhìn 2030 của Trường. Năm 2016, Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế (Viện ĐT&HTQT) được thành lập trên cơ sở tách ra từ phòng Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, với chức năng chính: tham mưu và triển khai cho Hiệu trưởng về việc xây dựng chiến lược phát triển các hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế. Cụ thể trong hoạt động hợp tác quốc tế, Viện ĐT&HTQT có nhiệm vụ thiết lập các mối quan hệ, tổ chức thực hiện, quản lý các hoạt động hợp tác với các tổ chức, cơ quan trong nước và ngoài nước theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ và của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) [H8.08.01.01].

Trên cơ sở những văn bản quản lý, điều hành của nhà nước liên quan đến lĩnh vực quan hệ quốc tế [H8.08.01.02], [H8.08.01.03], Trường đã xây dựng Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng ISO 9001:2008 làm cơ sở cho mọi hoạt động HTQT, Kế hoạch thực hiện mục tiêu Chất lượng của Phòng Đối ngoại và HTQT [H8.08.01.04] và ban hành các qui trình kiểm soát hoạt động HTQT tại Trường, bao gồm: 1) Quy trình: Xây dựng Chiến lược và Kế hoạch HTQT hàng năm [H8.08.01.05]; 2) Quy trình: Phối hợp giữa các đơn vị trong trường và ngoài trường đảm bảo an ninh, chính trị trong công tác HTQT [H8.08.01.06]; 3) Quy trình: Theo dõi, kiểm tra tiến độ và đánh giá dự án HTHT [H8.08.01.07]; 4) Quy trình: Tổ chức tiếp đón các đoàn khách nước ngoài làm việc tại Trường [H8.08.01.08]. Đồng thời, Nhà trường

còn ban hành Quyết định quy định về việc quản lý cán bộ - công nhân viên của Trường đi công tác nước ngoài và yêu cầu về việc nộp lại báo cáo sau khi đi công tác nước ngoài [H8.08.01.09]. Các thông tin về kế hoạch hợp tác quốc tế, thông tin về hoạt động hợp tác đối ngoại với các đối tác trong và ngoài nước được đưa lên cổng thông tin điện tử của Nhà trường [H8.08.01.10]. Các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường đều được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về Hợp tác quốc tế.

Bên cạnh đó, cuối mỗi năm học, trong báo cáo tổng kết của Hội nghị tổng kết năm học hàng năm được tổ chức, Nhà trường tiến hành rà soát các hợp đồng hợp tác nhằm đưa ra kế hoạch hợp tác cho năm học tiếp theo và tạo sự cân bằng giữa các đơn vị hợp tác và đồng thời cũng nêu rõ kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới cũng như quan hệ đối ngoại được phổ biến đến các bên liên quan và những biến đổi trên phù hợp với định hướng phát triển chung của Nhà trường [H8.08.01.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.

Nhằm thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, Nhà trường đã xem xét và ký bản ghi nhớ hợp tác song phương, đa phương (MOU) về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các công tác khác với các Đoàn nước ngoài đến Trường làm việc. Căn cứ theo các kế hoạch hợp tác quốc tế được xây dựng hàng năm của Nhà trường, các hoạt động hợp tác quốc tế được triển khai thực hiện. Từ năm 2017 - 2021, Trường đã ký kết biên bản hợp tác ghi nhớ với các trường đại học của nhiều nước trên thế giới, các doanh nghiệp, tổ chức, công ty như: Đại học WEBSTER (campus tại Thái Lan); Đại học Kỹ thuật Ostrava, Cộng hòa Séc; Đại học MINHO, Bồ Đào Nha; Đại học quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc; Đại học giáo dục quốc gia Bình Đông, Đài Loan; Đại học Nguyên Trí, Đài Loan; Đại học Mỹ Hòa, Đài Loan; tập đoàn TOKAN, Nhật Bản; Công ty TNHH TUV SUD Việt Nam; Hợp tác liên kết ba bên giữa trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh và Hội công nghệ cao TP. HCM và Công ty Te-Food International; Bệnh viện Vì dân Cao Hùng, Đài Loan; Công ty TNHH Sailun Việt Nam; Công Ty Kewpie Việt Nam Tại TP.Hồ Chí Minh;... [H8.08.02.01] và được Nhà trường đăng trên trang thông tin điện tử của mạng lưới và quan hệ đối ngoại [H8.08.02.02].

Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo điều kiện cho các giảng viên và người lao động (NLĐ) đi dự Hội thảo NCKH tại nước ngoài nhằm nâng cao trình độ và chuyên môn bằng việc cử nhiều cán bộ đi tham quan, khảo sát, học tập kinh

nghiệm, hội nghị khoa học ở nước ngoài để học tập, trau dồi kinh nghiệm quản lý của các nước tiên tiến, từ đó đề xuất sáng kiến nhằm cải tiến công tác quản lý chung của Trường. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài được tăng cường bằng các hình thức như: đi học nghiên cứu sinh theo học bổng của các trường ĐH, đi bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn theo chương trình hợp tác [H8.08.02.03], [H8.08.02.04]. Đồng thời, Trường luôn tạo cơ hội cho giảng viên và sinh viên tiếp xúc với kiến thức và công nghệ mới nhằm nâng cao trình độ chuyên môn thông qua việc mời các diễn giả là các giáo sư hàng đầu trên thế giới đến giảng dạy và báo cáo seminar chuyên đề tại Trường [H8.08.02.05]. Không chỉ có vậy, hàng năm, Nhà trường còn tiến hành hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên với đối tác nước ngoài [H8.08.02.06] và tìm kiếm các học bổng của các trường đại học nước ngoài để giới thiệu đến các giảng viên và sinh viên đi học tập, đào tạo NCS, cao học và đào tạo ngắn hạn ở các cơ sở giáo dục tiên tiến nước ngoài như: Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan... [H8.08.02.07].

Về cơ sở vật chất, Nhà trường tăng cường khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ quốc tế từ các dự án xây dựng Trung tâm đào tạo Việt Đức, viện trợ máy móc từ tập đoàn TOKAN Holding (Nhật Bản) nhằm phục vụ tối đa cho nhu cầu nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên tại Trường [H8.08.02.08]. Năm 2012, bản ghi nhớ về việc thành lập Trung tâm Công nghệ Việt Đức là trung tâm trọng điểm và đào tạo nghề cho ngành công nghệ thực phẩm đã được ký kết giữa Nhà trường và đối tác GPDM của Cộng hòa liên bang Đức. Đến năm 2014, Trung tâm Việt Đức được hình thành và đi vào hoạt động với cơ sở vật chất khang trang và trang thiết bị hiện đại. Các công ty của Đức (KHS, Endress und Hauser, Danfoss) đã cử chuyên gia tới Trung tâm để đào tạo và cấp chứng chỉ cho các GV của Trường được tuyển chọn [H8.08.02.09].

Trong giai đoạn 2017 - 2021, Trường đã đón tiếp và làm việc với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp nước ngoài với tổng số 155 đoàn. Đồng thời, hàng tháng, Nhà trường đã tiến hành báo cáo đoàn Vào và các hoạt động Hợp tác quốc tế đến các cơ quan có thẩm quyền quản lý [H8.08.02.10], [H8.08.02.11].

Hàng năm, vào cuối mỗi năm học, trong báo cáo tổng kết của Hội nghị tổng kết năm học hàng năm được tổ chức, Nhà trường tiến hành rà soát các hợp đồng hợp tác trong nước và quốc tế nhằm đưa ra kế hoạch hợp tác cho năm học tiếp theo và tạo sự cân bằng giữa các đơn vị hợp tác và đồng thời cũng nêu rõ kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới cũng như quan hệ đối ngoại được phổ biến đến các bên liên quan và những biến đổi trên phù hợp với định hướng phát triển chung của Nhà trường [H8.08.02.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

Trong các bản Kế hoạch hàng tháng, Viện Đào tạo và Hợp tác Quốc tế báo cáo với BGH Nhà trường về các hoạt động đã thực hiện triển khai trong tháng và định ra phương hướng kế hoạch cùng các hoạt động dự kiến sẽ cho tháng tiếp theo. Và định kỳ hằng năm, hoạt động đối ngoại luôn được rà soát và báo cáo, điều này thể hiện ở việc lựa chọn đối tác và điều chỉnh nội dung hợp tác cho năm kế hoạch tiếp theo trên cơ sở hiệu quả hoạt động của năm trước xây dựng kế hoạch hằng năm trong Báo cáo tổng kết năm học hàng năm. [H8.08.03.01].

Cuối mỗi năm học, Nhà trường thực hiện tổng kết để đánh giá hoạt động hợp tác đối ngoại, báo cáo tổng kết đánh giá những hoạt động đã đạt được và những mặt chưa đạt được và có kế hoạch cải tiến cho năm học tiếp theo [H8.08.03.02]. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban, những hoạt động hợp tác quốc tế phát sinh được đưa ra thảo luận, xin ý kiến chỉ đạo trực tiếp để kịp thời triển khai triển khai đáp ứng yêu cầu yêu cầu của công việc nhằm phát huy hiệu quả của công tác này trong Hội nghị Công nhân, viên chức. Bên cạnh đó, các hoạt động hợp tác đối ngoại của Nhà trường cũng được rà soát và thống kê định kỳ. Hệ thống văn bản quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế đều được Viện Đào tạo và Hợp tác Quốc tế rà soát, cập nhật và lưu trữ các văn bản có hiệu lực hiện hành để bảo đảm mọi hoạt động hợp tác quốc tế tuân thủ đúng quy định. Các văn bản sau khi được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành đến toàn bộ cán bộ, giảng viên và nhân viên thông qua đường email, công văn và được đưa lên website của Nhà trường [H8.08.03.03], [H8.08.03.04]. Đồng thời, các kế hoạch, hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và quy định chung của Nhà trường theo Thông tư số 12/2014/TT-BGĐT; Nghị định 73/2012/NĐ-CP; Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg và Nhà trường cũng thực hiện đầy đủ việc báo cáo về hợp tác quốc tế theo yêu cầu của các cấp có thẩm quyền.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Giai đoạn 2017 - 2021, kế hoạch chiến lược được xây dựng dựa trên cơ sở đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường, phù hợp với những xu thế biến đổi của xã hội và tình hình thực tế cũng như mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Đồng thời, căn cứ vào các thay đổi theo xu hướng của xã hội và mục tiêu chiến lược phát triển, với mỗi giai đoạn cụ thể, Nhà trường luôn tiến hành cập nhật và bổ sung chiến lược,

chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại nhằm đáp ứng nhu cầu. Điều này được thể hiện, trong 5 năm trở lại đây, việc xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế được dựa trên những tổng kết của năm học trước; những đóng góp của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhằm đặt nền tảng cho công tác triển khai mỗi năm [H8.08.04.01]. Cụ thể, số lượng đối tác quốc tế của Nhà trường thông qua những biên bản ghi nhớ (MOU) có sự thay đổi đáng kể dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển hợp tác quốc tế của Nhà trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030. Bên cạnh đó, từ năm 2016 trở về trước, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh có quan hệ đối tác chủ yếu với các nước trong khu vực châu Á: Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan nhưng đến đến giai đoạn 2017 -2021, Nhà trường mở rộng quan hệ đối tác chủ yếu với các nước trong khu vực châu Á: Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan và một số quốc gia đối tác thuộc khu vực châu Âu như: Cộng hòa Séc, Bồ Đào Nha, các trường đại học thuộc khối ngành kinh tế, kỹ thuật, công nghệ... Và số lượng đối tác quốc tế trong giai đoạn này là 17 [H8.08.04.02].

Trong công tác đối ngoại, Nhà trường phát triển các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau với phương châm phát huy tối đa nội lực, Nhà trường khuyến khích cán bộ giảng viên các khoa chủ động có mối quan hệ hợp tác với các đối tác thông qua các dự án quốc tế. Đồng thời, trong những năm gần đây, Trường cũng đẩy mạnh chính sách đầu tư với đối tác thuộc khu vực Châu Á nhằm mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế để có thêm cơ hội học tập và làm việc nhiều hơn cho sinh viên. Với các đối tác mới, Nhà trường tăng cường quảng bá hình ảnh của Nhà trường thông qua các cựu sinh viên, phụ huynh học sinh, các kênh truyền thông... Nhà trường cũng khuyến khích cán bộ giảng viên, nhân viên chủ động đưa đối tác về hợp tác với Khoa, Trường [H8.08.04.03].

Bên cạnh đó, các hoạt động hợp tác quốc tế đều được Ban Giám hiệu Nhà trường quan tâm và hỗ trợ. Qua thống kê kết quả từng năm, có thể nhận thấy hoạt động hợp tác quốc tế đều phát triển cả bề rộng lẫn bề sâu, tập trung vào xu hướng phát triển chung của xã hội nhưng vẫn đáp ứng được mục tiêu phát triển của Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Trường nghiêm túc thực hiện các hoạt động HTQT theo đúng các qui định của pháp luật hiện hành.

2. Các chương trình liên kết đào tạo, tham quan khảo sát có hiệu quả tốt trong việc nâng cao trình độ cho giảng viên và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý. Thông qua các chương trình này, Trường nhận được nhiều nguồn tài trợ về trang thiết bị tiên tiến phục vụ cho hoạt động đào tạo tại Trường.

3. Bước đầu, Nhà trường đã tận dụng và khai thác các mối quan hệ HTQT đã có nhằm đẩy mạnh năng lực NCKH của đội ngũ cán bộ giảng dạy.

4. Chưa có tiêu chí để đánh giá hiệu quả của công tác hợp tác quốc tế.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Công việc lưu trữ hồ sơ khi Đoàn nước ngoài đến thăm và làm việc tại Trường bị gián đoạn và chưa thực hiện đầy đủ.

2. Các chương trình hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo giảng viên và người học chưa được thực hiện nhiều. Trường chưa xây dựng qui định nhằm động viên, khuyến khích phát triển các chương trình liên kết đào tạo và trao đổi học thuật với các đối tác nước ngoài.

3. Việc công bố các công trình khoa học và các dự án hợp tác quốc tế của giảng viên chưa được Trường chú trọng đúng mức, còn dựa vào nỗ lực của các cá nhân; chưa xây dựng qui định/quy chế về việc khuyến khích nhằm thực hiện các đề tài khoa học công nghệ hợp tác quốc tế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Cải tiến qui trình quản lý công tác đón tiếp các đoàn khách quốc tế đến làm việc tại Trường;	V.ĐT&H TQT	Năm học 2021-2022	
2		Đảm bảo lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo qui định.			
3	Khắc phục tồn tại 2	Thúc đẩy triển khai tốt các chương trình hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo giảng viên và người học.	V.ĐT&H TQT tham mưu cho BGH	Giai đoạn 2022-2026	
4		Xây dựng các qui định nhằm động viên, khuyến khích phát			

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		triển các chương trình liên kết đào tạo và trao đổi học thuật với các đối tác nước ngoài.			
5	Khắc phục tồn tại 3	Trường xây dựng kế hoạch dài hạn nhằm tăng cường các hoạt động về hợp tác quốc tế.	V.ĐT&H TQT tham mưu cho BGH	Giai đoạn 2022-2026	
6		Cần chú trọng hơn tới các công trình khoa học và các dự án hợp tác quốc tế của giảng viên trong trường bằng cách xây dựng các qui định/quy chế khuyến khích nhằm thực hiện các đề tài khoa học công nghệ hợp tác quốc tế.			
7	Khắc phục tồn tại 4	Cần thường xây dựng được các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá cụ thể nhằm xác định hiệu quả của công tác hợp tác quốc tế.	BGH V.ĐT&H TQT	Giai đoạn 2022-2026	
8	Phát huy điểm mạnh 1	Nghiêm túc hơn nữa việc thực hiện các hoạt động HTQT theo đúng các qui định của pháp luật hiện hành	Viện ĐT&HT QT	Giai đoạn 2022-2026	
9	Phát huy điểm mạnh 2	Tìm kiếm, tăng cường xây dựng các quan hệ hợp tác về đào tạo, trao đổi học thuật với các đối tác nước ngoài thông qua các GV của Trường đang học tập tại nước ngoài và đội ngũ chuyên gia có trình độ cao đang làm việc tại Trường	V.ĐT&H TQT kết hợp với các Khoa	Giai đoạn 2022-2026	
10		Tiếp tục tăng cường duy trì các mối quan hệ với các đối tác của Trường hiện có, đồng thời xây			

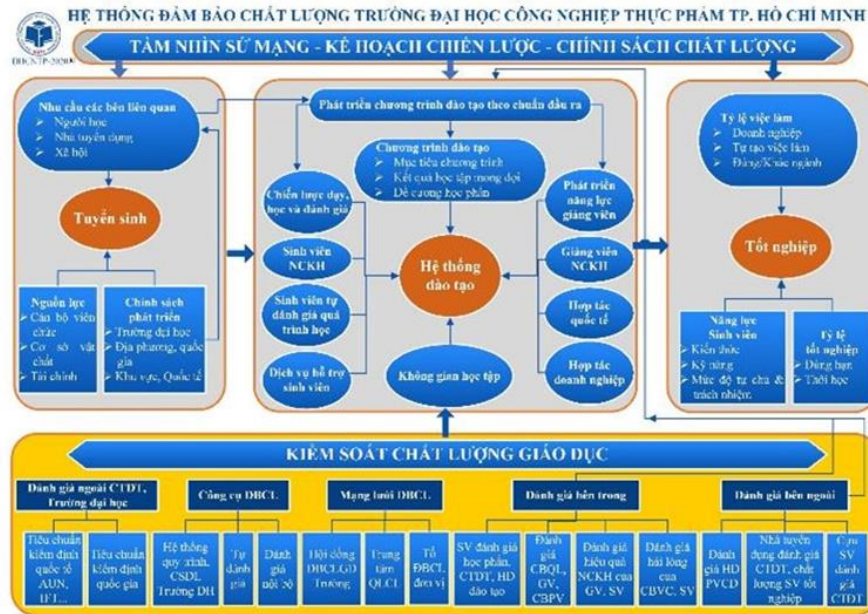
TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		dựng kế hoạch triển khai thực hiện nội dung của văn bản ghi nhớ với các cơ sở giáo dục nước ngoài.			
11	Phát huy điểm mạnh 3	Nhà trường cần tiếp tục tận dụng và khai thác tốt các mối quan hệ hợp tác quốc tế để kết hợp thực hiện các đề tài, dự án; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế và liên kết đào tạo.	Viện ĐT&HT QT phối hợp các Khoa	2022 – 2026	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn</i>	4.00
Tiêu chí 8.1	4
Tiêu chí 8.2	4
Tiêu chí 8.3	4
Tiêu chí 8.4	4

Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.



Hình 9.1. Mô hình ĐBCL bên trong của trường ĐH CNTP TP.HCM

Hệ thống đảm bảo chất lượng (ĐBCL) nội bộ của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM được thiết kế, xây dựng, và phát triển nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của Nhà trường như học tập, giảng dạy, nghiên cứu, và cung ứng dịch vụ. Hệ thống ĐBCL hướng đến đáp ứng tốt sứ mệnh, tầm nhìn, đạt các mục tiêu chiến lược của Nhà trường và đáp ứng tốt yêu cầu của các bên có liên quan. Có hai mục tiêu chính để thiết kế và vận hành một hệ thống ĐBCL nội bộ: Một là, nhằm đánh giá, đo lường, kiểm soát chất lượng toàn diện và trên cơ sở đó đảm bảo và nâng cao chất lượng của Nhà trường, và hai là, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy định của các tổ chức, cơ quan kiểm định chất lượng bên ngoài (trong và ngoài nước) như Bộ Giáo dục và Đào tạo, AUN-QA.

Với sự phát triển không ngừng của Nhà trường, và nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy định của các tổ chức, cơ quan kiểm định chất lượng bên ngoài. Trường sau khi được nâng cấp thành Trường Đại học vào năm 2010, ngày 31 tháng 03 năm 2014 Nhà trường đã ban hành quyết định về việc sát nhập Phòng Khảo thí và Ban ISO, thống nhất tên gọi chung là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Ngày 02 tháng 4 năm 2018, căn cứ theo tình hình và nhu cầu thực tế của Nhà trường, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đổi tên thành Trung tâm Quản lý chất lượng và quy định các chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm [H9.09.01.01]. Trong đó, cán bộ quản lý bộ phận Đảm bảo chất lượng của Trung tâm Quản lý chất lượng được đào tạo, bồi dưỡng về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục [H9.09.01.02].

Cấu trúc tổ chức và nhân sự về hoạt động đảm bảo chất lượng đã được thống nhất từ trường đến các đơn vị, thể hiện rất rõ sự quan tâm, cam kết của cấp lãnh đạo cao nhất đối với hoạt động đảm bảo chất lượng. Ban Giám hiệu Trường đã phân nhiệm 01 Phó Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách công tác ĐBCL và cũng là đại diện lãnh đạo về chất lượng của toàn trường. Bộ phận Đảm bảo chất lượng của trường với 5 thành viên chuyên trách cũng đã được thành lập từ 2018. Các Tổ Đảm bảo chất lượng ở từng đơn vị đã được Trường ban hành quyết định thành lập với các thành viên kiêm nhiệm từ đơn vị với một lãnh đạo đơn vị làm Tổ trưởng [H9.09.01.03].

Sơ đồ tổ chức về hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM được xây dựng dựa trên mô hình hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong của Bộ tiêu chuẩn AUN-QA [H9.09.01.04].

Trường có hệ thống văn bản quy định về các hoạt động ĐBCL và các hướng dẫn thực hiện để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý [H9.09.01.05]. Tất cả các thông tin quan trọng về đảm bảo chất lượng, văn bản quy định, hướng dẫn của nhà trường về hoạt động ĐBCL và sổ tay ĐBCL được công bố định kỳ, rộng rãi, minh bạch đến các đối tượng có liên quan như giảng viên, nhân viên, nhà quản lý, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, xã hội. Các thông tin này được công bố thông qua nhiều kênh khác nhau như website, báo cáo ĐBCL, họp hội đồng ĐBCL, hội thảo ĐBCL và các phương tiện khác.

Hằng năm bộ phận Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo trong Nhà trường; đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra, yêu cầu của người sử dụng lao động; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, hình thành và phát triển văn hóa chất lượng; đảm bảo các yêu cầu, quy định, tiêu chí kiểm định; xếp hạng cơ sở giáo dục đại học; và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục giai đoạn 2017 - 2022 của Nhà trường [H9.09.01.06].

Nhằm nâng cao trình độ và năng lực đáp ứng nhiệm vụ, Nhà trường đã cử các cán bộ, thành viên chuyên trách các tổ ĐBCL của các đơn vị trực thuộc tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng liên quan đến công tác ĐBCL [H9.09.01.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015-2020, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2022 và Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025; trong đó có nêu cụ thể về kế hoạch chiến lược của các hoạt động trong Nhà trường [H9.09.02.01]. Căn cứ vào các chiến lược phát triển, Trung tâm Quản lý chất lượng đã tổ chức xây dựng Kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2017-2022 [H9.09.02.02] và là cơ sở để xây dựng kế hoạch ĐBCL theo từng năm học [H9.09.02.03]. Trong các kế hoạch chiến lược ĐBCL của Nhà trường đều có thể hiện sự tham gia, đóng góp ý kiến của các bên liên quan như Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội SV... và có chính sách ưu tiên thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ chuyên trách.

Năm 2018, đề hướng dẫn cụ thể cho công tác ĐBCL đến các đơn vị trực thuộc trong Trường, Nhà trường ban hành sổ tay ĐBCL. Đây là tài liệu mô tả hệ thống quản lý chất lượng của Trường và hệ thống lại các văn bản, các quy định, tư liệu để hỗ trợ cho hoạt động ĐBCL bên trong [H9.09.02.04].

Các thông tin về ĐBCL được đăng tải, công bố định kỳ, rộng rãi, minh bạch đến các đối tượng có liên quan như giảng viên, nhân viên, nhà quản lý, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, xã hội trên trang thông tin điện tử của Trường như chuyên trang ĐBCL của website Trường và trang web của Trung tâm Quản lý chất lượng [H9.09.02.05].

Nhà trường có các chính sách ưu tiên cho các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch chiến lược được thể hiện trong Chính sách chất lượng của Nhà trường [H9.09.02.06].

Trường đã tổ chức nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ĐBCL cho cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Trường, thông qua đó để phục vụ cho công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài của CTĐT và CSGD [H9.09.02.07].

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch ĐBCL, Nhà trường có kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về các chính sách ĐBCL, các hoạt động ĐBCL của Trường và sự hài lòng của các bên liên quan đối với các chính sách, và quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Nhà trường [H9.09.02.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Dựa trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015-2020, và Chiến

lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã ban hành kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2017-2022 tới toàn thể các đơn vị trong Trường [H9.09.03.01]. Căn cứ kế hoạch ĐBCL này Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ĐBCL theo từng năm học [H9.09.03.02] và được phổ biến đến các đơn vị, các cán bộ, viên chức, người lao động thông qua Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng, nhiệm vụ năm học mới [H9.09.03.03], các cuộc họp Hội đồng ĐBCL, báo cáo tổng kết ĐBCL hằng năm [H9.09.03.04], [H9.09.03.05]. Ngoài ra, các kế hoạch ĐBCL dài hạn theo từng giai đoạn và kế hoạch ngắn hạn hàng năm còn được đăng tải, công bố rộng rãi đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong Trường thông qua website của Trường và trang web của Trung tâm Quản lý chất lượng. Dựa trên cơ sở đó, các đơn vị trực thuộc Trường xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị mình.

Để thúc đẩy văn hóa chất lượng toàn trường cũng như triển khai, quán triệt các hoạt động ĐBCL, hằng năm, Trường đều tổ chức thông qua cuộc họp hội đồng ĐBCL, các cuộc họp này nhằm: Tổng kết tình hình thực hiện công tác ĐBCL của trường trong năm; Xác định mục tiêu, kế hoạch ĐBCL cho năm tiếp theo; Đánh giá các thành tích và các điểm yếu còn tồn tại, đưa ra các khuyến nghị cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong [H9.09.03.04]. Để thực hiện các kế hoạch ĐBCL đã phổ biến, Nhà trường luôn chú trọng đến hoạt động tập huấn, bồi dưỡng về công tác ĐBCL cho giảng viên, viên chức, người lao động. Các khóa tập huấn về ĐBCL cũng liên tục được Trường triển khai đến CB, GV, NV [H9.09.03.06].

Nhà trường đã soạn thảo và ban hành Sổ tay ĐBCL, trong đó hệ thống lại các văn bản, các quy định, tư liệu...để hướng dẫn các quy trình đến các đơn vị trong Trường, hỗ trợ cho hoạt động ĐBCL bên trong [H9.09.03.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai.

Trường có hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL. Với mỗi loại hoạt động, Nhà trường đều có các văn bản, các quy trình, hướng dẫn và các biểu mẫu kèm theo giúp cho việc triển khai thực hiện được thuận tiện và dễ dàng. Về mặt hành chính ngoài hệ thống lưu trữ theo quy định do phòng Tổ chức - Hành chính đảm nhiệm, thì đồng thời còn có hệ thống lưu trữ tại Trung tâm Quản lý chất lượng (QLCL) dưới dạng các bản cứng và hệ thống file mềm, file scan. Để thuận tiện cho công tác rà soát, tra cứu và sử dụng, các văn bản được phân loại thành hệ thống các mục như: các văn bản về quyết định, kế hoạch, biên bản họp, báo cáo...[H9.09.04.01].

Các văn bản quản lý, cơ sở dữ liệu về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Nhà trường được lưu trữ có hệ thống, cập nhật và dễ tiếp cận cụ thể như các văn bản gốc sau khi được phê duyệt đều được quản lý tại phòng Tổ chức - Hành chính, bên cạnh đó các khoa, phòng, trung tâm, viện đều có lưu các bản tương ứng với lĩnh vực của đơn vị mình phụ trách. Hằng năm, Trung tâm QLCL tổng hợp và xây dựng các báo cáo tổng kết về công tác ĐBCL, kế hoạch công tác ĐBCL của Trường để giúp các đơn vị trong Nhà trường tiếp cận và cập nhật thông tin dễ dàng [H9.09.04.02], [H9.09.04.03]. Ngoài ra, Nhà trường cũng xây dựng sổ tay ĐBCL để thuận tiện cho việc tra cứu, hướng dẫn, thực hành hoạt động ĐBCL một cách có hệ thống [H9.09.04.04].

Các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được định kỳ rà soát, cập nhật, để đảm bảo phù hợp với các yêu cầu phát triển, làm căn cứ cho việc đề ra các mục tiêu, kế hoạch, biện pháp cải tiến cho năm học tiếp theo và tuân thủ theo quy định rà soát các quy trình, chính sách của Nhà trường [H9.09.04.05].

Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý hành chính điện tử (Egov) để phổ biến về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL cho toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong Trường được biết và thực hiện. Và cũng được công bố rộng rãi trên website Trường, trang web Trung tâm QLCL tới các bên liên quan như người học, giảng viên, doanh nghiệp, đối tác [H9.09.04.06] ... Bên cạnh đó, Nhà trường còn phổ biến, hướng dẫn cho người học, cán bộ, giảng viên về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL thông qua các cuộc họp Hội đồng ĐBCL, tài liệu phổ biến cho sinh viên trong tuần sinh hoạt công dân, tập huấn, thông báo về việc triển khai các quy định, quy trình làm việc của Nhà trường [H9.09.04.07], [H9.09.04.08], [H9.09.04.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD.

Căn cứ vào chiến lược phát triển của Trường, vào điều kiện và nhu cầu thực tế của Nhà trường, của xã hội, các đơn vị đưa ra các chỉ tiêu phấn đấu cho từng năm học. Sau đó, Nhà trường thiết lập một hệ thống các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phấn đấu chính cho các lĩnh vực bao gồm đào tạo, tuyển sinh, khảo thí và ĐBCL, khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, công tác sinh viên, cơ sở vật chất, tài chính, đối ngoại, đưa vào phương hướng năm học và được thông qua trong Hội nghị công chức, viên chức, người lao động để lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan trước khi phê duyệt và ban hành để triển khai thực hiện [H9.09.05.01].

Các chỉ tiêu phấn đấu chính của Nhà trường đều được cụ thể hóa bằng những số liệu và nội dung cụ thể giúp đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL của Trường.

Nhà trường đã sử dụng các bộ chỉ số để đo lường, đánh giá kết quả công tác ĐBCL thể hiện thông qua các báo cáo tổng kết hoạt động ĐBCL hàng năm cũng như để đối sánh và đề ra các chỉ tiêu phấn đấu cho năm học tiếp theo qua các kế hoạch hoạt động [H9.09.05.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.

Nhà trường đã thực hiện việc rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL thể hiện thông qua quá trình xây dựng các kế hoạch chiến lược Trường giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2018-2022, giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục giai đoạn 2017-2022 [H9.09.06.01], [H9.09.06.02]. Trong bản kế hoạch chiến lược mới, Nhà trường đã chú trọng đến các công tác ĐBCL bằng việc xây dựng mục tiêu, giải pháp cụ thể hơn so với bản kế hoạch chiến lược cũ.

Hằng năm, Nhà trường căn cứ vào báo cáo tổng kết năm học, Nghị quyết của Hội nghị công chức, viên chức, người lao động và báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động ĐBCL để điều chỉnh, cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL [H9.09.06.03], [H9.09.06.04], [H9.09.06.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và ban hành Sổ tay ĐBCL [H9.09.06.06] để cải tiến các quy trình lập kế hoạch.

Đồng thời với việc thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch, Nhà trường tiến hành rà soát và cải tiến các bộ chỉ số KPIs cho hoạt động thông qua việc tiến hành khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về các chỉ tiêu chính để đánh giá năng lực thực hiện của Nhà trường. Cuối năm học, Nhà trường tổ chức đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu theo các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phấn đấu chính đã được xác định vào đầu năm học. Thông qua đó, các đơn vị rà soát lại kế hoạch thực hiện trong năm, điều chỉnh, cập nhật, lược bỏ các chỉ tiêu phấn đấu chính và chỉ số thực hiện chính không còn phù hợp và bổ sung các chỉ tiêu phấn đấu chính và chỉ số thực hiện chính cho năm học tiếp theo thể hiện qua báo cáo tổng kết công tác ĐBCL hằng năm [H9.09.06.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Trường có trung tâm/bộ phận chuyên trách về ĐBCL, trong đó có cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục. Có mạng lưới cán bộ phụ trách đảm bảo chất lượng bên trong đến từng đơn vị trực thuộc là các Tổ ĐBCL của đơn vị. Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong được thiết lập có cấu trúc chặt chẽ, mang tính bền vững.

2. Trường đã xây dựng các kế hoạch chiến lược về ĐBCL, chính sách về ĐBCL để làm kim chỉ nam cho các hoạt động của Nhà trường. Dựa trên cơ sở đó, Trường đã xây dựng và triển khai các kế hoạch thực hiện các hoạt động ĐBCL bảo đảm đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL đã đề ra.

3. Nhà trường đã ban hành, phổ biến, triển khai và quán triệt cho toàn thể cán bộ viên chức, người lao động về các chiến lược và kế hoạch thực hiện hàng năm, kế hoạch thực hiện dài hạn về các hoạt động ĐBCL của Nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như qua hệ thống thông tin điện tử Egov của Trường, trang thông tin điện tử website của Trường, qua các Hội nghị công chức, viên chức, các khóa tập huấn...

4. Trường có hệ thống lưu trữ văn bản, có bộ phận quản lý, lưu trữ đầy đủ các văn bản liên quan đến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL. Trường có kế hoạch rà soát và đánh giá các hoạt động ĐBCL hàng năm, tổ chức các hội thảo, khóa tập huấn để tổng kết, đánh giá và hướng dẫn thực hiện các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL.

5. Các chiến lược, mục tiêu đã được chuyển tải thành các kế hoạch với các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính một cách rõ ràng. Các bộ chỉ số được sử dụng để đo lường, đánh giá kết quả công tác ĐBCL và xây dựng báo cáo tổng kết hàng năm.

6. Nhà trường thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Sự gắn kết của một vài đơn vị trong công tác cải tiến chất lượng chưa chặt chẽ, một số khâu chưa vận hành theo hệ thống, chưa có sự đồng bộ về hoạt động ĐBCL giữa các Tổ ĐBCL của các đơn vị. Việc thực hiện kế hoạch giữa các nhóm

công tác, tổ ĐBCL chưa được phối hợp nhịp nhàng, thống nhất.

2. Chưa có kế hoạch phát triển nhân sự ĐBCL hằng năm.

3. Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn về công tác ĐBCL.

4. Hiện tại tài liệu, hồ sơ, văn bản chưa được số hóa điện tử toàn bộ, chủ yếu được lưu trữ bằng bản cứng được bảo quản bằng hệ thống tủ sắt, tủ kính tại các văn phòng, kho lưu trữ.

5. Nhà trường chưa sử dụng hiệu quả việc sử dụng bộ chỉ số KPIs; chưa thực hiện việc so chuẩn, đối sánh trong việc xây dựng bộ chỉ số thực hiện chính (KPIs) và các chỉ tiêu phấn đấu chính với các trường khác.

6. Nhà trường chưa xây dựng bản đối sánh sự cải tiến các bộ chỉ số KPIs giữa các phiên bản khác nhau.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Trong thời gian tới cần tăng cường quản lý, giám sát và vận hành đồng bộ giữa các khâu và các hoạt động tổ ĐBCL của các đơn vị.	BGH, đơn vị được phân công	Năm học 2021-2022	
2		Tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ chuyên trách về ĐBCL bằng cách khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng liên quan đến công tác ĐBCL.			
3	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng kế hoạch phát triển nhân sự ĐBCL hàng năm, tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ có trình độ về nghiệp vụ kiểm định và ĐBCL.	BGH, đơn vị được phân công	Hàng năm	
4	Khắc phục tồn	Xây dựng kế hoạch trung hạn về công tác ĐBCL	Hội đồng ĐBCL,	Năm học 2021-2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	tại 3		TT.QLCL , đơn vị có liên quan		
5	Khắc phục tồn tại 3	Xây dựng hệ thống số hóa văn bản	BGH, các đơn vị được phân công	Thường xuyên	
6	Khắc phục tồn tại 4	Trang bị kho lưu trữ tài liệu, hồ sơ, văn bản đạt chuẩn			
	Khắc phục tồn tại 5	Xây dựng bộ chỉ số thực hiện chính (KPIs) của Nhà trường dựa trên việc so chuẩn, đối sánh với các trường theo định hướng ứng dụng.	BGH, các đơn vị được phân công	Thường xuyên	
		Xây dựng mục tiêu chất lượng năm học hàng năm.			
	Khắc phục tồn tại 6	Xây dựng bản đối sánh sự cải tiến các chỉ số KPIs giữa các phiên bản khác nhau.	BGH, các đơn vị được phân công	Thường xuyên	
	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ĐBCL bên trong.	BGH, đơn vị được phân công	Thường xuyên	
	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh kế hoạch chiến lược ĐBCL cho phù hợp với thực tiễn, sự phát triển của Nhà trường, của xã hội	TT.QLCL và đơn vị liên quan	Thường xuyên	
	Phát huy điểm mạnh 3	Tăng cường các hình thức, phương thức phổ biến, áp dụng công nghệ để quán triệt, phổ biến cho toàn thể cán bộ viên chức, người học về chiến lược và kế hoạch về hoạt động ĐBCL của	BGH, các đơn vị được phân công	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		Nhà trường.			
	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống lưu trữ, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL.	BGH, các đơn vị được phân công	Thường xuyên	
	Phát huy điểm mạnh 5	Hoàn thiện các bộ chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính	BGH, các đơn vị được phân công	Thường xuyên	
	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL.	BGH, các đơn vị được phân công	Thường xuyên	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn</i>	4.67
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	4
Tiêu chí 9.6	4

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.

Năm 2017, trường ĐH CNTP TPHCM đã đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục

theo Nghị quyết của hội đồng KĐCL GD [H10.10.01.01]. Ngay sau khi được công nhận tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục 2017 – 2022 và kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm vào mỗi đầu năm học [H10.01.01.02]. Theo đó, kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục 2017 – 2022 đã xác định tiến độ thực hiện kế hoạch này chia thành 2 giai đoạn, trong đó giai đoạn 2 (2020 – 2022) triển khai hoạt động TĐG cấp trường vào năm 2021 và tiếp Đoàn đánh giá ngoài đến khảo sát chính thức để công nhận chất lượng giai đoạn 2017 – 2021. Lộ trình, kế hoạch TĐG và các nội dung chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài CSGD và các CTĐT cũng được xác định rõ trong các kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm.

Theo tiến độ thực hiện giai đoạn 2 của kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục 2017 – 2022, từ cuối năm 2020, Trường triển khai hoạt động TĐG CSGD chu kỳ 2 theo Thông tư 12 và thực hiện theo hướng dẫn của Công văn 766 của BGD&ĐT. Trường đã ban hành quyết định thành lập hội đồng TĐG CSGD, ban thư kí và 6 nhóm công tác chuyên trách [H10.10.01.03]. Hội đồng TĐG gồm 25 thành viên, có chức năng giúp Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai các hoạt động TĐG. Để chuẩn bị cho hoạt động TĐG, hội đồng TĐG và ban thư ký dự thảo kế hoạch TĐG, phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, GV, nhân viên, người học và các BLQ, tổ chức tập huấn về bộ tiêu chuẩn, cách thu thập phân tích thông tin, minh chứng, phương pháp TĐG và cách viết báo cáo TĐG [H10.10.01.04]. Các nhóm công tác chuyên trách được phân công phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí phù hợp với chức năng nhiệm vụ, tiến hành phân tích nội hàm tiêu chí để xác định và thu thập minh chứng về hoạt động của Trường trong giai đoạn 2017 – 2021, từ đó tiến hành viết báo cáo tiêu chí. Tất cả các hoạt động này được hướng dẫn cụ thể qua kế hoạch TĐG số 106/KH-DCT ngày 10/3/2021 và phổ biến đến đến toàn thể cán bộ, GV, nhân viên, người học và các BLQ qua trang Egov của Trường, [H10.10.01.05], [H10.10.01.06].

Năm học 2017 – 2018, Trường bắt đầu triển khai hoạt động TĐG các CTĐT và công tác này được duy trì thường xuyên, liên tục cho đến nay. Để chuẩn bị cho công tác TĐG, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập hội đồng TĐG, ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách cho từng chương trình [H10.10.01.07]. Hội đồng TĐG có chức năng giúp Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai TĐG CTĐT và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng các hoạt động của CTĐT. Giúp việc cho hội đồng TĐG là ban thư ký bao gồm 01 cán bộ của bộ phận chuyên trách về ĐBCL và các GV của CTĐT được đánh giá. Mỗi CTĐT xây dựng kế hoạch TĐG riêng và kế hoạch này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, GV, nhân viên, người học và

các BLQ thông qua trang Egov của Trường [H10.10.01.08]. Thông qua kế hoạch TĐG, trách nhiệm, công việc cụ thể của các đơn vị, cá nhân liên quan được xác định cũng như thời gian thực hiện công tác TĐG được xác định rõ. Hội đồng TĐG và ban thư ký dự thảo kế hoạch TĐG, tổ chức tập huấn về bộ tiêu chuẩn, cách thu thập phân tích thông tin, minh chứng, phương pháp viết báo cáo TĐG. Các nhóm công tác chuyên trách được phân công phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí phù hợp với chức năng nhiệm vụ, phân tích nội hàm tiêu chí để xác định và thu thập thông tin minh chứng và tiến hành viết báo cáo tiêu chí [H10.10.01.09]. Ban thư ký cùng các nhóm công tác chuyên trách viết báo cáo TĐG và hoàn thiện báo cáo sau những ý kiến đóng góp và phản biện của hội đồng TĐG. Hội đồng TĐG CTĐT bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG. Sau khi hoàn thành báo cáo TĐG, TTQLCL gửi báo cáo TĐG CTĐT kèm theo công văn thông báo về việc đã hoàn thành báo cáo TĐG cho Cục Quản lý chất lượng, BGD&ĐT [H10.10.01.10]. Sau khi nhận được phản hồi từ Cục QLCL và tên cơ sở giáo dục được cập nhật vào danh sách các cơ sở giáo dục đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT theo từng chu kỳ kiểm định, TTQLCL gửi công văn và hồ sơ để hợp đồng với tổ chức KĐCL GD để thẩm định báo cáo TĐG trước khi đánh giá ngoài [H10.10.01.11]. Cũng trong thời gian này, Trường chuẩn bị các hoạt động phục vụ cho việc đánh giá ngoài các CTĐT [H10.10.01.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

Căn cứ vào Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục 2017 – 2022 và và điều 29 của Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT “Quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CSGD”, Trường triển khai TĐG CSGD theo Thông tư 12 và thực hiện theo hướng dẫn của Công văn 766 của BGD&ĐT. Cuối năm 2020, Trường đã có quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký và 6 nhóm công tác chuyên trách để triển khai thực hiện công việc theo kế hoạch TĐG [H10.10.02.01]. Hội đồng TĐG đã xây dựng kế hoạch TĐG số 106/KH-DCT ngày 10/3/2021 nhằm sử dụng có hiệu quả thời gian và các nguồn lực của trường để đảm bảo đạt được mục đích của đợt TĐG. Trong Kế hoạch TĐG, nhiệm vụ của các nhóm công tác chuyên trách được xác định rõ ràng đồng thời thiết lập thời gian TĐG cụ thể để việc triển khai báo cáo TĐG đúng tiến độ [H10.10.02.02]. Theo kế hoạch, dự kiến đến cuối năm 2021, Trường hoàn thành báo cáo TĐG và đăng kí kiểm định với Trung tâm KĐCL độc lập.

Đối với việc TĐG các CTĐT, Trường triển khai theo Thông tư 04 và thực

hiện theo hướng dẫn của Công văn 1075 của BGD&ĐT. Quy trình TĐG các CTĐT bắt đầu bằng việc thành lập Hội đồng TĐG. Trường đã có quyết định thành lập hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm CTCT cho mỗi CTĐT được TĐG theo đúng quy định [H10.10.02.03]. Hội đồng TĐG mỗi CTĐT xây dựng kế hoạch TĐG riêng, trong đó thể hiện rõ nhiệm vụ của các nhóm công tác chuyên trách, xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động, xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có cũng như xác định cụ thể thời gian thực hiện công tác TĐG [H10.10.02.04]. Đến nay, Trường đã có 10 CTĐT trình độ ĐH, 03 CTĐT trình độ Thạc sĩ đã tiến hành TĐG và 04 CTĐT trình độ ĐH đang tiến hành TĐG theo bộ tiêu chuẩn của BGD&ĐT [H10.10.01.05], trong đó có 09 CTĐT đã đánh giá ngoài [H10.10.01.06].

Để đáp ứng yêu cầu sứ mạng “hội nhập quốc tế” và mục tiêu nâng cao chất lượng, năm 2019, Trường tiến hành TĐG hai CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm và ngành Công nghệ hóa học theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 3.0. Khi thực hiện TĐG CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA, Trường đã tuân thủ theo tài liệu “Guide to AUN-QA Assessment at Programme Level version 3.0” (Tài liệu hướng dẫn đánh giá cấp chương trình theo tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 3.0). Trước khi tiến hành TĐG, Trường thành lập Hội đồng TĐG với đại diện tất cả các bộ phận trong Trường, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách đảm nhiệm việc triển khai các hoạt động TĐG, thu thập, phân tích thông tin và đưa ra các nhận định [H10.10.01.03]. Kế hoạch TĐG được xây dựng với thời gian biểu rõ ràng cho hoạt động TĐG, phân công trách nhiệm cụ thể cho các nhóm công tác chuyên trách [H10.10.01.04]

Các CTĐT sau khi hoàn thành TĐG và có kết quả thẩm định của Trung tâm KĐCL GD, Trường đã ban hành các kế hoạch, thông báo chuẩn bị các hoạt động phục vụ ĐGN [H10.10.02.07]. Các hoạt động chuẩn bị bao gồm: nhân sự phục vụ đánh giá ngoài, tập huấn phỏng vấn, kiểm tra cơ sở vật chất và kiểm tra hồ sơ minh chứng.

Để chuẩn bị cho quá trình tự đánh giá, tất cả các cán bộ có liên quan đều được tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL, KĐCL GD theo đúng quy định [H10.10.02.08]. Đến nay, Trường đã có 1 cán bộ có thể kiểm định viên, 2 cán bộ có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên và cử 7 cán bộ tham dự các khóa đào tạo và đang chờ cấp chứng chỉ kiểm định viên KĐCL GD do Trung tâm KĐCL GD – ĐH Quốc gia TP.HCM cấp [H10.10.02.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.

Một trong những chính sách chất lượng của Trường là “xác định việc kiểm định, đánh giá chất lượng là công tác thường xuyên, quan trọng và đáp ứng chuẩn đầu ra”, chính vì vậy, từ năm học 2017 – 2018 đến nay, Trường đã tiến hành TĐG 12 CTĐT và đang tiến hành TĐG CSGD chu kì 2 [H10.10.03.01]. Khi tiến hành TĐG, các nhóm công tác chuyên trách mô tả từng tiêu chí từ đó phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí từ đó đưa ra những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện [H10.10.03.02]. Sau khi hoàn thiện dự thảo báo cáo TĐG, dự thảo báo cáo được gửi đến hội đồng TĐG để được đóng góp ý kiến xem xét từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; xác định các thông tin cần thu thập bổ sung. Quá trình rà soát này được thực hiện từ 1-2 lần hoặc nhiều hơn tùy thuộc vào từng chương trình, sau đó dự thảo báo cáo TĐG được lấy ý kiến của các phòng, ban và TTQLCL để thảo luận, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá [H10.10.03.03]. Các nhóm công tác chuyên trách chỉnh sửa báo cáo theo góp ý, khoa có CTĐT được đánh giá tiến hành họp để thông qua dự thảo báo cáo TĐG lần 3 và nộp cho TT QLCL để thẩm định. Phó trưởng ban Thư ký cùng nhóm chuyên trách chỉnh sửa báo cáo theo góp ý của TT QLCL để hoàn thiện báo cáo lần cuối.

Quá trình đánh giá ngoài CSGD và các CTĐT giúp Trường, các khoa nhận diện rõ hơn các điểm mạnh, điểm cần cải tiến cũng như vạch ra các kế hoạch hành động khả thi để thực hiện các khuyến nghị cải tiến chất lượng từ kết quả đánh giá ngoài [H10.10.03.04]. Căn cứ vào các khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài, nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng của hội đồng KĐCL GD, hội đồng TĐG cùng ban thư ký đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng của CSGD giai đoạn 2017 – 2022, của các CTĐT. Các kế hoạch cải tiến chất lượng đều xác định lộ trình phân đầu mục tiêu chất lượng trong giai đoạn 5 năm; công cụ, nội dung, phân công và tiến độ thực hiện [H10.10.03.05]. Sau một năm thực hiện đánh giá ngoài, các CTĐT tiến hành rà soát những việc đã và đang thực hiện và những việc chưa làm được hoặc sẽ tiến hành làm trong giai đoạn còn lại của kế hoạch cải tiến chất lượng [H10.10.03.06]. Thực hiện quy định tại Thông tư 12 ban hành quy định về KĐCL CSGD đại học của BGD&ĐT, tháng 11/2019, Trường đã tiến hành thực hiện báo cáo giữa chu kỳ để rà soát, đánh giá các hoạt động cải tiến chất lượng

CSGD và tiếp tục các hoạt động cải tiến chất lượng nửa chu kỳ sau [H10.10.03.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Năm 2016, Trường thực hiện TĐG CSGD theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục Trường đại học gồm 10 tiêu chuẩn với 61 tiêu chí. Để hoàn thành báo cáo TĐG, Phòng Khảo thí và ĐBCL chịu trách nhiệm làm đầu mối viết báo cáo TĐG theo yêu cầu của mốc chuẩn, sau đó các đơn vị, phòng ban có liên quan tiến hành rà soát, điều chỉnh và bổ sung minh chứng. Năm 2021, để chuẩn bị cho việc thực hiện báo cáo TĐG CSGD chu kỳ 2, Trường đã tiến hành rà soát và đánh giá quy trình thực hiện tự đánh giá [H10.10.04.01] và có một số cải tiến cụ thể như sau:

– Công tác tập huấn, truyền thông về công tác ĐBCL và công tác TĐG được chú trọng và thực hiện nghiêm túc: kế hoạch TĐG được đăng tải trên hệ thống Egov, trang web của TTQLCL, công tác tập huấn chia thành các giai đoạn phù hợp với các bước thực hiện quá trình TĐG (tập huấn chung về bộ tiêu chuẩn, cách thu thập, phân tích thông tin minh chứng; cách viết các tiêu chuẩn, tiêu chí...) [H10.10.04.02].

– Để việc thu thập, phân tích minh chứng đảm bảo độ tin cậy, tính xác thực, mức độ phù hợp và liên quan đến tiêu chí, hội đồng TĐG đã phân công các tiêu chuẩn, tiêu chí phù hợp với các cá nhân hoặc đơn vị phụ trách. Sau khi tiến hành thu thập và phân tích thông tin, minh chứng hội đồng TĐG rà soát và kiểm tra lại mức độ phù hợp, xác thực của các minh chứng này trước khi các nhóm tiến hành bước đánh giá tiêu chí. [H10.10.04.03].

– Một bước tiến trong quá trình TĐG CSGD chu kỳ 2 là việc số hóa minh chứng, tạo điều kiện cho công tác lưu trữ, tái sử dụng, dễ dàng cung cấp cho đoàn đánh giá ngoài khi có yêu cầu [H10.10.04.04].

Đối với việc TĐG các CTĐT, Trường thực hiện theo đúng quy trình TĐG của Công văn 1075 ban hành về việc hướng dẫn TĐG CTĐT. Tuy nhiên, qua các lần triển khai TĐG, quy trình này đã được rà soát và cải tiến [H10.10.04.05]. Quy trình TĐG CTĐT cải tiến được minh họa cụ thể qua lưu đồ gắn với từng bước là nhiệm vụ cho các cá nhân, nhóm công tác chuyên trách hoặc đơn vị liên quan, thời gian và các biểu mẫu kèm theo [H10.10.04.06]. Một điểm cải tiến quan trọng trong việc thực hiện TĐG các CTĐT là việc phân cấp, phân công trong việc thu thập thông tin, minh chứng. TTQLCL cùng với ban thư ký các CTĐT đã rà soát và phân chia danh

mục minh chứng thành 2 cấp: Những minh chứng nào có thể sử dụng chung cho các CTĐT và thuộc các đơn vị phòng, ban, trung tâm nói chung, TTQLCL chịu trách nhiệm thu thập và số hóa các minh chứng này [H10.10.04.07]; Những minh chứng còn lại được gọi là minh chứng cấp khoa, khoa có CTĐT được đánh giá sẽ thu thập và quản lý.

Với việc cải tiến các quy trình TĐG, Trường đã và đang triển khai TĐG 16 CTĐT trình độ ĐH, 03 CTĐT trình độ Thạc sĩ, trong đó đã có 07 CTĐT trình độ ĐH đạt chuẩn chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của BGD&ĐT, 02 CTĐT trình độ ĐH đạt chuẩn chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của AUN – QA [H10.10.04.08]. Với thành tích này, Trường đang dẫn đầu các khối trường ĐH thuộc Bộ Công thương về KĐCL GD [H10.10.04.09].

Đến nay, Trường đã tiến hành đánh giá ngoài CSGD vào năm 2017 và 2 đợt đánh giá ngoài 7 CTĐT và 1 đợt đánh giá ngoài 2 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA. Qua các đợt đánh giá ngoài, Trường đã thực hiện việc rà soát, đánh giá và có những cải tiến trong quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài [H10.10.04.10], cụ thể:

Các tiêu chí	ĐGN CSGD	ĐGN 03 CTĐT theo MOET đợt 1	ĐGN 03 CTĐT theo AUN-QA	ĐGN 04 CTĐT theo MOET đợt 2
Kế hoạch	Kế hoạch tổ chức ĐGN với các nội dung: chuẩn bị về cơ sở vật chất; chuẩn bị về đối tượng phỏng vấn, minh chứng; công tác tuyên truyền; hậu cần đón tiếp,...		Kế hoạch tổ chức được xây dựng cùng với phương án và kịch bản về công tác và chuẩn bị đón đoàn ĐGN AUN-QA.	Ban hành Thông báo về việc chuẩn bị các hoạt động ĐGN bao gồm các hoạt động chuẩn bị cùng với các phụ lục: Phân công nhiệm vụ, Nội dung tập huấn, Lịch kiểm tra minh chứng, Lịch kiểm tra cơ sở vật chất.
Phân công trách nhiệm	Phòng Khảo thí & ĐBCL chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai và phối hợp với	TT.QLCL, các đơn vị trong Trường cùng các Khoa có CTĐT được ĐGN cùng phối hợp, triển khai các hoạt động.		

Các tiêu chí	ĐGN CSGD	ĐGN 03 CTĐT theo MOET đợt 1	ĐGN 03 CTĐT theo AUN-QA	ĐGN 04 CTĐT theo MOET đợt 2
	các đơn vị trong Trường.			
Cách thức chuẩn bị	Phòng Khảo thí & ĐBCL thực hiện chính các công tác chuẩn bị. Không tổ chức tập huấn cho các đối tượng phỏng vấn	Công tác chuẩn bị được chuyển về cho Khoa và các đơn vị cùng thực hiện. Các Khoa tổ chức tập huấn cho các đối tượng phỏng vấn với bảng câu hỏi gợi ý.	Công tác chuẩn bị được chuyển về cho Khoa và các đơn vị cùng thực hiện. Các Khoa tổ chức tập huấn cho các đối tượng phỏng vấn.	Thành lập các tổ công tác với các cá nhân chịu trách nhiệm cụ thể (thành phần từ TT.QLCL, Khoa, các đơn vị: khánh tiết, minh chứng, phỏng vấn, hậu cần, kỹ thuật, khảo sát, chuyên môn, khai mạc – bế mạc. TT.QLCL cùng Khoa tổ chức tập huấn cho các đối tượng phỏng vấn.
Lập kế hoạch cải tiến	Phòng Khảo thí & ĐBCL chủ trì.	TT.QLCL hướng dẫn biểu mẫu, Khoa có CTĐT được ĐGN lập kế hoạch cải tiến, TT.QLCL có trách nhiệm kiểm tra, giám sát.		

Để toàn bộ cán bộ, viên chức và người lao động nắm được các thông tin về công tác ĐBCL giáo dục trong bối cảnh hiện nay và kế hoạch, chiến lược về công tác ĐBCL của Trường, ngay sau khi nhận chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, Trường đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài cấp trường và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng giai đoạn 2017 – 2022 [H10.10.04.11]. Tháng 4 năm 2019, sau khi triển khai TĐG 10 CTĐT và tiến hành ĐGN 03 CTĐT trình độ ĐH đầu tiên, Trường tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện công tác TĐG và ĐGN cấp CTĐT với mục đích cung cấp thông tin, nội dung và cách thức triển khai các hoạt động TĐG, ĐGN cũng như rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt trong công tác ĐBCL, KĐCL GD của các CTĐT [H10.10.04.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Kế hoạch ĐBCL giai đoạn 5 năm và mỗi năm học được thiết lập, các kế hoạch TĐG và đánh giá ngoài được xây dựng lịch trình rõ ràng, phân công nội dung công việc cụ thể cho các đơn vị, bộ phận liên quan.

2. Trong 5 năm của chu kỳ đánh giá 2017 – 2021, Trường tiến hành công tác TĐG định kỳ và theo đúng quy định của BGD&ĐT, các kế hoạch đánh giá ngoài được xây dựng chi tiết, cụ thể.

3. Quá trình rà soát báo cáo TĐG được thực hiện nhiều lần và qua nhiều cấp giúp cho việc xác định, phân tích các điểm mạnh, điểm tồn tại cũng như đề xuất kế hoạch hành động khả thi để khắc phục tồn tại phát hiện qua quá trình TĐG được thực hiện kỹ lưỡng, mang tính chính xác cao.

4. Công tác rà soát, đánh giá và cải quy trình TĐG và chuẩn bị ĐGN cấp CSGD và cấp CTĐT luôn được thực hiện.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Các cá nhân, đơn vị, bộ phận liên quan chưa thực sự chủ động, chặt chẽ trong việc phối hợp triển khai các kế hoạch TĐG cũng như đánh giá ngoài.

2. Tỷ lệ thành viên Tổ ĐBCL tham gia các khóa tập huấn về ĐBCL, KĐCL GD còn thấp.

3. Việc triển khai thực hiện kế hoạch hành động khắc phục tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng chưa đồng đều ở tất cả các đơn vị, còn quá phụ thuộc vào TTQLCL.

4. Quy trình TĐG và chuẩn bị ĐGN cấp CSGD và cấp CTĐT có hiệu quả với điều kiện bình thường, thực hiện trực tiếp tuy nhiên các quy trình này chưa thích ứng với các điều kiện xảy ra thiên tai, dịch bệnh (dịch Covid-19).

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền cho các cá nhân chịu trách nhiệm đầu mối công	TTQLCL Các đơn vị	2021 - 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		việc liên quan tại các đơn vị hiểu rõ vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của bản thân trong hoạt động TĐG, đánh giá ngoài.			
2	Khắc phục tồn tại 2	Trưởng tăng cường cử CBVC là thành viên Tổ ĐBCL tham gia các khóa tập huấn về ĐBCL, KĐCL GD.	BGH, P.TCHC	2021 - 2023	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tăng cường vai trò của các thành viên trong tổ ĐBCL tại các đơn vị. Tăng cường công tác giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch hành động khắc phục tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng.	TTQLCL Các đơn vị	2021 - 2026	
4	Khắc phục tồn tại 4	Trưởng cần xây dựng Quy trình TĐG và chuẩn bị ĐGN cấp CSGD và cấp CTĐT trong điều kiện xảy ra thiên tai, dịch bệnh phải thực hiện bằng hình thức trực tuyến.	TT.QLCL BGH	2021 - 2022	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Trưởng tiếp tục thực hiện công tác TĐG định kỳ và theo đúng quy định của BGD&ĐT, các kế hoạch đánh giá ngoài được xây dựng chi tiết, cụ thể và theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp hơn.	BGH, Đơn vị được phân công	Theo kế hoạch ĐBCL hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục thực hiện công tác rà soát, đánh giá và cải quy trình TĐG và chuẩn bị ĐGN cấp CSGD và cấp CTĐT thường	TT.QLCL BGH	2021 - 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		xuyên, định kỳ.			

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 10	5.25
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	6

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập.

Hệ thống thông tin ĐBCL của Trường ĐH CNTP TP.HCM được xác định bao gồm hai thành phần quan trọng là thông tin sơ cấp (từ khảo sát các bên liên quan) và thông tin thứ cấp (gồm tất cả các số liệu thứ cấp của Trường như số liệu về học vụ, giảng viên, sinh viên, cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học, tài chính...) [H11.11.01.01]. Từ đó, Nhà trường có kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong (bao gồm thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan) thông qua những kế hoạch cụ thể tương ứng cho thông tin sơ cấp và thông tin thứ cấp.

Đối với thông tin sơ cấp, Trường đã ban hành Quy định về công tác lấy ý kiến từ các BLQ, trong đó quy định về mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của những đơn vị, cá nhân tham gia công tác lấy ý kiến phản hồi. Quy định nêu rõ, công tác LYK phản hồi từ các BLQ được thực hiện theo định kỳ với nhiều hình thức thu thập như thông qua phần mềm LYK trực tuyến, phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn, điện thoại, email, mời tham dự hội thảo, chuyên đề, v.v.; sử dụng phần mềm excel hoặc SPSS để phân tích dữ liệu khảo sát; viết báo cáo; gửi kết quả

khảo sát đến các BLQ; đề xuất biện pháp khắc phục và lưu trữ thông tin, dữ liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu. Để triển khai Quy định này, các kế hoạch khảo sát về hài lòng môn học, toàn khóa học, cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ, môi trường làm việc và tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp được xây dựng và thực hiện hàng năm [H11.11.01.02]. Đối với thông tin thứ cấp, Trường đã xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Quy chế công khai của Trường trong từng năm học dựa trên Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với những nội dung: cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; thu chi tài chính và phục vụ cộng đồng [H11.11.01.03]; bên cạnh đó là hệ thống những quy trình, biểu mẫu theo chức năng, nhiệm vụ tại các đơn vị [H11.11.01.04].

Trước khi triển khai Kế hoạch thực hiện Quy chế công khai, Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế Ba công khai đã họp để thống nhất nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện Quy chế công khai, đồng thời thống nhất cách thu thập, kiểm tra, xử lý và báo cáo dữ liệu công khai [H11.11.01.05]. Theo đó, TT.QLCL được giao làm đầu mối xây dựng kế hoạch, biểu mẫu, phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện theo bảng phân công nhiệm vụ cụ thể của từng kế hoạch [H11.11.01.02], [H11.11.01.03]. Để cụ thể hóa những thông tin thuộc các lĩnh vực, Nhà trường đã ban hành các quy định, quy chế về quản lý hồ sơ viên chức và người lao động, đào tạo, thi – kiểm tra, tài chính, NCKH [H11.11.01.06]. Dựa vào đó, mỗi đơn vị (P.ĐT, P.TCHC, P.KHTC, P.CTSV&TTGD, P.QLKH&ĐTSDH, TT.QLCL, TT.TTTV) sẽ lưu trữ và quản lý thông tin thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình [H11.11.01.07]. Tuy nhiên, theo chức năng nhiệm vụ hiện tại, Trường chưa có quyết định phân công đơn vị hoặc bộ phận đầu mối về mảng PVCD. Ngoài ra, quá trình nhận và chuyển thông tin được Nhà trường quy định thực hiện thông qua nhiều phương thức như họp giao ban tháng, công văn, báo cáo, thông qua điện thoại, gặp gỡ, trao đổi trực tiếp, qua hòm thư góp ý, qua mạng nội bộ, email cá nhân.

Nhằm tăng hiệu quả quản lý HTTT, Nhà trường đã có phương án ứng dụng CNTT trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin, trong đó có hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Trường với các phần mềm chức năng chuyên dụng và hệ thống website, mạng nội bộ [H11.11.01.08]. Bên cạnh đó, để ngày càng nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng CNTT vào quản lý HTTT, Trường đã khảo sát nhu cầu sử dụng phần mềm quản trị đại học (PMT-EMS) của CBVC trong Trường [H11.11.01.09], tổ chức các buổi họp giữa những đơn vị sử dụng các chức năng chuyên dụng của phần mềm với đối tác xây dựng phần mềm [H11.11.01.10]. Đồng

thời, Trường cũng đã ban hành Quy định về việc quản trị hệ thống CNTT của Trường nhằm tăng cường năng lực quản lý và khai thác tài nguyên mạng máy tính của HUFI, phát huy tinh thần trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của đơn vị và cá nhân thuộc HUFI khi tham gia quản lý và khai thác tài nguyên mạng máy tính; thành lập Ban biên tập cổng thông tin điện tử; xây dựng Kế hoạch Tham gia Hệ thống xếp hạng Webometrics và Kế hoạch hoàn thiện và phát triển hệ thống website HUFI giai đoạn 1 (2021-2022), giai đoạn 2 (2021-2022) [H11.11.01.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

Trường ĐH CNTP TP.HCM xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong trên nền tảng công nghệ thông tin để hỗ trợ công tác ra quyết định, bao gồm 1. hệ thống mạng nội bộ kết nối với các đơn vị trong Trường nhằm phục vụ việc giao, nhận và chia sẻ thông tin [H11.11.02.01 - 02]; 2. hệ thống website của Trường và các đơn vị có tính liên thông, cung cấp đầy đủ thông tin đến các BLQ về Nhà trường trong từng giai đoạn; cơ cấu tổ chức và nhân sự; CSVC; ba công khai; thông tin tuyển sinh và các văn bản theo quy định [H11.11.02.03]. CSDL về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được lưu trữ có hệ thống, sẵn sàng trích xuất khi cần thông qua hệ thống phần mềm quản lý từng lĩnh vực chuyên môn như đào tạo, khảo thí, nhân sự, NCKH, ... [H11.11.02.02]; việc thực hiện quy chế công khai và hoạt động khảo sát các BLQ được Nhà trường phân công đơn vị đầu mối, có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và lưu trữ dữ liệu [H11.11.02.04]. Đối với các hoạt động khảo sát của Trường, tùy vào từng thời điểm và tình hình thực tế mà Nhà trường áp dụng những phương pháp lấy ý kiến các BLQ sao cho phù hợp như sử dụng phần mềm, gọi điện thoại, phát phiếu, phỏng vấn trực tiếp, v.v. Dữ liệu sau khi thu thập từ các đợt khảo sát sẽ được đơn vị đầu mối phân tích chính xác, đầy đủ cho từng lĩnh vực hoạt động để nâng cao chất lượng [H11.11.02.05 - 06]. Tuy nhiên, Nhà trường chỉ mới đầu tư vào phần mềm quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học từ năm 2020 và chưa có đơn vị đầu mối cũng như phần mềm quản lý mảng phục vụ cộng đồng.

Để đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong, Nhà trường đã có những biện pháp cụ thể như ??? [H11.11.02.07]. Các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống thông tin về ĐBCL bên trong được thông báo cho tất cả các cán bộ, GV, nhân viên của Trường và các bên liên quan khác

(nhà cung cấp, đối tác,...) [H11.11.02.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

Hằng năm, trường ĐH CNTP TP.HCM định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong thông qua các kế hoạch khảo sát, kế hoạch thực hiện quy chế công khai, hay rà soát và cung cấp các biểu mẫu theo quy trình của đơn vị, báo cáo đánh giá thực trạng hoạt động của các phần mềm [H11.11.03.01].

Đối với hoạt động khảo sát các BLQ, tùy tình hình thực tế của mỗi năm học mà Nhà trường lựa chọn những phương pháp thu thập ý kiến cho phù hợp bên cạnh việc rà soát bằng hỏi với từng đối tượng lấy ý kiến [H11.11.03.02]; đối với Kế hoạch thực hiện Quy chế công khai của Trường trong mỗi năm học, trước khi triển khai thực hiện, Ban chỉ đạo cũng đã tham dự buổi họp cùng đại diện Tổ thu thập dữ liệu để cùng rà soát quy trình thực hiện, những thuận lợi, khó khăn cũng như cách ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình thu thập dữ liệu, ...[H11.11.03.03]; đối với các quy trình tại đơn vị, trong quá trình thực hiện theo chức năng nhiệm vụ, đơn vị có những cải tiến trong quy trình, biểu mẫu, thì thực hiện mã hóa, cập nhật, điều chỉnh cho thống nhất [H11.11.03.04]; đối với hệ thống phần mềm, trang web trong Trường, các đơn vị quản lý rà soát, lập báo cáo hằng năm để Nhà trường phối hợp với đơn vị cung cấp khắc phục, sửa chữa, bảo dưỡng và nâng cấp [H11.11.03.05].

Bên cạnh những ý kiến của các cá nhân, đơn vị được phân công nhiệm vụ thực hiện rà soát như đã nêu, Nhà trường còn lấy ý kiến của người học về cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ; về tổ chức, quản lý và phục vụ đào tạo và ý kiến của viên chức về điều kiện, môi trường làm việc tại Trường [H11.11.03.06]. Đây là một trong những kênh thông tin quan trọng để Trường có những bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong. Tuy nhiên, việc rà soát các quy trình chưa được thực hiện đồng bộ tại các đơn vị trong Trường, bên cạnh đó, nhiều viên chức chưa thấy được vai trò và trách nhiệm của mình trong việc đóng góp ý kiến qua các bảng hỏi.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường được cải tiến, thể hiện qua những thay đổi trong kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan hằng năm [H11.11.04.01]; qua các cách thu thập và báo cáo Ba công khai [H11.11.04.02]; qua việc cập nhật các văn bản về các mảng thủ tục hành chính, đào tạo, NCKH và PVCĐ [H11.11.04.03]; qua việc cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các quy trình ở các đơn vị như P.ĐT, P.CTSC&TTGD, TT.QLCL, TT.TTTV, Phòng QLKH&ĐTSĐH [H11.11.04.04]; qua việc nâng cấp các phần mềm quản lý tại Trường từ 2017-2021 [H11.11.04.05]; và cải thiện vị trí xếp hạng của website Trường trong hệ thống xếp hạng Webometrics [H11.11.04.06].

Cụ thể, đối với hệ thống quản lý thông tin sơ cấp, từ năm học 2018 – 2019 trở về trước, khảo sát tình hình việc làm của SVTN được TT.QLCL thực hiện từ khâu xây dựng kế hoạch, thu thập ý kiến, xử lý dữ liệu đến báo cáo các BLQ. Từ năm học 2019 – 2020 đến nay, sau khi phân tích những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện, đồng thời mong muốn các Khoa nâng cao trách nhiệm của mình trong quá trình đào tạo một SV, lắng nghe ý kiến của SV từ lúc mới vào Trường cho đến lúc ra Trường, có việc và phát triển sự nghiệp. Theo đó, Nhà trường đã quyết định điều chỉnh một số nội dung trong kế hoạch khảo sát này, cụ thể, các Khoa có SVTN là đơn vị thu thập ý kiến về tình hình việc làm của 100% SVTN trong vòng 01 năm của Khoa; TT.QLCL sẽ khảo sát 30% tổng số SVTN để thẩm định thông tin này và là đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch và tổng hợp báo cáo gửi các BLQ. Bên cạnh đó, Trường đã bổ sung đợt lấy ý kiến về sự kỳ vọng của SV mới nhập học với mong muốn nâng cao chất lượng tuyển sinh đầu vào và nắm bắt kịp thời những mong muốn của sinh viên. Ngoài ra, qua các đợt khảo sát, những câu hỏi trong phiếu cũng sẽ được rà soát và cập nhật. Bên cạnh đó, các phương pháp lấy ý kiến các BLQ cũng ngày càng đa dạng, trước năm học 2016 – 2017, phương pháp LKY chỉ bao gồm phát phiếu hoặc sử dụng phần mềm khảo sát. Từ năm học 2017 – 2018 đến nay, nhiều cách thu thập ý kiến đã được sử dụng linh hoạt trong các đợt khảo sát như: sử dụng phần mềm khảo sát (hài lòng môn học); gọi điện thoại, phát phiếu trực tiếp, các ứng dụng trực tuyến như zalo, facebook, email, ... (tình hình việc làm của SVTN); phát phiếu trực tiếp tại các buổi sinh hoạt đầu khóa, tạo bảng hỏi trên Google Form (sự kỳ vọng của SV mới nhập học, CSVC và DVHT, Toàn khóa học); tạo bảng hỏi trên Google (Môi trường làm việc tại Trường); tại hội nghị, hội thảo, các cuộc gặp gỡ (Nhà tuyển dụng, Chuyên gia).

Đối với hệ thống quản lý thông tin thứ cấp, trong đó, phương pháp thu thập dữ liệu công khai đã được cải tiến qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, hạn chế rủi ro khi nhập dữ liệu, đồng thời có sự kiểm dò, đối chiếu của đơn vị quản lý

trước khi công khai. Các văn bản được cập nhật và ban hành như thông báo về việc hướng dẫn thủ tục hành chính, thông báo trình ký các văn bản hành chính, hướng dẫn xử lý các văn bản đến trên hệ thống EGOV, quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ, quy chế hoạt động khoa học công nghệ được cập nhật trong các năm từ 2017 – 2021, quy chế thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập (đang dự thảo) bên cạnh các quy trình như Quy trình cung cấp tin, bài lên cổng thông tin điện tử Hufi được ban hành mới và việc cập nhật, bổ sung các quy trình tại các đơn vị trong Trường. Song song với hệ thống quản lý bằng văn bản là hệ thống quản lý bằng các phần mềm quản lý nhân sự, quản lý đào tạo (thời khóa biểu, điểm), quản lý sinh viên, quản lý thi, phần mềm khảo sát, quản lý tài chính, quản lý NCKH (đang trong quá trình nghiệm thu) được nâng cấp theo định kỳ và theo yêu cầu từ đơn vị sử dụng. Bên cạnh đó là hệ thống website của Trường đã tham gia vào Hệ thống xếp hạng Webometrics với thứ hạng 119 vào tháng 7/2020, tăng 49 bậc trên bảng xếp hạng đợt 1 năm 2021 và tiếp tục tăng 13 bậc trong đợt 2 năm 2021.

Bên cạnh những quy trình, quy định quản lý hệ thống thông tin ĐBCL bên trong, Nhà trường còn ban hành những chính sách như thành lập mạng lưới ĐBCL trong Trường và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên [H11.11.04.07], thành lập Ban biên tập cổng thông tin điện tử của Trường với bảng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên cụ thể để đảm bảo các điều kiện cho cổng thông tin điện tử HUFi hoạt động thường xuyên và hiệu quả [H11.11.04.08].

Các thông tin ĐBCL bên trong (bao gồm cả phân tích kết quả đánh giá) được CSGD sử dụng để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Về đào tạo, dựa trên kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT và CDR [H11.11.04.09]. Về NCKH, căn cứ vào những kết quả phân tích đánh giá về chất lượng NCKH, những ý kiến góp ý của cán bộ, viên chức, Nhà trường đã điều chỉnh và xây dựng quy định về công tác NCKH của trường trong đó đưa ra được các tiêu chí đánh giá hiệu quả nghiên cứu khoa học, điều chỉnh mức hỗ trợ NCKH cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, ... góp phần tạo động lực khuyến khích các cán bộ, giảng viên trong học tập, bồi dưỡng và NCKH [H11.11.04.10]. Về PVCĐ: Dựa trên kết quả thống kê loại hình và khối lượng các hoạt động PVCĐ của Nhà trường thể hiện trong Báo cáo Hội nghị Viên chức & NLĐ và báo cáo Ba công khai hàng năm của Nhà trường để các đơn vị hoạch định quy mô, loại hình và khối lượng các hoạt động PVCĐ của năm sau thường được mở rộng và có kế hoạch định hướng ngay từ ban đầu [H11.11.04.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Công tác lấy ý kiến các BLQ được Nhà trường thực hiện định kỳ hàng năm với nhiều hình thức khác nhau.
2. Việc quản lý HTTT đã được tin học hóa bằng nhiều phần mềm chuyên dụng và hệ thống website, mạng nội bộ.
3. Hệ thống quản lý thông tin về ĐBCL bên trong của CSGD trên nền tảng công nghệ thông tin ngày càng được hoàn thiện.
4. Các hoạt động khảo sát của Trường đã được triển khai đều đặn hàng năm với những quy định, kế hoạch cụ thể.
5. Hệ thống quản lý thông tin luôn được Nhà trường có kế hoạch cải tiến.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Trường đã xác định hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Trường, từ đó xây dựng được một hệ thống quản lý với những văn bản cụ thể, trong đó có sự phân công trách nhiệm cho bộ phận đầu mối, bộ phận hỗ trợ. Tuy nhiên, theo chức năng nhiệm vụ hiện tại, Trường chưa có quyết định phân công đơn vị hoặc bộ phận đầu mối về mảng PVCĐ.
2. Một số hoạt động của Trường chưa có phần mềm chuyên dụng để quản lý như phục vụ cộng đồng, cơ sở vật chất & trang thiết bị, bên cạnh đó hoạt động nghiên cứu khoa học chỉ vừa được triển khai xây dựng phần mềm quản lý. Điều này làm hạn chế việc hỗ trợ ra quyết định của Trường trong giai đoạn 2017 - 2021.
3. Việc rà soát các quy trình chưa được thực hiện đồng bộ tại các đơn vị trong Trường.
4. Nhiều viên chức chưa thấy được vai trò và trách nhiệm của mình trong việc đóng góp ý kiến cho các đợt khảo sát hoặc góp ý cho các bảng dự thảo.
5. Chưa có sự đồng bộ giữa các đơn vị trong việc cải tiến hệ thống quản lý thông tin.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
----	----------	----------	---------------------------------	--	---------

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Phân công đơn vị/bộ phận đầu mối về mảng PVCĐ	BGH, đơn vị được phân công	Năm học 2021 - 2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tiếp tục triển khai xây dựng các phần mềm quản lý cho các mảng chưa có	BGH, đơn vị liên quan	Theo từng giai đoạn	
3	Khắc phục tồn tại 3	Lập kế hoạch với tiến độ cụ thể và chế tài kèm theo đối với việc rà soát các quy trình tại mỗi đơn vị	Ban Giám hiệu, TT QLCL, các đơn vị trong Trường	Hàng năm	
4	Khắc phục tồn tại 4	Xác định vai trò của trưởng đơn vị trong việc nâng cao trách nhiệm của viên chức trong hoạt động đóng góp ý kiến cho Trường	Ban Giám hiệu, Trưởng đơn vị	Trong các buổi họp của Trường, của đơn vị	
5	Khắc phục tồn tại 5	Phân công cho từng đơn vị chịu trách nhiệm về việc rà soát và cải tiến các quy trình thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.	BGH, TT.QLCL, các đơn vị trong Trường	Hoàn thành trong năm 2023	
6	Phát huy điểm mạnh 1	Xây dựng CSDL về nhà tuyển dụng để thu thập nhiều ý kiến hơn	BGH, các đơn vị được phân công là đầu mối hoặc phối hợp	Năm học 2021 - 2022	
7	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống quản lý có ứng dụng CNTT	Toàn Trường	Từng giai đoạn	
8	Phát huy điểm	Tiếp tục rà soát các phần mềm đang sử dụng để bổ sung, cập	Các đơn vị sử	Từng giai đoạn	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	mạnh 3	nhật và hoàn thiện các chức năng chưa đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ	dụng phần mềm, đối tác xây dựng phần mềm		
9	Phát huy điểm mạnh 4	Nâng cấp phần mềm hỗ trợ hoạt động khảo sát các BLQ	BGH, đối tác xây dựng phần mềm	Theo tiến độ của dự án	
10	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục xây dựng những chính sách, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường	Ban Giám hiệu, TT.QLCL, các đơn vị trong Trường	Thời gian thực hiện: chu kỳ: 2021 - 2026	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	4.50
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	4
Tiêu chí 11.4	4

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Xác định chất lượng chính là nền tảng, là yếu tố quan trọng nhất đảm bảo cho sự phát triển bền vững của một CSGD ĐH, Ban giám hiệu Trường đã tiến hành đánh giá thực trạng về công tác ĐBCL, xác định những thành tựu, tồn tại của công tác ĐBCL trong những năm qua làm căn cứ xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục giai đoạn 2017 - 2022 của Trường ĐH CNTP TP.HCM [H12.12.01.01] với mục tiêu nâng dần mức chất lượng qua các năm:

Bảng 12.1A. Mức chất lượng qua các năm

Năm	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Mức chất lượng	4,0/7	4,2/7	4,5/7	4,8/7	5,0/7	5,2/7

Về phân tầng xếp hạng và Trường đạt chuẩn quốc gia: phần đầu đến năm 2022, Trường xếp hạng thuộc nhóm 1 trong phân tầng gồm các trường ĐH định hướng nghiên cứu ứng dụng (Nghị định 73) và chuẩn bị mọi điều kiện để hoàn thiện được hồ sơ đăng ký công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia (Thông tư 24).

Bên cạnh đó Nhà trường còn thông qua Chính sách chất lượng, tầm nhìn 2030: <https://ttqlcl.hufi.edu.vn/gioi-thieu/chinh-sach-chat-luong-cua-hufi> [H12.12.01.02] nhằm khẳng định: Chất lượng giáo dục là vấn đề then chốt, là trách nhiệm của cả hệ thống, của các cấp lãnh đạo, tất cả các bộ phận, của mỗi cán bộ, viên chức, giảng viên, nhân viên và sinh viên trong toàn trường; Phải xây dựng được bộ máy quản lý, điều hành gọn nhẹ, chủ động và hiệu quả thông qua việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và điều hành điện tử; Việc kiểm định, đánh giá chất lượng là công tác thường xuyên, quan trọng và đáp ứng chuẩn đầu ra;...

Trên cơ sở của chính sách chất lượng, tầm nhìn 2030 Nhà trường thiết lập hệ thống ĐBCL nội bộ với bảy thành phần: Giá trị cốt lõi; Cấu trúc tổ chức và nhân sự; Văn hóa ĐBCL; Thể chế và qui định; Hệ thống thông tin ĐBCL; Hội nghị chất lượng thường niên; Công bố thông tin ĐBCL để hoàn thành được hai mục tiêu chính: Một là, đánh giá, đo lường, kiểm soát chất lượng toàn diện và trên cơ sở đó đảm bảo và nâng cao chất lượng của Nhà Trường. Hai là, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy định của các tổ chức, cơ quan KĐCL bên ngoài.

Cũng trong năm 2017, Trường đã thành lập Hội đồng ĐBCL Trường ĐH CNTP TP.HCM gồm 35 thành viên, có nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng chỉ đạo, triển khai hoạt động ĐBCL theo đúng quy định [H12.12.01.03]; Tiếp theo là ban hành

quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng ĐBCL [H12.12.01.04].

Hội đồng ĐBCL với nhiệm vụ quan trọng là đảm bảo chất lượng, nâng cao chất lượng cho toàn Trường bằng cách lập ra các Kế hoạch nâng cao chất lượng có tính liên tục với các mốc thời gian và chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, cho nên sau mỗi năm học Hội đồng ĐBCL đều tập trung thảo luận, phân tích, chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại, nguyên nhân và đề xuất các phương án khắc phục làm cơ sở để xây dựng Kế hoạch ĐBCL cho từng năm học từ năm học 2017 cho đến nay [H12.12.01.05]. Tất cả các kế hoạch này đều được thống nhất về nội dung công việc, kết quả dự kiến, điều kiện, thời gian thực hiện và đơn vị chủ trì. Đồng thời ở mỗi nội dung công việc chính đều có kế hoạch hành động cụ thể để triển khai thực hiện; có giám sát và đối sánh để cải tiến, có hồ sơ minh chứng về kết quả hoạt động:

Bảng 12.1B. Kế hoạch ĐBCL qua các năm học

Năm học	Nội dung công việc được triển khai hàng năm để đảm bảo chất lượng, nâng cao chất lượng của Trường
2017 – 2018	1. Xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong; 2. Triển khai thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học (đào tạo theo tín chỉ), xây dựng, đánh giá, sử dụng ngân hàng đề thi theo CĐR và đánh giá kết quả NH theo CĐR; 3. Cập nhật, khai thác, sử dụng các phần mềm trong quản lý, đào tạo; 4. Triển khai TĐG CTĐT theo AUN, MOET và đăng ký là thành viên liên kết AUN; 5. Khảo sát SV, cựu SV, CBCNV về chất lượng giảng dạy, về CTĐT; 6. Tham gia các lớp tập huấn chuyên sâu về công tác ĐBCL, mở các lớp tập huấn cho SV, VC nhằm nâng cao chất lượng của CSGD ĐH ...
2018 – 2019	1. Tiếp tục phát triển hệ thống ĐBCL bên trong: có KH ĐBCL theo từng tháng trong 1 năm học cho các đơn vị toàn Trường. Giám sát và đánh giá nội bộ tại ít nhất 20% số đơn vị về thực hiện công tác ĐBCL; 2. Triển khai KH để tham gia xếp hạng trường theo chuẩn của Webometrics, xây dựng KPIs trong đánh giá hoạt động Trường; 3. Xây dựng hệ thống thông tin, CSDL ĐBCL; 4. Triển khai thiết kế website ĐBCL bằng tiếng việt, tiếng Anh để thu thập, đăng nội dung, rà soát,

Năm học	Nội dung công việc được triển khai hàng năm để đảm bảo chất lượng, nâng cao chất lượng của Trường
	cập nhật, cải tiến website; 5. Thành lập câu lạc bộ Chất lượng HUFI, tuyển chọn thành viên tham gia câu lạc bộ và có tổ chức sinh hoạt bằng các chuyên đề, hội thảo khoa học về ĐBCL ; 6. KĐCL CTĐT theo AUN-QA và MOET, xây dựng kế hoạch cải tiến cho 5 năm tiếp theo (2019 – 2024); 7. Mở rộng thêm nội dung, phạm vi khảo sát về: chất lượng hỗ trợ/phục vụ, nhà sử dụng lao động, khảo sát chuyên đề theo yêu cầu BGH và các đơn vị; 8. Tập huấn cho HD TĐG, BTK, Nhóm CTCT, xây dựng và triển khai TĐG và viết báo cáo theo Thông tư 12...
2019 – 2020	1. Tiếp tục phát triển hệ thống ĐBCL bên trong: giám sát và đánh giá nội bộ tại ít nhất 40% số đơn vị về thực hiện công tác ĐBCL; 2. Rà soát, điều chỉnh CTĐT theo CDR về: tài liệu giảng dạy, quy trình thực hiện, hệ thống văn bản, biểu mẫu CTĐT/CTDH; 3. Xây dựng hệ thống minh chứng online; 4. Xây dựng Website Trường và website đơn vị theo các tiêu chí của Webometric; 5. Tiếp tục khảo sát chất lượng bằng các hình hiệu quả, nhanh chóng hơn với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin; 6. Triển khai tập huấn công tác KĐCL và ĐBCL cho SV, CBVC toàn Trường; triển khai và tập huấn về xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, chỉ số đánh giá và công tác phân tích dữ liệu ĐBCL...
2020 – 2021	1. Phát triển hệ thống ĐBCL bên trong: giám sát và đánh giá nội bộ tại ít nhất 60% số đơn vị về thực hiện công tác ĐBCL; xây dựng kế hoạch ĐBCL cho từng đơn vị; 2. Hoàn thiện hệ thống quy trình trong sổ tay ĐBCL, hoàn thiện KPIs đánh giá hoạt động trường theo thông tư 12; 3. Tổng kết việc triển khai thực hiện kế hoạch tham gia xếp hạng theo tiêu chuẩn của Webometric; 4. Kiểm định chất lượng CTĐT theo MOET trình độ đại học, trình độ thạc sĩ; kiểm định CTĐT theo AUN-QA; 5. Mở rộng thêm phạm vi khảo sát về thông tin tuyển sinh và kỳ vọng của SV mới khi nhập học; 6. Triển khai tập huấn công tác ĐBCL và KĐCL cho CBVC toàn trường về xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, chỉ số đánh giá và công tác phân tích dữ liệu ĐBCL...

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động hàng năm, BGH và tập thể Nhà trường thấy rằng: cải tiến để nâng cao chất lượng, làm sao khẳng định được vị thế, tạo được uy tín đối với NH và phụ huynh, tạo được niềm tin cho các nhà tuyển dụng và XH là trách nhiệm của CSGD. Trường ĐH CNTP TP.HCM với vai trò là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, nơi khởi phát sáng tạo tri thức mới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội đã quyết định ban hành Bộ tiêu chí so chuẩn, đối sánh với các đối tác của Trường [H12.12.02.01] nhằm:

Thiết lập và áp dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện so chuẩn, đối sánh với đối tác trong nước và đối tác ngoài nước.

Thiết lập và áp dụng các tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng. Việc so chuẩn, đối sánh được thực hiện trên các phương diện sau: bộ máy, nhân sự; hoạt động đào tạo; công tác NCKH; quan hệ quốc tế; hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; cơ sở vật chất; tài chính; kiểm định chất lượng; xếp hạng CSGD. Trong mỗi phương diện của hoạt động so chuẩn, đối sánh đều có các tiêu chí tương ứng Hướng dẫn sử dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng để nâng cao chất lượng.

Kết quả là cho đến nay Nhà trường đã có những mối quan hệ liên kết, hợp tác chiến lược với 37 đối tác là các Trường ĐH, cao đẳng, công ty quốc tế có uy tín trên thế giới [H12.12.02.02] và hơn 130 đơn vị là các cơ quan, doanh nghiệp uy tín trong nước [H12.12.02.03]; xây dựng được các ngành đào tạo tiên tiến, chất lượng sau ĐH [H12.12.02.04]; xây dựng và phát triển được một số ngành đào tạo có liên kết, hợp tác với đối tác là các trường ĐH quốc tế, theo tiêu chuẩn quốc tế [H12.12.02.05].

Hàng năm, vào tháng 7, các đơn vị tham mưu có trách nhiệm thực hiện các báo cáo kết quả đối sánh với các đối tác theo các nội dung và tiêu chí như trên. Kết quả đối sánh hàng năm là một trong những kênh thông tin, căn cứ quan trọng, giúp Nhà trường điều chỉnh chiến lược, có những kế hoạch phù hợp nhằm phát huy những thế mạnh, khắc phục những hạn chế của các hoạt động so chuẩn, đối sánh. Điều này được thể hiện rõ trong các báo cáo tổng kết các năm học và phương hướng, nhiệm vụ của năm học tiếp theo [H12.12.02.06]. Các kết quả so chuẩn, đối sánh còn được rà soát, đối sánh sau 3 năm và 5 năm. Kể từ năm học 2021 – 2022, Nhà trường sẽ thực hiện sơ kết sau 3 năm và sau 5 năm sẽ tổng kết việc so chuẩn,

đối sánh với các đối tác. Các số liệu, kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại đều được sử dụng cho mục đích xây dựng các kế hoạch chiến lược của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Trường xác định thực hiện so chuẩn đối sánh là hoạt động thường xuyên, liên tục nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Trường đã tiến hành TĐG các CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của BGD&ĐT và theo tiêu chuẩn của AUN-QA từ năm 2017 [H12.12.03.01]. Quá trình TĐG đã giúp Trường và các CTĐT tự xem xét, đánh giá thực trạng các hoạt động như chiến lược phát triển, hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan từ đó tiến hành các hoạt động điều chỉnh, cải tiến nhằm đạt được các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Hiện nay, Trường đã ban hành Bộ tiêu chí so chuẩn, đối sánh với các đối tác [H12.12.03.02] chủ yếu tập trung qua các lĩnh vực:

Về hoạt động đào tạo: Trường thực hiện so chuẩn, đối sánh về quy mô tuyển sinh; quy mô đào tạo; số ngành đào tạo các trình độ; tỷ lệ sinh viên theo học toàn khóa; tỷ lệ sinh viên đạt học lực khá, giỏi; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn; tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp 01 năm.

Về bộ máy, nhân sự: Trường xây dựng bảng thực hiện so chuẩn, đối sánh về tỷ lệ giảng viên/sinh viên; tỷ lệ nhân viên/sinh viên; tỷ lệ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên; tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ; tỷ lệ giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm; tỷ lệ giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Về hoạt động khoa học công nghệ: loại hình và khối lượng về NCKH của giảng viên, nghiên cứu viên và người học; loại hình và khối lượng về công bố khoa học trong nước và quốc tế; loại hình và khối lượng về sở hữu trí tuệ; ngân sách cho NCKH của giảng viên và người học; kết quả NCKH và sáng tạo, bao gồm thương mại hóa, thử nghiệm và chuyển giao công nghệ, thành lập các đơn vị khởi nghiệp.

Về quan hệ quốc tế: quy mô hợp tác; các lĩnh vực, nội dung hợp tác; hiệu quả hợp tác; một số mô hình, cách thức hợp tác tốt mà đối tác đã thực hiện, HUFI có thể học tập kinh nghiệm.

Về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng: về hiệu quả kết nối, hợp tác với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tuyển dụng, sử dụng lao động; về hiệu quả hợp

tác, liên kết về đào tạo và nghiên cứu khoa học; một số kết quả phục vụ cộng đồng khác (như hiến máu nhân đạo, công tác xã hội, các hoạt động thiện nguyện...)

Về cơ sở vật chất: tỷ lệ diện tích đất/sinh viên; tỷ lệ diện tích sàn xây dựng/sinh viên; số lượng và diện tích phòng học lý thuyết, hội trường, phòng đa phương tiện; số lượng và diện tích phòng học thực hành, thí nghiệm; diện tích và quy mô sân thể dục, nhà tập đa năng; quy mô thư viện (số chỗ ngồi, đầu sách, máy tính...).

Về tài chính: học phí/sinh viên/năm; tỷ lệ nguồn thu từ học phí; ngân sách cho từng loại hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Về kiểm định chất lượng và xếp hạng cơ sở giáo dục: kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục; tỷ lệ số chương trình đào tạo đạt kiểm định chất lượng; xếp hạng cơ sở giáo dục.

Kết quả so chuẩn và đối sánh được Nhà trường lấy làm cơ sở, căn cứ quan trọng để xác định và điều chỉnh, áp dụng các giải pháp cải tiến chất lượng và thể hiện trong báo cáo TĐG cấp CSGD và báo cáo TĐG cấp CTĐT. Bên cạnh đó, căn cứ theo kết quả so chuẩn và đối sánh, Nhà trường tăng cường các hoạt động ĐBCL như: tiếp tục đẩy mạnh, cải tiến công tác quảng bá và hoạt động truyền thông về tuyển sinh để tăng số lượng sinh viên, học viên; tiếp tục tăng cường, tổ chức và tham gia các Hội nghị, hội thảo trong nước; đổi mới và hoàn thiện chính sách đối với hoạt động NCKH nhằm thúc đẩy hơn các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ; rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT; hoàn thiện các chính sách về ĐBCL; đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; tăng cường hiệu quả kết nối PVCĐ, đa dạng các hoạt động kết nối PVCĐ [H12.12.03.05], [H12.12.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

Để không ngừng nâng cao chất lượng trong các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ, Nhà trường luôn chú trọng rà soát quy trình lựa chọn và sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng. Thông qua báo cáo tổng kết năm học các đơn vị tổ chức rà soát, đánh giá các hoạt động của đơn vị trong đó căn cứ trên các số liệu đã thực hiện so chuẩn và đối sánh chất lượng so với năm trước và đề ra kế hoạch cho năm sau. Dựa trên cơ sở đó BGH và lãnh đạo trường tiến hành họp và tổng hợp thành báo cáo chung cho Trường [H12.12.04.01].

Các thông tin so chuẩn và đối sánh trong tất cả các hoạt động: đào tạo, bộ

máy, nhân sự, NCKH, cơ sở vật chất và môi trường học tập, làm việc, mức hài lòng của người học, cán bộ viên chức... luôn được rà soát, xem xét sự phù hợp nhằm điều chỉnh, cải tiến kịp thời [H12.12.04.02]. Các hoạt động của Nhà trường luôn được rà soát thông qua việc TĐG các CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và bộ tiêu chuẩn AUN-QA với những điều chỉnh, bổ sung cần thiết nhằm không ngừng nâng cao chất lượng của Nhà trường [H12.12.04.03].

Theo lộ trình nâng cao chất lượng đào tạo, trong giai đoạn từ năm 2017-2021 Nhà trường, và các khoa đã triển khai rà soát, cải tiến, cập nhật CTĐT như: có 08 CTĐT trình độ Thạc sĩ được xây dựng mới, 2 lần thực hiện rà soát, cập nhật tất cả các CTĐT trình độ đại học hệ chính quy.

Khi tiến hành rà soát, cập nhật các CTĐT, Nhà trường đã tham chiếu các tiêu chí đối sánh của các trường đại học khác có các điểm tương đồng với Trường [H12.12.04.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường luôn chú trọng việc cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng, đạt các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và PVCD.

Các thông tin so chuẩn và đối sánh về các hoạt động của Nhà trường luôn được cải tiến cho phù hợp với những yêu cầu mới của tiêu chí, mốc chuẩn, điều khoản trong các phiên bản mới của các Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT (MOET), bộ tiêu chuẩn AUN-QA. Các kế hoạch, quyết định, nội dung tự đánh giá sau khi được rà soát so chuẩn, đối sánh được cập nhật lại cho phù hợp [H12.12.05.01].

Trong các cuộc họp giao ban của Đảng ủy, BGH và lãnh đạo các đơn vị hằng tuần, hằng tháng và hằng năm, các quy trình, các quy định, các quy chế, các chính sách...sau khi được rà soát được trao đổi và đưa ra các nghị quyết, các quy định, các quy chế, các quyết định, báo cáo, các chính sách mới đã được cải tiến nhằm đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và PVCD [H12.12.05.02].

Trường đã tiến hành cải tiến các quy trình trong việc thực hiện đối sánh, thể hiện thông qua việc thay đổi cách thức tiến hành lấy ý kiến người học đối với công tác giảng dạy của GV, sự hài lòng đối với môn học của SV, sự hài lòng của cán bộ viên chức, người học đối với môi trường làm việc, học tập, CSVC của Trường cụ

thể như: cải tiến từ việc dùng Phiếu lấy ý kiến bản cứng sang hình thức trực tuyến qua mạng internet dưới dạng các form trên Google drive của Google, One drive của Microsoft đã tiết kiệm được nhiều công sức, thời gian, văn phòng phẩm, đồng thời giúp cho việc tổng hợp được nhanh chóng và chính xác hơn [H12.12.05.03].

Các kết quả rà soát các quy trình, quy định của Nhà trường; các kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của giảng viên, về chất lượng đào tạo của nhà trường ngày càng được phổ biến rộng rãi tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong Trường thông qua các kênh thông tin như trang hành chính điện tử của Nhà trường (Egov), website Trường, cũng như thông qua các buổi họp đơn vị, các Hội nghị tổng kết năm học của Nhà trường để giúp các cá nhân và đơn vị có căn cứ cải tiến chất lượng các hoạt động trong Trường [H12.12.05.04], [H12.12.05.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Trong 5 năm của chu kỳ đánh giá 2017 – 2021, nhà Trường đã rất chú trọng, quan tâm và xem việc ĐBCL, nâng cao chất lượng là một chiến lược lâu dài, được tích lũy, cải thiện từ năm học này sang năm học khác.

2. Được sự tham gia, ủng hộ của nhiều bộ phận, đơn vị trong Trường. Lãnh đạo Nhà Trường đã xem đây là công cụ tham mưu, là cơ sở quản lý công việc của Trường.

3. Nhà trường đã triển khai thực hiện việc so chuẩn, đối sánh tới các đơn vị trong Trường, tập trung ở các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng,... từng kết quả so chuẩn, đối sánh đã giúp Nhà trường xây dựng được các kế hoạch cải tiến theo từng năm học, từng giai đoạn nhằm nâng cao chất lượng CTĐT.

4. Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình làm việc.

5. Nhà trường tích cực triển khai các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng trong các lĩnh vực hoạt động, đạt nhiều kết quả tích cực về hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD sau khi áp dụng các hoạt động cải tiến, tăng cường ĐBCL, đổi mới, sáng tạo dựa trên các kết quả so chuẩn, đối sánh.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Vẫn còn một số đơn vị, cán bộ, GV, SV chưa nhận thức đúng đắn về hoạt động ĐBCL, chưa chủ động hơn trong các hoạt động đảm bảo và nâng cao chất

lượng của Nhà trường.

2. Một số đơn vị, CB, GV, SV chưa hiểu rõ về công tác so chuẩn, đối sánh cũng như quy trình so chuẩn, đối sánh. Việc so chuẩn và đối sánh chưa được thực hiện cho tất cả các mặt hoạt động của Nhà trường.

3. Chưa có nhiều trao đổi thông tin đối sánh với các CSGD trong nước và quốc tế, do đó chất lượng đào tạo của Trường chưa được xem xét trên phương diện bảo đảm lợi thế cạnh tranh đối với Trường khác trong ngành giáo dục.

4. Trường chưa tham chiếu đa dạng các tiêu chí đối sánh của các trường đại học ở quốc tế khi lựa chọn các thông tin so chuẩn.

5. Chưa xây dựng quy trình rà soát, điều chỉnh quy trình, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng.

6. Trường chưa có quy trình cải tiến việc lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn, đối sánh hoàn chỉnh.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Nhà trường khi quản lý vấn đề nâng cao chất lượng nên thực hiện ở tầm vĩ mô, có tính chiến lược tốt, chặt chẽ ở khâu chỉ đạo, huy động, điều phối và giám sát, còn các khâu quản lý, tổ chức thực hiện nên giao hẳn cho các đơn vị có liên quan	BGH, đơn vị được phân công	Triển khai theo từng giai đoạn	
2		Các quy định pháp lý về ĐBCL, nâng cao chất lượng cần được nhất quán, cập nhật, phổ biến sâu rộng hơn để công tác nâng cao chất lượng đạt kết quả cao nhất có thể	BGH, đơn vị được phân công	Năm học 2021 - 2022	
3	Khắc phục tồn tại 2	Mở rộng thêm phạm vi so chuẩn, đối sánh trên nhiều mặt cho các	BGH, đơn vị được	Triển khai theo từng	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	tại 2	đơn vị trong Trường.	phân công	giai đoạn	
4		Phổ biến rộng rãi đến các đơn vị trong Nhà trường về ý nghĩa, vai trò của công tác so chuẩn, đối sánh trong việc thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng toàn Trường.	BGH, đơn vị được phân công	Năm học 2021 - 2022	
5	Khắc phục tồn tại 3	Tăng cường xây dựng các mối quan hệ đối tác trong đối sánh chất lượng với các trường đại học	BGH, đơn vị được phân công	Thường xuyên	
6	Khắc phục tồn tại 4	Thực hiện tham chiếu các tiêu chí đối sánh của các trường khác đa dạng hơn khi lựa chọn các thông tin so chuẩn, đối sánh.	BGH, đơn vị được phân công	Năm học 2021-2022	
7	Khắc phục tồn tại 5	Xây dựng quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh về các hoạt động trong Trường.			
8	Khắc phục tồn tại 6	- Xây dựng quy trình cải tiến hoàn thiện việc lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn, đối sánh.	BGH, đơn vị được phân công	Năm học 2021-2022	
9	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục cải tiến về nội dung thực hiện, thủ tục, qui trình,...Đảm bảo nâng cao chất lượng bằng các kế hoạch hành động cụ thể, liên tục, hiệu quả	BGH, đơn vị được phân công	Hàng năm	
10	Phát huy điểm mạnh 2	Kịp thời ghi nhận, khen thưởng những đơn vị, tập thể, cá nhân đã có những đóng góp tích cực cho công tác ĐBCL, nâng cao chất	BGH, đơn vị đề xuất	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		lượng của Nhà trường			
11	Phát huy điểm mạnh 3	ĐH CNTP TP.HCM sẽ tiếp tục cải tiến, phổ biến và đẩy mạnh việc so chuẩn, đối sánh tới toàn thể các đơn vị trong Trường	BGH, đơn vị được phân công	Hàng năm	
12		Hoạt động so chuẩn, đối sánh phải phối hợp chặt chẽ với kiểm định chất lượng để cung cấp cho Nhà trường bộ chỉ số cơ bản làm công cụ quản trị chiến lược hiệu quả hơn	BGH, đơn vị đề xuất	Hàng năm	
13		Số hóa hoạt động so chuẩn, đối sánh của Trường	BGH, đơn vị đề xuất	Từng giai đoạn	
14	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục tăng cường rà soát điều chỉnh, cải tiến, bổ sung các quy trình làm việc của Trường.	BGH, đơn vị được phân công	Thường xuyên	
15	Phát huy điểm mạnh 5	Tăng cường các giải pháp điều chỉnh, cải tiến các hoạt động dựa trên các thông tin so chuẩn, đối sánh	BGH, đơn vị được phân công	Thường xuyên	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 12	4.20
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	4
Tiêu chí 12.3	4
Tiêu chí 12.4	4
Tiêu chí 12.5	4

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD.

Trường đã xây dựng chiến lược phát triển Trường, trong đó đưa ra các mục tiêu, kế hoạch tuyển sinh cho từng giai đoạn phát triển của Nhà trường. Mỗi năm Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trên trang web của Trường, của Bộ và các phương tiện truyền thông của Trường. Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh hàng năm theo quy định của Bộ GD&ĐT, theo hướng tự chủ và đa dạng phương án xét tuyển, thí điểm tuyển sinh theo nhóm ngành.

Nhà trường công bố công khai các chính sách tuyển sinh như các ngành tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, tổ hợp xét tuyển của từng ngành, phương thức xét tuyển và các chế độ về tuyển thẳng, điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng của Trường theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường hàng năm.

Để thực hiện kế hoạch tuyển sinh được thuận lợi, ngoài việc có kế hoạch chi tiết, Nhà trường còn phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng đơn vị đối với tuyển sinh ở từng trình độ [H13.13.01.02], [H13.13.01.03], [H13.13.01.04], [H13.13.01.05].

Nhà trường chú trọng truyền thông tuyển sinh với thí sinh ở tất cả các vùng miền trong cả nước và cả thí sinh là người nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Trường. Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông là đơn vị chủ trì trong việc lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giám sát công tác truyền thông tuyển sinh của Trường [H13.13.01.06]. Dựa vào kế hoạch chung của Nhà trường, Trung tâm Tuyển sinh và truyền thông xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể và chi tiết cho công tác tư vấn tuyển sinh, bao gồm: truyền thông hướng nghiệp trên truyền hình, tổ chức sự kiện truyền thông, online, thông tin tuyển sinh, tư vấn mùa thi và tuyên truyền trực tiếp, tăng cường đưa học sinh THCS, THPT đến tham quan trường.

Ngoài ra, các thông tin tuyển sinh của Nhà trường còn được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông xã hội khác như: các hoạt động tiếp cận cộng đồng, báo giấy, báo điện tử. Trường còn có hệ thống tư vấn tuyển sinh qua các kênh: trả lời trên Website, Chat trực tuyến, Facebook, Hộp thư và tư vấn qua điện thoại...nhằm giải đáp cho học sinh những thông tin chính sách tuyển sinh của Nhà trường, đồng thời định hướng, hướng dẫn để thí sinh có thể lựa chọn được ngành

học phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân.

Kết thúc năm tuyển sinh, Nhà trường đều có các báo cáo phân tích kết quả, số liệu tuyển sinh như số lượng trúng tuyển, điểm chuẩn, chỉ số trúng tuyển theo ngành, chỉ số trúng tuyển theo vùng miền, chỉ số phân tích về điểm trúng tuyển,... nhằm mục đích tổng kết, đánh giá, cũng như báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Công Thương để làm căn cứ cho thực hiện và triển khai các kế hoạch năm tiếp theo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn NH có chất lượng cho mỗi CTĐT.

Trường hiện đang thực hiện tuyển sinh cho các bậc như sau: bậc đại học, đại học liên thông, sau đại học; và các chương trình quốc tế. Chất lượng đầu ra phụ thuộc nhiều vào chất lượng đầu vào và phụ thuộc vào các tiêu chí tuyển chọn. Vì vậy, đối với mỗi CTĐT, tùy theo phương thức tuyển sinh, Nhà trường đưa ra các tiêu chí để lựa chọn đầu vào phù hợp.

Hàng năm, Nhà trường luôn tiến hành họp, thảo luận để xây dựng các tiêu chí thi tuyển, xét tuyển dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT và thực tế yêu cầu theo từng ngành học của Trường nhằm thu hút và tuyển chọn được những thí sinh chất lượng.

Đối với tuyển sinh Đại học, Nhà trường thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã đưa ra những quy định rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các phương thức tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển sinh, chỉ tiêu của từng phương thức, thời gian và cách thức tuyển sinh [H13.13.02.01], [H13.13.02.02]. Xét tuyển: gồm có 4 phương thức như sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả điểm thi THPT Quốc gia hàng năm: được Nhà trường thực hiện từ năm 2015 đến nay. Trong đó, các năm 2015 - 2017, Bộ GD&ĐT công bố điểm sàn chung và Trường căn cứ vào để xây dựng điểm trúng tuyển cho phù hợp với từng ngành theo các tiêu chí. Nhưng sang năm 2018 đến nay, điểm trúng tuyển được Bộ giao cho Trường tự xác định phù hợp với các điều kiện đặt ra của Trường.

Phương thức 2: Xét tuyển điểm học bạ THPT các năm theo đề án của từng năm. Ngoài các điều kiện cần có theo quy định, các thí sinh đăng ký được xét tuyển dựa trên điểm tổng kết THPT các năm đã được nêu ra trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường. Điểm chuẩn trúng tuyển do Trường tự xác định một cách phù hợp.

Phương thức 3: Xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm bài thi ĐGNL ĐHQG-HCM hàng năm. Từ năm 2019 Nhà trường bổ sung thêm phương thức xét tuyển này

đề phù hợp với tình hình thực tế hiện tại. Nhà trường phân bổ tỷ lệ chỉ tiêu cho phương thức này theo đúng quy chế của Bộ và tổ chức xét tuyển theo đúng quy định của Đại học Quốc gia TP HCM.

Phương thức 4: xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo và xét học bạ lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12. Từ năm 2020 Nhà trường bổ sung thêm phương thức xét tuyển này để phù hợp với tình hình thực tế hiện tại.

Đối với tuyển sinh liên thông, sau đại học Nhà trường tổ chức thi tuyển từ 1 – 2 đợt mỗi năm, tùy theo chỉ tiêu được cấp và nhu cầu của người học với những điều kiện và tiêu chí cụ thể, rõ ràng theo đúng quy định cho từng hệ.

Trong trường hợp các hệ đào tạo, các ngành đào tạo chưa tuyển đủ chỉ tiêu, thông qua tất cả các kênh thông tin, Nhà trường sẽ ban hành thông báo tuyển sinh đợt bổ sung. Điểm chuẩn của từng đợt có thể thay đổi để phù hợp với tình hình số lượng và chất lượng thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển.

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, kết quả tuyển sinh được thống kê, phân tích và đưa ra thảo luận nhằm đánh giá tính hiệu quả và hợp lý của công tác tuyển sinh. Những thông tin về xu hướng chọn ngành, nguồn gốc thí sinh dự thi, cùng những tồn tại, bất cập trong quy trình, hình thức tuyển sinh cũng được tập trung xem xét.

Trên cơ sở của việc rà soát và ý kiến của các bên liên quan, Hội đồng tuyển sinh Trường hàng năm đã có sự điều chỉnh, bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển sinh nhằm cải thiện kết quả cho những đợt tuyển sinh sau theo hướng tăng số lượng và chất lượng đầu vào của thí sinh.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

Theo quy trình tuyển sinh, Ban Thư ký của Hội đồng tuyển sinh sẽ xử lý hồ sơ nộp và xét tuyển. Sau khi Hội đồng tuyển sinh họp và thống nhất điểm chuẩn thì công bố kết quả trúng tuyển và gửi Giấy báo nhập học đến thí sinh trúng tuyển, Ban thư ký sẽ tiếp tục giám sát việc tổ chức nhập học và thu hồ sơ sinh viên.

Ngoài ra, giám sát công tác tuyển sinh và nhập học của trường còn được thực hiện bởi phòng Công tác sinh viên và Thanh tra giáo dục. Cơ sở dữ liệu về tuyển sinh và nhập học của Trường được lưu ở phần mềm tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phần mềm quản lý đào tạo của Trường [H13.13.03.1].

Hàng năm Trường đều xây dựng kế hoạch và quy trình đón tiếp thí sinh trúng

tuyển nhập học, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị [H13.13.03.02], [H13.13.03.03], [H13.13.03.04]. Trường đều có báo cáo đánh giá công tác tuyển sinh như: số lượng thí sinh đăng ký dự thi, số lượng thí sinh trúng tuyển, phân tích số liệu thí sinh trúng tuyển theo ngành và địa phương.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.

Nhằm triển khai thực hiện và kiểm soát tiến độ và chất lượng công tác tuyển sinh và nhập học, dựa trên các văn bản pháp quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tuyển sinh hằng năm, Nhà trường định kỳ giám sát công tác tuyển sinh. Trong các buổi họp về công tác tuyển sinh đều có phân tích đánh giá so sánh với năm trước [H13.13.04.01].

Trước mỗi đợt tuyển sinh, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc Hội đồng [H13.13.04.04], trong đó Ban thanh tra hoạt động độc lập với Hội đồng tuyển sinh. Ban thanh tra có trách nhiệm:

Thanh tra, kiểm tra, giám sát các đợt tuyển sinh do Nhà trường tổ chức;

Kiểm tra hồ sơ xét tuyển của thí sinh trúng tuyển theo hình thức xét tuyển trong các đợt tuyển sinh.

Kiểm tra hồ sơ nhập học của thí sinh trúng tuyển nhập học trong các đợt tuyển sinh.

Việc thanh tra, giám sát các đợt tuyển sinh được thực hiện từ khâu nhận hồ sơ đăng ký của thí sinh, đến khâu tổ chức xét tuyển, công bố kết quả.

Sau khi Hội đồng tuyển sinh công bố kết quả trúng tuyển và gửi Giấy báo nhập học đến thí sinh trúng tuyển, Ban thanh tra sẽ tiếp tục giám sát việc tổ chức nhập học và thu hồ sơ SV [H13.13.04.02]. Công tác này được thực hiện trong suốt đợt tuyển sinh và kết quả thanh tra được báo cáo về cho BGH nhằm phát hiện và kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, thiếu sót.

Sau mỗi đợt tuyển sinh, Nhà trường thông qua phân tích để đánh giá các công tác thanh tra, giám sát nhằm đưa ra phương hướng giám sát tuyển sinh cho năm tiếp theo [H13.13.04.03]. Căn cứ theo kế hoạch tuyển sinh, nhập học hàng năm, Nhà trường điều chỉnh lại các mốc thời gian tuyển sinh, nhập học cho phù hợp với tình hình thực tế.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

Trường xem công tác tuyển sinh và nhập học là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển của Trường và được thể hiện qua đề án tuyển sinh hàng năm. Nhằm đảm bảo Nhà trường tuyển đúng và đủ chỉ tiêu đề ra, tuyển được người học có chất lượng, phù hợp với ngành đào tạo, Nhà trường không ngừng cải tiến quy trình tuyển sinh và nhập học, cải tiến phương thức tuyển, tiêu chí tuyển, cải tiến công tác truyền thông.

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, dựa trên các kết quả tổng kết về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học, Nhà trường sẽ tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Trường và trên cả nước, phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến các tiêu chí tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông [H13.13.05.01], [H13.13.05.02]. Trên cơ sở này, Nhà trường có điều chỉnh kịp thời để phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm tiếp theo hoàn chỉnh hơn, nhằm đạt kết quả tuyển sinh tốt nhất, đúng và đủ chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt [H13.13.05.03].

Dựa vào Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tình hình thực tế hàng năm, Nhà trường tiến hành cập nhật, thay đổi công tác tuyển sinh theo đúng quy định và để kịp thời đáp ứng nguyện vọng của HS và xã hội. Đề án TS của Nhà trường được cập nhật, bổ sung các phương thức xét tuyển, các tổ hợp môn xét tuyển phù hợp để tạo điều kiện tối đa giúp thí sinh có cơ hội vào đại học mà vẫn đảm bảo chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh ngày càng được chú trọng và đẩy mạnh nhằm truyền thông kịp thời đến thí sinh.

Trường liên tục cập nhật thông tin tuyển sinh lên cổng thông tin điện tử, thực hiện thủ tục nộp hồ sơ xét tuyển nhanh, gọn, thuận tiện cho thí sinh đến tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện. Kết quả được thông báo kịp thời, nhanh chóng qua Cổng thông tin điện tử và tin nhắn, điện thoại đến từng thí sinh.

Trong công tác nhập học, Nhà trường huy động đầy đủ đại diện các Khoa, bộ môn, phòng, ban trực thuộc trường trong việc đón tiếp thí sinh trúng tuyển nhập học. Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho công tác nhập học. Các bước khai báo thông tin trực tuyến đã rút ngắn được rất nhiều thời gian, mang đến sự tiện lợi và thoải mái cho thí sinh cũng như phụ huynh khi đến Trường làm thủ tục nhập học.

Nhà trường tạo các trang chia sẻ qua mạng (fanpage) để trả lời thắc mắc trực

tiếp và lấy ý kiến phản hồi về công tác tuyển sinh. Tạo đường dây nóng để thí sinh phản ánh, liên hệ về công tác tuyển sinh. Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động hỗ trợ tiếp đón tân sinh viên. Nhà trường có 01 tuần sinh hoạt công dân cho tân SV. Tất cả ý kiến phản hồi của SV về công tác tuyển sinh qua các kênh thông tin sẽ được tiếp thu và điều chỉnh kịp thời nếu chưa hợp lý [H13.13.05.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Công tác tuyển sinh được Nhà trường giao cho Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông làm đơn vị chủ trì toàn bộ công tác xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau.

2. Công tác lập kế hoạch tuyển sinh được thực hiện thống nhất, đồng bộ có sự phân công cụ thể, các thông tin về tuyển sinh được công khai rõ ràng. Đồng thời Nhà trường có sử dụng nhiều phương tiện, phương pháp để quảng bá tuyển sinh.

3. Ngoài việc tuân thủ theo những quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo việc xây dựng tiêu chí và phương thức tuyển sinh của Trường còn có tính tự chủ riêng phù hợp với đặc thù của Trường và các ngành đào tạo.

4. Công tác lập kế hoạch tuyển sinh được thực hiện chi tiết, rõ ràng, có phân công cụ thể, các thông tin về tuyển sinh được công khai rõ ràng.

5. Trường đã ban hành đầy đủ các quy trình tuyển sinh trong hệ thống ĐBCL.

6. Định kỳ hàng năm Nhà trường thực hiện đối sánh, phân tích số liệu TS và nhập học để đánh giá đúng tình hình hiện tại và đề xuất các giải pháp cải tiến cho phù hợp hơn với thực tế.

7. Nhà trường có các biện pháp giám sát tuyển sinh chi tiết và công khai, có Bộ phận Thanh tra chuyên trách về công tác giám sát các đợt tuyển sinh đều có hệ thống thanh, kiểm tra và giám sát giúp nâng cao tính minh bạch, khách quan trong công tác giám sát các công tác tổ chức xét tuyển và các công tác khác.

8. Công tác tuyển sinh và nhập học của Nhà trường được cải tiến thường xuyên, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Chưa đánh giá chất lượng đầu vào phù hợp theo hướng xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo theo chuẩn CDIO.

2. Chương trình kỹ năng cho học sinh phổ thông trong thời gian vừa qua chưa đáp ứng được công tác hướng nghiệp cho người học trong việc lựa chọn ngành nghề học phù hợp theo sở thích người học.

3. Quy định giám sát chưa thật sự chặt chẽ trong lựa chọn chất lượng đầu vào.

4. Công tác khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng chưa thực sự gắn kết với việc quảng bá và truyền thông trong công tác tuyển sinh của Trường.

5. Quy định giám sát chưa thật sự chặt chẽ trong lựa chọn chất lượng đầu vào.

6. Công tác tuyển sinh và nhập học còn kéo dài do một số ngành đào tạo của Nhà trường khó tuyển sinh.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng đề án về chương trình tuyển sinh đại học hàng năm theo hướng đưa thông tin tuyển sinh, tuyển dụng đến học sinh cấp 3. Tăng cường công tác hướng nghiệp và định hướng việc làm cho học sinh.	TT.TS&T T/Khoa	Năm học 2021-2022	
2	Khắc phục tồn tại 3	Các quy định, quy chế sẽ được xem xét và sửa đổi cho phù hợp với thực tế hơn	HĐ Tuyển sinh hàng năm	Hàng năm	
3	Khắc phục tồn tại 4	Nâng cao trách nhiệm của tất cả GV/CB trong trường trong việc tuyển sinh những thí sinh có chất lượng cho Trường trong tình hình COVID.	TT.TS&T T/Khoa	Thường xuyên	
4	Khắc phục tồn tại 5	Các quy định, quy chế sẽ được xem xét và sửa đổi cho phù hợp với thực tế hơn	HĐ Tuyển sinh hàng	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
			năm		
5	Khắc phục tồn tại 6	Tăng cường công tác truyền thông giá trị nghề nghiệp đối với các ngành đào tạo khó tuyển sinh thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng và thông tin nội bộ của Nhà trường	TT TS&TT/ Khoa	Thường xuyên	
6	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục công tác lập kế hoạch tuyển sinh được thực hiện thống nhất, đồng bộ có sự phân công cụ thể, các thông tin về tuyển sinh được công khai rõ ràng.	TT.TS&T T/Khoa	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục xây dựng đề án tuyển sinh phù hợp với đặc thù của Trường	HĐ Tuyển sinh hàng năm	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục biện pháp giám sát tuyển sinh chi tiết và công khai	HĐ Tuyển sinh hàng năm	Hàng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 8	Thường xuyên cải tiến các quy định, quy trình theo tình hình thực tế để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả	TT TS&TT	Thường xuyên	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 13	5.00
Tiêu chí 13.1	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	5
Tiêu chí 13.4	5
Tiêu chí 13.5	5

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

Để thực hiện các bước trong quá trình thiết kế, phát triển, rà soát CTĐT Hiệu trưởng ký quyết định thành lập các Tổ soạn thảo CTĐT. Tổ soạn thảo có tối thiểu 11 thành viên và là một số lẻ gồm những người am hiểu về ngành/chuyên ngành đào tạo và có kinh nghiệm và năng lực xây dựng, phát triển CTĐT bao gồm đại diện đơn vị chuyên môn liên quan, đại diện P.ĐT, đại diện TT.QLCL, một số giảng viên đúng ngành/chuyên ngành đào tạo, một số nhà khoa học, chuyên gia giáo dục và các thành phần liên quan khác theo yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo và đại diện một số doanh nghiệp/cơ quan sử dụng lao động thuộc ngành/chuyên ngành [H14.14.01.01]. Tổ soạn thảo CTĐT có trách nhiệm phối hợp với khoa quản lý ngành, phối hợp với các phòng ban chức năng, để thiết kế, phát triển, rà soát chương trình dạy học; thành viên trong Tổ soạn thảo được phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể [H14.14.01.02]. Để chỉ đạo thực hiện việc thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học, BGH trường phân công thầy Võ Tuyền, Phó Hiệu trưởng, chịu trách nhiệm trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2019; phân công cô Lê Thị Hồng Ánh, Phó Hiệu trưởng, chịu trách nhiệm từ năm 2020 đến nay [H14.14.01.03]. Đồng thời, vào các đợt xây dựng, rà soát CTĐT, Trường ban hành quyết định thành lập các Ban chỉ đạo xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT [H14.14.01.04] để thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát, biên tập lại các tài liệu xây dựng, rà soát CTĐT. Trưởng Ban chỉ đạo này là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác xây dựng và rà soát CTĐT, thành viên của Ban chỉ đạo gồm đại diện P.ĐT, TT. QLCL, Trưởng khoa của các Khoa.

Để triển khai xây dựng CTĐT và rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT (bao gồm đề cương học phần) các ngành theo các quy định trong Thông tư số 07/2015/TT-BGD, Quyết định số 1982/QĐ-TTg đồng thời để điều chỉnh cấu trúc CTĐT và hướng đến sự thống nhất về định hướng xây dựng CTĐT theo định hướng ứng dụng, khối lượng kiến thức đối với các ngành cùng khối ngành, lĩnh vực, nhóm ngành, Nhà trường đã ban hành quy định về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học và quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với trình độ đào tạo đại học của HUFI theo quyết định số 3467/QĐ-DCT ngày 05/12/2017; ban hành quy trình cập nhật, đánh giá, soạn thảo bổ sung chương trình đào tạo trình độ đại học của HUFI theo quyết định số 1081/QĐ-DCT ngày 07/6/2017, Quy trình xây dựng kiểm soát đề cương học phần số TT/7.5.1a/ĐT ngày 15/06/2012, ban hành Hướng dẫn cập nhật, đánh giá CTĐT theo quyết định số 3229/QĐ-DCT ngày 14/11/2019 [H14.14.01.05]. Theo các quy định và hướng dẫn này, các Khoa quản lý ngành phải xây dựng các kế hoạch xây dựng, cập nhật CTĐT, trong đó có kế hoạch phương pháp lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT [H14.14.01.06]; đồng thời các CTĐT sau khi thiết kế, phát triển, rà soát được thông qua Hội đồng Khoa học Đào tạo trường và tổ chức thẩm định. Để tổ chức thẩm định CTĐT, Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT [H14.14.01.07]. Hội đồng thẩm định CTĐT gồm 05 thành viên, trong đó có ít nhất 1 thành viên có chức danh nghề nghiệp là GS/PGS đúng/phù hợp ngành đào tạo với chương trình thẩm định, các thành viên còn lại có học vị Tiến sĩ đúng/phù hợp ngành đào tạo với chương trình thẩm định trở lên, đối với thành viên Hội đồng thẩm định là người đại diện đơn vị sử dụng lao động có thể là Thạc sĩ có 5 năm kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực của CTĐT, hai phản biện trong Hội đồng thẩm định thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT và CĐR của học phần được triển khai thực hiện trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT. Tổ soạn thảo CTĐT có trách nhiệm xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT (Điều 2 của Quyết định thành lập Tổ soạn thảo) trước khi tiến hành xây dựng, rà soát chương trình khung đào tạo ngành (được quy định tại điểm 4 của Hướng dẫn số 3229/QĐ-DCT) sau đó tiến hành xây dựng mục tiêu các học phần, CĐR các học phần có trong chương trình khung đào tạo [H14.14.02.01], [H14.14.02.02]. Quy

trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của HUFİ được thực hiện thông qua các bước chính sau: Tổ soạn thảo nghiên cứu CTĐT hiện hành của Trường (nếu có) và của các cơ sở đào tạo khác, đề xuất các ý kiến tham khảo chuyên gia, đề xuất các khối kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm với ngành đào tạo để có bản dự thảo lần đầu về danh mục các CĐR của CTĐT theo định hướng đào tạo ứng dụng. Tổ soạn thảo lập kế hoạch khảo sát, xác định các đối tượng khảo sát, dự toán kinh phí khảo sát theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính [H14.14.02.03]. Tổ soạn thảo tổ chức các phiên họp, thảo luận trong Tổ, xin ý kiến các chuyên gia về các công việc cần làm để thu thập thông tin nhằm hoàn thiện CĐR của CTĐT. Trường khoa tổ chức Hội thảo lần đầu về bản dự thảo CĐR của CTĐT để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, các nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên, ... và hoàn thiện CĐR của CTĐT; đồng thời để thống nhất về mục tiêu, nội dung CĐR, cấu trúc, kế hoạch thời gian, kinh phí, cách thức triển khai, huy động nguồn lực, và giao nhiệm vụ chính thức cho các cá nhân và tập thể chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng CĐR. Khi có phiếu khảo sát hoàn chỉnh, Tổ soạn thảo tiến hành khảo sát CĐR để thu thập thông tin từ các bên liên quan: Giảng viên, cán bộ phòng Đào tạo, cán bộ Trung tâm Quản lý chất lượng, cán bộ và quản lý về nhân sự của cơ quan có sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp ngành đào tạo, trưởng các bộ phận của cơ quan có sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp ngành đào tạo, cựu sinh viên tốt nghiệp trong vòng 5 năm, cựu sinh viên tốt nghiệp trên 10 năm, sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm cuối, ... Sau khi khảo sát xong Tổ soạn thảo dùng phần mềm tập hợp và xử lý số liệu sau khảo sát theo quy định. Từ thông tin thu thập được qua thực hiện khảo sát CĐR, Tổ soạn thảo bổ sung, hoàn thiện dự thảo CĐR cho ngành, gửi cho các giảng viên trong khoa góp ý để có cơ sở ban hành dự thảo CĐR lần 2. Trường khoa tổ chức Hội thảo lần 2 về bản dự thảo CĐR lần 2 của CTĐT để lấy ý kiến góp ý từ các nhà quản lý (cán bộ phòng Đào tạo, cán bộ Trung tâm Quản lý chất lượng), nhà khoa học, chuyên gia, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên,...; đối chiếu lại với CĐR theo quy định của Khung trình độ, của Bộ; đối chiếu với các tiêu chí kiểm định chất lượng CTĐT có liên quan - bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT mà CTĐT được định hướng tiến hành kiểm định ngoài cấp CTĐT (MOET, AUN-QA, ABET, EUF,...); đối chiếu, rà soát các khối kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm với yêu cầu vị trí công việc của sản phẩm đào tạo ngành học; hoàn thiện CĐR và tóm tắt CĐR để xây dựng mục tiêu môn học trong CTĐT tương ứng. Thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa/TT.QLCL để lấy ý kiến về CĐR của CTĐT và điều chỉnh.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên CDR.

Đề cương các học phần thuộc CTĐT được thực hiện rà soát cùng với chu kỳ rà soát CTĐT, được quy định trong phần kế hoạch thực hiện của Thông báo số 306/TB-DCT ngày 04/5/2017 và quy định tại điểm 4.3 của Hướng dẫn số 3229/QĐ-DCT ngày 14/11/2019. Đề cương học phần sau khi được xây dựng, rà soát sẽ được in ấn kèm theo quyển CTĐT, được thẩm định cùng với CTĐT và ban hành cùng với quyết định ban hành CTĐT [H14.14.03.01]. Đề cương được soạn thảo dựa trên CDR học phần, các CDR học phần này thể hiện rõ mức độ đáp ứng cụ thể đối với CDR của CTĐT thông qua ma trận chuẩn ra, từ đó xác định nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá phù hợp, hình thức dạy học được xác định lựa chọn để hướng đến đạt CDR học phần, hình thành cho người học kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Đề cương học phần được ban hành gồm các nội dung: Các thông tin chung về học phần (Tên học phần, tên học phần bằng tiếng Anh, mã học phần, tên khoa quản lý học phần, số tín chỉ, phân bổ thời gian, điều kiện tham gia học tập học phần (học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần song hành); các thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy; mô tả học phần, mục tiêu học phần, CDR học phần, đánh giá học phần, nội dung chi tiết học phần, học liệu, quy định học phần, hướng dẫn thực hiện. Khi xây dựng kế hoạch giảng dạy cho các học phần trong CTĐT, Tổ soạn thảo bố trí các học phần đáp ứng cho cùng một CDR CTĐT trong một học kì hoặc các học kì kế tiếp để đảm bảo người học được học tập rèn luyện thường xuyên CDR để đạt được yêu cầu của CDR CTĐT theo trình độ năng lực tăng dần [H14.14.03.02].

Nhà trường có thiết kế trang thông tin điện tử để giới thiệu về Trường, các đơn vị trực thuộc, đồng thời để công khai CTĐT; các Khoa quản lý ngành cũng xây dựng trang thông tin điện tử để tạo đa kênh trong công tác phổ biến thông tin đào tạo, CTĐT của Khoa [H14.14.03.03]. Đề cương học phần sau khi được ban hành, Nhà trường có quy định phải được phổ biến tới người học tại các trang web của Khoa quản lý học phần đó, đồng thời được giảng viên giới thiệu và công bố cho người học vào buổi đầu tiên của học phần [H14.14.03.04]. Nội dung CTĐT, CDR CTĐT, CDR các học phần, đề cương học phần và kế hoạch đào tạo cũng được Khoa quản lý ngành phổ biến đến SV trong tuần sinh hoạt công danh [H14.14.03.05].

Để quản lý đào tạo, Nhà trường đầu tư phần mềm quản lý đào tạo riêng, có trang thông tin (dạng web) cho SV và mỗi SV được cấp một tài khoản duy nhất nhằm cung cấp thông tin đến trực tiếp từng SV, đồng thời để SV thực hiện các giao

thức học vụ như: đăng ký học phần, hủy học phần, xem thời khóa biểu, xem lịch thi, xem kết quả học tập, xem kết quả rèn luyện, [H14.14.03.06]. Khi triển khai giảng dạy các nội dung trong một học kỳ được thiết kế trong CTĐT, P.ĐT lập kế hoạch đăng ký học phần cho SV đăng ký trước [H14.14.03.07], các lớp học phần có đủ số lượng SV đăng ký thì sẽ triển khai giảng dạy và được P.CTSV&TTGD theo dõi và ghi nhận [H14.14.03.08], các lớp học phần không đủ sĩ số mở lớp sẽ có thông báo hủy lớp học phần và thông báo mở đợt đăng ký học phần bổ sung cho SV đăng ký.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.

Để thực hiện việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học, Trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch rà soát lại quy trình thiết kế, cập nhật, đánh giá CTĐT theo các Kế hoạch số 05/2017/DCT-ĐT ngày 27/02/2017 và Kế hoạch số 17/2019/DCT-ĐT ngày 15/09/2019. Theo các kế hoạch này, P.ĐT là đơn vị chủ trì rà soát lại quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học. Sau khi rà soát biên soạn bản dự thảo quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học xong thì sẽ được gửi đến các đơn vị và cá nhân trong Trường lấy kiến góp ý và tiến hành họp thảo luận để lấy ý kiến thống nhất chỉnh sửa và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.04.01]. Từ năm 2017 đến năm 2021, Trường đã 2 lần rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học. Cụ thể, Trường đã ban hành quy trình cập nhật, đánh giá, soạn thảo bổ sung chương trình đào tạo trình độ đại học của HUFI theo quyết định số 1081/QĐ-DCT ngày 07/6/2017; Trường đã ban hành quy định về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học và quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với trình độ đào tạo đại học của HUFI theo quyết định số 3467/QĐ-DCT ngày 05/12/2017; Trường đã ban hành Hướng dẫn xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT theo quyết định số 3229/QĐ-DCT ngày 14/11/2019.

Sau khi thực hiện xong việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học, Trường tiến hành việc rà soát, cập nhật CTĐT theo quy trình mới đối với tất cả các CTĐT của trường. Trong quá trình rà soát, cập nhật CTĐT có thực hiện bước đối sánh CTĐT tương ứng của một số trường đại học trong nước và ngoài nước như: ngành Công nghệ thông tin tham khảo và đối sánh CTĐT của ngành Công nghệ thông tin của các trường ĐH Sài Gòn, trường ĐH Khoa học Tự

nhiên - ĐHQG TP.HCM và trường ĐH Auckland (New Zealand); ngành An toàn thông tin tham khảo và đối sánh CTĐT của ngành An toàn thông tin của các trường Đại học Công nghệ thông tin - ĐHQG TP.HCM và trường Đại học Quốc gia Singapore (National University of Singapore - NUS); ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử tham khảo và đối sánh CTĐT của ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử của các trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM (HCMUTE) và trường Đại học Công nghệ TP.HCM (HUTECH); ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa tham khảo và đối sánh CTĐT của ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa trường Đại học Công Nghệ TP.HCM và trường Đại học Công Nghệ - Đại học quốc gia Hà Nội; ngành Công nghệ chế tạo máy tham khảo và đối sánh CTĐT của ngành Kỹ thuật Cơ khí chuyên ngành kỹ thuật chế tạo Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM; ... [H14.14.04.02]. Đồng thời, việc so sánh giữa các phiên bản khác nhau của CTĐT cũng được Tổ soạn thảo nghiêm túc thực hiện [H14.14.04.03]. Một công tác quan trọng khác của quá trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học là lấy ý kiến các bên liên quan cũng được Tổ soạn thảo CTĐT (bao gồm CĐR và đề cương học phần) thực hiện bằng cách thiết kế phiếu khảo sát để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan gồm: Giảng viên, cán bộ phòng Đào tạo, cán bộ Trung tâm Quản lý chất lượng, cán bộ và quản lý về nhân sự của cơ quan có sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp ngành đào tạo, trưởng các bộ phận của cơ quan có sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp ngành đào tạo, cựu sinh viên tốt nghiệp trong vòng 5 năm, cựu sinh viên tốt nghiệp trên 10 năm, sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm cuối, ... Ngoài ra, Khoa quản lý ngành cũng tổ chức các Hội thảo nhằm thu thập ý kiến các bên liên qua về CĐR CTĐT, về khung chương trình đào tạo [H14.14.04.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

Giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021, Trường đã có 2 lần cập nhật lại quy trình, hướng dẫn xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT nhằm cải tiến quy trình, hướng dẫn xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan trong quá trình thiết kế, rà soát CTĐT. Cụ thể, năm 2017, Trường ban hành quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học và quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với trình độ đào tạo đại học của HUFI theo quyết định số 3467/QĐ-DCT ngày

05/12/2017 và quy trình cập nhật, đánh giá, soạn thảo bổ sung chương trình đào tạo trình độ đại học của HUFI theo quyết định số 1081/QĐ-DCT ngày 07/6/2017. Năm 2019, Trường đã ban hành Hướng dẫn xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT và các biểu mẫu theo quyết định số 3229/QĐ-DCT ngày 14/11/2019 [H14.14.05.01]. Trong cả hai quy trình cập nhật CTĐT đều chú trọng đến việc thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT và đánh giá hiệu quả CTĐT hiện đang áp dụng; chú trọng việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan gồm: Giảng viên, cán bộ phòng Đào tạo, cán bộ Trung tâm Quản lý chất lượng, cán bộ và quản lý về nhân sự của cơ quan có sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp ngành đào tạo, trưởng các bộ phận của cơ quan có sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp ngành đào tạo, cựu sinh viên tốt nghiệp trong vòng 5 năm, cựu sinh viên tốt nghiệp trên 10 năm, sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm cuối, ... [H14.14.05.02].

Để cải tiến CTĐT, tất cả các CTĐT (bao gồm CDR của CTĐT, CDR học phần và đề cương) của trường cũng được rà soát, cập nhật định kỳ ít nhất 2 năm/1 lần vào các năm 2017, 2019. Việc rà soát, cập nhật CTĐT được thực hiện theo Quy trình do Nhà trường ban hành. Đồng thời, CTĐT của Trường được cập nhật, soạn thảo bổ sung dựa trên các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan nên đảm bảo tính hợp lý, tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. CTĐT sau khi tiến hành rà soát, cập nhật xong đều được tổ chức thẩm định cấp trường và thông qua Hội đồng KH&ĐT trường thống nhất thông qua trước khi trình Hiệu trưởng ký ban [H14.14.05.03].

Các phiên bản CTĐT đã được ban hành của trường đều đảm bảo thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông ngang giữa các ngành học cùng trình độ và liên thông dọc giữa các trình độ, thể hiện ở tỷ lệ cân đối giữa các học phần chung trong khối kiến thức đại cương và khối kiến thức cơ sở ngành. Đồng thời, CTĐT của trường có các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trình tự bố trí các học phần trong kế hoạch đào tạo theo từng học kỳ hợp lý, khoa học: từ các học phần thuộc khối kiến thức đại cương đến kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Chương trình dạy học các ngành được thiết kế đảm bảo tỉ lệ khối kiến thức lý thuyết và khối kiến thức thực hành phù hợp với định hướng mục tiêu chung của trường là đào tạo theo định hướng nghiên cứu ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, phục vụ quá trình phát triển thực tiễn của đất nước. Các chuyên gia trong Hội đồng thẩm định CTĐT đều có những nhận xét, đánh giá về nội dung của các CTĐT là đáp ứng cao yêu cầu thực tiễn, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho xã hội; mục tiêu và CDR ra phù hợp và gắn liền với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Quá trình xây dựng, rà soát, đánh giá CTĐT và đề cương học phần tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, có sự tham khảo, đối sánh CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước và ngoài nước, có sự tham gia góp ý của các bên liên quan; Nhà trường có xây dựng các quy định, các hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt, ban hành CTĐT và đề cương học phần.

2. Hiện tại, Trường có 9 CTĐT được cấp giấy chứng chất đạt chuẩn chất lượng theo MOET, AUN-QA; các CTĐT còn lại đã hoàn thành việc tự đánh giá và gửi báo cáo tự đánh giá đến Trung tâm Quản lý chất lượng - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh.

3. CDR của từng CTĐT của Trường được xây dựng dựa trên CDR tổng quát trình độ đại học được quy định tại phụ lục của Khung trình độ quốc gia Việt nam được ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4. CDR của CTĐT, CDR của học phần được xây dựng, rà soát, điều chỉnh định kỳ theo chu kỳ rà soát, điều chỉnh của CTĐT.

5. CDR của CTĐT được xây dựng, rà soát, điều chỉnh trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan. Có ma trận CDR thể hiện rõ mức đáp ứng của CDR của từng học phần đối với CDR của CTĐT.

6. Mẫu đề cương học phần được sử dụng thống nhất trong tất cả các CTĐT của trường, được tổ chức thẩm định cùng với CTĐT sau khi biên soạn. Đề cương học phần đã thẩm định được phổ biến đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học được triển khai theo kế hoạch hướng tới đạt được CDR.

7. Trường thường xuyên cập nhật các quy trình thiết kế, rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT. CTĐT của trường được rà soát cập nhật định kỳ vào các năm 2017, 2019 và 2021.

8. Trường đã thường xuyên cải tiến và ban hành Quy trình xây dựng, cập nhật chương trình dạy học, CDR CTĐT và CDR học phần.

9. Tiến hành rà soát, điều chỉnh định kỳ chương trình dạy học và chuẩn đầu ra của CTĐT dựa trên sự đóng góp ý kiến của tất cả các bên liên quan. CTĐT của các khóa khóa tuyển sinh khác nhau đều được công bố trên cổng thông tin điện tử của trường nhằm tạo điều kiện để người học có cơ sở so sánh được những ưu điểm của CTĐT mới, đồng thời người học đã tốt nghiệp các khóa trước có thể tự cập nhật các kiến thức mới trong CTĐT của các khóa sau.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Cỡ mẫu trong việc thu thập ý kiến của các bên liên quan về CTĐT (bao gồm CĐR và đề cương học phần) không nhiều, không đồng đều giữa các ngành. Cỡ mẫu thu thập ý kiến của các bên liên quan về CĐR CTĐT trường quy định tối thiểu là 120 mẫu; Cỡ mẫu thu thập ý kiến của các bên liên quan về khung CTĐT trường quy định tối thiểu là 120 mẫu.

2. Hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan trong xây dựng, điều chỉnh CĐR học phần chưa phong phú (chủ yếu qua Hội đồng thẩm định CTĐT và các giảng viên trong khoa), chưa thực hiện việc khảo sát CĐR của từng học phần bằng bảng hỏi.

3. Thực hiện kế hoạch tuần sinh hoạt công dân của các Khoa để phổ biến nội dung sinh hoạt công dân của các Khoa chưa đồng đều giữa các Khoa; thời gian phân bổ cho các Khoa để phổ biến nội dung sinh hoạt công dân của Khoa tương đối ít (chưa đến 5 tiết).

4. Đối sánh CTĐT tương ứng với CTĐT của một số trường nước ngoài chưa được thực hiện phổ biến.

5. Quy trình xây dựng, cập nhật đề cương học phần chưa được cải tiến kịp thời.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Lập Kế hoạch khảo sát CĐR, khảo sát khung CTĐT trong đó có xác định lại cỡ mẫu tối thiểu hợp lý	BGH, Khoa, Phòng ban liên quan	Năm học 2021 - 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
2	Khắc phục tồn tại 2	Thực hiện lấy ý kiến của tất cả các bên liên quan trong xây dựng, điều chỉnh CĐR học phần bằng bảng hỏi.	Các Khoa Các Tổ soạn thảo	Trong các đợt xây dựng, cập nhật CTĐT tiếp theo	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tăng cường giám sát các Khoa thực hiện phổ biến các nội dung sinh hoạt công dân. Đồng thời tăng thời lượng sinh hoạt công dân của Khoa lên đủ 5 tiết	P. CTSV& TTGD; Khoa	Từ năm học 2021-2022	
4	Khắc phục tồn tại 4	Ngoài việc đối sánh CTĐT trong nước, mỗi ngành thực hiện tham khảo, nghiên cứu một số CTĐT tương ứng đã được kiểm định của nước ngoài (nếu có) để hiện đại hóa, quốc tế hóa CTĐT.	Các Khoa Các Tổ soạn thảo	Trong các đợt xây dựng, cập nhật CTĐT tiếp theo	
5	Khắc phục tồn tại 5	Cập nhật lại quy trình thiết kế, rà soát đề cương học phần	BGH, P.ĐT, Khoa	Trong năm học 2021-2022	
6	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực xây dựng, rà soát, đánh giá, thẩm định các CTĐT định kỳ theo các quy định của BGD&ĐT	BGH, P.ĐT, TT.QLCL, P.QLKH& SDH, Các Khoa	Trong các đợt xây dựng, cập nhật CTĐT tiếp theo	
7	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục thực hiện tự đánh giá cấp CTĐT và nộp hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài cấp CTĐT đối với các ngành đã hoàn thành tự đánh giá	BGH, P.ĐT, TT.QLCL, P.QLKH& SDH, Các Khoa	Từ năm học 2021-2022	
8	Phát huy	Tiếp tục thực xây dựng, rà soát,	BGH,	Trong các	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 3, 4, 5, 7, 9	đánh giá CĐR của CTĐT, CĐR của học phần định kỳ theo chu kỳ cập nhật CTĐT	P.ĐT, TT.QLCL, P.QLKH& SDH, Các Khoa	đợt xây dựng, cập nhật CTĐT tiếp theo	
9	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục cập nhật biểu mẫu đề cương chi tiết học phần	P.ĐT	2021-2022	
10		Đa dạng hóa hình thức phổ biến đề cương	Nhà trường; P.ĐT; Khoa	2021-2022	
11		Lập kế hoạch giảng dạy hướng tới đạt CĐR theo trình độ năng lực tăng dần theo năm sinh viên	Nhà trường; P.ĐT; Khoa	2021-2022	
12	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục cải tiến và ban hành Quy trình xây dựng, cập nhật chương trình dạy học.	BGH, P.ĐT, Khoa	Trong năm học 2021-2022	

4. Mức đánh giá:

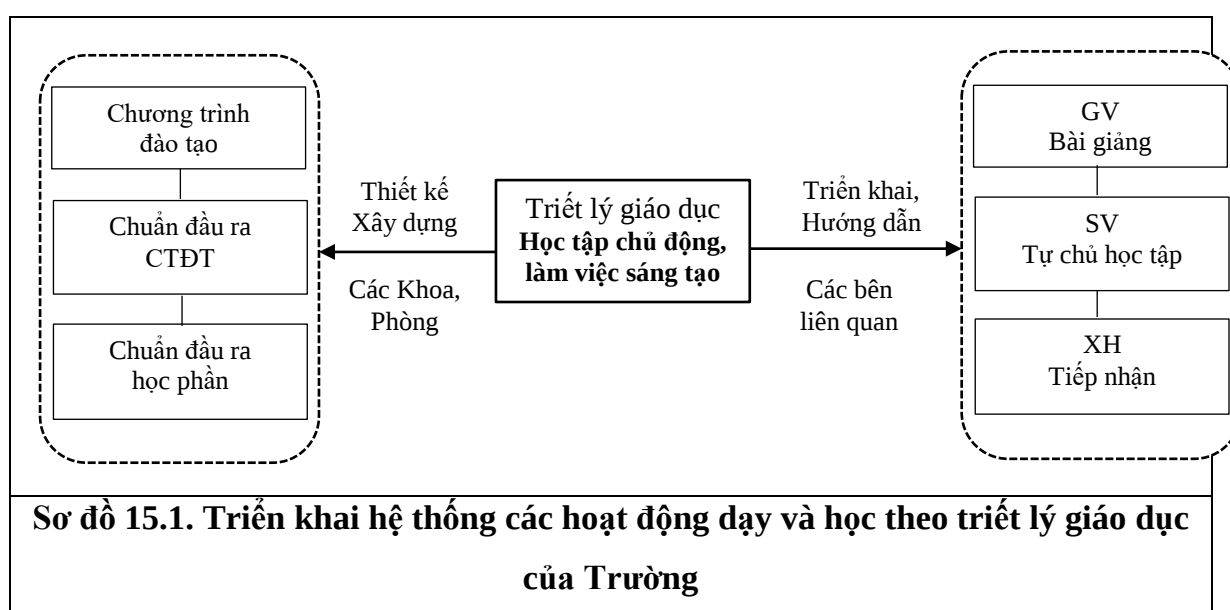
Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 14	5.00
Tiêu chí 14.1	5
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	5
Tiêu chí 14.5	5

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CĐR.

Triết lý giáo dục của Trường đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM đã được tuyên bố chính thức “Học tập chủ động, làm việc sáng tạo” theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng [H15.15.01.01]. Trải qua quá trình gần 8 năm nâng cấp từ một trường cao đẳng lên trường đại học, qua các cuộc hội thảo và góp ý của các bên liên quan [H15.15.01.02], triết lý giáo dục của Trường được xem là rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường, là cơ sở để xây dựng quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động đào tạo.

Nội hàm của triết lý này được phân định rõ ràng ở hai góc độ: (i) người dạy học và nhà quản lý dạy học, (ii) người học. Đối với người dạy học và người quản lý dạy học gọi chung là người lao động luôn thấm nhuần triết lý “Làm việc sáng tạo” ở mọi lĩnh vực mà mình đang đảm nhiệm để hoàn thành nhiệm vụ. Đối với người học, tinh thần “Học tập chủ động” ở mọi lúc mọi nơi Nhà trường đề cập tính tự chủ, chủ động trong học tập để lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo của từng ngành đã được thiết lập trong toàn Trường.



Theo Sơ đồ 15.1, hệ thống các hoạt động dạy và học tại Nhà trường được thiết kế theo triết lý giáo dục. Triết lý này được phổ biến đến mọi thành viên trong Nhà trường, được triển khai cụ thể [H15.15.01.01]. Các Khoa đào tạo sử dụng triết lý giáo dục để xây dựng mục tiêu CTĐT, xây dựng chuẩn đầu ra CTĐT, Tổ Bộ môn xây dựng chuẩn đầu ra cho từng học phần [H15.15.01.02]. Các đơn vị phòng ban quản lý đào tạo tham mưu cho Ban giám hiệu xây dựng ban hành các quy chế, quy định có liên quan đến hoạt động dạy và học [H15.15.01.03].

Sau khi hoàn thành việc thiết kế xây dựng các CDR của các CTĐT đào tạo trong toàn trường, việc phân công trách nhiệm xác định, lựa chọn và triển khai các

hoạt động dạy học đến với GV và SV thông qua các công việc cụ thể như xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo, phân công giảng viên phụ trách, biên soạn tài liệu học tập, giảng dạy, đánh giá kết quả [H15.15.01.04].

Triết lý này hoàn toàn phù hợp với cơ chế tự chủ toàn diện của Trường hiện nay.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường ĐH CNTP Tp.HCM luôn chú trọng chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV. Từ 2015 đến nay Nhà trường đã xây dựng, điều chỉnh và vận hành hai kế hoạch chiến lược [H15.15.02.01].

Một là, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 là bản kế hoạch chiến lược có tính bản lề trong bối cảnh yêu cầu bức thiết nhằm đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo khi trường vừa nâng cấp từ trường cao đẳng lên trường đại học. Trong đó Nhà trường rất quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy còn nhiều thiếu hụt chưa đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo. Theo kế hoạch này tại tiểu mục 4.2.2 mục 4 phần IV đề cập công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Nhà trường thực hiện chính sách chiêu hiền đãi sĩ, thu hút người tài, các chuyên gia đầu ngành kể cả người nước ngoài, kết hợp gửi giảng viên đi đào tạo tiến sĩ trong nước và nước ngoài để đạt tỷ lệ 90% giảng viên đạt trình độ thạc sĩ và 25% đạt trình độ tiến sĩ. Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, mạnh về trình độ, giỏi về chuyên môn cả lý thuyết và thực tế. Ưu tiên tuyển dụng người có học vị tiến sĩ, thạc sĩ loại xuất sắc hoặc giỏi từ nhiều nguồn để bổ sung và đa dạng hóa cán bộ và giảng viên; đội ngũ giảng viên đạt 600 người để bảo đảm tỷ lệ sinh viên/giảng viên không quá 25.

Hai là, trong bối cảnh tình hình kinh tế, xã hội và công nghệ thay đổi nhanh chóng, năm 2018 Nhà trường có điều chỉnh bản kế hoạch chiến lược trước đây bằng bản dự thảo Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025. Bản dự thảo này sau nhiều lần góp ý chỉnh sửa bổ sung Nhà trường đã công bố bản chính thức kế hoạch Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2035 và tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, tại tiểu mục 6.4. Chiến lược nguồn nhân lực, các mục tiêu và giải pháp cụ thể được xây dựng nhằm: (i) Đảm bảo số lượng và chất lượng

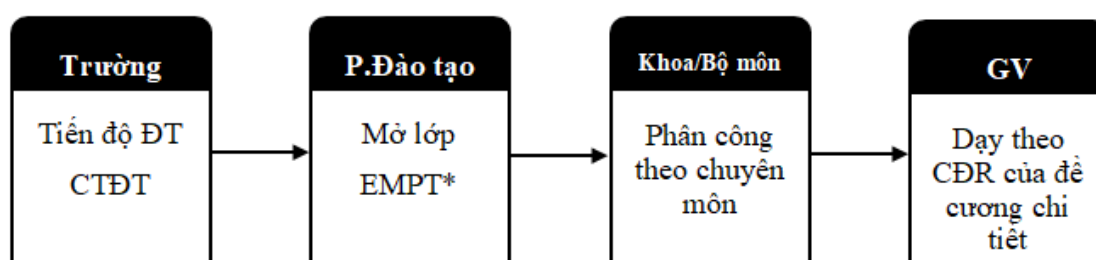
đội ngũ CCVC đáp ứng quy mô đào tạo của Nhà trường, (ii) Đảm bảo các chính sách thu nhập, đãi ngộ phù hợp; (iii) Tạo được môi trường giáo dục đại học năng động, sáng tạo thu hút được nhân tài. Các nhóm chỉ tiêu nguồn nhân lực chi tiết (1) Về quy mô số lượng nhân sự đến năm 2025 là 800 người, trong đó giảng viên tối thiểu 600 người chiếm 75%; (2) Chất lượng đội ngũ đến năm 2025 cơ cấu trình độ giảng viên: 100% trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; trong đó tiến sĩ chiếm ít nhất 35% (210 người), cơ cấu học hàm: có ít nhất 10% (60 người) có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư; (3) Năng lực ngoại ngữ: 100% GV đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định chức danh nghề nghiệp, trong đó có ít nhất 15% (90 người) giảng viên giảng dạy được bằng một ngoại ngữ (không kể giảng viên dạy ngoại ngữ). (4) Năng lực công nghệ thông tin: 100% giảng viên giảng dạy được trên hệ thống đào tạo trực tuyến.

Với các kế hoạch chiến lược như trên Trường đã ban hành qui định về tiêu chuẩn chọn công chức, viên chức vào giảng dạy tại Trường. Hàng năm, xuất phát từ nhu cầu tuyển dụng GV của các Khoa, Phòng Tổ chức hành chính tổng hợp vị trí việc làm và số lượng tuyển dụng, soạn thông báo tuyển dụng đội ngũ GV [H15.15.02.02].

Trường thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đảm bảo được tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm và chú trọng tới đội ngũ GV trẻ. Trong mọi thời điểm, Trường đều thực hiện chính sách thu hút để tuyển dụng nhân tài, đặc cách đối với GV có trình độ tiến sĩ trở lên phù hợp với chuyên ngành đào tạo, ưu tiên tuyển những người học ở nước ngoài về và một số trường hợp viên chức, GV xin chuyển công tác về Trường bằng hình thức ký hợp đồng làm việc theo quy định của Luật Viên chức. Trường luôn xác định và xem đây là việc làm thường xuyên, cần thiết để có thể xây dựng được một đội ngũ GV chuyên sâu nhằm đáp ứng cho yêu cầu và nhiệm vụ mới. Tính đến ngày 31/08/2021, đội ngũ công chức, viên chức của Trường đã có ... người (trong đó có ... giảng viên), trong đó có ... PGS (tỉ lệ ...%); ... Tiến sĩ (tỷ lệ:..%), Thạc sĩ (tỷ lệ: %). Chính sách đãi ngộ GV cũng là một cách thu hút người tài và nâng cao trình độ đội ngũ GV hiện hữu. Đối với chính sách thu hút, đãi ngộ đối với cán bộ, giảng viên có trình độ cao khi về Trường, GV có học vị tiến sĩ, học hàm phó giáo sư, giáo sư lần lượt được nhận 75, 100, 150 triệu đồng/người. Đối với GV là đi học nâng cao trình độ nghiên cứu sinh tiến sĩ Nhà trường hỗ trợ học phí, giảm 50% giờ dạy và nếu bảo vệ đúng và vượt tiến độ được thưởng từ 20 đến 30 triệu đồng. GV là thạc sĩ, tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư hàng tháng được nhận phụ cấp tăng thêm từ 1,5 đến 2,8 lần mức lương cơ bản. GV đang công tác tại Trường khi được phong học hàm được thưởng 10 triệu đồng đối với phó giáo sư, 20 triệu đồng đối với giáo

sur,... [H15.15.02.02].

Các Khoa và Phòng Đào tạo của Trường thực hiện phân công nhiệm vụ cho GV dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm. Hiện tại số lượng GV theo từng CTĐT phù hợp với qui định. Các Bộ môn trong Trường có cơ cấu đội ngũ chuyên môn tương đối hợp lý và thực hiện theo đúng qui định của Trường. Đối với các học phần đều có phân công GV phụ trách chính và kèm theo danh sách GV có thể tham gia giảng dạy. Cuối mỗi học kỳ, Khoa và Bộ môn đều họp thống nhất phân công GV giảng dạy (Sơ đồ 15.2) cho học kỳ tiếp theo đảm bảo đúng chuyên môn được đào tạo [H15.15.02.03].



Sơ đồ 15.2 – Quy trình phân công GV giảng dạy tại Trường

** Phần mềm quản lý đào tạo EPMT*

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CDR.

Trường tạo dựng được môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy NH tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức (các chương trình trao đổi, thực tập ngắn hạn, phục vụ cộng đồng, ...). Nhằm đáp ứng nhu cầu tự nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của người học, tất cả các CTĐT của Trường đều được xây dựng với khả năng liên thông, liên kết cao giữa các ngành, các trường và hướng đến nhu cầu học tập suốt đời của người học... Ngoài ra, CTĐT còn giúp khuyến khích SV có thể tự học, theo đuổi các chương trình khác nhau theo nhu cầu để từ đó có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu trong các lĩnh vực chuyên môn gắn với nghề nghiệp, chuyên môn chuyên sâu và học nâng cao tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để đạt trình độ cao hơn ở các bậc sau đại học.

Với đa số các ngành, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được thiết kế đủ để trang bị cho người học kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành vững vàng để có thể chuyển đổi hoặc tự mở rộng nghiên cứu thêm những ngành gần và ngành khác khi người học có nhu cầu hoặc đáp ứng nhu cầu phát sinh của xã hội. Tỷ lệ ứng

dụng, thực hành, thực tập trong các học phần, đồ án tốt nghiệp chiếm tỷ lệ nhất định tổng số toàn CTĐT [H15.15.03.01]. CTĐT các ngành, chuyên ngành cũng chú trọng đến khả năng người học có thể hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu. Việc áp dụng và triển khai học phần “*Học kỳ doanh nghiệp*” vào CTĐT đã tạo điều kiện cho SV tiếp cận thực tế với doanh nghiệp.

Trường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR của các môn học/học phần. Hoạt động dạy và học của Trường thúc đẩy học tập suốt đời bằng cách cung cấp cho SV những phương pháp, kỹ năng để sau này có thể vận dụng trong công việc, nghiên cứu, học tiếp các bậc học cao hơn. Quá trình giảng dạy và học tập phải mang ý nghĩa tích cực khi SV chủ động tìm hiểu và thực hiện chứ không chỉ là tiếp thu kiến thức do GV cung cấp [H15.15.03.02] [H15.15.03.03] [H15.15.03.04].

Ngoài ra, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị khoa học SV từ cấp Khoa đến cấp Trường và các đề tài đạt giải cao được chọn gửi đi dự thi ở các cấp cao hơn.

Bên cạnh đó, Trường khuyến khích thành lập các câu lạc bộ: nghiên cứu khoa học, thể dục thể thao tạo ra môi trường rèn luyện trí - thể - mỹ nhằm nâng cao chất lượng học tập của SV.

Hàng năm, Trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của SV và kết quả đánh giá, phản hồi được gửi về giảng viên, trưởng các Khoa, Bộ môn, lãnh đạo các phòng ban có liên quan để kịp thời điều chỉnh những hạn chế và cải thiện chất lượng giảng dạy [H15.15.03.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế đào tạo, Quy định về công tác giảng dạy để đảm bảo chất lượng dạy và học. Nhà trường cũng triển khai hệ thống giám sát về giờ giấc, tiến độ, chất lượng giảng dạy, việc học tập của SV, ... với sự tham gia của nhiều bên có liên quan như: P.ĐT, P.CTSV&TTGD, Khoa và các Bộ môn [H15.15.04.01]. Mục đích là nhằm đảm bảo chất lượng dạy và học, cũng như rút ra những biện pháp khắc phục, cải tiến kịp thời. Cụ thể:

(i) Sau khi Phòng ĐT xếp thời khóa biểu cho các lớp, căn cứ trên TKB GV phụ trách lớp học phần đó phải lên lớp theo đúng thời khóa biểu đã công bố.

(ii) P.CTSV&TTGD kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên theo TKB đã ban hành. Kết quả giảng dạy của GV theo ghi nhận được sử

dụng là một trong các tiêu chí để đánh giá GV vào cuối năm [H15.15.04.02];

(iii) Đầu học kỳ, Trường Khoa, Bộ môn căn cứ theo kế hoạch giảng dạy của GV để lên lịch và tiến hành dự giờ theo định kỳ hoặc đột xuất của đơn vị. Cuối học kỳ, các Khoa, Bộ môn tiến hành tổng kết tình hình dự giờ để đánh giá góp ý về việc giảng dạy của các GV. Kết quả của việc dự giờ là một trong những tiêu chí để đánh giá chuyên môn của GV và phục vụ cho việc rà soát, cải tiến nâng cao chất lượng giảng dạy. Thực tế nhiều năm qua, đa số các hoạt động dạy và học của Nhà trường đều diễn ra theo đúng kế hoạch, tiến độ của thời khoá biểu.

Trong quá trình giảng dạy và khi kết thúc một học phần, các GV sẽ đánh giá mức độ tích lũy chuẩn đầu ra của SV bằng nhiều cách thức khác nhau. Kết quả đánh giá này được dùng để giám sát chất lượng và cải tiến CTĐT cũng như hoạt động dạy và học. Khoa, Bộ môn có thể thực hiện các hoạt động đánh giá độc lập về mức độ tích lũy các chuẩn đầu ra của CTĐT. Trong trường hợp có chuẩn đầu ra không như kỳ vọng thì Khoa, Bộ môn có thể triệu tập các GV giảng dạy các môn học liên quan đến chuẩn đầu ra tương ứng để tìm hướng khắc phục [H15.15.04.03];

Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá NH dựa trên kết quả khảo sát môn học. Sau mỗi học kỳ, TT QLCL đều thực hiện khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về hoạt động dạy và học, tổng hợp thành báo cáo chi tiết gửi về các đơn vị [H15.15.04.04]. Trong các buổi đối thoại định kỳ giữa Lãnh đạo Nhà trường với SV, các ý kiến trao đổi, phản ánh của người học về các hoạt động giảng dạy, học tập cũng được ghi nhận, xem xét và giải đáp. Ngoài ra, Nhà trường và các đơn vị chức năng tiếp nhận và xử lý đối với những vấn đề đột xuất của người học quá trình hoạt động dạy và học diễn ra.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Trước yêu cầu đổi mới của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang lan tỏa trên toàn thế giới, cùng với chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước hiện nay, Trường đã điều chỉnh triết lý giáo dục ít nhất một lần trong chu kỳ đánh giá; nội dung triết lý phù hợp với CĐR, tiếp cận với xu hướng mới [H15.15.05.01].

Đồng thời, Nhà trường cũng định kỳ 2 năm tiến hành rà soát và điều chỉnh lại các CTĐT, CĐR của các CTĐT cũng như nội dung, phương pháp dạy và học.

Trong đó, SV không chỉ được trang bị vững vàng về kiến thức, kỹ năng chuyên môn mà còn được tạo điều kiện trau kỹ năng sống, rèn luyện kỹ năng, hoàn thiện ứng xử để chuẩn bị chu đáo cho một tương lai thành công [H15.15.05.02]. Việc thay đổi nội dung và cấu trúc chương trình cho phù hợp với mục tiêu giáo dục trong thời kỳ mới, đưa kỹ năng mềm như: Khởi nghiệp; ... vào trong CTĐT thành các học phần hoặc được lồng ghép trong từng học phần.

Hàng năm, Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi của người học, của GV, đội ngũ cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng bằng phiếu khảo sát để phân tích đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan và sử dụng ý kiến phản hồi này như kênh thông tin quan trọng để cải tiến, nâng cao chất lượng của hoạt động dạy và học [H15.15.05.03].

Chất lượng đội ngũ luôn được cải tiến. Cải tiến từ tuyển dụng đến quá trình hoạt động giảng dạy của mỗi GV. Sau mỗi đợt khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV, tất cả các GV đều nhận được các ý kiến phản hồi để cải tiến bản thân, đồng thời thông qua đó, lãnh đạo Trường và các đơn vị có kế hoạch tuyển chọn, đánh giá và phân công giảng dạy cho phù hợp.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố rõ ràng trên nhiều phương tiện truyền thông và được triển khai phổ biến tới các bên liên quan, đặc biệt là tới GV, cán bộ quản lý, và SV để họ thấm nhuần triết lý giáo dục của Nhà trường nhằm tạo tiền đề cho người dạy, người học thiết kế, xây dựng, và vận hành hệ thống dạy và học phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu đào tạo của Trường.

2. Trường đã xây dựng chính sách hỗ trợ kinh phí cho GV trong qui chế chi tiêu nội bộ hàng năm. Đặc biệt, Trường rất quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và thu hút đội ngũ GV chất lượng cao, nhất là những ngành là thế mạnh của Trường. Số lượng GV cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo của Trường. Đội ngũ GV của Trường đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của Nhà giáo theo qui định; được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo qui định; có trình độ ngoại ngữ, tin học cơ bản đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH.

3. Nhà trường mời các doanh nghiệp - nhà tuyển dụng lao động tham gia xây dựng, phản biện CTĐT và trực tiếp giảng dạy để nâng cao tính thực tiễn của học

phần, kết hợp được lý luận với thực tiễn nghề nghiệp, giúp người học có điều kiện vận dụng linh hoạt các kiến thức lý thuyết được học vào cuộc sống và công việc tương lai.

4. Trường định kỳ 2 năm tiến hành rà soát, cải tiến nội dung CTĐT, đề cương học phần các ngành, chuyên ngành đào tạo thông qua ý kiến khảo sát, đánh giá của các bên liên quan để đảm bảo, nâng cao chất lượng dạy và học.

5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học của Trường được cải tiến để đạt được CDR, đảm bảo các hoạt động dạy và học có chất lượng đồng thời giúp SV có thể học tập suốt đời.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Triết lý giáo dục chưa được triển khai sâu rộng đến các đối tượng bên ngoài Trường như nhà sử dụng lao động, các đối tác, gia đình người học. Các quy định về chuẩn ngoại ngữ cho người dạy chưa có hay các quy định về đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn chưa tuyên truyền đầy đủ cho các đối tượng bên ngoài Trường.

2. Chính sách thu hút và phát triển đội ngũ GV có học vị tiến sĩ trở lên theo chiến lược về nguồn nhân lực (tiến sĩ chiếm ít nhất 35%, 210 người) vẫn còn là thách thức cho Trường trong việc xây dựng Trường sớm trở thành một trong những trường ĐH định hướng nghiên cứu ứng dụng. Tỷ lệ SV trên GV không đồng đều ở các khối ngành và chuyên ngành. Số GV có đủ khả năng ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài còn chưa nhiều. Một số ngành nghề đào tạo chưa chủ động triển khai đáp ứng với thời đại công nghệ 4.0 do thiếu GV am hiểu cả chuyên môn và công nghệ thông tin.

3. Việc áp dụng và triển khai học phần “*Học kỳ doanh nghiệp*” vào CTĐT đang bị ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh COVID 19.

4. Công tác khảo sát ý kiến cựu SV và NTD để cải tiến CTĐT chưa được chú trọng thực hiện; các Khoa, Bộ môn còn thiếu chủ động và tích cực trong việc tổ chức lấy ý kiến cựu SV và NTD để cải tiến CTĐT.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
----	----------	----------	---------------------------------	---	---------

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Triển khai triết lý GD đến các đối tượng bên ngoài Trường	Phòng TCHC, TT.TS&TT, Các Khoa	Thường xuyên	
2		Quy định chuẩn ngoại ngữ cho người dạy			
3		Đẩy mạnh hoạt động đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn			
4	Khắc phục tồn tại 2	Trường xây dựng và đa dạng hóa việc tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao từ tiến sĩ trở lên, đồng thời tiếp tục sửa đổi bổ sung cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện bồi dưỡng và phát triển đội ngũ của Trường nâng cao trình độ; trong đó ưu tiên GV đi học NCS. Tiếp tục xây dựng chiến lược thu hút, khuyến khích nguồn nhân lực có học hàm, học vị GS, PGS, TS về Trường.	BGH, P.TCHC, Khoa	2021 - 2025	
6		Trường khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho GV đi học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ. Lập kế hoạch tổ chức các lớp ngoại ngữ nâng cao để bồi dưỡng cho GV đủ khả năng giảng dạy và trao đổi chuyên môn bằng ngoại ngữ với người nước ngoài, bồi dưỡng GV để đáp ứng các môn học liên quan đến công nghệ 4.0.	BGH, P.TCHC, Khoa	2021 - 2025	
7	Khắc	Xây dựng kế hoạch và triển khai	P.ĐT/Khoa	Năm học	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	phục tồn tại 3	học phần ”Học kỳ doanh nghiệp” phù hợp với tình hình dịch bệnh		2021-2022	
8	Khắc phục tồn tại 4	Rà soát để cải tiến biểu mẫu khảo sát và việc triển khai khảo sát sao cho có hiệu quả đối với cựu SV và NTD giữa các đơn vị	P.ĐT/Khoa	Năm học 2021-2022	
9	Phát huy điểm mạnh 1	GV-CCVC, người học luôn thấu hiểu nội hàm của triết lý, hoạt động giảng dạy và học tập đi vào chiều sâu của chuẩn chất lượng đào tạo	Tất cả thành viên trong Trường	Thường xuyên	
10	Phát huy điểm mạnh 2	Chính sách thu hút GV	BGH, P.TCHC, Khoa	Thường xuyên	
11	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục vận dụng và triển khai học phần “Học kỳ doanh nghiệp” vào CTĐT	P.ĐT/Khoa	Năm học 2021-2022	
12	Phát huy điểm mạnh 5	Điều chỉnh triết lý giáo dục ít nhất một lần trong chu kỳ đánh giá; nội dung triết lý phù hợp với CĐR, tiếp cận với xu hướng mới	Trường	Theo chu kỳ đánh giá	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 15	5.20
Tiêu chí 15.1	6
Tiêu chí 15.2	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	5

Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá NH phù hợp trong quá trình học tập.

Đánh giá kết quả học tập của NH là một trong những hoạt động quan trọng trong hệ thống đào tạo. Hoạt động này cần sự chính xác, công bằng, khách quan và có tác dụng khuyến khích NH hướng đến mục tiêu học tập suốt đời. Vì vậy việc thực hiện các phương pháp, quy trình thi, kiểm tra, đánh giá luôn được nhà trường quan tâm và chỉ đạo thực hiện đúng các Quy chế, Quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường. Việc đánh giá NH được thực hiện từ khâu tuyển sinh đầu vào, qua quá trình học tập cho đến đánh giá đầu ra của khóa học.

Trường luôn tuân thủ và chấp hành nghiêm Quy chế 43, Văn bản hợp nhất Quy chế 43 và Thông tư 57. Căn cứ vào đây để Trường xây dựng Quy chế học vụ áp dụng trong Trường và công bố công khai cho các bên liên quan qua website, sổ tay SV... Từ đó thiết lập được hệ thống lập kế hoạch đánh giá NH phù hợp trong quá trình học tập thông qua Quy định thi, kiểm tra [H16.16.01.01]. Mỗi học kỳ, trước khi bắt đầu mỗi đợt thi, TT QLCL đều có thông báo về việc nộp/bổ sung câu hỏi vào ngân hàng đề thi đến tất cả các Khoa/Viện/Trung tâm đào tạo liên quan [H16.16.01.02]. Hàng năm, trong kế hoạch năm học của Trường đều có quy định, hướng dẫn, kế hoạch cụ thể về đánh giá NH, có phân công trách nhiệm về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng [H16.16.01.03].

Ngoài ra Trường còn xây dựng một số Quy trình thủ tục về nghiệp vụ như: (i) Tổ chức thi cuối học kỳ; (ii) Xây dựng ngân hàng đề thi; (iii) Ra đề thi (iv) Chuyển điểm thi online; (v) Phúc khảo ... [H16.16.01.04] với các biểu mẫu, hướng dẫn rõ ràng, giúp Trường quản lý chặt chẽ; hạn chế các rủi ro, sai sót; đảm bảo tính công bằng, khách quan trong thi, kiểm tra, đánh giá NH. Trong kế hoạch hàng tháng của Trường luôn có kế hoạch về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng [H16.16.01.05].

Việc tổ chức thi kết thúc học phần (thi cuối học kỳ) được Trường giao cho

Ban Coi thi [H16.16.01.06] chịu trách nhiệm, đảm bảo việc thi cuối học kỳ trong Trường diễn ra rất nghiêm túc, chặt chẽ, tạo tính công bằng, khách quan cho NH. Đề thi, đáp án, chấm thi, công bố điểm thi... thực hiện theo biểu mẫu và Quy trình thủ tục đã ban hành.

GV Trường thực hiện nhiều phương pháp khác nhau. Đánh giá NH thông qua học phần là nhiệm vụ của GV từng học phần, họ là người chịu trách nhiệm về kết quả học tập của NH trước Bộ môn, Ngành, Khoa/Viện/Trung tâm đào tạo và Trường. Điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính từ điểm đánh giá bộ phận (điểm đánh giá quá trình) và điểm thi kết thúc học phần. Trong đề cương chi tiết học phần quy định rõ trọng số điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần [H16.16.01.07]. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá học phần và trọng số của các điểm đánh giá do GV đề xuất, thông qua Bộ môn, trưởng Khoa phê duyệt và được quy định trong đề cương chi tiết học phần và thông báo cho NH qua Portal cá nhân, GV phổ biến cho NH ở buổi học đầu tiên. GV có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá quá trình như: giao bài tập, tiểu luận nhóm, thảo luận, thuyết trình, làm bài trắc nghiệm khách quan... hoặc kết hợp các hình thức nêu trên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá NH được thiết kế phù hợp với việc đạt được CDR.

Các hoạt động đánh giá NH ở Trường được thiết kế phù hợp với việc đạt được CDR. Trường thực hiện quy trình rõ ràng về việc đánh giá kết quả NH để đạt được CDR và công bố công khai rộng rãi đến các bên liên quan. Trong Quy định thi, kiểm tra của Trường, việc xây dựng ngân hàng đề thi, chấm thi cũng thể hiện rõ. Các yêu cầu về kiến thức trong các đề thi kiểm tra đánh giá và trong các bảng ma trận đề thi phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Trường như phải bám sát ĐCCT môn học, kiến thức cơ bản (mức độ dễ - 1, trung bình - 2) và nâng cao (mức độ khó - 3, rất khó - 4), các CDR được nêu trong ĐCCT nhằm đáp ứng được CDR của từng môn học, đảm bảo việc học tập các môn tiếp theo và tích hợp kiến thức của SV đối với chuyên ngành. Điểm đạt tối thiểu để đáp ứng CDR của môn học là điểm D [H16.16.02.01].

Trường ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CDR. Tất cả các CTĐT của trường được xây dựng đều phải theo quy trình này. Mỗi CTĐT đều được xây dựng bảng ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của chương trình [H16.16.02.02]. Căn cứ trên CDR của CTĐT, các Khoa/Viện/Trung tâm xây dựng CDR ra của từng học phần. Và dựa trên CDR của

từng học phần, các đơn vị đào tạo xây dựng các hoạt động đánh giá phù hợp để đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học.

Trường đề nghị các Khoa/Viện/Trung tâm thực hiện nhiều phương pháp thi, kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt được CDR học phần tương ứng. Đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tập huấn GV các đơn vị về biên soạn và đánh giá ngân hàng đề thi theo CDR của học phần [H16.16.02.03]. Đã xây dựng và thực hiện được kế hoạch tập huấn GV các đơn vị về việc điều chỉnh (bổ sung, thay thế) ngân hàng đề thi khi cần thiết [H16.16.02.04].

Với các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng mà GV áp dụng (bài kiểm tra trên lớp, thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập nhóm, bài báo cáo thực tập, ...) giúp SV rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho một kỹ sư/cử nhân như: kỹ năng giao tiếp hiệu quả, suy nghĩ tích cực; kỹ năng phân tích tình huống xuất hiện trong công việc; kỹ năng tổng hợp, đối chiếu, so sánh phân tích công nghệ, đề xuất phương án và phát triển sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề phát sinh trong các tình huống công việc. Trên thực tế, ngay từ những giờ bài tập của năm đầu, SV được khuyến khích tham gia tích cực vào việc thảo luận theo nhóm. Các phương pháp kiểm tra đánh giá NH ở mỗi học phần đo lường được mức độ đạt CDR được nêu cụ thể ở đề cương chi tiết học phần, ngân hàng câu hỏi đề thi. Từ đó có kết quả phân tích, nghiên cứu các loại hình, hình thức đánh giá đặc thù đối với mỗi loại học phần (lý thuyết, thực hành...) [H16.16.02.05], hoặc là đối với mỗi loại kỳ thi, kỳ đánh giá [H16.16.02.06].

Để đánh giá SV tốt nghiệp có đạt được CDR, các Khoa/Viện/Trung tâm dựa trên nhóm 3 tiêu chí: (i) tiêu chí về kiến thức chuyên môn và các kỹ năng bổ trợ (năng lực tìm tòi, tiếp cận giải quyết vấn đề, giao tiếp, thuyết trình), (ii) trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn, và (iii) trình độ tin học theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá NH được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CDR.

Hàng năm Trường sẽ có các kế hoạch thực hiện rà soát, cải tiến chất lượng giáo dục trong đó bao gồm hoạt động rà soát, cải tiến các quy trình, quy định và các loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá NH để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CDR, từ đó các đơn vị liên quan, các khoa sẽ có kế hoạch thực hiện cụ thể. Việc thực hiện rà soát quy chế quy định, quy trình, phần mềm được thực hiện bởi P. ĐT và TT. QLCL, việc rà soát các loại hình/phương

pháp đánh giá NH được thực hiện bởi GV và tổ bộ môn của các khoa quản lý [H16.16.03.01].

Sau mỗi đợt thi kết thúc học phần các Khoa gửi đề nghị đến TT. QLCL để trích xuất các dữ liệu như: thống kê kết quả thi, bài thi, đề thi, ma trận đề thi, ngân hàng đề thi... [H16.16.03.02]. Từ đó các Khoa sẽ tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá đưa ra những nhận xét đối với các hình thức đánh giá đang thực hiện có hiệu quả và đáp ứng CĐR hay chưa từ đó điều chỉnh ngân hàng câu hỏi hoặc phương pháp đánh giá NH cho phù hợp hơn với CĐR [H16.16.3.03]. Trước mỗi kỳ thi tất cả các ngân hàng đề thi, đáp án, giấy đề nghị soạn đề thi đều được GV biên soạn, bổ sung, chỉnh sửa sau đó trình tổ trưởng tổ bộ môn rà soát về nội dung, hình thức trước khi nộp về TT. QLCL, TT. QLCL sẽ nhập và soạn thành các đề thi theo giấy đề nghị của GV [H16.16.3.04]. Các quy trình tổ chức thi học kỳ cùng với các biểu mẫu đính kèm cũng được rà soát trước mỗi học kỳ cho phù hợp với các quy chế quy định [H16.16.03.05].

Công tác chấm thi được thực hiện theo đúng quy định đảm bảo công bằng, khách quan [H16.16.3.06]. Điểm thi, điểm quá trình được công bố công khai đúng thời hạn trên website của Nhà trường [H16.16.03.07]. Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập trên hệ thống quản lý học vụ, SV có trách nhiệm thông báo tới TT. QLCL nếu là điểm kết thúc học phần và tại Khoa đối với các điểm quá trình để được kiểm tra, giải đáp và điều chỉnh nếu có sai sót [H16.16.03.08]. Sau khi công bố điểm của tất cả các học phần TT. QLCL sẽ ra thông báo phúc khảo và giải đáp thắc mắc về điểm thi kết thúc học phần, SV sẽ liên hệ tại TT. QLCL để được kiểm tra, giải đáp và hướng dẫn chi tiết [H16.16.03.09]. Kết quả phúc khảo được công bố trên Website của TT. QLCL và được cập nhật trên tài khoản cá nhân của SV [H16.16.03.10].

Mỗi năm hai lần, TT QLCL thực hiện tổ chức khảo sát thăm dò mức độ hài lòng của NH về phương pháp, hình thức đánh giá của các môn học/học phần lý thuyết, thực hành. Cùng với đó là thực hiện khảo sát đối với SV năm cuối về toàn khóa học trong đó có các nội dung về kiểm tra, đánh giá, công bố kết quả học tập. Kết quả khảo sát được tổng hợp và báo cáo BGH làm cơ sở để cải tiến về giảng dạy và đánh giá NH [H16.16.03.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá NH được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR.

Sau khi thực hiện công tác rà soát thì Nhà trường đã có những cải tiến các nội

dung liên quan đến đánh giá NH như cải tiến quy chế, quy định, cải tiến ngân hàng đề thi, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá.... Những năm gần đây theo tình hình thức tế việc giảng dạy và kiểm tra đánh giá trực tuyến cũng được Nhà trường triển khai thực hiện [H16.16.04.01]. Từ những năm 2017, Trường đã bắt đầu xây dựng hệ thống phần mềm thi trắc nghiệm trên máy và triển khai thi cho đến nay. Hệ thống phần mềm cũng liên tục cải tiến các khâu nhập, soạn đề thi, tổ chức thi và quản lý thi [H16.16.04.02]. Đến năm 2021 đã xây dựng và đưa vào thực hiện thi kết thúc học phần bằng hình thức vấn đáp trực tuyến bằng hệ thống phần mềm của Nhà trường [H16.16.04.03].

Trước mỗi kỳ thi TT.QLCL sẽ ra thông báo nộp/bổ sung ngân hàng đề thi đến tất cả các khoa [H16.16.04.04]. Các khoa, tổ bộ môn và GV sẽ lên kế hoạch cập nhật về hình thức kiểm tra, đánh giá hoặc chỉnh sửa, bổ sung những nội dung chưa chính xác, cập nhật thông tin mới cho phù hợp, Vì vậy, bộ ngân hàng câu hỏi được rà soát và cải tiến hàng học kỳ, hàng năm [H16.16.04.05]. Các quy trình nghiệp vụ và các biểu mẫu đính kèm có liên quan cũng được cải tiến [H16.16.04.06].

Để nâng cao kỹ năng thiết kế, xây dựng các phương pháp kiểm tra, đánh giá NH, TT.QLCL cũng tiến hành các buổi tập huấn cho các GV trong Nhà trường [H16.16.04.07]. Các phương pháp kiểm tra đánh giá NH sau khi được xây dựng cũng được thông báo công khai cho NH trước khi bắt đầu học mỗi khóa học/kỳ học/học phần [H16.16.04.08].

Bộ phận Thanh tra của P. CTHSSV&TTGD chịu trách nhiệm chính trong việc tiếp nhận các khiếu nại tập thể về sự thiếu công bằng minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập. Tiến hành thanh tra và báo cáo BGH để có phương án xử lý các sai phạm đảm bảo quyền lợi của NH [H16.16.04.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Trường có hệ thống các quy định, quy trình, thủ tục, hướng dẫn từ việc lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá NH đến việc triển khai, giám sát để các bộ phận liên quan thực hiện tốt.

2. Công tác đánh giá NH tại Trường được đảm bảo sự chính xác, công bằng, khách quan.

3. Xây dựng và thực hiện tốt quy trình về việc đánh giá kết quả NH để đạt

được CĐR từ CTĐT, ĐCCT đến ngân hàng câu hỏi đề thi, kết quả kiểm tra đánh giá.

4. Thực hiện được nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá và chọn được phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với mỗi loại học phần để đạt được CĐR.

5. Nhà trường có hệ thống các quy trình, quy định từ lập kế hoạch đến việc triển khai, giám sát việc tổ chức thi, chấm thi, giám sát thi và chấm phúc khảo nghiêm túc, công khai minh bạch, đảm bảo sự chính xác, công bằng trong kiểm tra đánh giá NH. Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác và an toàn.

6. Các loại hình và các phương pháp đánh giá NH được các khoa, bộ môn nghiên cứu cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR. Hệ thống phần mềm thực hiện các công tác về thi, kiểm tra ngày càng hoàn thiện, đảm bảo tính bảo mật của đề thi, tính khách quan, độ tin cậy trong kết quả đánh giá.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Chưa kiểm tra được chất lượng đánh giá NH của GV, chất lượng này phụ thuộc vào mỗi GV.

2. Chú ý việc đánh giá chất lượng ngân hàng đề thi.

3. Việc sử dụng kết quả phân tích, nghiên cứu các loại hình, hình thức đánh giá đặc thù đối với mỗi loại học phần (lý thuyết, thực hành...), hoặc là đối với mỗi loại kỳ thi, kỳ đánh giá cần được đẩy mạnh.

4. Việc rà soát chất lượng đề thi, phân tích kết quả thi, kiểm tra đánh giá NH của các Khoa chưa có tính hệ thống, đồng bộ và chưa có quy trình được quy định cụ thể. Các GV chưa được tập huấn nhiều về công tác phân tích kết quả thi kiểm tra đánh giá, phân tích ngân hàng đề thi. Kênh phản hồi về các điểm quá trình chưa được xây dựng quy trình cụ thể.

5. Giám sát việc đánh giá điểm quá trình của GV chỉ mới dừng lại ở việc kiểm tra số cột điểm theo quy định ở ĐCCT môn học với bảng điểm cá nhân của GV, chưa kiểm tra chất lượng đánh giá, chất lượng này còn phụ thuộc vào từng GV. Việc tập huấn cho GV về các nội dung liên quan đến các loại hình và phương pháp đánh giá người học còn chưa nhiều, chưa đạt hiệu quả cao.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Các Khoa/Viện/Trung tâm có kế hoạch kiểm tra chất lượng đánh giá NH của GV đơn vị mình.	BGH Lãnh đạo Khoa/ Viện/ Trung tâm	???	
2	Khắc phục tồn tại 2	Mỗi Khoa/Viện/Trung tâm xây dựng kế hoạch đánh giá ngân hàng đề thi. GV thực hiện.	BGH Lãnh đạo Khoa/ Viện/ Trung tâm GV	???	
3	Khắc phục tồn tại 3	Cần có kế hoạch tập huấn cho các đối tượng liên quan để có thể sử dụng các kết quả phân tích, nghiên cứu các loại hình, hình thức đánh giá từ đó áp dụng phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt được CDR	BGH Khoa/ Viện/ Trung tâm Phòng GV		
4	Khắc phục tồn tại 4	Ban hành quy định thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập mới nhất.	Ban soạn thảo	Năm học 2021-2022	
5		Tập huấn cho tất cả GV, các khoa về đánh giá ngân hàng đề thi, đánh giá kết quả thi, kiểm tra đánh giá.	TT.QLCL , các Khoa, đơn vị liên quan	Sau khi hoàn thành Quy định thi, kiểm tra và đánh giá KQHT	
6	Khắc phục tồn tại 5	Lên kế hoạch giám sát chất lượng đánh giá quá trình của GV.	P.ĐT, TT.QLC, các Khoa	Sau khi hoàn thành Quy định thi,	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
7		Lên kế hoạch tập huấn cho GV về thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá NH.	TT.QLC, các Khoa	kiểm tra và đánh giá KQHT	
8	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện xây dựng và ban hành các Quy chế, Quy định, Quy trình thủ tục... phù hợp với tình hình cụ thể.	BGH Các Ban soạn thảo Các đơn vị chức năng		
9	Phát huy điểm mạnh 2	Nghiêm túc thực hiện công tác tổ chức thi, chấm thi, công bố điểm, phúc khảo.	Ban Coi thi TT.QLCL GV		
10	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục hoàn thiện các Quy chế, Quy định để các hoạt động đánh giá NH tại Trường được thiết kế phù hợp với việc đạt được CĐR.	BGH TT.QLCL P.ĐT Khoa, ...		
11	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục sử dụng phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp tại Trường để đo lường và đạt được CĐR.	BGH Khoa/ Viện/ Trung tâm Phòng GV		
12	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục cập nhật các quy trình thi, kiểm tra và đánh giá NH theo quy định mới.	TT.QLCL	Sau khi hoàn thành Quy định thi, kiểm tra và đánh giá KQHT	
13	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục thí điểm và hoàn thiện hệ thống phần mềm, thi, kiểm tra đánh giá trực tuyến.	TT.CNTT , P.ĐT, TT.QLC, các Khoa	Từ năm học 2021-2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 16	5.50
Tiêu chí 16.1	6
Tiêu chí 16.2	6
Tiêu chí 16.3	5
Tiêu chí 16.4	5

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH.

Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM, xác định rõ tầm quan trọng của các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Nhà trường xem đây là yếu tố hỗ trợ, đóng vai trò thúc đẩy đến kết quả của người học. Người học, được lãnh đạo nhà trường xác định không chỉ riêng sinh viên mà còn bao hàm các đối tượng khác được học tập, nghiên cứu tại trường như cán bộ, giảng viên của trường được cử học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được nhà trường soạn thảo, ban hành thành những quy định cụ thể, làm cơ sở pháp lý để toàn trường thực hiện và cũng là cơ sở đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ. Các quy định được thể hiện nhất quán từ Quy chế chung của nhà trường đến các quy chế cụ thể, áp dụng cho từng đối tượng người học. Hàng năm Trường đều có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, để triển khai các hoạt động phục vụ người học, Trường giao cho các phòng ban có chức năng tham mưu và thực hiện các quyết định hỗ trợ người học như Quyết định thành lập Phòng CTSV & TTGD; Trung tâm tuyển sinh và TT [H17.17.01.02]. Trong các năm học đều ra Quyết định về việc ban hành các hoạt động ngoại khóa; Quyết định chi tiền trợ cấp, hỗ trợ người học có hoàn cảnh khó khăn [H17.17.01.01] theo bảng thống kê như sau:

Bảng 17.1. Bảng thống kê chi hỗ trợ người học qua các năm học (2017-2021)

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
SV được trợ				

cấp				
Số tiền				

Ngoài kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. Ban lãnh đạo Nhà Trường cũng có kế hoạch triển khai hệ thống giám sát NH và giao nhiệm vụ giám sát người dạy và học cho Phòng CTSV & TTGD thực hiện [H17.17.01.05]. Quá trình giám sát người học được thông qua những Quy định về phân công nhập điểm người học trên hệ thống phần mềm [H17.17.01.03] và Quy định xây dựng hệ thống tổng kết điểm của người học [H17.17.01.04]; Tổng hợp kết quả nghiên cứu Khoa học của sinh viên [H17.17.01.06].

Điểm quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện trong nhà trường là công tác giám sát người học, các hoạt động kiểm tra, giám sát là điều kiện quan trọng để người học tự giác, tích cực trong các hoạt động học tập và rèn luyện.

Các mục tiêu, chất lượng chung của nhà trường và các đơn vị được xây dựng và công bố đảm bảo công khai, dân chủ; trên cơ sở các mục tiêu chất lượng được công bố, từng cá nhân, đơn vị căn cứ thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Nhà trường tiến hành đánh giá, tổng kết các kết quả đạt được, làm cơ sở đề ra mục tiêu chất lượng cho năm sau.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Trong các hoạt động chính của trường ĐHCNT TP.HCM thì người học là trung tâm, là đối tượng khách hàng quan trọng của nhà trường. Bên cạnh đó, các đối tượng khác cũng đóng vai trò hết sức quan trọng vừa là khách hàng, đối tượng phục vụ đồng thời là chủ thể cung cấp dịch vụ như cán bộ, giảng viên, người lao động, doanh nghiệp. Trong đó, Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Đối với người học, hàng năm nhà trường xem xét thành lập các Hội đồng xét học bổng, miễn giảm học phí, giải quyết chế độ chính sách cho sinh viên; hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện, hội đồng khen thưởng, kỷ luật...

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Nhằm đạt được các được các kết quả phục vụ tốt nhất Trường đã giao nhiệm vụ quan trọng cho các phòng ban chịu trách nhiệm tư vấn, dịch vụ hỗ trợ học tập cho NH; có đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ có đủ trình độ tư vấn, hỗ

trợ NH, ra Quyết định thành lập P. CTSV & TTGD (Trích nhiệm vụ Hỗ trợ người học) [H17.17.02.01]; Quyết định thành lập Trung tâm tuyển sinh và TT [H17.17.02.02].

Các hoạt động chính sách hỗ trợ người học đều được Nhà Trường đăng trên trang thông tin điện tử của HUFI (trên website HUFI, website <https://sinhvien.hufi.edu.vn/>) [H17.17.02.03]. Hoạt động hỗ trợ phục vụ người học như quyết định chi tiền hỗ trợ sinh viên [H17.17.02.04].

Ngoài những hoạt động chính sách hỗ trợ sinh viên thì Trường cũng hoàn thiện các hệ thống giám sát NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Hàng năm xây dựng bảng tiến độ đào tạo sinh viên theo tiến độ; Kết quả đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên; QĐ khen thưởng năm học cho người học; Quyết định chi tiền học bổng KKHT cho sinh viên [H17.17.02.05]:

Bảng 17.2. Bảng tổng hợp những hoạt động chính sách hỗ trợ sinh viên

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Trợ cấp khó khăn				
Khen thưởng năm học				
Điểm rèn luyện				
Học bổng KKHT				

Một trong những hoạt động quan trọng để nâng cao chất lượng phục vụ là công tác khảo sát sự hài lòng của NH đối với các hoạt động phục vụ. Công tác khảo sát của Nhà trường có sự thay đổi, phát triển cả về chất lượng và số lượng khảo sát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát NH như kết quả công nhận các tổ chức hoạt động ngoại khóa của SV (điểm công nhận CTXH) và ý kiến của người học về các hoạt động phục vụ (BB tổ chức đối thoại sinh viên) [H17.17.02.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được rà soát.

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM xây dựng và thể hiện ngay trong

quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, có sự điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp yêu cầu thực tế [H17.17.03.01].

Đối với CB, VC, NLD, được nhà trường hỗ trợ, tạo điều kiện để có thể học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Sự hỗ trợ này được thể hiện bằng văn bản, quy định về việc đào tạo, bồi dưỡng CC, VC và NLD của Trường ĐH CNTP TP.HCM, các quy định này có sự điều chỉnh, cập nhật theo từng năm. [H17.17.03.02]

Song song các quy định về chế độ, điều kiện, quyền và trách nhiệm.... của CB, VC, NLD tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thì việc hỗ trợ tài chính đóng vai trò quan trọng. Các quy định tài chính liên quan đến việc đào tạo, bồi dưỡng CC, VC và NLD được thể hiện rõ trong quy chế CTNB qua từng năm. [H17.17.03.02]

Đối với sinh viên, hoạt động phục vụ và hỗ trợ cũng như hệ thống giám sát được quy định ngay từ Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, đến các quy định cụ thể hơn như quy chế thi, kiểm tra, đánh giá kết quả, nội dung xét cảnh báo học vụ, các nội dung này đều được cập nhật, thể hiện trong sổ tay học sinh sinh viên các năm học. [H17.17.03.03].

Cùng với các quy định chung, nhà trường còn ban hành các quy định cụ thể như: Quy định học bổng, khuyến khích học tập sinh viên; Quy định đánh giá điểm rèn luyện/CTXH hoạt động ngoại khóa; Quy định/thông báo hỗ trợ vay vốn học tập. Các quy định này được cập nhật, phổ biến, giải thích đến từng sinh viên qua hoạt động thường niên là các buổi sinh hoạt đầu khoá, giữa khoá và cuối khoá. Để các động hỗ trợ người học được gần, sát với sinh viên nhà trường còn tổ chức cơ chế cán bộ lớp và cố vấn học tập tại từng lớp, từng khoa và định kỳ tổ chức các buổi tập huấn đội ngũ cố vấn -BCS lớp. Định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ trao đổi lắng nghe các ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của người học... làm cơ sở cải tiến, nâng cao các hoạt động hỗ trợ NH. [H17.17.03.04].

Một trong những hoạt động thiết thực được nhiều sinh viên, doanh nghiệp đánh giá cao, góp phần nâng cao chất lượng đầu ra của nhà trường là các hoạt động huấn luyện, đào tạo KNM cho sinh viên kết hợp với các hoạt động hỗ trợ sinh viên toàn diện như: hỗ trợ tìm kiếm chỗ thực tập, kiến tập, tham quan thực tế; hỗ trợ giới thiệu tìm kiếm việc làm; tư vấn tâm lý, sinh lý, hỗ trợ định hướng sinh viên giải quyết các vấn đề khó khăn gặp phải... Tổ chức các chương trình giao lưu doanh nghiệp hỗ trợ người học: tư vấn định hướng nghề nghiệp, thực tập, việc làm,...; Hoạt động đào tạo hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên hàng năm Nhà trường đều dành

các khoản kinh phí thực hiện các hoạt động này hỗ trợ người học. [H17.17.03.05].

Hoạt động hỗ trợ sinh viên trong công tác NCKH cũng là một trong những nhiệm vụ thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện trong nhà trường. [H17.17.03.06].

Các hoạt động hỗ trợ NH trong quá trình triển khai được tổng kết, đánh giá khách quan, cụ thể từ từng đến vị đến toàn trường, làm cơ sở đề ra phương hướng nhiệm vụ năm học. [H17.17.03.07]

Việc đánh giá kết quả hoạt động hỗ trợ NH còn được thể hiện qua kết quả đánh giá điểm rèn luyện/CTXH hoạt động ngoại khóa SV trong từng học kỳ năm học; kết quả đánh giá triển khai hoạt động thông qua các buổi đối thoại SV (Số buổi, số lượng câu hỏi, giải đáp đến SV cải tiến,...) [H17.17.03.08]

Hiệu quả từ việc triển khai các hoạt động đào tạo KNM và hỗ trợ sinh viên, được thể hiện qua các kết quả: Kết quả đánh giá hoạt động đào tạo KNM (số lớp, số sinh viên, số lượng xét cấp chứng chỉ KNM; Kết quả hợp tác doanh nghiệp (Số lượng DN hợp tác, các chương trình triển khai, ...; Báo cáo kết quả hỗ trợ việc làm cho SV (Số lượng vị trí việc làm, thực tập; hỗ trợ được bao nhiêu sinh viên có việc làm,...; Kết quả triển khai kế hoạch tổ chức các hoạt động hỗ trợ sinh viên (Số lượng chương trình, hoạt động hỗ trợ sinh viên, số kinh viên tham gia các chương trình, đánh giá các chương trình, kinh phí hoạt động) [H17.17.03.09]

Trong quá trình kiểm tra, đánh giá các hoạt động hỗ trợ người học, các đơn vị chuyên môn sẽ căn cứ vào kết quả học tập, rèn luyện của SV để xử lý học vụ theo quy chế biện hành [H17.17.03.10]

Người học còn được hỗ trợ trong các các hoạt động NCKH và hoạt động này định kỳ được đánh giá, tổng kết làm cơ sở khen thưởng, động viên các cá nhân có thành tích tốt. [H17.17.03.11]

Mỗi năm học, nhà trường đều có các phần thưởng động viên, khuyến khích những SV thành tích cao trong học tập và xét tuyển đầu vào tuyển sinh có điểm cao. [H17.17.03.12]

Với sứ mệnh giá trị cốt lõi Đoàn kết – Nhân văn, thực hiện cam kết tạo mọi điều kiện cho người học không phân biệt giàu nghèo trúng tuyển vào HUFI đều được tạo mọi điều kiện học tập có cơ hội học tập tại HUFI, Công tác hỗ trợ sinh viên được thể hiện qua chính sách hỗ trợ sinh viên được duy trì thường niên qua các năm như: học bổng cho những SV có thành tích học tập tốt và miễn giảm học phí cho những SV thuộc diện chính sách, gia đình khó khăn,... [H17.17.03.13]

Bộ phận Hỗ trợ sinh viên, trực thuộc trung tâm TS&TT và phòng CTSV&TTGD là 02 đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động hỗ trợ người học; nhiều hoạt động đã được thực hiện cải tiến thường xuyên các hoạt động từ các bên liên quan như: Tọa đàm “Xây dựng cơ chế thực tập, kiến tập và việc làm dành cho sinh viên Hufi”, Tổ chức tọa đàm “Sinh viên cần gì ở lớp Kỹ năng”; Tọa đàm “Đổi mới chương trình tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, giữa khóa và cuối khóa của HUFi”, các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo KNM, xây dựng cổng website việc làm kết nối thuận tiện giữa Nhà trường DN với SV hỗ trợ việc làm thực tập cho sinh viên. [H17.17.03.14]

Các hoạt động hỗ trợ NH được các sinh viên đánh giá cao, Bộ phận HTSV và các đơn vị liên quan trong việc thực hiện các công tác phục vụ và hỗ trợ NH hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được lãnh đạo nhà trường, tập thể công nhận và ghi nhận thông qua kết quả đánh giá năm học bình xét thi đua và đánh giá của người học trong từng học kỳ năm học [H17.03.03.15]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được nhà trường thực hiện, cụ thể các hoạt động: xét học bổng khuyến khích học tập, hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí và khuyến khích học cho sinh viên chính quy, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên, học sinh hệ chính quy, khen thưởng và kỉ luật sinh viên, học viên. [H17.17.04.01].

Trong những năm qua, các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được nhà trường cải tiến, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình thực hiện công việc, tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên thể hiện ý kiến, đóng góp vào việc xây dựng các quy định, chính sách hỗ trợ người học: xây dựng cổng thông tin sinh viên, các câu hỏi thường gặp của SV được hỗ trợ giải đáp học vụ trực tiếp trên cổng thôn tin, thành lập hộp thư giải đáp thắc mắc tư vấn học vụ NH, mỗi SV được cấp 01 tài khoản online; các mẫu đăng ký xác nhận HSSV được thực hiện online; các hoạt động khác cũng được thực hiện trực tuyến như sinh viên tạo hồ sơ tìm việc - đăng tuyển, ứng tuyển việc làm, thực tập, tra cứu kết quả học tập của SV, các thông báo, việc quản lí điểm rèn luyện/CTXH của SV, quản lý điểm KNM, quản lý phần mềm đào tạo. [H17.17.04.02].

Các hoạt động và kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học về hoạt

động phục vụ và hỗ trợ người học, hệ thống giám sát người học được thực hiện online trên nền tảng các ứng dụng CNTT. [H17.17.04.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Nhà trường luôn quan tâm, hỗ trợ người học với những quy định cụ thể cho các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH; có cơ cấu tổ chức, nhân sự chuyên trách, có đội ngũ cộng tác viên nhiệt tình, tâm huyết; Nhà trường luôn quan tâm, hỗ trợ người học được tốt nhất.

2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được nhà trường cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

3. Hệ thống giám sát NH được nhà trường cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

4. Định kỳ Nhà trường đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH từ đó đề ra phương hướng và giải pháp mới.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Việc luân chuyển cán bộ dẫn đến tình trạng một số cán bộ chưa được tập huấn, chưa có kỹ năng giải quyết vấn đề, thực hiện công việc còn độc lập.

2. Kinh phí cho hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH chưa phù hợp với quy mô của các chương trình hoạt động và sự phát triển của Trường.

3. Nhiều hoạt động hỗ trợ người học còn chưa thật sự sâu sát với nhu cầu của NH.

4. Việc giám sát NH đôi lúc còn mang tính hình thức.

5. Nhiều hoạt động hỗ trợ NH do thiếu kinh phí nên chất lượng chưa cao như kỳ vọng.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn	Thường xuyên mở các lớp kỹ năng bồi dưỡng cho CBCNV	BGH và các phòng	2021 – 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	tại 1	phụ trách công tác hỗ trợ người học	ban có liên quan		
2	Khắc phục tồn tại 2	Tìm kiếm thêm các nguồn tài trợ			
3	Khắc phục tồn tại 3	Tăng cường nhiều hoạt động hỗ trợ người học, tăng nguồn kinh phí hỗ trợ người học gặp khó khăn.	BGH P.CTSV & TTGD	2021 – 2022	
4	Khắc phục tồn tại 4	Xây dựng kế hoạch giám sát người dạy và học theo tình hình thực tế			
5	Phát huy điểm mạnh 1	Đánh giá, cải tiến các chương trình đang thực hiện một cách phong phú và đa dạng hơn.	Các đơn vị có liên quan	2021 – 2022	
6		Nghiên cứu đa dạng các chương trình hoạt động.			
7	Phát huy điểm mạnh 2	Nghiên cứu đa dạng các chương trình hoạt động	Các đơn vị có liên quan	2021 – 2022	
8	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục xây dựng hệ thống quản lý, giám sát, nâng cao chất lượng phục vụ để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan			
9	Phát huy điểm mạnh 4	Đánh giá, cải tiến các chương trình đang thực hiện và nghiên cứu đa dạng các chương trình hoạt động	Các phòng ban có liên quan	2021 – 2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 17	5.00

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 17.1	5
Tiêu chí 17.2	5
Tiêu chí 17.3	5
Tiêu chí 17.4	5

Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM (HUFI) xác định là một trường đại học thực hiện đào tạo và NCKH theo định hướng ứng dụng. Đặc biệt quan tâm đến hoạt động NCKH, ứng dụng, thực hành và chuyển giao công nghệ. Căn cứ chiến lược phát triển nhà trường, nhà trường triển khai kế hoạch hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, trên cơ sở nghiên cứu ứng dụng nhằm đưa nhanh các thành tựu của khoa học và công nghệ vào giảng dạy và nghiên cứu. Qua đó xây dựng, phát triển mạnh số lượng và chất lượng công tác thực hành, thí nghiệm cho người học, đáp ứng yêu cầu của công việc thực tế ngay sau khi người học tốt nghiệp [H18.18.01.02].

Nhiệm vụ khoa học công nghệ luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao uy tín, vị thế của Nhà trường. Vì vậy, chính sách, cơ chế chỉ đạo thực hiện, giám sát các hoạt động nghiên cứu của nhà trường được xác định rõ trong tầm nhìn, sứ mạng phát triển trường [H18.18.01.01] và được thể hiện trong chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của HUFI. Ngày 29/09/2016 Hiệu trưởng nhà trường đã ký Quyết định 1488/DCT thành lập Phòng QKKH&ĐTSDH trên cơ sở ban đầu là Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm và chuyển giao công nghệ về thực phẩm; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của phòng [H18.18.01.03], [H18.18.01.04]. Phòng QLKH&ĐTSDH trực tiếp tham mưu cho BGH ban hành các kế hoạch khoa học công nghệ của Nhà trường hàng năm và các giai đoạn đã cụ thể hóa các chỉ tiêu cần đạt và lộ trình thực hiện theo từng năm về khoa học công nghệ của Nhà trường cho phù hợp với tình hình thực tiễn từng thời điểm. Kết quả xây dựng và triển khai hoạt động khoa học công nghệ của Trường được nêu cụ thể trong các báo cáo như: báo cáo hoạt động khoa học công nghệ hằng

năm, báo cáo hoạt động khoa học công nghệ 5 năm [H18.18.01.06].

Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ [H18.18.01.05], trong đó quy định về công tác quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động nghiên cứu, quy định về khối lượng NCKH hằng năm theo quy định của nhà trường cho viên chức, giảng viên. Văn bản này được xây dựng và triển khai thực hiện căn cứ vào các văn bản pháp lý như: Luật Khoa học công nghệ; Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Chuyển giao công nghệ; Các văn bản dưới luật; Các quyết định, quy định về Quy định hoạt động khoa học công nghệ của Bộ Công Thương.

Trên cơ sở đó, cuối mỗi năm học Phòng QLKH&ĐTSĐH sẽ ra thông báo triển khai về việc kê khai khối lượng giờ nghiên cứu khoa học cho giảng viên toàn trường [H18.18.01.10]. Căn cứ vào Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ [H18.18.01.07], Quy định về tiêu chuẩn, chế độ làm việc và nghỉ ngơi đối với viên chức và người lao động [H18.18.01.08], các Khoa sẽ triển khai việc kê khai giờ nghiên cứu khoa học cho giảng viên đơn vị mình. Trên cơ sở việc kê khai đó, sau khi thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động kê khai Phòng QLKH&ĐTSĐH tổng hợp giờ nghiên cứu khoa học toàn trường và trình Ban giám hiệu ký duyệt công nhận giờ nghiên cứu khoa học toàn trường năm học đó.

Bên cạnh đó, Quy chế này [H18.18.01.07] còn quy định chi tiết cụ thể các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ như: Quy định hoạt động KH&CN và giờ NCKH của giảng viên; Quy định về thực hiện và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, viên chức và sinh viên các cấp; Quy định hoạt động sáng kiến kinh nghiệm và quy định về tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học; Quy định về ứng dụng các sản phẩm khoa học công nghệ; Quy định về sáng kiến, quản lý dự án, đề án các cấp...và quy định về khen thưởng, kỉ luật trong nghiên cứu khoa học.

Trên cơ sở quy định của Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ [H18.18.01.07], Phòng QLKH&ĐTSĐH triển khai quy trình xây dựng kế hoạch KHCN hàng năm của Trường như sau: Căn cứ vào Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Bộ Công Thương, chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của HUFI, các văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương, Bộ KHCN, Báo cáo đánh giá hoạt động KHCN hàng năm (5 năm) [H18.18.01.06], kế hoạch KHCN của Trường [H18.18.01.11], Phòng gửi các thông báo đăng ký tới tất cả các đơn vị có liên quan để thông báo về việc triển khai đề tài NCKH, triển khai đăng kí sáng kiến kinh nghiệm, triển khai đề án/dự án [H18.18.01.12].... Trên cơ sở những thông báo này, các đơn vị, cá nhân xây dựng và đề xuất các đề tài/dự án/sáng kiến kinh nghiệm phù

hợp với chuyên môn và lĩnh vực quan tâm. Phòng QLKH&ĐTSDH tổng hợp đăng kí của các đơn vị, tiến hành các thủ tục liên quan và trình Hiệu trưởng phê duyệt. Đối với các đề tài cấp Bộ/Tỉnh/Thành phố trở lên, việc phê duyệt và giao đề tài sẽ do Bộ phê duyệt. Sau khi các nhiệm vụ KHCN được phê duyệt, Nhà trường chủ động triển khai đến các đơn vị và cá nhân. Trên cơ sở đó, trường quản lý, triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học của viên chức, sinh viên, hội thảo, hội nghị, giáo trình, tập bài giảng, đề tài, dự án, đề án các cấp...hàng năm theo kế hoạch này, dựa trên căn cứ vào các quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ [H18.18.01.07] và các quy định của Bộ Công Thương, Bộ KHCN.

Để thực hiện, triển khai các kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm của trường được hiệu quả, căn cứ vào Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ [H18.18.01.13] cùng với Quy chế chi tiêu nội bộ của trường [H18.18.01.14], Quy định về tiêu chuẩn, chế độ làm việc và nghỉ ngơi đối với viên chức và người lao động [H18.18.01.15], Dự toán thu chi hàng năm [H18.18.01.17]; Tiêu chuẩn xét chọn đề tài cấp Trường được quy định trong Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ [H18.18.01.07] các đơn vị quản lý khoa học và nghiên cứu khoa học dự toán kinh phí cho hoạt động quản lý và nghiên cứu khoa học hàng năm để trình Hiệu trưởng. Trên cơ sở quy định của các văn bản trên và dự toán kinh phí của phòng QLKH&ĐTSDH, Phòng kế hoạch tài chính tư vấn và trình Hiệu trưởng quyết định phân bổ giao kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm [H18.18.01.16].

Các tiêu chí đánh giá số lượng chất lượng nghiên cứu khoa học được nhà trường Quy định trong Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ [H18.18.01.18]. Theo đó, các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp sẽ được các hội đồng chuyên môn đánh giá chất lượng nghiên cứu thông qua các phiếu đánh giá, nhận xét về kết quả nghiên cứu của đề tài[H18.18.01.19].

Để theo dõi, giám sát đánh giá chất lượng nghiên cứu khoa học được hiệu quả, trường phân công cho Phòng QLKH&ĐTSDH là đơn vị chuyên trách và đầu mối thực hiện hoạt động này[H18.18.01.20]. Phòng QLĐTSDH có trưởng phòng phụ trách chung và điều hành tổng thể, 01 phó trưởng phòng phụ trách, điều hành mảng quản lý khoa học và 3 chuyên viên trực tiếp thực hiện triển khai các nhiệm vụ thuộc mảng quản lý khoa học [H18.18.01.21].

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, Phòng QLĐTSDH thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ KHCN định kỳ hàng năm, kiểm tra công tác KHCN tại các đơn vị KHCN trong Trường và báo cáo kịp thời lên BGH.

Bên cạnh đó, hàng năm, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị CNVC trong đó có nội dung Khoa học - Công nghệ để tổng kết các hoạt động KHCN trong toàn Trường bao gồm các đề tài/dự án cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp trường, hoạt động NCKH của SV, bài báo khoa học đăng tạp chí, hội nghị, hội thảo khoa học... từ đó chỉ ra những mặt mạnh, những tồn tại và nguyên nhân để tìm ra biện pháp khắc phục nhằm cải thiện chất lượng các hoạt động KHCN phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng phát triển của Trường [18.01.01.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

HUFI là trường đại học theo mô hình tự chủ, vì vậy nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động KHCN trong Trường chủ yếu từ nguồn thu học phí và các nguồn thu hợp pháp khác.

Hàng năm, Nhà trường dành nguồn kinh phí đáng kể cho hoạt động NCKH. Vào đầu năm học, các đơn vị xây dựng kế hoạch KHCN cho năm học mới. Trên cơ sở tổng nguồn thu dự kiến và các quy chế như Quyết định về tổ chức và hoạt động của Trường [H18.18.02.01]; Quy định về tiêu chuẩn, chế độ làm việc và nghỉ ngơi đối với viên chức và người lao động thuộc Trường [H18.18.02.02]; Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ [H18.18.02.03] và kế hoạch thu chi tài chính hằng năm của Nhà trường [H18.18.02.04] cũng như các quy định khác. Phòng KHTC tổng hợp, tính toán, cân đối chặt chẽ lập dự toán kinh phí năm học [H18.18.02.05] trong đó có nguồn kinh phí phục vụ hoạt động nghiên cứu KH&CN và trình Lãnh đạo phê duyệt để thực hiện.

Bên cạnh nguồn kinh phí dành cho hoạt động KHCN hàng năm, Nhà trường còn có chiến lược tìm nguồn kinh phí ngoài Trường cho hoạt động này như kinh phí từ nguồn tài trợ vốn của các dự án trong và ngoài nước; Kinh phí từ nguồn ngân sách hỗ trợ thực hiện đề tài NCKH các cấp Bộ, Nhà nước, Sở KHCN; Kinh phí được cấp từ các công ty, doanh nghiệp cho các đề tài thực hiện; ... [H18.18.02.06].

Để xây dựng, thiết lập các nhóm nghiên cứu nhà trường đã thành lập và xây dựng Quy chế hoạt động của Nhóm nghiên cứu [H18.18.02.07]. Các nhóm nghiên cứu có chức năng tập hợp, đoàn kết đội ngũ viên chức làm nghiên cứu khoa học trong Nhà trường; là cầu nối giữa các nhà khoa học HUFI với cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp để trao đổi kinh nghiệm, cung cấp thông tin, nâng cao tri thức, hợp tác liên kết, thực hiện các chương trình, đề án, dự án nghiên cứu, sản xuất thử

nghiệm... góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của Nhà trường, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào đời sống. Căn cứ vào quy định hiện hành và thực tế các lĩnh vực nghiên cứu đào tạo của nhà trường, hiện nay nhà trường có 7 nhóm nghiên cứu sau: Nhóm nghiên cứu Ứng dụng vật liệu mới trong Kỹ thuật Môi trường; Nhóm nghiên cứu Điện tử công suất và điều khiển máy điện (PEMC); Nhóm nghiên cứu Truy vấn ảnh theo tiếp cận ngữ nghĩa; Nhóm nghiên cứu Chỉ thị sinh học chẩn đoán ung thư; Nhóm nghiên cứu Công nghệ Sinh học; Nhóm nghiên cứu Quang lượng tử; Nhóm nghiên cứu và ứng dụng dựa trên khoa học dữ liệu [H18.18.02.08].

Bên cạnh đó để thu hút viên chức, giảng viên và người học tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, nhà trường đã có những chính sách hỗ trợ tài chính được quy định cụ thể tại Quy chế chi tiêu nội bộ [H18.18.02.17] và khen thưởng kịp thời cho các hoạt động nghiên cứu có kết quả [H18.18.02.12] [H18.18.02.13]. Đặc biệt với những nghiên cứu chất lượng được đánh giá cao thông qua ứng dụng thực tế hoặc những công trình nghiên cứu đạt giải thưởng.

Nhà trường đã tiến hành triển khai hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đối với một số doanh nghiệp và có những hoạt động nghiên cứu hợp tác, phối hợp với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước như các Viện nghiên cứu, các trường, các tổ chức khoa học của nhà nước [H18.18.02.14] [H18.18.02.15] [H18.18.02.16].

Trên cơ sở kế hoạch công tác hàng năm của Nhà trường, Phòng QLKH&ĐTSDH tổng hợp và ban hành, triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ cho toàn trường. Căn cứ vào đó, các các đơn vị thuộc và trực thuộc trường sẽ triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ của đơn vị mình theo đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng. Kết thúc hoạt động và cuối năm các đơn vị sẽ gửi báo cáo hoạt động khoa học công nghệ về Phòng QLĐTSDH. Phòng QLKH&ĐTSDH sẽ xây dựng báo cáo tổng thể hoạt động khoa học công nghệ hàng năm/giai đoạn của trường trình Ban giám hiệu [H18.18.02.12] [H18.18.02.13].

Để triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học theo đúng kế hoạch đã đề ra, trên cơ sở Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ [H18.18.02.09], Quy chế chi tiêu nội bộ [H18.18.02.17], Phòng QLKH&ĐTSDH ra thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học các cấp [H18.18.02.18] và các đơn vị, cá nhân đăng ký tham ra. Sau đó Phòng QLKH&ĐTSDH, Phòng kế hoạch tài chính và hội đồng xét duyệt tham mưu đề xuất để Ban giám hiệu nhà trường xét duyệt kinh phí nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động nghiên cứu khoa học của trường được tổ chức thực hiện

theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến độ được giao [H18.18.02.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Các chỉ số đánh giá về nghiên cứu của HUFI được xác định trong Kế hoạch phát triển Nhà trường hằng năm và theo giai đoạn, trong đó có kế hoạch phát triển KH&CN [H18.18.03..01] [H18.18.03.02] thông qua: Số bài báo quốc tế, bài báo khoa học trong nước; đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của sinh viên và giảng viên, viên chức nhà trường, các hội thảo khoa học...

Số lượng và chất lượng nghiên cứu của HUFI được đánh giá thông qua các chỉ số ngày càng tăng sau đây: Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao KHCN; Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ; Số lượng sách của nhà trường được xuất bản; Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong nước và quốc tế; Số lượng báo cáo khoa học do giảng cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong và ngoài nước; Số bằng phát minh, sáng chế được cấp; Thành tích NCKH của SV; Số lượng giảng viên cơ hữu của nhà trường tham gia các hoạt động KHCN [H18.18.03.04] [H18.18.03.05] [H18.18.03.06].

Các chỉ số về hoạt động KHCN được thể hiện rõ trong các kế hoạch về KHCN qua các giai đoạn và được chi tiết hóa trong kế hoạch hàng năm của các Khoa/Viện và của Phòng QLKH&ĐTSĐH [H18.18.03.03]. Trong giai đoạn từ 2015 đến 2020, số lượng đề tài nghiên cứu hàng năm đều tăng đáng kể và nhiều công bố quốc tế có giá trị khoa học và ứng dụng [H18.18.03.04] [H18.18.03.05] [H18.18.03.06]. Hoạt động NCKH đã góp phần nâng cao uy tín của đội ngũ cán bộ, giảng viên cũng như khẳng định được vai trò và vị trí của HUFI trong cả nước.

Ngoài công tác giảng dạy, nhiệm vụ của giảng viên là NCKH. Nhiệm vụ này được thể chế hóa trong quy định về chế độ làm việc đối với GV; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ [H18.18.03.08] [H18.18.03.09] [H18.18.03.10]; trong đó hướng dẫn lập cụ thể dự toán và quyết toán đề tài NCKH cấp Trường; các quy trình và tiêu chuẩn xét chọn đề tài cấp Trường. Nhờ vậy số lượng đề tài NCKH của các giảng viên tăng hàng năm và phần lớn các đề tài, dự án đã đăng ký đều được thực hiện và nghiệm thu đúng kế hoạch.

Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế ngày càng tăng trong 5 năm qua và phù hợp với định hướng nghiên cứu ứng dụng

của Nhà trường [H18.18.03.04]. Bên cạnh đó, số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của Nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu cũng tăng trong 5 năm gần đây. Đặc biệt, trong vòng năm năm trở lại đây, nhiều cán bộ, giảng viên của Trường đã có nhiều thành tích NCKH và được xét phong học hàm học vị. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

Ngoài các hoạt động KHCN của cán bộ, giảng viên, sinh viên HUFI cũng đã lập nhiều thành tích ấn tượng trong hoạt động NCKH: Đạt 1 giải nhì, 2 giải ba toàn quốc về Giải thưởng sinh viên NCKH cấp Bộ; đạt nhiều giải nhất, nhì, ba, khuyến khích Giải thưởng sinh viên NCKH – Euréka hàng năm [H18.18.03.04] [H18.18.03.07].

Định kỳ hàng năm Phòng QLKH&ĐTSĐH thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện các chỉ số đánh giá thực hiện công việc làm căn cứ đề xuất, điều chỉnh các kế hoạch KHCN cho từng năm và từng giai đoạn [H18.18.03.11] [H18.18.03.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.

Để đạt được yêu cầu về phát triển KH&CN đã được xây dựng trong các nghị quyết, các kế hoạch đã đặt ra. Nhà trường tiến hành rà soát tiến độ, rà soát các chỉ tiêu đề ra qua từng giai đoạn, từng năm học thông qua các báo cáo tổng kết công tác. Sau mỗi giai đoạn phát triển 5 năm, cuối mỗi năm học P.QLKH&ĐTSĐH và các Khoa/Viện tiến hành tổng kết công tác KHCN đã đạt được, đối sánh với các chỉ số đã đề ra trong kế hoạch, từ đó có các biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.

Công tác quản lý nghiên cứu được lấy ý kiến khảo sát theo quy trình giữa các bên liên quan thông qua cơ sở dữ liệu về đánh giá, phản hồi của các bên liên quan đối với công tác nghiên cứu khoa học [H18.18.04.01] [H18.18.04.02].

Để đạt được chất lượng thực hiện kế hoạch khoa học công nghệ, nhà trường tiến hành rà soát tiến độ, các chỉ tiêu đề ra theo từng năm, từng giai đoạn thông qua các báo cáo tổng kết công tác. Sau mỗi năm học, mỗi giai đoạn P.QLKH&ĐTSĐH và các đơn vị trong trường tiến hành tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học, chỉ ra những điểm tồn tại bên cạnh các kết quả đạt được, đối sánh các chỉ số đã đề ra trong kế hoạch từ đó có các biện pháp khả thi để nâng cao chất lượng nghiên cứu [H18.18.04.03] [H18.18.04.04] [H18.18.04.05] [H18.18.04.06].

Trên cơ sở phân tích những vấn đề trong quá trình rà soát, hệ thống quản lý nghiên cứu của Trường đã được cải tiến để hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Nhà trường đề ra, bao gồm:

Cải tiến nghiên cứu khoa học của giảng viên thông qua việc chuẩn hóa các quy trình, biểu mẫu [18.04.01.01]; tăng định mức kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học; cải tiến công tác hành chính; hướng dẫn lập dự toán và quyết toán đề tài NCKH cấp trường; đưa ra tiêu chuẩn xét chọn đề tài cấp trường rõ ràng; liên hệ thương xuyên với các chủ nhiệm đề tài để phối hợp trao đổi giải quyết những vướng mắc khó khăn và đôn đốc tiến độ thực hiện đề tài. Đồng thời tổ chức hội đồng nghiệm thu các cấp nghiêm túc, đưa ra phản biện, góp ý đề tài để đề tài được chỉnh sửa hoàn thiện; liên tục cập nhật phổ biến thông tin, triển khai đăng kí đề tài, dự án các cấp Bộ, nhà nước cho giảng viên viên chức trong trường (nếu có).

Cải tiến nghiên cứu khoa học của sinh viên: hệ thống hóa các quy định và hướng dẫn, đôn đốc, theo sát sinh viên trong quá trình thực hiện triển khai đề tài. Cải tiến công tác tổ chức nhân sự, P.QLQLKH&ĐTSDH đã phân công một chuyên viên phụ trách mảng nghiên cứu khoa học của sinh viên, thực hiện tổ chức giám sát, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên. Mỗi một khoa, trung tâm cũng có một chuyên viên phụ trách về nghiên cứu khoa học của sinh viên [H18.18.01.03] [H18.18.01.04]. Bên cạnh đó, Đoàn trường và Phòng Công tác sinh viên & Thanh tra giáo dục cũng tích cực phối hợp các hoạt động phong trào thúc đẩy nghiên cứu khoa học sinh viên phát triển, khen thưởng tuyên dương những sinh viên có thành tích trong hoạt động nghiên cứu khoa học các cấp [H18.18.04.04] [H18.18.04.05] [H18.18.04.06].

Từng bước tin học hóa hệ thống quản lý KHCN, bằng việc xây dựng và ứng dụng phần mềm quản lý khoa học vào công tác quản lý khoa học và công nghệ của nhà trường [H18.18.04.06] [H18.18.04.09].

Tạp chí Khoa học Công nghệ Thực phẩm của Trường đã có những cải tiến về quy trình phản biện để từng bước nâng cao chất lượng tạp chí. Tạp chí đã được tính điểm công trình theo quy định của Hội đồng chức danh Giáo sư [H18.18.04.03].

Trên cơ sở đó công tác nghiên cứu khoa học được đánh giá khá tốt về chất lượng: các đề tài nghiệm thu về cơ bản đều đạt yêu cầu ở các mức độ khá, xuất sắc [H18.18.04.03]; có những đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên chất lượng còn đạt giải thưởng các cấp, các sáng kiến khả dụng và chất lượng được đánh giá tốt và đưa vào áp dụng hàng năm [H18.18.04.04] [H18.18.04.05] [H18.18.04.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Nhà trường đã thiết lập được hệ thống chỉ đạo hoàn thiện từ trên xuống dưới; công tác điều hành, quản lý KHCN được đẩy mạnh và tăng cường đem lại những kết quả tốt trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trong những năm qua. Bên cạnh đó, công tác giám sát, rà soát các hoạt động NCKH được chú trọng góp phần vào thành tích chung của hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

2. Trong thời gian qua, Nhà trường có chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao vào làm việc tại Trường. Trong đó chất lượng cán bộ làm công tác nghiên cứu không ngừng được nâng cao và đáp ứng được nhu cầu về nghiên cứu khoa học được đặt ra trong thực tế hiện nay.

3. HUFI là trường đại học theo mô hình tự chủ, vì vậy Nhà trường có thể chủ động và linh hoạt trong việc cân đối nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động KHCN. Trong những năm qua, được sự quan tâm sâu sát của lãnh đạo Nhà trường, Trường đã cố gắng dành nguồn kinh phí đáng kể cho hoạt động NCKH.

4. Trường chủ động liên kết, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ để tạo ra nguồn thu từ hoạt động này.

5. Hàng năm Nhà trường đều phân tích, đánh giá các chỉ số thực hiện công việc NCKH theo kế hoạch đã đề ra, để có căn cứ đề xuất, xây dựng kế hoạch phát triển KHCN những năm tiếp theo.

6. Công tác quản lý khoa học được đánh giá tốt.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Hiện nay HUFI đang gặp khó khăn về các cơ chế và chính sách mang tính đột phá để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cũng như thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu.

2. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nghiên cứu khoa học còn thiếu, chưa theo kịp trình độ của các hoạt động nghiên cứu khoa học các nước trong khu vực, do đó rất cần sự hỗ trợ về chủ trương và kinh phí của Nhà nước để mua sắm thiết bị thí nghiệm hiện đại như một phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia phục vụ nghiên cứu, phát triển và chuyển giao.

3. Các công trình nghiên cứu, đặc biệt là các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, Tỉnh tương đối ít. Số công trình công bố trên các tạp chí khoa

học trong và ngoài nước còn ít, chưa tương xứng với tiềm lực của HUFI. Ngoài ra, HUFI cũng ít thực hiện tổ chức các hội nghị, hội thảo mang tầm quốc gia và quốc tế.

4. Mặc dù được Nhà trường dành một khoản kinh phí không nhỏ cho hoạt động KH&CN nhưng còn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế ngày càng tăng của các hoạt động này.

5. Cần mở rộng tìm kiếm nguồn kinh phí nhiều hơn nữa từ các tổ chức, doanh nghiệp để phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác, liên kết trong hoạt động khoa học và công nghệ.

6. Việc thực hiện phân tích, đánh giá các chỉ số còn làm thủ công nên mất nhiều thời gian, dữ liệu chưa mang tính đồng bộ cao.

7. Nhà trường chưa có các chỉ số để đánh giá và theo dõi hoạt động cho các nhóm nghiên cứu của Câu lạc bộ Nghiên cứu khoa học.

8. Việc triển khai lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Cần có cơ chế và chính sách mang tính đột phá để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.	BGH, các đơn vị liên quan	2021 - 2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Cần đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác nghiên cứu đặc biệt là nghiên cứu chuyên sâu. Xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm từ các dự án cấp từ kinh phí của Nhà nước, kinh phí tài trợ và liên kết với doanh nghiệp.			
3	Khắc phục tồn tại 3	Tiếp tục tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc Trường tham gia các khóa đào			

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		tạo nâng cao trình độ và chuyên môn, nghiệp vụ và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao về công tác tại Trường.			
4	Khắc phục tồn tại 4	Cần dành kinh phí nhiều hơn cho hoạt động khoa học và công nghệ.	BGH, các đơn vị liên quan	2021 - 2025	
5	Khắc phục tồn tại 5	Chủ động tìm các nguồn cấp, tài trợ kinh phí chi các hoạt động khoa học và công nghệ của trường.			
6	Khắc phục tồn tại 6	Cần xây dựng phần mềm quản lý khoa học và công nghệ để tổng hợp kịp thời, chính xác các tiêu chí đánh giá chất lượng NCKH, số lượng nghiên cứu để đánh giá mức độ đạt được các KPIs được chính xác và nhanh chóng .	BGH, P.QLKH &ĐTSĐH	2021 - 2025	
	Khắc phục tồn tại 7	Tổ chức Tọa đàm, hội thảo về “Nâng cao hiệu quả công tác quản lý khoa học”	BGH, P.QLKH &ĐTSĐH	2021 - 2025	
	Khắc phục tồn tại 8	Cần đẩy mạnh hoạt động lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan về công tác quản lý khoa học			
	Phát huy điểm mạnh 4	Cần phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công tác tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao.	BGH, các đơn vị liên quan	Thời gian tiếp theo	
	Phát huy	Cần phát huy tính chủ động,	BGH, các	Thời gian	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 5	sáng tạo trong phân tích, đánh giá các chỉ số thực hiện công việc NCKH.	đơn vị liên quan	tiếp theo	
	Phát huy điểm mạnh 6	Cần phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công tác quản lý nghiên cứu và phát kiến khoa học.	BGH, các đơn vị liên quan	Thời gian tiếp theo	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 18</i>	5.00
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	5
Tiêu chí 18.4	5

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.

Quản trị tài sản trí tuệ là một trong những hoạt động thiết yếu của Trường đại học. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học của Trường cần được quản lý và đăng ký sở hữu trí tuệ nhằm thiết lập quyền sở hữu và tiến tới thương mại hóa sản phẩm khoa học tạo ra nguồn thu cho Nhà trường. Bên cạnh các Quy định của Nhà nước và các Bộ, Ban, Ngành, Nhà trường đã tiến hành xây dựng Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của Trường [H19.19.01.01].

Hoạt động quản lý tài sản trí tuệ của Trường được phân công cho Phòng Quản lý khoa học và đào tạo sau đại học quản lý. Phòng có nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản trí tuệ của Trường [H19.19.01.02].

Trong Quy chế của Trường có quy định về quyền sở hữu và bảo vệ quyền sở hữu và phân chia tỷ lệ sở hữu cho các đối tượng sở hữu các sản phẩm từ kết quả nghiên cứu theo quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của Trường. [H19.19.01.03], [H19.19.01.04].

Trong quá trình thực hiện quản lý tài sản trí tuệ của Trường, Phòng Quản lý khoa học và Đào tạo sau đại học phối hợp với các đơn vị ngoài trường để đăng ký chứng nhận tài sản trí tuệ của Trường và hướng dẫn các đơn vị, cá nhân thuộc Trường thực hiện công việc đăng ký. [H19.19.01.05]. [H19.19.01.08].

Trong thời gian qua, các đề tài, dự án về nghiên cứu khoa học của Trường ngày càng tăng và có những đề tài/dự án phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. [H19.19.01.06]. Một số sản phẩm của các đề tài dự án đã được đăng ký chứng nhận giải pháp hữu ích và sở hữu trí tuệ. [H19.19.01.07]. Công tác này được nhân viên Phòng Quản lý khoa học và Đào tạo sau đại học thực hiện và thường xuyên liên hệ, thông tin với nhóm tác giả để hoàn thành công tác đăng ký. Nhà trường đã được cấp 01 giấy chứng nhận giải pháp hữu ích từ kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ. [H19.19.01.07] và 01 sản phẩm của đề tài cấp Thành phố đang đăng ký sở hữu trí tuệ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

Hệ thống đăng ký tài sản trí tuệ được triển khai như sau: Nhà trường thực hiện theo đúng các quy định của nhà nước theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Các tài sản trí tuệ phải được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật và đã được cấp giấy chứng nhận giải pháp hữu ích [H19.19.02.01]. Nhà trường cử cán bộ, viên chức tham gia các lớp tập huấn liên quan đến sở hữu trí tuệ và triển khai thực hiện các kế hoạch, báo cáo của các Bộ, Ban ngành về sở hữu trí tuệ.

Hệ thống lưu trữ tài sản trí tuệ được triển khai: Nhà trường thực hiện quản lý dữ liệu, hồ sơ và kết quả nghiên cứu của Trường. Đây là nguồn để phát hiện ra các sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ. [H19.19.02.02]. Kết quả đăng ký thành công bằng sở hữu trí tuệ, giải pháp hữu ích... được Phòng Quản lý khoa học và Đào tạo sau đại học lưu trữ hồ sơ.

Hệ thống khai thác tài sản trí tuệ được triển khai: Kết quả nghiên cứu của Trường bao gồm các ấn phẩm khoa học như: bài báo trong nước và quốc tế, tạp chí

khoa học của Trường, giải thưởng về KHCN... [(H19.19.02.03)].

Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của Trường có quy định rõ về thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ và khiếu nại về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. [(H19.19.02.04)].

Trong 5 năm qua, Nhà trường bước đầu xây dựng quy chế và tổ chức thực hiện đăng ký sở hữu trí tuệ, chưa có trường hợp vi phạm tài sản trí tuệ xảy ra và chưa có các thử nghiệm, sản xuất thử và thương mại hóa cũng như chưa có các hợp đồng thương mại hóa các tài sản trí tuệ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

Trong thời gian qua, Trường thường xuyên tổng kết các hoạt động quản lý khoa học định kỳ nhằm tổng kết, đánh giá các hoạt động khoa học công nghệ của Trường, trong đó có hoạt động về quản lý tài sản trí tuệ của Trường. [(H19.19.03.01)]. Hoạt động quản lý tài sản trí tuệ của Trường được thực hiện trong thời gian gần đây và đến năm 2019, Nhà trường đã ban hành Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của Trường. Trong kế hoạch phát triển sắp tới, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường nhằm tăng số lượng các bằng sáng chế, giải pháp hữu ích và các sản phẩm khác của Trường nhằm tạo điều kiện cho các nhóm tác giả có các quyền về sản phẩm khoa học của mình, tạo ra các sản phẩm có giá trị cao cho Nhà trường để thương mại hóa các sản phẩm khoa học.

- Bên cạnh công tác rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ theo định kỳ, hàng năm trong báo cáo tổng kết năm học [(H19.19.03.03)] và báo cáo tổng kết hoạt động khoa học 5 năm có tổng kết và đánh giá về hoạt động quản lý tài sản trí tuệ. [(H19.19.03.02)].

- Nhà trường thực hiện chế độ báo cáo các hoạt động liên quan đến quản lý tài sản trí tuệ do các Bộ, Ban ngành gửi về Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.

Năm 2018, Nhà trường thực hiện hồ sơ đăng ký hồ sơ cấp bằng giải pháp hữu ích và đã phối hợp với đơn vị tư vấn nộp hồ sơ và đăng ký thành công bằng giải pháp hữu ích. Trong thời gian này, Nhà trường đã cử các nhân viên theo học các lớp

về quản lý tài sản trí tuệ và đã được cấp giấy chứng nhận cho 2 chuyên viên. [19.19.04.01]. Ngoài ra, Nhà trường cử cán bộ, nhân viên tham gia các lớp tập huấn về quản lý tài sản trí tuệ. Năm 2019, Nhà trường ban hành quy chế quản trị tài sản trí tuệ của Trường là cơ sở pháp lý của Trường để triển khai thực hiện. [19.19.04.02].

Ngoài ra, để có cơ sở cho việc cải tiến chính sách quản lý, Phòng Quản lý khoa học và Đào tạo sau đại học thống kê, đánh giá dựa trên cơ sở dữ liệu sẵn có về các đề tài dự án hoặc thành tích khoa học công nghệ của các chủ nhiệm đề tài, từ đó cập nhật cơ sở dữ liệu. Phòng Quản lý Khoa học và Đào tạo sau đại học là đầu mối phụ trách cải tiến vẫn là chuyên viên theo dõi tài sản trí tuệ. Dựa trên cơ sở Cơ sở dữ liệu này, các chuyên viên sẽ tiến hành tổng hợp báo cáo các hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường, qua đó Phòng Quản lý khoa học và Đào tạo sau đại học cung cấp thông tin để lãnh đạo có chính sách cải tiến hoạt động quản lý tài sản trí tuệ hiệu quả. Trên cơ sở đó, Nhà trường đưa ra các biện pháp và tiến hành các cải tiến nhằm đẩy mạnh hoạt động này. Đồng thời, Trường cũng đã quan tâm đến việc xác lập tài sản trí tuệ phải song hành với hoạt động bảo vệ, khai thác hiệu quả những tài sản đã được xác nhận.

Tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp quy về sở hữu trí tuệ của Trường: Thường xuyên cập nhật Quy chế quản trị tài sản trí tuệ và Ban hành quy trình quản lý hoạt động tài sản trí tuệ của Trường.

Tiếp tục nâng cao kiến thức về sở hữu trí tuệ cho tất cả CB-GV-NV bằng cách tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức Hội nghị, Hội thảo. Tăng cường nhận thức của các nhóm tác giả nghiên

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19 1. Tóm tắt các điểm mạnh (i) Trường đã có quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức của cá nhân chủ nhiệm đề tài/dự án. Trường đã thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn về sáng chế và giao đơn vị đầu mối thực hiện ghi nhận và hỗ trợ các thủ tục để bảo vệ quyền SHTT. Trong 5 năm gần đây, Trường không có vụ việc nào liên quan đến vi phạm tiêu chuẩn năng lực và đạo đức về NCKH hoặc vi phạm quyền SHTT. (ii) Đã xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên trách về SHTT đảm nhận việc xây dựng, hướng dẫn các quy trình, thủ tục đăng ký bảo hộ quyền SHTT, CGCN và các 192 quy định về SHTT theo quy định của pháp luật. (iii) Trường đã triển khai hệ thống quản lý, kiểm soát và xây dựng các quy trình về công tác quản lý tài sản trí tuệ, có bộ phận theo dõi TSTT. (iv) Trường đã triển khai hệ thống quản lý, kiểm soát và có kế hoạch cụ thể cho công tác

quản lý tài sản trí tuệ. 2. Tóm tắt các điểm tồn tại (i).

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Có các quy định về quản trị tài sản trí tuệ của Trường và có bộ phận phụ trách quản lý.
2. Đã có sản phẩm đăng ký tài sản trí tuệ trong giai đoạn 5 năm.
3. Tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu và triển khai đăng ký tài sản trí tuệ.
4. Có thực hiện công tác rà soát và báo cáo, đánh giá hoạt động quản lý tài sản trí tuệ trong các báo cáo của Trường.
5. Đã có quy định cụ thể về tiêu chuẩn của cá nhân chủ nhiệm đề tài/dự án.
6. Đã có cải tiến về quản lý tài sản trí tuệ và giao đơn vị đầu mối thực hiện ghi nhận và hỗ trợ các thủ tục để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Công tác phát hiện, triển khai đăng ký các sản phẩm trí tuệ của Trường còn chậm.
2. Hệ thống quản lý các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu chưa được xác lập.
3. Hệ thống cơ sở dữ liệu chưa được xây dựng thành hệ thống và chưa khai thác triệt để các sản phẩm tài sản trí tuệ của Trường.
4. Công tác đánh giá chuyên đề, các báo cáo, hội thảo riêng về quản lý tài sản trí tuệ để cập nhật thông tin cho viên chức, giảng viên còn chậm.
5. Các sản phẩm được đăng ký quyền sở hữu trí tuệ còn hạn chế về số lượng.
6. Giảng viên chưa quan tâm đến việc đăng kí sở hữu trí tuệ.
7. Việc khai thác tài sản trí tuệ còn hạn chế do phạm vi và ứng dụng của nó.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
----	----------	----------	---------------------------------	--	---------

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường công tác phát hiện, triển khai đăng ký các sản phẩm trí tuệ của Trường.	P.QLKH &ĐTSDH	Thường xuyên	
2	Khắc phục tồn tại 2	Thiết lập kế hoạch được hệ thống quản lý các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu	P.QLKH &ĐTSDH	Thường xuyên	
3	Khắc phục tồn tại 3	Đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu thành hệ thống và khai thác triệt để các sản phẩm tài sản trí tuệ của Trường.	P QLKH & ĐTSDH	2021 - 2025	
4	Khắc phục tồn tại 4	Tăng cường công tác đánh giá chuyên đề, các báo cáo, hội thảo riêng về quản lý tài sản trí tuệ để cập nhật thông tin cho CBVC, GV.	P QLKH & ĐTSDH	Thường xuyên	
5	Phát huy điểm mạnh 1				
6	Phát huy điểm mạnh 2				

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 19</i>	5.00
Tiêu chí 19.1	5
Tiêu chí 19.2	5
Tiêu chí 19.3	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 19.4	5

Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

Quy định về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu:

Hợp tác về nghiên cứu khoa học là một trong những vấn đề thiết yếu của Trường Đại học. Công tác hợp tác về nghiên cứu khoa học được Nhà trường thực hiện theo đúng các quy định của Luật Giáo dục đại học 2012 [H20.20.01.01], Điều lệ trường đại học tại Quyết định 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ trong lĩnh vực hợp tác quốc tế [H20.20.01.02] và quy định của các Bộ, ngành liên quan, các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường.

HUFI là cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ Công Thương nên ngoài việc tuân thủ các quy định tại Luật Giáo dục đại học 2012, Điều lệ trường đại học tại Quyết định 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường hiện nay đều thực hiện thống nhất theo các quy định của Bộ Công Thương: Quyết định số 3800/QĐ-BCT ngày 12/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Quyết định ban hành quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Bộ Công Thương [H20.20.01.03]. Quy chế này quy định chặt chẽ các nguyên tắc hành chính đối với các đơn vị trực thuộc khi thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế trong Nhà trường, đặc biệt chú trọng vào công tác lập kế hoạch và báo cáo hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện đối với từng hoạt động hợp tác quốc tế.

Ngoài ra, công tác quản lý người nước ngoài đến làm việc và học tập tại trường được Nhà trường thực hiện nghiêm túc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H20.20.01.04].

Bên cạnh các Quy định của Nhà nước và các Bộ, Ban, Ngành, Nhà trường đã tiến hành xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H20.20.01.05], Quy định về trao đổi sinh viên của Trường [H20.20.01.06], Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ [H20.20.01.07] và Quy chế về hợp tác quốc tế của Trường [H20.20.01.08] quy định về quản lý các hoạt động về hợp tác thiết lập các mối quan

hệ hợp tác trong nghiên cứu của Trường.

- Chiến lược phát triển hợp tác và đối tác trong nghiên cứu

Chiến lược phát triển của nhà trường đến năm 2020: Quy định cụ thể nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên, gắn việc đào tạo cao học và nghiên cứu sinh với việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ. Có chính sách phù hợp để sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh tích cực tham gia nghiên cứu khoa học;

Nâng cao quy mô và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ trong các đơn vị, gắn kết chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, kinh doanh. Các khoa mũi nhọn phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học, nguồn thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất và dịch vụ đạt tối thiểu 30% tổng nguồn thu của nhà trường;

Xây dựng chiến lược hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực hợp tác quốc tế để tăng sức cạnh tranh của giáo dục trong nước nhằm thúc đẩy sự phát triển Đạt được thoả thuận về tương đương văn bằng, chương trình đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và trên thế giới; khuyến khích các hình thức liên kết đào tạo chất lượng cao, trao đổi giảng viên, chuyên gia với nước ngoài;

Khuyến khích giảng viên là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy tại HUFI; tăng số lượng lưu học sinh nước ngoài tại HUFI;

Khuyến khích du học tại chỗ; có cơ chế tư vấn và quản lý thích hợp để giúp sinh viên Việt Nam du học định hướng ngành nghề, lựa chọn trường và học tập có chất lượng, đạt hiệu quả cao. [H20.20.01.09], [H20.20.01.10].

Trong nghị quyết của Đảng ủy nhiệm kỳ 2019-2024 nêu rõ định hướng về hợp tác với các đối tác về nghiên cứu trong nước và quốc tế. [H20.20.01.11]. Ngoài ra, Trong kế hoạch hoạt động 5 năm về nghiên cứu khoa học và kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm của Trường hàng năm xây dựng các kế hoạch thực hiện dựa trên chiến lược phát triển và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, trong đó số lượng các chương trình hợp tác ngày càng tăng, nội dung hợp tác nhằm nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học, thúc đẩy quá trình tiếp cận hội nhập khu vực và quốc tế với các chỉ tiêu thực hiện hàng năm. [H20.20.01.13].

Kế hoạch của Nhà trường được cụ thể hóa bằng kế hoạch hoạt động của Phòng QLKH&ĐTSĐH và Viện đào tạo và hợp tác quốc tế hàng năm được xây dựng và triển khai thực hiện. [H20.20.01.12].

Ngoài ra, chính sách về hợp tác nghiên cứu khoa học được thể hiện trong Quy

chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm nhằm khuyến khích các hoạt động về nghiên cứu, hợp tác với các đối tác. [H20.20.01.14].

- Quy định, hướng dẫn triển khai

Hiện nay, các hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường được thực hiện theo các quy định của Nhà nước, Bộ Công Thương, các Bộ liên quan và quy định của Nhà trường. Việc tổ chức thực hiện công tác hợp tác quốc tế bao gồm việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế, hội nhập quốc tế và điều phối các hoạt động hợp tác quốc tế; tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn ra) và đón tiếp các đoàn nước ngoài vào Việt Nam (đoàn vào); tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế; ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế...

Nhà trường ban hành Quy trình về hợp tác quốc tế thực hiện các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi sinh viên của HUFU với các cơ sở giáo dục nước ngoài [H20.20.01.17] với mục tiêu tạo cơ hội cho sinh viên học tập, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng, nâng cao kinh nghiệm thực tiễn trong môi trường giáo dục quốc tế...; nhằm quảng bá, phát triển thương hiệu và nâng cao vị thế của Trường trong phạm vi khu vực và trên thế giới.

Quy định về công tác báo cáo đối với các đoàn, cá nhân thuộc Trường sau khi kết thúc chuyến công tác. [H20.20.01.18] được thực hiện thường xuyên.

Các kế hoạch và thông báo về các chương trình hợp tác được Phòng QLKH&ĐTSDH, Viện đào tạo và hợp tác quốc tế triển khai bằng văn bản của Trường đến các đơn vị, giảng viên, người học của Trường. [H20.20.01.19].

Nhà trường có sự phân công trong Ban Giám hiệu quản lý hoạt động hợp tác của Trường, Trong quy định về tổ chức và hoạt động của Trường và Quyết định thành lập Phòng QLKH&ĐTSDH, Quyết định thành lập Viện đào tạo và hợp tác quốc tế có quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị về quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác. Ngoài ra, phòng QLKH&ĐTSDH, viện đào tạo và hợp tác quốc tế có phân công các thành viên phụ trách công tác hợp tác và đối ngoại. [H20.20.01.20], [H20.20.01.21], [H20.20.01.22].

- Tổ chức triển khai

Nhà trường xây dựng định hướng, tổ chức điều hành, triển khai thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược về hoạt động hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học. Hệ thống bao gồm: Đảng ủy, Ban Giám hiệu xác định các định hướng và giám sát việc thực hiện. Công tác quản lý, điều

hành việc hợp tác trong nghiên cứu được thực hiện bởi 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác hợp tác quốc tế, liên kết khoa học với các đơn vị trong và ngoài nước, đơn vị chức năng gồm Phòng Quản lý đào tạo sau đại học, Viện đào tạo và hợp tác quốc tế và các đơn vị đào tạo và nghiên cứu thuộc, trực thuộc Trường thực hiện các nghiên cứu.

Hệ thống này được xác định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H20.20.01.05], các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường: quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng hợp tác quốc tế, Phòng Quản lý đào tạo sau đại học và Viện Nghiên cứu và Phát triển, làm rõ các trách nhiệm liên quan trong việc quản lý, phát triển hợp tác trong nghiên cứu. Cụ thể là:

Nhà trường có các chỉ số xác định cụ thể các mục tiêu đối tác hợp tác cần xây dựng và phát triển trong các kế hoạch hằng năm. Trong đó, các KPIs được theo dõi, tổng kết và đánh giá thường xuyên hàng năm của Trường và Phòng QLKH&ĐTSDH, viện đào tạo và hợp tác quốc tế bao gồm đoàn vào, đoàn ra; chương trình liên kết quốc tế; các báo chuyển công tác; hợp đồng/biên bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác; quyết định cử sinh viên trao đổi; các hội thảo, tọa đàm, nói chuyện của chuyên gia, giảng viên tham gia giảng dạy các chương trình hợp tác quốc tế...

Các hoạt động về hợp tác quốc tế được cập nhật, đăng tải thường xuyên trên website của Trường nhằm tăng cường quảng bá các hoạt động về hợp tác quốc tế.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

Triển khai các hoạt động theo chiến lược phát triển:

Nhà trường triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác với các đối tác chiến lược theo kế hoạch và tổ chức thực hiện theo lộ trình từng năm [H20.20.02.01].

Trường tổ chức làm việc với các đối tác trong và ngoài nước nhằm trao đổi, hợp tác về các lĩnh vực liên quan đến đào tạo và nghiên cứu khoa học thông qua thống kê danh sách đoàn ra, đoàn vào của Trường [H20.20.02.01].

Trong thời gian từ 2017 đến nay, có thể thấy rằng kết quả thực hiện công tác đoàn ra và đoàn vào trong những năm gần đây được thực hiện thường xuyên và tổ chức làm việc có kế hoạch và hiệu quả.

Số lượng đoàn vào có xu hướng năm sau đón tiếp nhiều đoàn hơn năm trước.

Trong đó thành phần các đoàn đến làm việc tại Trường đã được cân nhắc, lựa chọn sao cho kết quả hợp tác được triển khai thành các hoạt động cụ thể, có chất lượng, tập trung vào mục tiêu phát triển chung của Trường.

Trên cơ sở các buổi làm việc, Nhà trường đã xúc tiến ký kết các Bản ghi nhớ với các đối tác trong và ngoài nước [H20.20.02.01]. Nhà trường đã tập trung triển khai vào các chương trình, sự kiện, đề án với các đối tác nước ngoài trên các lĩnh vực như công nghệ thực phẩm, dinh dưỡng, sinh học, quản trị kinh doanh, điện tử...; hợp tác trao đổi giảng viên, sinh viên và nghiên cứu khoa học; tổ chức các Hội thảo quốc tế, tọa đàm chuyên gia.

Nhà trường đã tích cực mở rộng quan hệ với các đối tác cả trong và ngoài nước. Đến năm 2021, Nhà trường đã ký kết các Bản ghi nhớ với các đối tác nước ngoài, bao gồm các trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức giáo dục quốc tế [H20.20.02.01].

Nhà trường với nhiều hoạt động trên nhiều lĩnh vực như trao đổi giảng viên và sinh viên, trao đổi học thuật, tham quan khảo sát, tổ chức hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên gia, nói chuyện chuyên đề...

Về hợp tác đào tạo: Nhà Trường đã có một số chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép [H20.20.02.01]. Ngoài ra, Nhà trường đang tiếp tục làm việc với một số cơ sở giáo dục đại học nước ngoài để xúc tiến triển khai thêm chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ.

Về trao đổi giảng viên, sinh viên và các chương trình tham quan khảo sát: Thông qua các Bản ghi nhớ triển khai hoạt động hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học. Nhà trường đã cử các đoàn gồm nhiều cán bộ, giảng viên đã được cử đi tham quan, học tập ngắn hạn và trao đổi chuyên môn tại các trường đại học, các viện nghiên cứu đối tác nhằm nâng cao năng lực và tiếp thu các kiến thức, kỹ năng tiên tiến để áp dụng tại trường [H20.20.02.01].

Từ năm 2017 đến nay, nhiều giảng viên, chuyên gia nước ngoài cũng đã đến trường tham gia công tác giảng dạy, các buổi Hội thảo khoa học, Tọa đàm chuyên gia hay như Nói chuyện chuyên đề với giảng viên, sinh viên thuộc trường. [H20.20.02.01].

Hoạt động trao đổi sinh viên bước đầu cũng được triển khai, Trường đã tiến hành kết nối và xúc tiến với một số trường đại học đối tác để tạo cơ hội cho sinh viên của Trường được tham gia học tập ngắn hạn tại các trường đối tác nước ngoài [H20.20.02.01].

Về tổ chức hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật: Là một hoạt động trong quan hệ đối ngoại, Nhà trường đã tổ chức các buổi tập huấn, trao đổi học thuật, hội nghị, hội thảo với sự tham gia của các đối tác quốc tế cũng như trong nước. Từ năm 2017 đến 2021, Nhà trường đã phối hợp với các đối tác nước ngoài, cùng tổ chức các Hội thảo quốc tế, Tọa đàm chuyên gia, Nói chuyện chuyên đề tại Trường [H20.02.01.10]; tham dự Hội thảo khoa học tại nước ngoài [H20.20.02.14];

Các giảng viên của Trường tham gia giảng dạy tại trường đại học đối tác [H20.20.01.12].

Lựa chọn các đối tác và hợp tác NCKH:

Trường đã cử nhiều đoàn công tác với nhiều mục đích khác nhau như tham gia các hội nghị, hội thảo về khoa học, quản lý; tìm kiếm và thiết lập các cơ hội hợp tác mới; học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tiếp đón nhiều đoàn khách nước ngoài đến từ các Trường đại học trên thế giới, các tổ chức quốc tế sang thăm và tìm cơ hội hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi sinh viên [H20.20.02.02] .

Từ năm 2017 đến năm 2021, Nhà trường đã tổ chức đón các đoàn vào trường làm việc và cử cán đoàn ra nước ngoài làm việc. Công tác tổ chức đoàn ra và đón tiếp đoàn vào được Nhà trường chuẩn bị kỹ công tác tổ chức và phối hợp tổ chức

HUFI luôn chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác đối ngoại; tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước, của Bộ Công Thương trong công tác hợp tác quốc tế đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng. Công tác hợp tác quốc tế (đoàn ra - đoàn vào) luôn được Nhà trường báo cáo thường xuyên và kịp thời đến các cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo triển khai đúng quy định, các bước quy trình thực hiện đoàn ra - đoàn vào. [H20.20.02.02].

Nhà trường lựa chọn các đối tác chiến lược nhằm thúc đẩy quan hệ, ký kết các biên bản ghi nhớ hợp tác và thúc đẩy các hoạt động hợp tác. [H20.20.02.06].

Thúc đẩy các quan hệ hợp tác:

Nhà trường có các phòng, ban, đơn vị và các cá nhân đảm bảo phục vụ cho hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được thực hiện theo đúng quy định; phối hợp với đối tác triển khai các nội dung hợp tác, các đề tài, dự án. Trong quá trình thực hiện các mối quan hệ hợp tác, Nhà trường đã thu kinh phí và nhận được các trang thiết bị đầu tư từ hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, trao đổi sinh viên. [H20.20.02.07], [H20.20.02.08], [H20.20.02.09], [H20.20.02.10].

Đầu tư thích hợp để phát triển các mối quan hệ:

Nhằm thúc đẩy mở rộng mạng lưới hợp tác, Nhà trường đã tích cực đầu tư, hỗ trợ những hoạt động hợp tác để mang lại hiệu quả cao trong những năm qua. Nhà trường đã chủ động chi từ nguồn thu của Trường cho một số đoàn ra đến công tác tại các quốc gia có các đối tác chiến lược để thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế [H20.20.02.04].

Thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu khoa học:

Từ năm 2017 đến nay, Nhà trường đã có đề tài hợp tác với nước ngoài của giảng viên nhằm trao đổi, hợp tác về nghiên cứu khoa học [H20.20.02.05]. Ngoài ra, các công trình nghiên cứu của các viên chức, giảng viên thuộc trường đã được công bố trên các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước và năm 2019, HUFI vinh dự được nằm trong top 26 trường có công bố khoa học tốt nhất. [H20.20.02.13].

Có các hội nghị/ hội thảo đồng tổ chức với các đối tác trong và ngoài nước:

Công tác tổ chức hội nghị, hội thảo được Nhà trường chú trọng trong những năm qua. Các hội nghị, hội thảo khoa học được tổ chức nhằm tăng cường trao đổi, nghiên cứu khoa học giữa các giảng viên thuộc trường với các đối tác bên ngoài. Từ năm 2017 đến năm 2021, Nhà trường đã tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học [H20.20.02.14]. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức 02 Hội nghị khoa học nhằm tổng kết, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường trong giai đoạn 5 năm và định hướng phát triển nghiên cứu khoa học trong giai đoạn mới. [H20.20.02.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện hợp tác quốc tế và đối tác nghiên cứu khoa học, việc rà soát tính hiệu quả trong hợp tác nghiên cứu khoa học là rất quan trọng. Công tác này được thực hiện thường xuyên và được quản lý bởi Phó Hiệu trưởng phụ trách chung đối với các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu trong nước và quốc tế và được thực hiện bởi viện đào tạo và hợp tác quốc tế và phòng QLKH&ĐTSĐH. Các hoạt động này được phân công thực hiện bởi các nhân sự thuộc viện đào tạo và hợp tác quốc tế và phòng QLKH&ĐTSĐH [H20.20.03.05].

Quy trình rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác NCKH

Việc hợp tác và đối tác nghiên cứu được thực hiện theo các quy định của Nhà nước và các Bộ, Ban, Ngành có liên quan và quy định của Trường. Trong đó, công tác rà soát hiệu quả của hợp tác và đối tác NCKH được thực hiện thường xuyên và

báo cáo Nhà trường, các Bộ, Ban, Ngành có liên quan. Quy trình này được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H20.20.03.02]. Nhà trường có các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, trong đó quy định về phân công công tác của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của viện đào tạo và hợp tác quốc tế; quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Quản lý khoa học và Đào tạo sau đại học và các đơn vị thuộc Trường, làm rõ các trách nhiệm của các đơn vị, các nhân liên quan trong việc quản lý, phát triển hợp tác trong nghiên cứu.

+ Phòng Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm quản lý, phát triển và tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường.

+ Phòng Quản lý đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm quản lý các đề tài nghiên cứu chung với các đối tác trong nước.

+ Các đơn vị liên quan có chức năng nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ hoạt động đào tạo và dịch vụ công của Trường; nghiên cứu, ứng dụng, tư vấn khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước, quốc tế về các lĩnh vực thuộc Trường.

+ Quy trình rà soát đánh giá tính hiệu quả của các hợp tác và đối tác nghiên cứu quốc tế phải tuân thủ theo Quy chế quản lý công tác hợp tác quốc tế của Bộ, Ngành có liên quan trong quá trình hợp tác, nghiên cứu khoa học được triển khai thực hiện.

Việc rà soát, kiểm tra và đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu quốc tế của Trường do viện đào tạo và hợp tác quốc tế thực hiện, theo dõi, tổng hợp, đánh giá và trình Ban Giám hiệu xem xét, quyết định; Báo cáo, thống kê định kỳ và theo kế hoạch của Trường về hoạt động của hợp tác quốc tế.

Quy trình rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các hợp tác và đối tác nghiên cứu trong nước phải tuân thủ theo Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của Trường do Phòng Quản lý đào tạo sau đại học đảm nhiệm, phụ trách công tác tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ chung của toàn trường và các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học.

Các đơn vị thuộc Trường có nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, tư vấn khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước, quốc tế về các lĩnh vực thuộc Trường. Trong quá trình thực hiện, phải tuân thủ các quy định trong hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường, quy định của Nhà nước.

Việc tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả các mối quan hệ hợp tác và đối tác

về nghiên cứu khoa học được tổng hợp trong các báo cáo tổng công tác năm học. Trong đó, các báo cáo về chỉ số liên quan đến nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, phân tích kết quả đạt được, những thuận lợi và khó khăn và định hướng phát triển trong từng năm. [H20.20.02.08]. Ngoài ra, báo cáo tổng kết hoạt động NCKH, hợp tác quốc tế theo chu kỳ 5 năm được thực hiện nhằm đánh giá kết quả hoạt động trong giai đoạn, chỉ ra những hạn chế và có định hướng phát triển trong giai đoạn kế tiếp. [H20.20.02.09].

Các kết quả đánh giá về mức độ hài lòng của các bên liên quan về đào tạo và hợp tác quốc tế được thực hiện khảo sát theo năm học và có kết quả đánh giá đạt mức hài lòng khá cao đối với người học và các đối tác. [H20.20.03.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.

Từ năm 2017 đến nay, Hoạt động hợp tác quốc tế đặc biệt là nghiên cứu khoa học của Trường đã được mở rộng về loại hình và đạt được một số thành tựu đáng kể. Chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài được thiết lập và phát triển. Các dự án, đề tài, chương trình hợp tác nghiên cứu với đối tác trong nước và nước ngoài tăng và mang lại nguồn thu cho Trường về nghiên cứu khoa học [H20.20.04.01]. Cùng với sự phát triển về hoạt động nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, số lượng bài báo công bố của viên chức, giảng viên thuộc Trường tăng lên nhanh trong 5 năm qua và năm 2019 Nhà trường nằm trong TOP 26 Trường Đại học có công bố tốt nhất [H20.20.04.01].

Nhà trường đặc biệt quan tâm khuyến khích việc hợp tác với các doanh nghiệp không chỉ trong lĩnh vực đào tạo, thực tập cho sinh viên mà còn trong nghiên cứu. Trong vài năm gần đây, Nhà trường đã ký kết với một số doanh nghiệp với nội dung hợp tác trong nghiên cứu [H20.20.04.02].

Ngoài ra, Nhà trường còn mở rộng trao đổi giảng viên và sinh viên trong thời gian qua, và bước đầu đạt được những kết quả mong đợi.

Hàng năm, Nhà trường tiếp tục tìm kiếm và gia tăng các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong và ngoài nước phù hợp với các yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ của trường. Kết quả của các hoạt động phát triển hợp tác và đối tác của Trường trong những năm qua được thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm của Phòng Quản lý khoa học và Đào tạo sau đại học, viện đào tạo và hợp tác quốc tế và của Trường về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Như vậy, có thể thấy hoạt động hợp tác và

đối tác phát triển của Nhà trường đã thực hiện theo đúng các kết hoạch đặt ra hàng năm. [H20.20.04.04] [H20.20.04.05].

Tổng hợp kết quả các hoạt động hợp tác và đối tác của Trường giai đoạn 5 năm [H20.20.04.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Nhà trường có các quy định về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu và áp dụng theo quy định.

2. Nhà trường có xây dựng chiến lược phát triển hợp tác và đối tác trong nghiên cứu.

3. Các quy định hướng dẫn được xây dựng và triển khai đến các đơn vị thực hiện và thường xuyên theo dõi, đánh giá hoạt động.

4. Nhà trường đã thực hiện các chính sách và triển khai các quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác trong nghiên cứu.

5. Các hoạt động về hợp tác và đối tác trong nghiên cứu được thực hiện thường xuyên và có xu hướng phát triển, các hoạt động được triển khai ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

6. Nhà trường có hệ thống triển khai rà soát các hoạt động về hợp tác quốc tế và nghiên cứu khoa học.

7. Công tác rà soát đánh giá được thực hiện thường xuyên theo kế hoạch hàng năm và định kỳ và đã rút ra những hạn chế nhằm định hướng phát triển trong giai đoạn mới.

8. Nhà trường có các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu với nhiều loại hình khác nhau theo hướng mở rộng phát triển.

9. Các hoạt động hợp tác quốc tế và đối tác nghiên cứu đã mang lại hiệu quả và nguồn thu cho Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Tăng cường các hoạt động quảng bá hình ảnh, thương hiệu của HUFI về hợp tác quốc tế.

2. Tiếp tục mở rộng các mối quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới.

3. Tăng cường hơn nữa các Hội nghị, Hội thảo quốc tế.

4. Tăng cường sự liên kết về phối hợp đánh giá giữa các đơn vị thuộc Trường về hợp tác quốc tế và đối tác nghiên cứu khoa học để dữ liệu và mục tiêu được liên thông giữa các đơn vị.

5. Tăng cường các hoạt động về hội nghị, hội thảo quốc tế.

6. Mở rộng các đề tài, dự án hợp tác quốc tế hơn nữa.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường các hoạt động quảng bá hình ảnh, thương hiệu của HUFU về hợp tác quốc tế	V.ĐT&H TQT	12/2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tiếp tục mở rộng các mối quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới.	V.ĐT&H TQT	12/2022	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tăng cường hơn nữa các Hội nghị, Hội thảo quốc tế.	V.ĐT&H TQT, P.QLKH &ĐTSDH	12/2022	
4	Khắc phục tồn tại 4	Tăng cường sự liên kết về phối hợp đánh giá giữa các đơn vị thuộc Trường về hợp tác quốc tế và đối tác nghiên cứu khoa học để dữ liệu và mục tiêu được liên thông giữa các đơn vị.	Các đơn vị thuộc Trường	12/2021	
5	Khắc phục tồn tại 5	Tăng cường các hoạt động về hội nghị, hội thảo quốc tế.	V.ĐT&H TQT, P.QLKH &ĐTSDH	12/2022	
6	Khắc phục tồn tại 6	Mở rộng các đề tài, dự án hợp tác quốc tế hơn nữa.			
7	Phát huy	Có hệ thống các quy định về	V.ĐT&H	Thường	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 1	thiết lập các mối quan hệ trong nghiên cứu và hợp tác.	TQT, P.QLKH &ĐTSDH	xuyên	
8	Phát huy điểm mạnh 2	Nhà trường có xây dựng chiến lược phát triển hợp tác và đối tác trong nghiên cứu.			

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 20</i>	5.25
Tiêu chí 20.1	6
Tiêu chí 20.2	5
Tiêu chí 20.3	5
Tiêu chí 20.4	5

Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Nhà trường xây dựng các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD thể hiện qua văn bản đầu tiên, quan trọng nhất là quyết định thành lập trường. [H21.21.01.01]

Trên cơ sở quyết định thành lập trường, nhà trường tiếp tục ban hành các văn bản cụ thể hơn như Chiến lược phát triển trường đại học công nghiệp thực phẩm Tp.HCM 2020 – 2025; trong chiến lược thể hiện rõ tầm quan trọng và các nội dung kết nối với doanh nghiệp, các đối tác trong và ngoài nước cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường. Bên cạnh chiến lược, hoạt động kết nối các đối tác còn được thể hiện tiếp trong tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi. [H21.21.01.02].

Nhà trường đã và đang thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm,

và một trong những nội dung quan trọng để thực hiện thắng lợi cơ chế tự chủ là phát huy các nguồn lực trong và ngoài đơn vị, tận dụng các thế mạnh từ mối quan hệ, kết nối với các đối tác để khai thác các thế mạnh của nhau, cung cấp các dịch vụ cộng đồng. [H21.21.01.03]

Nhà trường thường xuyên kết nối với các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh để thực hiện các dịch vụ đào tạo ngắn hạn, đào tạo nâng bậc, đào tạo theo địa chỉ... phục vụ nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các đối tác, qua đó đa dạng các hoạt động, nguồn thu của nhà trường. Các hoạt động đào tạo ngắn hạn được nhà trường ban hành quy chế, làm cơ sở pháp lý để các đơn vị chủ động thực hiện. [H21.21.01.04]

Là cơ sở giáo dục đào tạo, nhà trường chủ động liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục, đào tạo chuyên ngành sư phạm mở các lớp, các chương trình đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng sư phạm cho đội ngũ CB giảng dạy của trường và các trường khác. [H21.21.01.05]

Về mặt kinh phí, tài chính; các hoạt động thu – chi, việc phân bổ các nguồn thu từ các hoạt động liên kết với các đối tác, các chính sách cho hoạt động Đoàn – Hội SV, Công đoàn, Công tác tuyển sinh, đào tạo... được quy định chặt chẽ trong quy chế CTNB. Thông qua các quy định này, các đơn vị sẽ chủ động hơn trong việc tìm kiếm đối tác, mở rộng các dịch vụ đào tạo, lĩnh vực hoạt động, công tác tuyển sinh, đào tạo chuyên môn phục vụ cộng đồng và nhu cầu xã hội. [H21.21.01.06]

Một phần kinh phí từ nguồn thu trong các dịch vụ đào tạo, các hợp đồng liên kết, hợp tác... được nhà trường sử dụng vào việc chi học bổng, khuyến khích các SV có thành tích học tập tốt, hỗ trợ các SV khó khăn, đào tạo kỹ năng mềm, các hoạt động học thuật, NCKH và chi tổ chức các hoạt động Đoàn, Hội sinh viên, thanh niên trong trường. [H21.21.01.07]

Các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường được triển khai thường xuyên và đạt kết quả cao như: hợp tác hỗ trợ hoạt động hướng nghiệp, tuyển sinh, đào tạo đôi mới sáng tạo, KNM, hoạt động trải nghiệm cho học sinh các trường THPT; Trao học bổng cho học sinh các trường THPT tại Tp.HCM và các tỉnh; tổ chức hoạt động tư vấn tuyển sinh các năm. [H21.21.01.08]

Nhà trường còn phát huy thế mạnh là cơ sở đào tạo đại học với tiềm lực nghiên cứu khoa học tốt, trong những năm qua, nhà trường đã kết nối với nhiều đơn vị thực hiện các hợp đồng, hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, trên cơ sở khai thác, tận dụng các thế mạnh của nhau, đảm bảo lợi ích đôi bên.

[H21.021.01.09]

Cùng với các hoạt động đào tạo, NCKH chuyển giao công nghệ, nhà trường còn hợp tác, kết nối với các địa phương, các doanh nghiệp và tổ chức ngoài trường để thực hiện các hoạt động phong trào, hoạt động phục vụ cộng đồng của Công đoàn trường; triển khai các hoạt động phong trào, hội thi, hội thao,... cho công đoàn viên; tổ chức tham quan nghỉ mát cho công đoàn viên; cùng nhiều chương trình cụ khác... (Chương trình kêu gọi ủng hộ miền trung, Chương trình kêu gọi ủng hộ công đoàn viên khó khăn, Chương trình hỗ trợ công đoàn viên vay vốn)

[H21.21.01.10]

Trong các hoạt động phong trào, Đoàn hội, tổ chức các sân chơi, hoạt động cộng đồng cho SV, nhà trường cũng chủ động kết nối với nhiều đối tác tổ chức các hoạt động như: triển khai hoạt động phục vụ cộng đồng của ĐTN, HSV; tổ chức chương trình mùa hè xanh; tổ chức chương trình Xuân tình nguyện; tổ chức chương trình hiến máu nhân đạo; tổ chức hoạt động hưởng ứng giờ trái đất; tổ chức chương trình tiếp sức mùa thi; tổ chức Chương trình xây dựng nhà tình nghĩa; Các chương trình kết hợp Thành đoàn TP.HCM, UBND phường Tây thành,... liên quan đến hoạt động phục vụ cộng đồng (hiến máu, vệ sinh đường phố, thăm bà mẹ Việt Nam, phong trào, cuộc thi,...) [H21.21.01.11]

Nhà trường còn thực hiện các chương trình hợp tác với các DN, trường học, địa phương và hợp tác với các DN, trường học nước ngoài; [H21.01.01.12]

Các hoạt động, liên kết, kết nối với các cựu sinh viên cũng được chú trọng qua các chương trình giao lưu cựu sinh viên thành đạt 2020; thành lập, quy chế tổ chức hoạt động ban liên lạc cựu sinh; thành lập chi hội ban liên lạc cựu sinh viên các khoa; thành lập chi hội ban ban liên lạc cựu sinh viên các khoa [H21.21.01.13]

Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành các quy định cụ thể liên quan đến hoạt động phục vụ cộng đồng làm cơ sở để các đơn vị thực hiện. [H21.21.01.14], cùng với việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động cộng đồng, như: thành lập trang thông tin phục vụ hoạt động cộng đồng, Trang website: Đoàn thanh niên – HSV, Trang website: Công đoàn trường, Trang website: Phòng NCKH&SDH, Trang website: Đảng bộ trường ĐHCNTTP TP.HCM, Trang website: hufi.edu.vn. [H21.21.01.15]

Nhà trường ban hành quy định về nhiệm vụ và nhân sự chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng, thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của trường và Quy chế tổ chức và hoạt động của công đoàn trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn TN, Hội sinh

viên, Quy chế tổ chức và hoạt động Ban liên lạc hội cựu sinh viên;. [H21.21.01.16]

Các hoạt động phục vụ cộng đồng trong những năm qua đạt nhiều kết quả quan trọng, như khen thưởng, giấy chứng nhận của công đoàn trường cho công đoàn viên trường. Cùng với đó là nhiều giấy khen, bằng khen khác: Quyết định khen thưởng của đoàn trường, HSV cho: SV, câu lạc bộ, ban,... tham gia tổ chức các hoạt động phong trào tình nguyện phục vụ cộng đồng; Thư cảm ơn, giấy chứng nhận, giấy khen của các đơn vị liên quan trao tặng cho Nhà trường, hội SV, ... về hoạt động phục vụ cộng đồng. [H21.21.01.17]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

Nhằm mục tiêu giúp các kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng được triển khai đúng tiến độ, đi vào chiều sâu và đạt được hiệu quả, Nhà trường ban hành các chính sách và hướng dẫn triển khai các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng (PVCĐ).

Đối với CB-GV-NV: Nhà trường có chính sách hỗ trợ, khuyến khích và bồi dưỡng CB-GV-NV cơ hữu học tập nâng cao trình độ để PVCĐ.

Về NCKH, Nhà trường ban hành các chính sách về kinh phí, các quy chế quy định và các hướng dẫn liên quan đến các hoạt động này [H21.21.02.01]. Khen thưởng những CB-GV-NV đạt thành tích cao trong NCKH, những đề tài có tính ứng dụng cao để PVCĐ. Trường chú trọng, tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí để CB-GV-NV tham gia hoạt động giao lưu, công tác trong nước, ngoài nước, tham gia các hoạt động tư vấn – hướng nghiệp tại các quận, Tỉnh/Thành, tham gia các hội đồng thẩm định CTĐT của các trường đại học khác, tham gia các hội đồng xét duyệt đề tài NCKH các cấp, tham gia giảng dạy các chương trình ngoài trường, ... [H21.21.02.02]. Mặt khác, Nhà trường xây dựng các chính sách và triển khai các chương trình hợp tác đào tạo với các đối tác là doanh nghiệp, Đại học Quốc tế, tăng cường các chương trình trao đổi SV. Nhiều MoU được ký kết giữa trường với các đối tác ngoài trường trong nước và quốc tế [H21.21.02.03].

Đối với SV: Nhiều chính sách và hướng dẫn triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ được thực hiện như: chính sách học bổng, chính sách khen thưởng SV tham gia các hoạt động cộng đồng (SV NCKH; giải Euréka; mùa hè xanh; xuân tình nguyện; hiến máu nhân đạo; Tham gia hoạt động giao lưu quốc tế; ...). Chính sách khen thưởng SV NCKH, giải thưởng Euréka, “thiết kế, chế tạo, ứng dụng” dành cho

tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh,... đặc biệt được đẩy mạnh [H21.21.02.04]. Bên cạnh đó, các đơn vị cũng ban hành các Quy trình, các Hướng dẫn công việc và biểu mẫu kèm theo nhằm hỗ trợ các hoạt động diễn ra nhất quán: Hướng dẫn công việc xác nhận; Hướng dẫn công việc Giới thiệu Nhà trọ kết nối giữa người cho thuê nhà và SV; Hướng dẫn công việc ký kết hợp tác doanh nghiệp; Quy trình Quản lý đề tài KHCN của CB-GV-NV; Quy trình Quản lý đề tài NCKH SV cấp Trường; ... tạo điều kiện thuận tiện cho giảng viên thực hiện đề tài KHCN và Trường theo dõi, quản lý quá trình thực hiện của SV; Quy trình, phân công nhiệm vụ các đơn vị tham gia đón đoàn HS THPT đến tham quan Trường; Quyết định thành lập phòng Công tác sinh viên và thanh tra giáo dục; Tất cả các chính sách, các quy trình và các hướng dẫn công việc thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ được công bố công khai trên Website, trên Portal của SV và trên các phương tiện truyền thông khác [H21.21.02.05]. Cổng thông tin điện tử <https://hufi.edu.vn> là kênh thông tin chính thống của Nhà trường để chuyển tải toàn bộ thông tin, chủ trương của Trường về các hoạt động giáo dục – đào tạo, NCKH và PVCĐ. Qua đó, các chính sách, hướng dẫn, quy trình, nghiệp vụ liên quan các hoạt động kết nối & PVCĐ đều được công bố công khai, tạo điều kiện cho CB-GV-NV tiếp cận dễ dàng. Đặc biệt, các thông tin về ngày hội việc làm cũng được cập nhật liên tục, là nơi kết nối Nhà trường với doanh nghiệp. Vào Website của Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, SV sẽ có thêm các thông tin về việc làm, nhà trọ, học bổng, kỹ năng, y tế học đường và các chế độ chính sách liên quan. Hằng năm, Trường tổ chức gặp gỡ, trao đổi và mở rộng hội cựu sinh viên của Trường, đây là hoạt động đầy ý nghĩa để giúp nhà trường gắn kết với các cựu sinh viên, doanh nghiệp, tạo việc làm cho sinh viên và định hướng đào tạo theo thực tế sản xuất, gắn liền với phục vụ cộng đồng.

Việc xây dựng các quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật, ví dụ đối với các hoạt động KHCN PVCĐ được quản lý bởi quy chế KHCN của trường và theo luật KHCN, các hoạt động của Công đoàn căn cứ vào điều lệ của Liên đoàn Lao động Việt Nam, các hoạt động của đoàn thanh niên căn cứ vào điều lệ của Đoàn thanh niên [H21.21.02.06]. Để đánh giá tính hiệu quả và đưa ra các giải pháp phù hợp trong tương lai, hằng năm trường tổ chức họp báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động kết nối và dịch vụ cộng đồng [H21.21.02.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.

Bên cạnh việc ban hành, thực thi các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và PVCĐ, Nhà trường cũng đã triển khai được hệ thống đo lường, giám sát hoạt động này, giúp công tác kết nối và PVCĐ được thực sự đi vào chiều sâu, hoạt động có hệ thống đồng thời đánh giá được hiệu quả mang lại cho cả Nhà trường và cộng đồng [H21.21.03.01].

Các chỉ số, chỉ báo cụ thể như số lượng các hoạt động, số người tham gia, số tiền, thời gian tham gia,...đều được thể hiện trong kế hoạch hoạt động PVCĐ. Ví dụ Công đoàn và Đoàn thanh niên xây dựng các kế hoạch hàng năm, hoặc các quyết định giao nhiệm vụ hàng năm có quy định số lớp học, số học viên, chi phí cho từng năm [H21.21.03.02].

Các hoạt động kết nối và PVCĐ được thực hiện và có cơ sở dữ liệu cho từng hoạt động:

Ban chấp hành Đoàn thanh niên với vai trò, nhiệm vụ của mình thực hiện các kế hoạch đầu năm đã lên kế hoạch, chương trình cụ thể. Nhà trường đã có phê duyệt kinh phí để tổ chức các hoạt động tương ứng trong kế hoạch [H21.21.03.02].

Ban chấp hành công đoàn hàng năm đã lên kế hoạch thực hiện theo các kế hoạch đã đặt ra hàng năm cũng như các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa và các phê duyệt kinh phí cho từng hoạt động cụ thể.

Ban chấp hành Công đoàn và Đoàn thanh niên có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện các hoạt động đã lên kế hoạch và thực hiện trong từng năm và báo cáo lại việc thực hiện trong báo cáo tổng kết công tác Đoàn thanh niên và Công đoàn hàng năm [H21.21.03.03-04].

Đối với hoạt động Công đoàn và Đoàn thanh niên, thông qua kết quả của các phiếu khảo sát các đơn vị liên quan để đánh giá tính hiệu quả về việc triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.03.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Hàng năm, Đoàn Thanh niên luôn tổ chức 02 chương trình trọng điểm lớn là chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh (kèm theo kế hoạch số 21 ngày 07/7/2020 của Ban Thư ký Hội Sinh viên) [H21.21.04.01] và chiến dịch Xuân tình nguyện (kèm theo kế hoạch số 20 ngày 19/12/2019 của Ban Thư ký Hội Sinh viên) [H21.21.04.02] nhằm cung cấp cho người học một môi trường trải nghiệm phù hợp cũng như hỗ trợ các hoạt động của địa phương nơi trú đóng.

Đoàn Thanh niên đóng vai trò quan trọng, là cầu nối giữa những người học có cùng sở thích, cùng mối quan tâm, cùng đam mê qua các chương trình như Ngày chủ nhật xanh (kèm theo kế hoạch số 01 ngày 06/12/2019, số 09 ngày 06/4/2021 của Ban Chấp hành Đoàn) [H21.21.04.06]; Gala Chào đón Tân Sinh viên (kèm theo kế hoạch số 06 ngày 27/10/2020 của Ban Chấp hành Đoàn) [H21.21.04.03] nhằm giúp người học có một sân chơi, một hoạt động để kết nối và xây dựng mối quan hệ.

Ngoài ra, Đoàn Thanh niên luôn cố gắng bám sát thực tế nhu cầu người học cũng như sáng tạo thêm các hoạt động, cụ thể như chương trình Tự hào dòng máu Lạc Hồng (kèm theo kế hoạch số 10 ngày 12/04/2021 của Ban Chấp hành Đoàn) [H21.21.04.07] nhằm khơi gợi lòng biết ơn và ghi nhớ sự hy sinh của các Vua Hùng trong công cuộc dựng nước và giữ nước.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Nhà trường có các văn bản quy định cụ thể các hoạt động, các nội dung công tác liên kết phục vụ cộng đồng, các văn bản được xây dựng và ban hành đảm bảo công khai, dân chủ, phù hợp điều kiện thực tế và được đánh giá, hiệu chỉnh qua từng giai đoạn. Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng đều được xây dựng thành kế hoạch cụ thể, sau mỗi hoạt động đều có báo cáo tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm.

2. Có đội ngũ cán bộ chuyên trách nhiệt tình, năng động, trách nhiệm cùng đội ngũ cộng tác viên nhiệt huyết, sáng tạo, phát huy tính thần cống hiến của tuổi trẻ. Nhà trường có nhiều câu lạc bộ, tổ chức nhiều hoạt động, sân chơi, trải nghiệm hữu ích cho sinh viên tham gia.

3. Được sự đồng tình, ủng hộ, phối hợp tốt từ các đơn vị, cá nhân liên quan như chính quyền địa phương, các doanh nghiệp, các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm.

4. Sự kết nối chặt chẽ từ Đoàn trường với các tổ chức cấp trên như thành Đoàn, Hội SV Việt Nam, Đoàn khối...

5. Thu hút được đông đảo giảng viên và sinh viên tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

6. Các đề tài nghiên cứu khoa học ngày càng mang tính thực tiễn cao và ứng dụng hiệu quả vào đời sống sản xuất.

7. Nhà trường đã triển khai rất hiệu quả hệ thống đo lường, giám sát hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

8. Các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa của nhà trường được triển khai đúng đối tượng, đúng thời gian, phù hợp với kinh phí và được giám sát tốt nên đã mang lại hình ảnh và ấn tượng tốt cho cộng đồng.

9. Ban Chấp hành Đoàn luôn theo dõi ý kiến của người học để tổ chức chương trình thật sự phù hợp, tổ chức họp đánh giá sau mỗi chương trình và linh động xử lý các tình huống xảy ra bất ngờ trong mỗi chương trình.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Với sự phát triển nhanh và mạnh của các hoạt động liên kết phục vụ cộng đồng như hiện tại, nguồn kinh phí chi cho các hoạt động còn bị động, còn nhiều hạn chế.

2. Một bộ phận sinh viên còn thờ ơ, thụ động với các hoạt động Đoàn hội, phong trào, công tác tuyên truyền, vận động thanh niên, sinh viên chưa tốt ở một số đơn vị.

3. Công tác khen thưởng, động viên cán bộ, SV chưa kịp thời, đôi lúc chưa phát huy hiệu quả động viên, tuyên truyền.

4. Việc kết nối, gắn kết với các địa phương, tổ chức đôi lúc, đôi chỗ mới dừng lại ở chiều rộng chưa đi vào chiều sâu.

5. Hiện nay trường đã có hướng dẫn cụ thể về các thủ tục quyết toán đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng nhưng nhìn chung thủ tục vẫn còn phức tạp và tốn nhiều thời gian.

6. Cần lập kế hoạch chính xác về các chỉ số và chỉ báo như số lượng người tham gia, thời gian, kinh phí thực hiện,...

7. Khả năng phối hợp giữa các bên liên quan còn chưa tốt.

8. Chương trình chưa phục vụ được số đông người học tham gia.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc	Trong năm 2021- 2022, tăng			

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	phục tồn tại 1	cường vận động các đối tác, các doanh nghiệp, các mạnh thường quân cùng đồng hành với các hoạt động cộng đồng của nhà trường, qua đó kêu gọi, tận dụng các nguồn lực, sự hỗ trợ từ các DN, mạnh thường quân.			
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường hoạt động truyền thông, phát huy vai trò của các Liên chi đoàn Khoa, các câu lạc bộ đội nhóm trong việc tuyên truyền, vận động, tập hợp thanh niên tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội...			
3	Khắc phục tồn tại 3	Kịp thời khen thưởng, động viên các cá nhân, tập thể trong và ngoài trường có những hoạt động, thành tích tốt trong các hoạt động cộng đồng, tình nguyện.			
4	Khắc phục tồn tại 4	Thực hiện việc kết nghĩa với 3 đến 5 địa phương trong năm 2021 – 2022, thực hiện nhiều giải pháp thắt chặt các quan hệ với các địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác nhằm hướng đến các hoạt động hỗ trợ cộng đồng được sâu và rộng hơn.			
5	Khắc phục tồn tại 5	Đơn giản hóa thủ tục để việc quyết toán đề tài được nhanh hơn.	Trường	2021 – 2022	
6	Khắc	Ứng dụng công nghệ và các giải	Trường	2021-2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	phục tồn tại 6	pháp hiện đại để dự báo chính xác các chỉ số, chỉ báo cụ thể.			
7	Khắc phục tồn tại 7	Lấy ý kiến các bên liên quan về các hoạt động của Đoàn Thanh niên.	Đoàn Thanh niên	Tháng 01/2022	
8	Khắc phục tồn tại 8				
9	Phát huy điểm mạnh 7	Có cơ chế ưu tiên và khuyến khích cho các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng	Trường	2021-2022	
10	Phát huy điểm mạnh 8	- Xây dựng kế hoạch cụ thể và chi tiết cho các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.	Trường	2021-2022	
11		Phối hợp đồng bộ giữa các nguồn lực để triển khai hiệu quả hệ thống đo lường, giám sát hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng			
12	Phát huy điểm mạnh 9	Họp đánh giá sau chương trình	Đoàn Thanh niên	Thường xuyên	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	5.00
Tiêu chí 21.1	5
Tiêu chí 21.2	5
Tiêu chí 21.3	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 21.4	5

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ. Khoá học là thời gian thiết kế để SV hoàn thành một CTĐT cụ thể. Thời gian của một khoá học được quy định trong CTĐT. Thời gian thực hiện các CTĐT của Trường được quy định và thông báo cho SV vào đầu mỗi khoá học [H22.22.01.01].

Trường có phần mềm quản lý đào tạo do đó các chỉ số liên quan đến người học như: các kết quả học tập, rèn luyện, kết quả tốt nghiệp, việc làm, ... luôn được lưu trữ, theo dõi, và đối sánh cải tiến [H22.22.01.02]. Trong quá trình học tập, SV cần phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được quy định trong CTĐT, qua đó đánh giá được người học từ chất lượng đầu vào, chất lượng quá trình đào tạo đến chất lượng tốt nghiệp đầu ra [H22.22.01.03].

Sau mỗi năm học, P.ĐT thống kê kết quả học tập của tất cả SV. Từ kết quả đó xác định được tỷ lệ SV đạt điểm theo yêu cầu. Tỷ lệ này được theo dõi, so sánh giữa các năm và báo cáo BGH theo định kỳ [H22.22.01.04].

Nhà trường luôn quan tâm sâu sát đến việc nghỉ học của SV. Ngoài những sinh viên bị thôi học sau khi xử lý học vụ do kết quả học tập kém, còn có những SV khác tự làm đơn xin thôi học vì nhiều lý do khác nhau. Hằng năm, Nhà trường đều theo dõi tỷ lệ SV thôi học. P.ĐT sẽ thống kê cụ thể số lượng SV nghỉ học theo từng nguyên nhân, từng học kỳ, Nhà trường sẽ đưa ra các giải pháp cũng như kế hoạch để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo [H22.22.01.05].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức 02 đợt tốt nghiệp cho SV. Trước mỗi đợt tốt nghiệp, báo cáo về tỷ lệ SV tốt nghiệp được thực hiện và trình cho Hội đồng xét tốt nghiệp của Trường. Các giải pháp khắc phục cũng được đưa ra để tăng tỷ lệ tốt nghiệp của người học [H22.22.01.06].

Nhà trường luôn có các hoạt động tăng cường hỗ trợ SV. Bên cạnh đối thoại hàng năm với SV còn có hoạt động diễn đàn gặp gỡ để lắng nghe, trao đổi, Trường còn có nhiều hình thức khen thưởng SV đạt thành tích tốt trong học tập. Đối với SV bỏ học, tùy nguyên nhân Nhà trường có các biện pháp cải tiến như: Hỗ trợ vay vốn,

xét học bổng vượt khó, cùng SV tư vấn sắp xếp lịch làm ngoài giờ và lịch học hợp lý (đối với SV đi làm thêm),

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường đã xây dựng, thiết kế CTĐT và phân bố các học phần một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian tốt nghiệp cho SV trong quá trình đào tạo. Đối với các CTĐT đại học hệ chính quy có thời gian thiết kế là 3,5 năm.

Nhà trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ. Khoá học là thời gian thiết kế để SV hoàn thành một CTĐT cụ thể. Thời gian của một khoá học được quy định trong CTĐT. Thời gian thực hiện các CTĐT của Trường được quy định và thông báo cho SV vào đầu mỗi khóa học [H22.22.02.01].

Quy chế đào tạo cũng quy định điều kiện để được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp cho SV. SV có thể đăng ký được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học. Đầu khóa học, SV sẽ được phổ biến về thời gian đào tạo trong buổi sinh hoạt đầu khóa. Bên cạnh đó, các thông tin về kết quả học tập từng học kỳ, kết quả điểm số tích lũy qua các năm học cũng được cung cấp cho SV qua cổng thông tin sinh viên. SV có thể sắp xếp thời gian để bố trí lịch học cá nhân cụ thể từng học kỳ, chủ động lên kế hoạch học tập nhằm tốt nghiệp đúng hoặc sớm tiến độ [H22.22.02.02].

Hàng năm, Nhà trường sẽ thống kê số lượng SV tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV. Qua đó, Nhà trường có thể xem xét lại thời lượng thiết kế CTĐT có phù hợp với thực tế không [H22.22.02.03]. Các CTĐT đều được thiết kế với thời lượng hợp lý, đủ để trang bị đầy đủ kiến thức và phù hợp với sức học của toàn thể SV.

Những SV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có các kết quả thi của mỗi học kỳ, P.ĐT phối hợp cùng các đơn vị liên quan tiến hành xét học vụ, và gửi kết quả đến những SV bị cảnh báo học vụ. Những SV không tốt nghiệp đúng tiến độ đa số do SV chưa tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT theo quy định; hoặc do điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt dưới 2,00. Nhà trường mở các lớp học theo nguyện vọng, tạo điều kiện cho những SV này trả nợ học phần và xét tốt nghiệp sớm nhất có thể nếu SV đủ điều kiện xét tốt nghiệp và đang trong thời gian đào tạo cho phép [H22.22.02.04].

Nhà trường luôn rà soát tình hình tốt nghiệp của SV, tìm mọi biện pháp hỗ trợ

SV tốt nghiệp đúng tiến độ, giảm tỷ lệ bỏ học [H22.22.02.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Bên cạnh việc tập trung vào chất lượng đào tạo cũng như nhằm trang bị kiến thức vững chắc cho SV, Nhà trường rất quan tâm đến khả năng có việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp. Nhà trường đã thiết lập các đầu mối phụ trách liên hệ giữa SV, cựu SV và doanh nghiệp để tìm kiếm việc làm cho SV là TT.QLCL, hội cựu SV, các Khoa [H22.22.03.01]. Các đơn vị này là cầu nối nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Nhà Trường với các đơn vị sử dụng lao động hỗ trợ việc làm, thực tập cho SV.

Hàng năm, P. CTSV&TTGD phối hợp với các đơn vị tổ chức hội chợ việc làm để đưa SV đến gần hơn với nhà tuyển dụng, tăng cơ hội tìm được việc làm phù hợp. Kết nối doanh nghiệp và việc làm cho SV, thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia. Qua đó, 100% SV (đang học tập tại Trường, kể cả SV đã ra trường) có nhu cầu việc làm đều được tư vấn, giới thiệu chỗ thực tập, tham quan thực tế, việc làm bán thời gian và việc làm chuyên môn [H22.22.03.02]. Bên cạnh đó, các Khoa, các CB, GV cũng giúp SV tìm kiếm nơi thực tập tốt nghiệp và giới thiệu việc làm cho SV bằng các mối quan hệ quen biết.

TT. QLCL phối hợp với các Khoa triển khai việc khảo sát để tìm hiểu tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp sau 1 năm [H22.22.03.03]. Đây là một trong những kênh thông tin để Nhà trường nhận được những phản hồi của người học, người sử dụng lao động về sự đáp ứng của CTĐT đối với nhu cầu lao động thực tế. Kết quả khảo sát sẽ được gửi về các đơn vị. Sau khi theo dõi kết quả và tìm ra các giải pháp phù hợp, từng đơn vị sẽ lập báo cáo về việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến tình hình việc làm cho SV theo biểu mẫu của TT. QLCL và gửi về TT. QLCL chịu trách nhiệm tổng hợp gửi BGH về kết quả khảo sát tình hình việc làm SV tốt nghiệp. Kết quả này giúp Nhà trường kịp thời có những kế hoạch phù hợp để tăng cường khả năng có việc làm của SV [H22.22.03.04].

Nhờ sự tích cực rà soát, cải tiến công tác tìm kiếm việc làm cho SV, với nhiều hình thức hỗ trợ giúp SV tìm việc làm sau khi tốt nghiệp, Nhà trường đã giúp SV tìm được việc làm nhanh hơn và tỷ lệ tìm được việc làm của SV ngày càng tăng cao [H22.22.03.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Nhà trường [H22.22.04.01] gồm các loại khảo sát sau [H22.22.04.02] [H22.22.04.03] [H22.22.04.04] :

- (i) Khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV;
- (ii) Khảo sát ý kiến SV năm cuối về khóa học;
- (iii) Khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp về việc làm;
- (iv) Khảo sát ý kiến GV và SV về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ;
- (v) Khảo sát ý kiến NTD, cựu SV và GV về CTĐT.

Kết quả của các loại khảo sát đó sẽ được gửi đến các đơn vị liên quan trong Nhà trường, các đơn vị phân tích dữ liệu và làm báo cáo việc sử dụng kết quả khảo sát cho việc cải tiến như thế nào tại đơn vị để nâng cao chất lượng của đơn vị [H22.22.04.05] [H22.22.04.06] .

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Nhà trường có hệ thống giám sát tình hình học tập của SV trong suốt quá trình học tập, có các quy định, quy trình cụ thể về đào tạo, đánh giá từ đầu vào, quá trình học đến khi tốt nghiệp đảm bảo tính công bằng, tin cậy và được công bố công khai cho SV vào đầu khóa học, năm học.

2. Các đơn vị có sự phối hợp, tổ chức quản lý các phần mềm về hoạt động đào tạo của Nhà trường nên các báo cáo và quyết định về đảm bảo chất lượng được thực hiện thường xuyên, nề nếp và cải tiến liên tục.

3. Nhà trường có TT. QLCL quản lý và triển khai hệ thống lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, có đơn vị chuyên trách hỗ trợ SV và có hệ thống lưu trữ dữ liệu về tình hình SV tốt nghiệp.

4. Việc khảo sát ý kiến của SV sau khi kết thúc học phần đã được thực hiện đều đặn, thường xuyên trong mỗi học kỳ của nhiều năm qua. Qua đó tổng hợp, phân tích và đánh giá để góp phần cải thiện chất lượng dạy và học của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Một số ngành có tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn chưa cao.
2. Việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan được thực hiện chưa đồng bộ.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng đội ngũ cố vấn học tập thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ SV có học lực yếu trong quá trình học tập ngay từ năm thứ nhất.	Khoa, P.CTSV& TTGD	Năm học 2021-2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Rà soát lại biểu mẫu, quy trình, cải tiến triển khai để nâng cao hiệu quả khảo sát	TT.QLCL , Khoa	2022-2026	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Cập nhật điều chỉnh các quy định, quy trình phù hợp với tình hình phát triển của Trường	Tất cả thành viên trong Trường	Thường xuyên	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Ban hành sổ tay đảm bảo chất lượng	BGH, TT.QLCL	Năm học 2021-2022	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Quản lý và triển khai hệ thống lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, có đơn vị chuyên trách hỗ trợ SV	TT.QLCL , Khoa	Thường xuyên	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 22</i>	5.00
Tiêu chí 22.1	5
Tiêu chí 22.2	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 22.3	5
Tiêu chí 22.4	5

Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nghiên cứu khoa học và công nghệ được coi là nhiệm vụ trọng yếu trong chiến lược phát triển của trường Đại học CNTP TP.HCM. Để triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu đáp ứng các yêu cầu theo đúng sứ mạng, tầm nhìn của Trường, trường ĐH CNTP TP. HCM đã xây Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015 - 2020. Hoạt động KHCN của trường được tổ chức thực hiện trên cơ sở huy động các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực, trí lực) từ bên trong và bên ngoài.

Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015 – 2020 hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN và giao cho phòng QLKH là đơn vị chịu trách nhiệm chính để triển khai hoạt động này . Nhà trường có cơ chế khuyến khích và bắt buộc giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học. Từ năm 2015 đến năm 2019, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường quy định rõ loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng, chất lượng NCKH mà đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu phải thực hiện. Nhà trường đã ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên bao gồm nhiệm vụ của giảng viên và thời gian làm việc của giảng viên. Nhà trường đã xây dựng quy trình quản lý khối lượng NCKH của GV trong đó quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị liên quan từ cấp khoa, bộ môn và các đơn vị chức năng làm đầu mối quản lý khối lượng NCKH nhà trường.

Với sứ mạng của một trường đại học đào tạo và nghiên cứu khoa học, các chỉ tiêu về khối lượng NCKH của trường tương đương với yêu cầu chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về NCKH đối với giảng viên (Thông tư 47/TT-BGDĐT Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, Thông tư 22/2011/TT-BGDĐT Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học).

Để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của giảng viên Nhà trường giao cho phòng QLKH theo dõi, giám sát và có quy trình hướng dẫn về hoạt động này.

Để thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ, đồng thời có những điều chỉnh về chính sách khoa học và công nghệ, bắt đầu từ năm 20.. phòng Quản lý Khoa học là đầu mối thiết kế, xây dựng phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đến hoạt động nghiên cứu. Từ đó có những báo cáo đề xuất để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu trong nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy: đa số giảng viên, cán bộ nghiên cứu và sinh viên đều hài lòng với hoạt động nghiên cứu khoa học và có các đề xuất cải tiến nâng cao chất lượng nghiên cứu như: bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, chi kinh phí cho đề tài cấp cơ sở, khuyến khích giảng viên công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

Hàng năm, nhà trường thực hiện đối sánh nội bộ giữa các năm về số lượng, loại hình nghiên cứu. Số lượng đề tài cấp cơ sở có sự biến động do nhà trường ưu tiên cho các công bố khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước

Để nâng cao hiệu quả nghiên cứu nhà trường đã thực hiện đối sánh qua các năm về số lượng bài báo, đề tài cấp bộ trong 5 năm để làm căn cứ xây dựng chính sách về NCKH.

Để tăng cường các nghiên cứu có chất lượng cao, đẩy mạnh công bố ở các tạp chí quốc tế có uy tín, Nhà trường ban hành Quy định hỗ trợ kinh phí công bố quốc tế cho CBGV của trường, được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Bên cạnh đó, Trường đã nghiên cứu đề ra những quy định chính sách nhằm đảm bảo công bằng cũng như hỗ trợ các cán bộ GV tích cực tham gia NCKH, đã ban hành Quy định về kiểm soát và xử lý đạo văn các sản phẩm học thuật.

Để đánh giá các kết quả đạt được và đề ra phương hướng, giải pháp cho công tác NCKH, hàng năm Nhà trường tổ chức tổng kết công tác NCKH và đánh giá điểm mạnh, điểm yếu từ đó đưa ra phương hướng, định hướng, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ cho các năm tiếp theo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nghiên cứu khoa học của người học là một bộ phận cấu thành hoạt động khoa học công nghệ của trường và là một trong những nhiệm vụ và quyền lợi của sinh viên Đại học Trường ĐH CNTP TP. HCM. Để đẩy mạnh hoạt động NCKH trong sinh viên, hàng năm nhà trường có cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện

thuận lợi cho sinh viên tham gia NCKH. Các hình thức NCKH của SV được thể hiện qua các báo cáo tham gia Hội nghị sinh viên NCKH, tham gia thực hiện nghiên cứu các đề tài khoa học các cấp và các hoạt động KHCN khác, tham gia các giải thưởng SV NCKH.

Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác NCKH trong đó có nội dung về nội dung hoạt động NCKH của sinh viên. Để giám sát hoạt động NCKH của người học nhà trường đã có văn bản hướng dẫn và quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình, khối lượng rõ ràng. Hàng năm nhà trường đề có cập nhật dữ liệu về kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên

Để nâng xây dựng biện pháp nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học (trong đó có NCKH của sinh viên). Từ năm 20.. phòng Quản lý khoa học xây dựng kế hoạch, triển khai khảo sát thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động NCKH của sinh viên, từ đó có những báo cáo đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH của sinh viên. Để thấy rõ hiệu quả hoạt động NCKH của sinh viên sau mỗi năm học phòng QLKH có đối sánh về loại hình và khối lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên. Kết quả đối sánh cho thấy số lượng đề tài NCKH của sinh viên có sự biến động theo các năm. Đặc biệt trong những năm gần đây số lượng và chất đề tài NCKH của sinh viên đã được cải thiện, như: năm 2018, 2019 số lượng và kết quả sinh viên đạt giải tại Hội nghị SV NCKH toàn quốc cũng được tăng lên. Nhà trường giao cho phòng QLKH xây dựng kế hoạch và tổ chức Hội nghị sinh viên NCKH cấp trường và lựa chọn sinh viên tham dự Hội nghị sinh viên NCKH toàn quốc.

Thành phần tham gia NCKH của SV khá đa dạng, không chỉ những SV năm cuối còn có cả SV năm thứ nhất, thứ hai, trong đó một số đạt kết quả tốt và được giải cấp Trường, cấp toàn quốc về lĩnh vực Các báo cáo khoa học SV được đánh giá bởi hội đồng khoa học theo các tiêu chí đánh giá như đối với một công trình nghiên cứu khoa học. Trong những năm gần đây, các báo cáo tham gia Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường và SV NCKH toàn quốc luôn đạt được kết quả cao.

Sinh viên tham gia NCKH được tạo điều kiện thuận lợi về trang thiết bị và hỗ trợ kinh phí, được hưởng các quyền lợi khi đạt giải như: đối với sinh viên năm cuối được cộng điểm tốt nghiệp.

Đối với học viên cao học nhà trường tạo điều kiện để học viên tham gia đề tài NCKH cấp Bộ/ Thành phố.

Với những giải pháp thúc đẩy hoạt động NCKH của sinh viên, nên trong 4 năm gần đây sinh viên của trường đã đạt thứ hạng cao trong Hội nghị sinh viên NCKH toàn quốc về lĩnh vực ...

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường có chính sách khuyến khích công bố khoa học trong quy định về hoạt động NCKH và Quy chế chi tiêu nội bộ của trường như hỗ trợ đăng bài trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI, SCOPUS và các bài báo đăng trên Tạp chí khoa học quốc tế (nước ngoài). Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch KHCN đề cụ thể về các loại hình và số lượng công bố khoa học

Để theo dõi số liệu công bố khoa học phòng QLKH phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để theo dõi và quản lý các công bố khoa học đăng trên tạp chí, kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế. Các loại hình công bố khoa học của Trường bao gồm: các bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế, báo cáo đăng trên kỷ yếu Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế (có chỉ số ISBN, ISSN được tính điểm); sách chuyên khảo và sách tham khảo. Để đẩy mạnh các công bố khoa học và trích dẫn Nhà trường có hướng dẫn trình bày trích dẫn tài liệu tham khảo và chống đạo văn. Tuy nhiên, do các điều kiện chủ quan và khách quan Nhà trường chưa có hệ thống phần mềm chuyên dụng để quản lý, theo dõi các công bố và các kết quả nghiên cứu khoa học. Nhà trường mới chỉ sử dụng các chức năng của hệ thống Web của Google Scholar để lấy số liệu về trích dẫn của các công bố của trường. Theo thống kê từ năm 2017 đến 2021, các bài báo khoa học đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội nghị khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế của Trường ngày càng tăng.

Những năm gần đây, nhờ việc triển khai các giải pháp tích cực (khuyến khích công bố quốc tế, ưu tiên xét chọn các đề tài có công bố trên tạp chí/kỷ yếu hội nghị hội thảo chuyên ngành,...) và sự tích cực của đội ngũ CBGV số lượng công bố khoa học trên các tạp chí/kỷ yếu Hội nghị khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế đã được tăng về số lượng cũng như chất lượng.

Để cải tiến nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và các công bố khoa học nhà trường đã rà soát và cải tiến chính sách nghiên cứu khoa học như: gắn hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những tiêu chí để xét thi đua khen thưởng, thưởng bằng tiền đối với bài báo khoa học đăng tạp chí quốc tế trong danh mục ISI, SCOPUS và bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài được

thể hiện trong Quy chế chỉ tiêu nội bộ trường. Nhà trường có chế tài xử lý với trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ NCKH theo Quy định về công tác thi đua khen thưởng của trường. Theo đó, giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ NCKH sẽ được đánh giá ở mức không hoàn thành nhiệm vụ khi xét thi đua năm học. Ngoài ra, Nhà trường có chế tài xử lý đạo văn các sản phẩm học thuật theo Quy định về kiểm sát và xử lý đạo văn các sản phẩm học thuật.

Để tạo điều kiện cho các nhà khoa học trong trường công bố các nghiên cứu của mình, Nhà trường có chính sách khuyến khích CBGV công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế thay thế cho thực hiện đề tài NCKH. Ngoài ra nhà trường đã định kỳ xuất bản các sổ của trường,

Nhà trường đã đăng cai tổ chức các Hội nghị khoa học chuyên ngành có sự tham gia của các nhà khoa học hàng đầu về lĩnh vực...

Để đánh giá loại hình và số lượng các công bố khoa học năm 2017 Nhà trường đã tiến hành rà soát hoạt động KH&CN. Trong giai đoạn này nhà trường tiến hành đối sánh nội bộ loại hình và số lượng công bố khoa học

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trên cơ sở các quy định về SHTT do Nhà nước ban hành, Nhà trường có chính sách quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ, trong đó có quy định về loại hình, số lượng tài sản trí tuệ.

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình và số lượng tài sản trí tuệ. Nhà trường xác định việc nâng cao hiểu biết về quyền SHTT cho cán bộ, GV, sinh viên và học viên và gia tăng số lượng sản phẩm KH&CN không vi phạm quyền SHTT là một trong những hoạt động được ưu tiên của Nhà trường. Nhà trường đã ban hành hướng dẫn cụ thể về hình thức, cách trích dẫn... được coi là một tiêu chí trong việc đánh giá, nghiệm thu đề tài KH&CN. Đối với bài đăng trên Tạp chí của trường, Nhà trường có quy định cụ thể về trách nhiệm của tác giả trong việc gửi bài, bản quyền bài viết, nguồn tài liệu bài viết, biểu mẫu trình bày.

Trong thực tiễn triển khai các công tác về quản lý tài sản trí tuệ, Nhà trường đã thực hiện việc bảo hộ bản quyền và kết quả nghiên cứu theo quy định. Hàng năm, Nhà trường cấp giấy chứng nhận kết quả thực hiện đề tài, nhiệm vụ NCKH của CB, GV khi hoàn thành nhiệm vụ NCKH và được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu về hoạt động KH&CN của Trường. Việc tăng cường phổ biến, công khai

các kết quả NCKH tại website, lưu Thư viện theo quy định lưu trữ của Nhà nước và của ngành góp phần đảm bảo quyền SHTT đối với các kết quả NCKH của Nhà trường.

Mặc dù, chưa có bằng sáng chế độc quyền, giải pháp hữu ích của CB, GV được cấp. Tuy nhiên, các sản phẩm nghiên cứu khoa học của trường được bảo vệ và đánh giá nghiệm thu theo đúng quy định. Các bài báo được đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế đều được phản biện trước khi được đăng. Giáo trình đều được thẩm định đánh giá trước khi xuất bản. Kết quả đối sánh loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của trường cho thấy hoạt động sở hữu trí tuệ còn ở mức khiêm tốn so với các trường đại học; thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ hằng năm cũng đã được chú trọng và có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của CSGD.

Nhà trường có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn. Xây dựng chủ trương và kế hoạch triển khai việc nâng cao nhận thức về TSTT đối với các đầu mối quản lý và toàn thể CBGV, học viên, SV; Nâng cao sự quan tâm đúng mức của các đầu mối quản lý và toàn thể CBGV, CBNC, học viên, SV đối với hoạt động rà soát, đánh giá kết quả SHTT. Để triển khai có hiệu quả công tác SHTT, hàng năm nhà trường cử cán bộ tập huấn về quản lý SHTT. Nhà trường triển khai đồng bộ hệ thống theo dõi trích dẫn, giám sát các chỉ số đối với các công bố ISI, Scopus; có kế hoạch thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các TSTT với các CSGD ĐH khác trong và ngoài nước để xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu hoạt động.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Kinh phí chi cho hoạt động khoa học và công nghệ là nguồn lực quan trọng nhất cho hoạt động nghiên cứu góp phần trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đồng thời cũng là nguồn thu cải thiện thu nhập cho CBGV. Chính vì vậy, trong định hướng chiến lược phát triển tổng thể Nhà trường cùng với các văn bản quy định về công tác tài chính có quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. Hàng năm, Nhà trường có phân bổ dự toán ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu. Tổng chi cho hoạt động NCKH bước đầu đáp ứng cho công tác NCKH của trường và theo các quy định

hiện hành. Việc thực hiện phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu được Ban Giám hiệu giao cho phòng KHTC phối hợp với Trung tâm KHCN-TT&TV xây dựng kế hoạch kinh phí và triển khai kinh phí theo năm học.

Kinh phí NCKH của Nhà trường lấy từ nguồn ngân sách Nhà nước và Ngân sách chi sự nghiệp đào tạo của Nhà nước cấp cho trường hàng năm và từ các hoạt động hợp tác nghiên cứu khác cụ thể:

Kinh phí chi cho NCKH chủ yếu là từ nguồn Ngân sách Nhà nước cho các đề tài cấp Bộ. Đối với hoạt động KH&CN cấp cơ sở hàng năm, Nhà trường có chi kinh phí cho tổ chức Hội nghị, Hội thảo Khoa học, các Hội đồng đánh giá nghiệm thu và các hoạt động khác cho NCKH. Trong 5 năm vừa qua, Nhà trường đã chi kinh phí cho đề tài KHCN cấp cơ sở ngày càng tăng về số lượng đề tài và kinh phí cấp cho mỗi đề tài.

Để nâng cao hiệu quả ngân quỹ cho từng hoạt động nghiên cứu, Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của GV, cán bộ nghiên cứu về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. Kết quả khảo sát cho thấy: nhà trường có ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu, từng loại ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu được công khai minh bạch. Tuy nhiên, các ý kiến tập trung biện pháp cho rằng cần thực hiện chi kinh phí cho đề tài NCKH cấp cơ sở và cần tăng cường kinh phí cho cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu.

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và đảm bảo các nguồn thu cho nghiên cứu khoa học, Nhà trường thực hiện đối sánh, điều chỉnh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu hằng năm.

Kết quả cho thấy kinh phí chi cho đề tài cấp Bộ không đều theo các năm do số đề tài và kinh phí được duyệt khác nhau. Kinh phí chi cho đề tài cấp cơ sở và NCKH của sinh viên còn hạn chế với mức đầu tư khá thấp từ ... triệu đồng đến ... triệu đồng. Như vậy, có thể thấy tỷ lệ kinh phí KHCN nói chung và tỷ lệ kinh phí dịch vụ KHCN và chuyển giao tri thức trên tổng kinh phí hoạt động KHCN hàng năm hiện đang còn thấp, cần phải được cải thiện hơn nữa.

Để nâng cao mức đầu tư cho từng loại hoạt động nghiên cứu, Nhà trường đưa ra các biện pháp, các bài học kinh nghiệm cũng như lấy ý kiến rộng rãi của CB, viên chức trong trường về các biện pháp đẩy mạnh hoạt động KHCN và tăng nguồn thu từ hoạt động KHCN.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm, chuyển giao) trong hoạt động KH&CN của trường.

Phòng Quản lý khoa học là đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch thu thập học thu thập thông tin phản hồi của cán bộ, giảng viên và sinh viên về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo.

Nhà trường có cơ chế, chính sách khuyến khích giảng viên, cán bộ nghiên cứu chủ động tìm kiếm, thực hiện các nhiệm vụ KHCN đặt hàng từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành Đoàn... Trong 5 năm qua các hợp đồng đề tài cấp Nhà nước, Bộ, Tỉnh thành tăng đáng kể.

Trong giai đoạn đánh giá từ năm 2017 đến 2021, Nhà trường có các kết quả NCKH được chuyển giao. Số lượng các hợp đồng tư vấn, hợp đồng khoa học tăng nhanh và mang về nguồn thu cho Nhà trường.

Hoạt động đổi mới sáng tạo trong CBGV và SV được triển khai thông qua các hoạt động của các tổ chức đoàn thể: Công đoàn và Đoàn Thanh niên tổ chức nhiều các hoạt động dành cho CB, GV và người học. Nhà trường giao cho phòng Đào tạo và Công tác sinh viên hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho CBGV và SV, tạo sân chơi đổi mới sáng tạo thường xuyên trong Nhà trường như tổ chức CLB cho sinh viên, tổ chức CLB Bóng đá tại sân Bóng đá trường và tổ chức các CLB sở thích tại các địa điểm, sân tập của nhà trường.

Để nâng cao kết quả nghiên cứu và sáng tạo Nhà trường đối sánh kết quả nghiên cứu và sáng tạo của trường với Trường trong những năm qua, số lượng các nghiên cứu và sáng tạo ngày càng tăng về số lượng và chất lượng.

Để nâng cao chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo. Nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo, đồng thời trên cơ sở thông tin phản hồi của cán bộ, giảng viên, sinh viên về kết quả nghiên cứu và sáng tạo nhà trường cải tiến chính sách về hoạt động khoa học và công nghệ trong đó có chính sách về kết quả nghiên cứu và sáng tạo

Giảng viên và sinh viên tham gia các giải thưởng khoa học và đã mang về nhiều thành tích cao cho Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Nhà trường đã xây dựng đầy đủ các chiến lược và kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn bám sát sứ mạng, mục tiêu của nhà trường.
2. Các CBGV của Trường đẩy mạnh công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí/ Hội thảo khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế.
3. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi về quyền lợi, trang thiết bị và hỗ trợ kinh phí cho sinh viên nghiên cứu khoa học.
4. Nhà trường có chính sách khuyến khích CBGV công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành trong nước, quốc tế và thực hiện đề tài NCKH.
5. Nhà trường có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn. Xây dựng chủ trương và kế hoạch triển khai việc nâng cao nhận thức về TSTT đối với các đầu mối quản lý và toàn thể CB, GV, học viên, SV...
6. Nhà trường cấp kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng tăng và đảm bảo các khuyến khích để các hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển.
7. Nhà trường có nhiều hoạt động nghiên cứu và sáng tạo.
8. Giảng viên và sinh viên đạt được nhiều thành tích cao trong nghiên cứu khoa học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Rà soát các sản phẩm nghiên cứu, phối hợp với chủ nhiệm đề tài đăng ký sản phẩm sở hữu trí tuệ.
2. Tăng cường các hoạt động và loại hình sinh viên nghiên cứu khoa học.
3. Tổ chức nhiều giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Khoa và Trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
----	----------	----------	---------------------------------	--	---------

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Rà soát các sản phẩm nghiên cứu, phối hợp với chủ nhiệm đề tài đăng ký sản phẩm sở hữu trí tuệ	Phòng QLKH, chủ nhiệm đề tài	Thường xuyên	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường các hoạt động và loại hình sinh viên nghiên cứu khoa học.	P.QLKH &ĐTSDH , các Khoa	Thường xuyên	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tổ chức nhiều giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Khoa và Trường.			
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát chính sách, đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp sứ mạng, mục tiêu của nhà trường.	Phòng QLKH	Thường xuyên	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Đẩy mạnh công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí/ Hội thảo khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế	Phòng QLKH	Thường xuyên	
6	Phát huy điểm mạnh 3	Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi về quyền lợi, trang thiết bị và hỗ trợ kinh phí cho sinh viên nghiên cứu khoa học.	Phòng QLKH &ĐTSDH	Thường xuyên	
7	Phát huy điểm mạnh 4	Nhà trường có chính sách khuyến khích CBGV công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành trong nước, quốc tế và thực hiện đề tài NCKH.	Phòng QLKH	Thường xuyên	
8	Phát huy điểm mạnh 6	Nhà trường cấp kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng tăng và đảm bảo các	Phòng QLKH	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		khuyến khích để các hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển.			
9	Phát huy điểm mạnh 7	Nhà trường có nhiều hoạt động nghiên cứu và sáng tạo.	Phòng QLKH	Thường xuyên	
10	Phát huy điểm mạnh 8	Giảng viên và sinh viên đạt được nhiều thành tích cao trong nghiên cứu khoa học.	Phòng QLKH	Thường xuyên	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 23	5.00
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	5
Tiêu chí 23.3	5
Tiêu chí 23.4	5
Tiêu chí 23.5	5
Tiêu chí 23.6	5

Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Đối với mỗi chương trình vận động tài trợ bên ngoài cũng như quyên góp ủng hộ từ người học, Đoàn Thanh niên đều ban hành các văn bản liên quan như: Quy định tài trợ các chương trình của Ban Chấp hành Đoàn trường đối với các đơn vị doanh nghiệp [H24.24.01.01], Quyên góp ủng hộ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng do lũ lụt [H24.24.01.02], Thông báo đóng góp ủng hộ quỹ "Xây dựng nhà

tình bạn" [H24.24.01.03]. Đồng thời sau khi kết thúc vận động đều sẽ ban hành các văn bản nhằm công khai tất cả các khoản đã vận động được như: Biên bản tài trợ của các đơn vị doanh nghiệp [H24.24.01.04], Bản sao kê công khai số tiền ủng hộ quỹ "Xây dựng nhà tình bạn" [H24.24.01.05], Biên bản bàn giao ủng hộ đồng bào miền Trung [H24.24.01.06].

Ngoài ra, Đoàn Thanh niên thường xuyên tổ chức các cuộc họp với các đơn vị Đoàn Khoa để lắng nghe ý kiến để cải tiến các hoạt động được tốt hơn cũng như công khai các khoản vận động nhằm thể hiện sự minh bạch, rõ ràng trong công tác tài chính như: Biên bản họp Ban Chấp hành Đoàn Trường và biên bản họp Ban Chấp hành Đoàn mở rộng [H24.24.01.07], Các ý kiến đóng góp của các đơn vị Đoàn Khoa [H24.24.01.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Sau mỗi chương trình kết nối với đơn vị địa phương, Đoàn Thanh niên thường thống kê những phần việc, số lượng phần quà, số lượng người học tham gia để đánh giá mức độ hỗ trợ được cho địa phương thông qua Báo cáo tổng kết chiến dịch Mùa hè xanh và chương trình Xuân tình nguyện [H24.24.02.01]. Ngoài ra, cũng sẽ có buổi trao đổi với đơn vị địa phương để lắng nghe nhận xét và đóng góp về các hoạt động hỗ trợ của Đoàn Thanh niên để có thể cải tiến tốt hơn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hoạt động kết nối và PVCĐ là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển của Trường ĐH CNTP TP.HCM (HUFI). Hoạt động kết nối và PVCĐ được thiết lập để duy trì sự gắn kết giữa Nhà trường với cộng đồng địa phương, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể và các tổ chức quốc tế nhằm tối đa hóa lợi ích trong quá trình đào tạo và phát triển. Hoạt động kết nối và PVCĐ thể hiện trong nhiều lĩnh vực như: đào tạo, nghiên cứu, hợp tác, chăm lo đời sống... Nó đã dần làm thay đổi nhận thức, thái độ, thúc đẩy tinh thần làm việc cũng như đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho CB-GV-NV, SV của Trường. Đồng thời, nó cũng làm thay đổi cách nhìn của cộng đồng đối với Nhà trường theo hướng tích cực, có lợi cho cả đôi bên.

Đối với đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên: hàng năm, Nhà trường và Công Đoàn Trường phát động nhiều hoạt động kết nối và PVCĐ cho CB-GV-NV như: các hoạt động chào mừng, kỷ niệm ngày lễ lớn; chăm lo Tết nguyên đán cho cán bộ hưu trí và CB- GV-NV trong Nhà trường; trao các phần quà cho các CB- GV- NV có hoàn cảnh khó khăn đón Tết; nhiều hoạt động chăm lo Tết Trung thu, Tết Thiếu nhi cho các cháu... [H24.24.03.01]. Ủng hộ SV vui Tết xa nhà, ủng hộ chiến dịch Mùa hè xanh, quỹ khuyến học, hiến máu nhân đạo, ủng hộ đồng bào thiên tai bão lũ... [H24.24.03.02]. Thông tin cụ thể được thể hiện qua các Bảng 24.3.1, 24.3.2 và 24.3.3 sau:

Bảng 24.3.1 Thống kê số lượng CB-GV-NV và SV tham gia HĐ tình nguyện Giai đoạn 2017 – 2021

Số lượng CB-GV-NV và SV tham gia hoạt động tình nguyện										
Năm học	2017		2018		2019		2020		2021	
Đối tượng	CB, GV, NV	SV	CB, GV, NV	SV	CB, GV, NV	SV	CB, GV, NV	SV	CB, GV, NV	SV
Mùa hè xanh										
Hiến máu nhân đạo										
Xuân tình nguyện										
Tự tin đến trường										
Tết Trung thu										

Bảng 24.3.2 Thống kê số lượng CB-GV-NV tham gia HĐ nghĩa tình Giai đoạn 2017 – 2021

Số lượng CB-GV-NV tham gia quyên góp	Năm học					Tổng trị giá tiền mặt đã quyên góp (VNĐ)
	2017	2018	2019	2020	2021	
Quỹ						

khuyến học						
Ủng hộ đồng bào thiên tai, bão, lũ,..						

Bảng 24.3.3 Thống kê mức độ tham gia các HĐ PVCD của CB-GV-NV giai đoạn 2017 – 2021

Loại hoạt động PVCD	Năm học	Mức độ tham gia của CB-GV-NV /Số lượng tham gia n lần			
		1 lần	2 lần	3 lần	> 3 lần
Mùa hè xanh	2017				
	2028				
	2018				
	2020				
	2021				
Tổng (lượt người):					
Hiến máu nhân đạo	2017				
	2028				
	2018				
	2020				
	2021				
Tổng (lượt người):					

Thông qua các hoạt động trên và sự vận dụng các mô hình học tập PVCD một cách sáng tạo đã nâng cao nhận thức, tình cảm của CB-GV-NV. Điều đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, phục vụ chiến lược phát triển của Nhà trường.

Trong lĩnh vực NCKH, hợp tác Quốc tế, Nhà trường luôn tạo cơ chế khuyến khích CB-GV-NV tham gia nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Các giảng viên được Nhà trường hỗ trợ chính sách học tập để hoàn thiện, nâng cao bằng cấp, chuyên môn và nghiệp vụ. Việc vận dụng kết quả NCKH vào công tác giảng dạy cũng được chú trọng thể hiện qua các hội thảo KH định kỳ cấp Trường, cấp đơn vị, qua các phiếu đăng ký cải tiến PP dạy học hàng năm. Điều này đem lại hiệu quả tích cực đối với công tác giảng dạy của GV Trường [H24.24.03.04].

Hoạt động kết nối và PVCD được Nhà trường đưa vào làm một trong các tiêu

chỉ đánh giá mức độ hoàn thành công việc của CB-GV-NV trong năm học. Để hoàn thành nhiệm vụ của năm học thì mỗi cán bộ, GV, nhân viên phải hoàn thành khối lượng công việc theo quy định, ví dụ như thời gian làm việc của mỗi giảng viên trong năm học là 1760 giờ, trong đó có 900 giờ giảng dạy (tương đương 300 tiết chuẩn), 586 giờ nghiên cứu khoa học và 274 giờ hoạt động khác; mỗi CB-GV-NV tham gia hoạt động của các tổ chức đoàn thể mà đạt giải nhất/nhì/ba được cộng tối đa 02 điểm; tham gia hoạt động của các tổ chức đoàn thể được cộng tối đa 01 điểm; tham gia xây dựng, đóng góp cho đơn vị được cộng tối đa 02 điểm; tham gia các hoạt động của HUFİ khi được mời hoặc triệu tập được cộng tối đa 01 điểm; chủ nhiệm đề tài dự án cấp Nhà nước và tương đương (đã nghiệm thu) được cộng 20 điểm/đề tài; tác giả chính bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI được 10 điểm/bài; được các tổ chức, cơ quan ngoài HUFİ ghi nhận thành tích (có minh chứng cụ thể) được cộng 03 điểm; có vấn/giám khảo các cuộc thi học thuật, câu lạc bộ của sinh viên được cộng 02 điểm; tham gia các hoạt động đoàn thể, phong trào của đơn vị và của Trường được hội đồng ĐGKQTHCV nhận xét là tích cực được cộng 02 điểm...[H24.24.03.05]. Từ đó, tạo động lực thúc đẩy cho mỗi CB-GV-NV ngày càng hoàn thiện và phát triển toàn diện.

Đối với NH: Nhà trường luôn chú trọng đến sự phát triển toàn diện cho SV của Trường. Hàng năm, Phòng P.CTSV&TTGD và ĐTN luôn phát động các chương trình tình nguyện như: Mùa hè xanh, Hiến máu nhân đạo, Tiếp sức mùa thi, ... Tất cả các hoạt động đều được SV trong Trường hưởng ứng và chủ động đăng kí tham gia với tinh thần tự nguyện [H24.24.03.03]. Kết quả đánh giá hoạt động kết nối và PVCD được tích lũy vào điểm rèn luyện của SV, nhưng quan trọng là đã giúp SV trau dồi kỹ năng, nhận thức, thái độ, tinh thần làm việc tập thể, hòa nhập cộng đồng [H24.24.03.07]. Kết quả thống kê qua 5 năm cho thấy, số lượng SV tham gia qua các năm ngày càng tăng về số lượng và đa dạng các hoạt động, kinh phí huy động được từ xã hội cũng gia tăng (Bảng 24.3.1, Bảng 24.3.4).

Bảng 24.3.4 Thống kê mức độ tham gia các hoạt động PVCD của SV Giai đoạn 2017 – 2021

Loại hoạt động PVCD	Năm học	Số lượng Sv tham gia
Mùa hè xanh (hoạt động chỉ tổ chức 1 năm/1 lần)	2017	
	2028	
	2018	
	2020	
	2021	

Tổng (lượt người):		
Hiển máu nhân đạo	2017	
	2028	
	2018	
	2020	
	2021	
Tổng (lượt người):		
Trung thu (hoạt động chỉ tổ chức 1 năm/1 lần)	2017	
	2028	
	2018	
	2020	
	2021	
Tổng (lượt người):		

Hoạt động kết nối và PVCD là một trong các tiêu chí để đánh giá NH. Cụ thể là: NH hoạt động tích cực tại câu lạc bộ, đội, nhóm về học tập, nghiên cứu khoa học (có đề tài NCKH cấp trường, có bài viết được đăng trên tạp chí KH/ tạp san của Trường, có bài tham luận, báo cáo chuyên đề tại Hội thảo khoa học, tham dự các cuộc thi học thuật do Trường tổ chức) được cộng 05 điểm/hoạt động; NH được biểu dương, khen thưởng cấp Trường hoặc phường (xã) vì có thành tích trong công tác xã hội và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được cộng 10 điểm; NH tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội được cộng 05 điểm/(GCN hoặc giấy khen); NH có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến công tác tổ chức các hoạt động bị trừ 05 điểm/ lần; đạt giải I, II, III cấp thành phố, khu vực, giải I, II, III, khuyến khích cấp toàn quốc tại các cuộc thi học thuật, các hoạt động nghiên cứu khoa học được cộng 10 điểm... Từ đó, tạo động lực thúc đẩy SV ngày càng phát triển toàn diện cả về năng lực chuyên môn và kỹ năng sống [H24.24.03.06].

Qua những hoạt động kết nối và PVCD, CB-GV-NV và SV trong Trường có ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân, tập thể trong công tác cộng đồng. Sau mỗi hoạt động KN & PVCD, Trường luôn tiến hành khảo sát sự tác động của mỗi hoạt động đối với CB-GV-NV, SV của Trường, những người trực tiếp hoặc không trực tiếp tham gia bằng các hình thức như phiếu khảo sát, khảo sát online, các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, TV...) [H24.03.03.08] nhằm chỉ ra những điểm đã đạt được và những điểm tồn tại để từ đó đưa ra các phương hướng cải tiến chất lượng về hoạt động kết nối và PVCD đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên cho năm học tiếp theo [H24.03.03.09], [H24.03.03.010].

Tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ còn là dịp để mỗi CB-GV-NV và SV những đối tượng hưởng lợi trong chuỗi giá trị được chia sẻ và được thấu hiểu, thông cảm để rồi chính họ sẽ là những đại sứ truyền thông tích cực, hiệu quả nhất, giúp cho mỗi cá nhân và Nhà trường ngày một phát triển đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, DN và xã hội.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, góp phần phát triển cho xã hội được Nhà trường quan tâm, chú trọng và thể hiện rõ trong chiến lược phát triển trường ĐHCNTP TP.HCM giai đoạn 2020 – 2025; tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi của Trường ĐHCNTP TP.HCM; kế hoạch thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục đại học năm học của Trường ĐHCNTP TP.HCM [H24.24.04.01]. Nhà trường luôn có mong muốn và giải pháp để nắm bắt được mức độ đáp ứng của Trường đối với cộng đồng trong các hoạt động gắn kết, cung cấp các dịch vụ PVCĐ. Mọi công tác triển khai của Trường đều có sự phối hợp của các bên liên quan nhằm xây dựng kế hoạch hoạt động đồng bộ, hiệu quả [H24.24.04.02]. Sau mỗi hoạt động, Nhà Trường và các bên liên quan luôn tiến hành rà soát lại hiệu quả hoạt động và đánh giá tác động của chúng đến các bên liên quan để rút ra được bài học, kinh nghiệm cho các hoạt động tiếp theo. Trường đã tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, ghi nhận các góp ý của từng hoạt động hoặc sau khi có kết quả hoạt động, phân tích mức độ hài lòng của các bên liên quan. Để từ đó, Nhà Trường có những điều chỉnh, cải tiến kịp thời để đem lại hiệu quả kết nối và PVCĐ cao nhất, mang lại sự hài lòng nhất cho các bên liên quan.

Đối với SV: Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến SV về các vấn đề hoạt động kết nối và PVCĐ để đánh giá mức độ hài lòng của SV như kế hoạch khảo sát hài lòng của SV về KNM hoạt động hỗ trợ sinh viên, mức độ hài lòng về dịch vụ hỗ trợ; kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học; kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa về toàn khóa học; kế hoạch đối thoại sinh viên ... để từ đó có những cải tiến thiết thực. Qua đó, Nhà Trường đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo để phát triển toàn diện cho SV. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của SV về hoạt động hỗ trợ của Trường ngày càng tăng [H24.24.04.03].

Đối với CSV: Trường xây dựng mạng lưới liên kết với CSV để thu thập ý kiến đánh giá của CSV về chất lượng đào tạo, qua đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo để cạnh tranh tốt hơn trong việc cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường [H24.24.04.04].

Đối với DN: TT.TS&TT luôn triển khai lấy ý kiến của DN về các khâu tổ chức "Ngày hội việc làm" [H24.24.04.05] để rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng hợp tác với DN. Qua đó, hoạt động tổ chức Ngày hội việc làm đi vào thực chất hơn; ngày càng mở rộng quy mô, đa dạng hóa các đầu việc mang đến nhiều cơ hội việc làm cho SV Trường [H24.24.04.06]. Trường còn thực hiện việc thu thập những phản hồi, đánh giá của DN đối với những sản phẩm đào tạo của Trường; cũng như phản hồi của SV tốt nghiệp về sự đáp ứng của CTĐT với công việc thực tế. Kết quả giám sát và đối sánh qua các năm học Trường luôn nhận được phản hồi tích cực từ phía DN, SV đã tốt nghiệp [H24.24.04.07].

Dựa trên kết quả tuyển dụng Trường nhận thấy 100% nhà tuyển dụng hài lòng về chất lượng SV tốt nghiệp của ĐH CNTP TP. HCM. Bên cạnh đó, nguồn tin từ các cơ quan Báo/Đài cũng là nguồn thông tin đáng tin cậy giúp Trường nhận định rõ hơn về hoạt động kết nối DN [H24.24.04.08].

Các ý kiến góp ý về các hoạt động đều được BGH và các đơn vị liên quan ghi nhận và triển khai thực hiện theo đúng nội dung đã ghi nhận trong biên bản, một số ý kiến nêu ra trong cuộc họp đều có phản hồi tích cực từ lãnh đạo Trường và các đơn vị chức năng liên quan. Hàng năm, Trường tổ chức họp CB chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp vào việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới, góp ý cho hoạt động Trường đặc biệt là các hoạt động NCKH, đối ngoại – HTQT, liên kết đào tạo, kết nối DN và PVCĐ [H24.24.04.09]. Từ đó, Nhà trường đưa ra kế hoạch cho năm học, giai đoạn tiếp theo phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan [H24.24.04.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Luôn lắng nghe ý kiến đóng góp của các đơn vị Đoàn Khoa.
2. Công khai, minh bạch trong công tác tài chính.
3. Kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh.
4. Lắng nghe nhận xét và đóng góp của đơn vị địa phương để phát huy tốt hơn

các hoạt động của Đoàn Thanh niên.

5. Tùy theo các hoạt động kết nối và PVCD khác nhau mà Nhà trường có sự phân công thực hiện phù hợp với từng đơn vị chuyên trách. Từ đó mang lại hiệu quả tối đa trong khả năng và quy mô.

6. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội đã được Nhà trường chú trọng và giao cho từng bộ phận chuyên trách phụ trách. Mức độ hài lòng của NH, cán bộ, GV, nhân viên ngày càng tăng cao. Từ đó mang lại hiệu quả tối đa trong công việc.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Chưa khơi gợi được nhiều sự đóng góp của một số đơn vị.
2. Còn một số chương trình tự phát.

3. Vấn đề tồn tại là các hoạt động kết nối và PVCD chưa được quy định riêng mà vẫn còn lồng ghép trong các hoạt động của Nhà trường dẫn đến chưa lan tỏa hết toàn bộ NH, cán bộ, GV, nhân viên trong Nhà trường, còn một bộ phận chưa tận dụng các lợi ích mà các hoạt động đó mang lại.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Chưa khơi gợi được nhiều sự đóng góp của một số đơn vị.	Đoàn Thanh niên	Tháng 01/2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Rà soát lại các chương trình tự phát.	Đoàn Thanh niên	Thường xuyên	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tuyên truyền và phổ biến sâu rộng các hoạt động kết nối và PVCD đến NH và cán bộ, GV, nhân viên trong Nhà trường bằng cách đưa về từng đơn vị cụ thể, công khai trên website, và đánh	P.TCHC; P.CTSV& TTGD	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		giá thi đua cuối tháng dựa vào mức độ các hoạt động trong tháng đánh giá.			
4	Phát huy điểm mạnh 2	Công khai, minh bạch công tác tài chính	Đoàn Thanh niên	Thường xuyên	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Lắng nghe ý kiến và đóng góp của đơn vị địa phương	Đoàn Thanh niên	Thường xuyên	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Nhà trường đã đưa tiêu chí tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên vào trong bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Và Nhà trường đã từng bước nêu cao và từng bước lan tỏa tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đến NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên.			

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 24</i>	5.00
Tiêu chí 24.1	5
Tiêu chí 24.2	5
Tiêu chí 24.3	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 24.4	5

Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM (HUFI) đã xác định về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, cụ thể như sau:

Về Đào tạo: Chỉ tiêu tài chính được xác lập dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh theo từng năm [H25.25.01.01] và Kết quả tuyển sinh hằng năm cho thấy Nhà trường đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra [H25.25.01.02].

Về Nghiên cứu khoa học: là kết quả hoạt động NCKH được xác lập bởi số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, các ấn phẩm hay chỉ số trích dẫn của các bài báo trên các tạp chí. Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý và nhiệm vụ hoạt động NCKH [H25.25.01.03] thông qua báo cáo tổng kết hoạt động NCKH hằng năm [H25.25.01.04]. Trường có các chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích, nâng cao chất lượng NCKH cụ thể: đối với bài báo khoa học công bố trên các tạp chí thuộc danh mục tạp chí nước ngoài thuộc SCIE, SCI, ISI... được hỗ trợ từ 15.000.000 đồng - 75.000.000 đồng [H25.25.01.05]; hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài NCKH cấp Trường đối với giảng viên và sinh viên trên 3 tỷ đồng/năm học [H25.25.01.06] và các hoạt động hỗ trợ khác [H25.25.01.07]

Về Phục vụ cộng đồng: là kết quả của hoạt động được ghi nhận bởi sự tác động của hoạt động kết nối cộng đồng tới sinh viên và đội ngũ cán bộ của Nhà trường thông qua các hoạt động tình nguyện các phong trào và hoạt động sinh viên. Nhà trường triển khai dạy kỹ năng mềm miễn phí cho các học sinh THPT và sinh viên trường [H25.25.01.08]. Hằng năm, Nhà trường thực hiện nhiều hoạt động phục vụ cộng đồng như: “Mùa hè xanh”, Xuân tình nguyện, hiến máu nhân đạo,... mỗi hoạt động trên đều có kế hoạch và qui định cụ thể [H25.25.01.09], Ngoài ra hằng năm trường dành nhiều kinh phí cho các hoạt động phong trào sinh viên, phong trào học thuật [H25.25.01.10] giúp sinh viên năng động hơn và tiếp cận nhanh với môi trường học thuật nghiên cứu khoa học.

Các hoạt động từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường bao gồm: Học phí, kinh phí đào tạo, lệ phí, đào tạo ngắn hạn, hợp đồng chuyển giao công nghệ, dự án đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước.... Các khoản chi đều thực hiện đúng với quy định của Nhà

trường và các quy định hiện hành của Nhà nước như chi cho con người, chi cho hoạt động đào tạo, chi cho NCKH và phục vụ cộng đồng, chi cho các chính sách khuyến khích giảng viên và sinh viên, sinh viên và nghiên cứu khoa học thông qua Bảng thống kê kết quả tài chính hàng năm [H25.25.01.11].

Trên cơ sở kết quả tài chính thu chi thực tế từng năm, Nhà trường xác lập các chỉ số tài chính, định mức và kế hoạch cụ thể hàng năm cho các chỉ số doanh thu và chi phí từ các khoản mục nguồn thu và nguồn chi đúng với các quy định tài chính của pháp luật [H25.25.01.12]

– Chỉ số tài chính về doanh thu bao gồm:

+ Nguồn thu từ hoạt động đào tạo: Học phí, kinh phí đào tạo, lệ phí, đào tạo ngắn hạn [H25.25.01.13].

+ Nguồn thu từ nghiên cứu khoa học: Đề tài, dự án cấp Bộ, cấp Nhà nước....[H25.25.01.14].

+ Nguồn thu từ chính sách phục vụ cộng đồng được xác lập bởi nhu cầu xã hội: Về việc khai thác cho thuê tài sản từ cho thuê mặt bằng, căn tin và các hoạt động của Nhà trường

– Chỉ số tài chính về các khoản chi phí bao gồm:

+ Nguồn chi cho hoạt động đào tạo: Chi cho con người, học bổng sinh viên, chi cho hoạt động đào tạo khác [H25.25.01.13].

+ Nguồn chi cho NCKH: chi cho các hội thảo khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, cho các bài đăng tạp chí khoa học, cho viết giáo trình, chi cho đầu tư trang thiết bị phục vụ cho tiềm năng nghiên cứu khoa học. [H25.25.01.14].

+ Nguồn chi cho hoạt động phục vụ cộng đồng: Chi cho các tài trợ hỗ trợ chính sách bên ngoài như: chi hoạt động tình nguyện (mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, ...) [H25.25.01.15], hoạt động do Công đoàn Trường phát động [H25.25.01.16], [H25.25.01.17]

Việc giám sát được phòng Kế hoạch - Tài chính rà soát, kiểm tra một cách chặt chẽ thông qua việc báo cáo quyết toán tài chính được đơn vị cấp trên duyệt hàng năm [H25.25.01.18], phòng Kế hoạch - Tài chính hàng năm đã lập báo cáo công tác tài chính cũng như báo cáo tình hình thực hiện dự toán nhằm đánh giá việc thực hiện hoạt động của Nhà trường và đưa ra những phương hướng kiểm soát cũng như cải tiến chất lượng và nâng cao hiệu quả của hoạt động tài chính qua báo cáo tổng kết

công khai trong hội nghị Tổng kết VC, NLĐ [H25.25.01.19]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Xu hướng kết quả hoạt động thị trường của Nhà trường là xây dựng HUFI vững mạnh về trí lực, nhân lực và vật lực đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược mà Nhà trường đã đề ra, tăng tỷ lệ đóng góp của Trường cho xã hội, khẳng định thương hiệu và vị thế của HUFI trong hệ thống GDĐH Việt Nam. Trường có xác định cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ thể hiện trong kế hoạch chiến lược giai đoạn 2015 – 2020 [H25.25.02.01] và được cụ thể hóa trong kế hoạch hoạt động hàng năm [H25.25.02.02]. Các chỉ số thị trường giáo dục của HUFI có thể tóm tắt trong bảng 25.2 dưới đây:

Bảng 25.2. Các chỉ số thị trường giáo dục của HUFI

STT	Nhóm chỉ số thị trường giáo dục	Chỉ số chính
1	Hoạt động đào tạo	1.1. Số lượng SV theo học
		1.2. Quy mô tuyển sinh
		1.3. Tỷ lệ SV trúng tuyển
		1.4. Số lượng CTĐT đạt chuẩn chất lượng
2	NCKH	2.1. Số bài báo công bố quốc tế
		2.2. Vị trí xếp hạng công bố quốc tế
3	PVCĐ	3.1. Vị trí xếp hạng Webometrics
		3.2. Tỷ lệ có việc làm của NH tốt nghiệp
		3.3. Số NH tham gia hiến máu nhân đạo

Để triển khai thực hiện các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, các đơn vị như TT.TS&TT, TT.QLCL, P.QLKH&CN, P.CTSV&TTGD và Đoàn trường căn cứ vào chỉ tiêu được giao tiến hành xây dựng kế hoạch, phân công nhân sự theo dõi, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện [H25.25.02.03]. Cuối mỗi năm học P.TCHC phối hợp với các đơn vị tiến hành tổng hợp dữ liệu, phân tích và từ đó xây dựng báo cáo tổng kết năm học, trong đó có thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Từ đó có đề xuất phương hướng và dự kiến điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ cho năm học tiếp theo [H25.25.02.04].

Kết quả thực hiện các chỉ số thị trường đều được lấy ý kiến phản hồi của các thành viên Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng ĐBCL, các đơn vị trong toàn trường và cuối cùng thông qua Hội nghị viên chức để xác lập chỉ tiêu mới làm cơ sở để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động cho năm học tiếp theo [H25.25.02.05]. Ngoài ra, năm 2020, Đại hội Đảng bộ Trường cũng tiến hành đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu giai đoạn 2015 – 2020, đồng thời đề ra phương hướng và các chỉ tiêu phấn đấu cho giai đoạn 2020 – 2025 [H25.25.02.06]. Sau đó Nhà trường tiến hành rà soát và điều chỉnh chiến lược phát triển cho giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn 2030 [H25.25.02.07]. Theo đó, kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đều được điều chỉnh theo hướng giữ ổn định hoặc tăng đáng kể để khẳng định thương hiệu và vị thế tiên phong của HUFI.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

1. Đã thiết lập được tiêu chí đánh giá cũng như có bộ phận giám sát chặt chẽ về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.
2. Có được bộ phận giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.
3. Kết quả và các chỉ số thị trường của Trường về hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được theo dõi, giám sát, tổng kết đánh giá và có xu hướng tăng hàng năm, góp phần khẳng định thương hiệu và vị thế tiên phong của HUFI.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

1. Quy trình thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính cũng như chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng chưa được thiết lập.
2. Việc cải tiến chất lượng mới chỉ dựa trên biên bản thanh tra, kiểm tra chứ chưa dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan.
3. Việc đăng ký xếp hạng cũng như theo dõi vị trí xếp hạng của Nhà trường trong nước và quốc tế để đối sánh, cải tiến chưa được quan tâm đúng mức.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Thiết kế hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Từ đó đưa ra kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động hiệu quả hơn dựa trên việc thu thập thông tin phản hồi.	BGH giao cho đơn vị chuyên môn thực hiện	Năm 2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Quy trình thu thập thông tin phản hồi chuẩn về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng cần thiết lập sớm để trường sớm hoàn thiện bộ tiêu chuẩn đánh giá.	P.KHTC	Năm 2022	
3	Khắc phục tồn tại 3	Xây dựng kế hoạch tổng thể tham gia xếp hạng quốc tế để gia tăng thứ hạng trong Top đầu của các trường định hướng ứng dụng tại Việt Nam.	TT.QLC L và P.SĐH& HTQT	Hàng năm từ năm 2022	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Hoàn thiện và cải tiến mạnh hơn nữa các tiêu chí đánh giá và hệ thống giám sát chặt chẽ để có cơ sở cải tiến, đổi mới kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.	P.KHTC	Năm 2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 25	4.50
Tiêu chí 25.1	4
Tiêu chí 25.2	5

